

# VĂN-HOÁ

## NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÓ-THÔNG

文

化



Tòa-soạn **VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN**  
NHA VĂN-HÓA (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)  
89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn  
Điện-thoại : 20.227

Chủ-nhiệm } NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA  
kiêm Chủ-bút }  
Quản-lý : BÙI-ĐÌNH-SAN  
Tư-hư-ký : NGUYỄN-VĂN-NINH

Ấn-Quán : VĂN-KHOA  
215-217, Đường Nguyễn-Biều, Sài-gòn  
Tồng Phát-Hành bán lẻ : Thống-Nhất  
329, Đại-lộ Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn

Giấy phép Xuất-bản  
Nghị-định số 332 Cab/Sg  
ngày 5-5-1952

In 2000 cuốn số 86  
tại nhà in Văn-Khoa  
217, Đ. Nguyễn-Biều, Sài-gòn

Tập XII, Quyển II

Số 87 (tháng 11, 1963)

NHA VĂN-HOÁ  
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC  
SÀI-GÒN - VIỆT-NAM

# VĂN-HOÁ

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

*Loại mới — Tập XII — Quyển 11*

Số 87 (Tháng 11 năm 1963)



NHA VĂN-HOÁ  
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

# VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG  
NHA VĂN-HÓA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN  
*Loại mới — Tập XII — Quyển 11*  
Số 87 (Tháng 11, năm 1963)

## Mục-lục

Tuyên-cáo của Hội-đồng Quân-Nhân Cách-Mạng.  
Quyết-Nghị của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng về việc trút-phé  
Tông - Thống Ngô - Đình - Diệm và Giải - tán Chánh-Phủ.  
Quyết-Nghị của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng về việc tạm ngưng  
áp-dụng Hiến-Pháp 26-10-1956 và giạt - tán Quốc - Hội.  
Hiến-Uớc Tạm-Thời số 1 ngày 4 tháng 11 năm 1963.

### I. Văn-hóa Việt-Nam

Phát-triển Văn-Hóa. . . . .	NGUYỄN-ĐÌNH-THI	1679
Văn-phẩm với thời-đại của văn-phẩm: truyện Trê Cóc và truyện Trinh-Thù . . . . .	NGUYỄN-KHẮC-KHAM	1690
Từ Dục-Đức đến Duy-Tôn . . . . .	PHẠM-VĂN-SƠN	1701
Phẩm-chất hí-kịch trong Đoàn-trường Tân-thanh (tiếp theo và hết) . . . . .	ĐÀM-QUANG-HẬU	1711
Hạt chị em (truyện ngắn) . . . . .	NGUYỄN-HỮU-HỔ	1723
Cung-oán ngâm-khúc bình-chú (tiếp theo). . . . .	TRẦN QUÂN	1727
Hoài-niệm nhà chí-sĩ Phan-Bội-Châu (1867-1940) . . . . .	TRỌNG-ĐỨC	1735
Đọc <i>Con đường Flandres</i> (Sur la route des Flandres) của Claude Simon. . . . .	NGUYỄN-HUY-LỤC	1742
Thi-ca của ĐÔNG-XUYỀN, ĐÔNG-VIÊN, ĐÔNG-HẢI, TRẦN-VĂN-BẮNG, HỒNG- THIÊN, VIỆT-NHÂN, LÊ-VĂN-CHÍNH, THẠCH-ẤN, TẶNG-CHI, HẢI-ÂU-TỬ, BẮNG-TÂM, ĐÔNG-MINH, TÔ-NAM, BẠCH-LĂNG, NGUYỄN-DUY-KHẮC v. v...		

II. Văn-hóa Thế-giới

Pháp-trị và pháp-học ở Á-Đông xưa: Thế, Pháp, Thuật. . . . .	NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC	1763
Nhân-sinh hệ-lụy (Of Human Bondage) (tiếp theo) Bản dịch của Nguyễn-Huy-Đôn . . . . .	W. SOMERSET MAUGHAM	1775
Chương-trình phát-triển cộng-đồng hương-thôn do Bộ Y-Tế và Cứu-trợ công-chúng Mỹ- Tây-Cơ thi-hành . . . . .	JOSÉ FIGUEROA ORTIS	1787
Bản dịch của Phùng-Ngọc		
Việc dạy sinh-ngữ theo quan-niệm hiện-đại Bản dịch của Trần-Minh	COULTHARD BURROW	1795
Kinh-nghiệm Giáo-dục nước ngoài . . . . .	TRÌNH-XUYẾN	1801
Thomas Alva Edison (1847-1931), người đã hy-sinh tốt cả cho khoa-học . . . . .	NGUYỄN-KHÚC-NHÃ	1807
Trí-khôn ở đâu ? . . . . .	THANH-TÂM	1821

III. Tin-tức Văn-hóa

Tin trong nước . . . . .	1829
Tin ngoài nước . . . . .	1852
Tin sách, báo . . . . .	1854

IV. Tranh-ảnh

Chân-dung Phan-Bội-Châu  
Chân-dung Thomas Edison

V. Phụ-trương

Language teaching — The modern idea. . . . .	H. COULTHARD BURROW	1863
--	---------------------	------

# CULTURE

## MONTHLY REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS

MINISTRY OF NATIONAL EDUCATION

Vol. XII, No. 11

November 1963 (Fasc. 87)

## Contents

The Military Revolutionary Council's Proclamation on November 1, 1963.

Decision of the Military Revolutionary Council concerning the destitution of former President Ngo Dinh Diem and the dissolution of his government.

Decision of the Military Revolutionary Council concerning the abolition of the 26 October 1955 Constitution and the dissolution of the National Assembly.

Provisional Constitutional Act, N<sup>o</sup>. 1 of November 4, 1963.

### I. Vietnamese Culture

Development of Culture . . . . .	NGUYỄN-ĐÌNH-THI	1679
Literary works and their age: The Story of the Catfish and the Toad, The Story of the Virtuous Mouse . . . . .	NGUYỄN-KHẮC-KHAM	1690
From Emperor Dục-Duc to Emperor Duy-Tan. . . . .	PHẠM-VĂN-SƠN	1701
Doan-truong Tan-thanh's Dramatic Value (continued)	ĐÀM-QUANG-HẬU	1711
Two Sisters (novel) . . . . .	NGUYỄN-HỮU-HỔ	1723
Annotations to <i>Cung-Oan Ngam-Khuc</i> 'An Odalisque's Complaint' (continued) . . . . .	TRẦN QUÂN	1727
To the memory of Phan-Bôi-Chau (1867-1940). . . . .	TRỌNG-ĐỨC	1735
A review of <i>On the Road of Flandres</i> by Claude Simon . . . . .	NGUYỄN-HUY-LỤC	1742
Poems by ĐÔNG-XUYẾN, ĐÔNG-VIÊN, ĐÔNG-HẢI, TRẦN-VĂN-BĂNG, HỒNG- THIÊN, VIỆT-NHÂN, LÊ-VĂN-CHÍNH, THẠCH-ẤN, TẶNG-CHI, HẢI-ÂU-TỬ, BĂNG-TÂM, ĐÔNG-MINH, TÔ-NAM, BẠCH-LĂNG, NGUYỄN-DUY-KHẮC, v. v...		

## II. World Culture

Government in Ancient Asia . . . . .	NGUYỄN-ĐĂNG-THUC	1763
Of Human Bondage (continued) <i>Vietnamese translation by Nguyễn-Huy-Đôn</i>	W. SOMERSET MAUGHAM	1775
Community Development Programs in Mexico <i>Vietnamese translation by Phùng-Ngọc</i>	JOSÉ FIGUEROA ORTIZ	1787
Language Teaching — The Modern Idea <i>Vietnamese translation by Trần-Minh</i>	COULTHARD BURROW	1795
Science Education in the U. S. A. . . . .	TRÌNH-XUYỀN	1801
Thomas Edison: The man who sacrificed everything for Science . . . . .	NGUYỄN-KHÚC-NHÃ	1807
Where is Intelligence ? . . . . .	THANH-TÂM	1821

## III. Cultural News

Vietnam News . . . . .	1829
World News . . . . .	1852
Publications Received . . . . .	1854

## VI. Figures and Illustrations

*Phan-Boi-Chau's Portrait*  
*Thomas Edison's Portrait*

## V. Supplement

Language Teaching — The Modern Idea <i>Original text in English</i>	H. COULTHARD BURROW	1863
--	---------------------	------

# CULTURE

REVUE MENSUELLE D'ÉTUDE ET DE VULGARISATION

PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES

MINISTÈRE DE L'ÉDUCATION NATIONALE

*Nlle Série — Vol. XII, No. 11*

Novembre 1963 (Fasc. 87)

## Table des Matières

Proclamation du Conseil Militaire Révolutionnaire du 1er Novembre 1963.  
Décision du Conseil Militaire Révolutionnaire sur le détronement du  
Président Ngo-Dinh-Diem et sur la dissolution de son Gouvernement.  
Décision du Conseil Militaire Révolutionnaire sur la suspension provisoire  
de l'application de la Constitution du 26-10-1956 et sur la  
dissolution de l'Assemblée Nationale.  
L'Acte Constitutionnel Provisoire N° 1 du 4 Novembre 1963.

### I. Culture vietnamienne

Le développement de la Culture. . . . .	NGUYỄN-ĐINH-THI	1679
Les oeuvres littéraires et leur époque :		
l'Histoire du Silure et du Crapaud, l'His- toire de la Souris Vertueuse . . . . .	NGUYỄN-KHẮC-KHAM	1690
De l'Empereur Dục-Duc à l'Empereur Duy-Tan . . . . .	PHẠM-VĂN-SƠN	1701
Qualité dramatique dans le <i>Doan-truong Tan-thanh (suite)</i> . . . . .	ĐÀM-QUANG-HẬU	1711
Les Deux Soeurs ( <i>Nouvelle</i> ) . . . . .	NGUYỄN-HỮU-HỔ	1723
Annotations du poème <i>Cung-Oan Ngam-Khuc</i> 'Complainte d'une odalisque' ( <i>suite</i> ) . . . . .	TRẦN QUẢN	1727
À la mémoire de Phan-Boi-Chau . . . . .	TRỌNG-ĐỨC	1735
'Sur la route des Flandres' de Claude Simon . . . . .	NGUYỄN-HUY-LƯC	1751
Poèmes de ĐÔNG-XUYỀN, ĐÔNG-VIÊN, ĐÔNG-HẢI, TRẦN-VĂN-BĂNG, HỒNG- THIÊN, VIỆT-NHÂN, LÊ-VĂN-CHÍNH, THẠCH-ẤN, TẶNG-CHI, HẢI-ÂU-TỬ, BĂNG-TÂM, ĐÔNG-MINH, TÔ-NAM, BẠCH-LANG, NGUYỄN-DUY-KHÁC, v. v. . . . .		

## II. Culture internationale

L'Administration et les Études Juridiques dans l'Asie antique . . . . .	NGUYỄN-ĐẮNG-THỰC	1763
Of Human Bondage (suite) <i>Traduction vietnamienne de Nguyễn-Huy-Đôn</i>	W. SOMERSET MAUGHAM	1775
Le programme de développement des commu- nautés rurales appliqué par le Secrétariat d'État à la Santé et à l'Assistance Publique du Mexique . . . . .	JOSÉ FIGUEROA ORTIS	1787
<i>Traduction vietnamienne de Phùng-Ngọc</i>		
L'enseignement des langues suivant les méthodes modernes . . . . .	H. COULTHARD BURROW	1795
<i>Traduction vietnamienne de Trần-Minh</i>		
L'enseignement des sciences aux Etats-Unis . . . . .	TRINH-XUYỀN	1801
Thomas Edison : l'homme qui sacrifie toute sa vie à la science . . . . .	NGUYỄN-KHỨC-NHÃ	1807
Où en est l'Intelligence ? . . . . .	THANH-TÂM	1821

## III. Nouvelles culturelles

Nouvelles du Viet-Nam . . . . .		1829
Nouvelles du monde . . . . .		1852
Livres et Périodiques . . . . .		1854

## IV. Planches et Gravures

Portrait de Phan-Boi-Chau  
Portrait de Thomas Edison

## V. Supplément

Language Teaching — The Modern Idea . . . . .	H. COULTHARD BURROW	1863
<i>Texte original en anglais</i>		

## TUYÊN-CÁO

### CỦA HỘI-ĐỒNG QUÂN-NHÂN CÁCH-MẠNG

Cuộc Cách-mạng của Quân-Đội đã hoàn-thành. Đồng-bào Thủ-đô đã chứng-kiến sự chiến-đấu của đoàn quân anh-dũng tiêu-diệt một chế-độ độc-tài tham-nhũng.

Quân-Đội, với truyền-thống hào-hùng, với tinh-thần hy-sinh phục-vụ Tổ-Quốc, sẽ không bao giờ phân-bội dân-tộc, và cương-quyết sẽ đưa nhân-dân đến chiến-thắng vinh-quang.

#### Lập-trường của Quân-Đội

- Quân-Đội tranh-đấu vì quyền-lợi tối-cao của đất nước, không chủ-trương vụ-lợi, tham-quyền cố-vị.
- Quân-Đội không chủ-trương thiết-lập một chế-độ độc-tài, vì ý-thức rằng, khí-giới sắc bén nhất để chiến-thắng Cộng-sản là : Dân-chủ Tự-do.
- Quân-đội cũng không chủ-trương một nền Dân-chủ phóng-túng trong lúc toàn-lực Quốc-gia đang phải đương đầu với một cuộc chiến-tranh mất còn với Cộng-sản, mà cần áp-dụng một hình-thức dân-chủ trong tinh-thần kỷ-luật của một Quốc-gia trong thời chiến.
- Cuộc tranh-đấu của Quân-Đội chỉ nhằm phục-vụ xứ-sở, lấy hành-động làm phương-châm, không nêu ra những lý-thuyết viển-vông, những lời hứa-hẹn bịp-bợm.

#### Quân-Đội chủ-trương

(a) Đối ngoại :

- Quân-Đội giữ một lập-trường duy-nhất : chống Cộng.
- Đứng trong hàng ngũ Thế-giới Tự-do.
- Thiết-lập ngoại-giao với các nước lân-bang và củng-cố tình giao-hào với các nước bạn.
- Quân-Đội quyết-định tôn-trọng những Hiệp-định và hòa-ước đã ký-kết và tôn-trọng tài-sản, tánh-mạng của ngoại-kiều cư-ngụ tại Việt-Nam.

(b) Đối nội :

- Quân-Đội chủ-trương đoàn-kết toàn-dân.
  - Các đảng-phái chính-trị không Cộng-sản, sẽ được hoạt-động trong khuôn khổ của nền an-ninh Quốc-phòng.
  - Quân-Đội chủ-trương trao quyền lại cho một Chính-phủ dân cử, khi tình-thế cho phép.
  - Đề sửa soạn cho một định-chế dân-chủ trong tương-lai, Quân-Đội sẽ mời các nhân-sĩ, các đại-diện tầng lớp xã-hội thiết-thực tham-gia cộng-tác.
  - Trên phương-diện kinh-tế, xã-hội, giáo-dục, y-tế, thanh-niên v. v... tập-trung tất cả hoạt-động để đáp ứng nhu-cầu cấp-bách của hiện-tình Quốc-gia.
  - Quân-đội chủ-trương tự-do tín-ngưỡng; tôn-giáo được tuyệt-đối bình-đẳng.
  - Các phần-tử Quốc-gia không phải Cộng-sản, đang bị tù đày sẽ được đặc-biệt cứu-xét để trả lại tự-do và giúp họ có cơ-hội tham-gia vào việc xây-dựng một xã-hội mới.
  - Quân-Đội thúc đẩy việc ban-hành chế-độ tự-do báo-chí, để giới này tự ý-thức được nhiệm-vụ hướng-dẫn dư-luận trong công cuộc chống Cộng; mọi phê-bình xây-dựng sẽ được tán thưởng.
  - Quân-Đội sẽ tiếp-tục những công-trình lợi-ích mà toàn-dân đã xây-dựng và đóng góp từ trước tới nay.
  - Cuộc Cách-mạng của Quân-Đội đã đáp lại nguyện-vọng của toàn-dân. Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng có một lập-trường, một chủ-trương thích-hợp với tình-thế khẩn-cấp của Quốc-gia.
- Thế nên Quân-nhân chúng tôi kêu gọi đồng-bào mọi giới ủng-hộ cách-mạng để tiến nhanh đến chiến-thắng vinh-quang, xây-dựng một đời sống hạnh-phúc và một nước Việt-Nam hùng-cường.

## QUYẾT - NGHỊ

### CỦA HỘI-ĐỒNG QUÂN-NHÂN CÁCH-MẠNG VỀ VIỆC TRUẤT-PHẾ TỔNG-THỐNG NGÔ-ĐÌNH-DIỆM VÀ GIẢI-TÁN CHÍNH-PHỦ

Xét vì Tổ-Quốc Việt-Nam đang trải qua một giai-đoạn lịch-sử cực-kỳ nghiêm-trọng quyết-định sự tồn-vong của Dân-tộc.

Xét vì nhiệm-vụ của Chính-phủ là lãnh-đạo toàn-dân trong công-kuộc chống Cộng và cứu-quốc, bảo-vệ tự-do và an-ninh cho nhân-dân, đem lại hạnh-phúc cho giống nòi.

Xét vì Chính-phủ của nguyên Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm đã bất-lực trong nhiệm-vụ đó và phân-bộ những quyền-lợi thiêng-liêng nhất của toàn-dân.

Xét vì đa-số những cơ-cấu công-quyền do Ông Ngô-Đình-Diệm thiết-lập đều mục nát phân dân-chủ, cần phải thay đổi tận cội rễ.

Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng họp tại Bộ Tổng-Tham-Mưu Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-11-1963,

## QUYẾT - NGHỊ :

Điều thứ nhất. Truất-phế Ông Ngô-Đình-Diệm và bãi bỏ chế-độ Tổng-Thống.

Điều thứ hai. Giải-tán Chính-phủ do Ông Ngô-Đình-Diệm lãnh-đạo.

Điều thứ ba. Quyền Hành-Pháp từ trước do Chính-phủ nắm giữ nay tạm-thời do Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng đảm-đương.

Điều thứ tư. Quyết-nghị này có hiệu-lực kể từ ngày ký.

Sài-gòn, ngày 1 tháng 11 năm 1963

CHỦ-TỊCH HỘI-ĐỒNG QUÂN-NHÂN CÁCH-MẠNG  
Trung-Tướng DƯƠNG-VĂN-MINH

**QUYẾT - NGHỊ**  
**CỦA HỘI-ĐỒNG QUÂN-NHÂN CÁCH-MẠNG**  
**VỀ VIỆC TẠM NGƯNG ÁP-DỤNG HIẾN-PHÁP 26-10-56 VÀ**  
**GIẢI-TÁN QUỐC-HỘI**

Xét vì căn-bản của chế-độ dân-chủ là chủ-quyền Quốc-gia phải do nơi toàn-dân.  
Xét vì Quốc-dân Việt-Nam đã chọn lựa chế-độ dân-chủ và quyết-tâm bảo-vệ chế-độ ấy.  
Xét vì các quyền Hành-Pháp, Lập-Pháp và Tư-Pháp đã không được tôn-trọng.  
Xét vì Hiến-Pháp ban-hành ngày 26-10-1956 có nhiều khoản cần phải duyệt lại.  
Xét vì những cuộc phò-thông đầu phiếu tở-chức trước đây do Chính-phủ Diệm đều là  
xảo-trá và bịp-bợm.

Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng họp tại Bộ Tổng-Tham-Mưu Quân-Đội Việt-Nam  
Cộng-Hòa ngày 1-11-1963,

**QUYẾT - NGHỊ :**

- Điều thứ 1.* Nay tạm ngưng áp-dụng Hiến-Pháp ban-hành ngày 26 tháng 10 năm 1956.  
*Điều thứ 2.* Giải-tán Quốc-Hội Lập-Pháp bầu lên do cuộc phò-thông đầu phiếu ngày 27-9-1963.  
*Điều thứ 3.* Quyết-định này có hiệu-lực kể từ ngày ký.

Sài-gòn, ngày 1 tháng 11 năm 1963  
CHỦ-TỊCH HỘI-ĐỒNG QUÂN-NHÂN CÁCH-MẠNG  
Trung-Tướng DƯƠNG-VĂN-MINH

**HIẾN-ƯỚC TẠM-THỜI**  
**SỐ 1 NGÀY 4 THÁNG 11 NĂM 1963**

**HỘI-ĐỒNG QUÂN-NHÂN CÁCH-MẠNG**

Xét rằng cuộc cách-mạng chống độc-tài đã hoàn-thành với truyền-thống hy-sinh phục-vụ  
Tổ-Quốc của Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa đề giành lại cho dân-tộc nền dân-  
chủ tự-do ;

Xét rằng Hiến-Pháp ban-hành ngày 26 tháng 10 năm 1956 đã tạm ngưng áp-dụng vì có  
nhiều điều-khoản cần được duyệt lại ;

Xét rằng trong khi chờ đợi sửa đổi Hiến-Pháp, các cơ-quan và tổ-chức công-quyền  
trong nước cần được quy-định bởi một Hiến-Ước tạm-thời.

**TUYÊN - BỐ :**

- Điều I.* Quốc-Gia Việt-Nam vẫn là một nước Cộng-Hòa.  
*Điều II.* Trong khi chờ đợi sửa đổi Hiến-pháp, các quyền hành-pháp và lập-pháp đều tập-  
trung vào Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng.  
*Điều III.* Quyền-hành Quốc-Trưởng sẽ do Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng  
đảm-nhiệm.  
*Điều IV.* Quyền hành-pháp được ủy-nhiệm cho một Chánh-phủ Lâm-thời do một Thủ-Tướng  
Chánh-Phủ lãnh-đạo.  
Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời do Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng chỉ-định.  
Thành phần Chánh-Phủ Lâm-Thời do Thủ-Tướng Chánh-Phủ ấn-định với sự ưng-  
thuận của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng.  
*Điều V.* Quyền lập-pháp được ủy-nhiệm cho Chánh-Phủ Lâm-Thời, ngoại trừ việc ban-hành  
Ngân-sách Quốc-Gia và việc thiết-lập các sắc thuế cùng những vấn-đề liên-quan đến  
nền an-ninh Quốc-phòng.  
*Điều VI.* Các đạo-luật và pháp-lệ hiện-hữu vẫn được tạm-thời, áp-dụng, ngoại-trừ những  
điều-khoản nào trái ngược với tinh-thần của cuộc Cách-Mạng ngày 1 tháng  
11 năm 1963.

Hiến-ước tạm-thời này có hiệu-lực kể từ ngày được tuyên-bố.

Sài-gòn, ngày 4 tháng 11 năm 1963  
CHỦ-TỊCH HỘI-ĐỒNG QUÂN-NHÂN CÁCH-MẠNG  
Trung-Tướng DƯƠNG-VĂN-MINH



## *phát-triển văn-hóa*

Cách đây không lâu, trong một buổi tiếp chuyện thân-mật, triết-gia Jean Lacroix nhân mạnh với chúng tôi: « Văn-đề số một của thế-giới hiện nay không phải là Cộng-sản hay gì khác, nhưng chính là sự-kiện hai phần ba nhân-loại đang sống trong tình-trạng kém mở-mang ». Chúng tôi thiết nghĩ ý-kiến đó rất đúng với trường-hợp Việt-Nam hiện tại. Nhưng đâu là câu trả lời? Chính trong mỗi băn-khoăn đó mà chúng tôi muốn đặt lại ở đây văn-đề phát-triển văn-hóa dân-tộc.

Trước tiên, muốn xét văn-đề phát-triển, phải đặt lại câu hỏi: 'Thế nào là chậm-tiền'? Giả-thuyết thứ nhất, một giả-thuyết có từ lâu và còn tồn-tại dưới hình-thức minh-nhiên, hay mặc-nhiên, cho rằng: nói chậm-tiền, tức nói tình-trạng những quốc-gia chưa phát-triển về kinh-tê và kỹ-thuật. Đó là tiêu-chuẩn độc nhất để quy-định và xếp loại các dân-tộc Á-Phi lại với nhau.

Để giải-quyết tình-trạng chậm-tiền, giả-thuyết đó đưa ra câu trả lời cụ-thể nhất, đơn-giản nhất, là phải kịp thời khuếch-trương kinh-tê và canh-tân kỹ-thuật. Muốn thế, chỉ cần thay đổi cơ-cấu kinh-tê, đào-tạo chuyên-viên. Đủ những điều-kiện đó, văn-đề tất-nhiên được giải-quyết.

Giả-thuyết trên, ít hay nhiều, góp phần câu-tạo một ý-thức hệ mới hay có khi lại là con đê của ý-thức-hệ này. Đó là ý-thức-hệ lấy kinh-tê làm hạ-tầng căn-bản của mọi thực-tại và cơ-cấu khác. Trước tình-trạng chậm-tiền, ý-thức-hệ đó đưa ra giải-pháp: con người cần lấy lao-động để chống lại thiên-nhiên và cần lấy phương-tiện đấu tranh giai-cấp để xây-dựng một xã-hội mới. Lịch-sử được nhìn trong khuôn-khố một bài toán giải sẵn, đơn-giản và rõ-ràng như hai với hai là bốn. Con người chỉ cần lấy tổ-chức kinh-tê và kỹ-thuật để áp-dụng vào những công-thức đó. Thế là xong. Trong lời-tựa cuốn *Phê-phán chính-trị*, Mác viết:

"Trong sự sản-xuất xã-hội về đời sống của mình, con người có những quan-hệ với nhau, những quan hệ nhất-định tất-yêu, độc-lập với ý muốn của họ, tức những quan-hệ sản-xuất, những quan-hệ sản-xuất này phù-hợp với một

trình-độ phát-triển nhất-định của các lực-lượng sản-xuất vật-chất của họ. Toàn bộ những quan-hệ sản-xuất ấy hợp thành cơ-cấu kinh-tế của xã-hội, tức là cơ-sở thực-tại, trên đây xây-dựng lên một kiến-trúc thượng-tăng pháp-lý và chính-trị, và thích-ứng với cơ-sở thực-tại đó thì có những hình-thái ý-thức xã-hội nhất-định. Phương-thức sản-xuất đời sống vật-chất quyết-định quá-trình sinh-hoạt xã-hội, chính-trị và tinh-thần nói chung. Không phải ý-thức của con người quyết-định sự tồn-tại của họ; trái lại, chính sự tồn-tại xã-hội của họ quyết-định ý-thức của họ. Tới một giai-đoạn phát-triển nào đó, lực-lượng sản xuất vật-chất của xã-hội sẽ mâu-thuẫn với quan-hệ sản-xuất hiện có, hay — đây chỉ là đứng về mặt biểu-hiện pháp-luật của những quan-hệ sản-xuất đó mà nói — mâu-thuẫn với những quan-hệ sở-hữu, trong đó, từ trước đến nay, các lực-lượng sản-xuất vẫn phát-triển. Vẫn là hình-thức phát-triển của các lực-lượng sản-xuất, những quan-hệ ấy trở thành những trở-ngại cho những lực-lượng sản-xuất. Khi đó bắt đầu thời-đại của một cuộc cách-mạng xã-hội". (trích đăng trong *Chủ-nghĩa Mác-Lê-nin bản về lịch-sử*, tập I, tr. 96, 1963).

Nhưng, cái nhìn máy-móc và đơn-giản về cuộc đời không thể nào giải-quyết được cuộc đời, vì sống không có nghĩa là chỉ giải một bài toán hình-học. Chủ-trương canh-tân một nước chậm-tiến chỉ bằng thay đổi hệ-thống sản-xuất, tức chỉ nhìn cuộc đời ở một phía, vì ngoài nhu-cầu kinh-tế, con người còn có bao nhiêu nhu-cầu căn-bản khác. Một cuộc canh-tân theo cái nhìn đó sẽ biến con người thành một dụng-cụ cho hệ-thống kinh-tế. Nhân-vị tất-nhiên bị chà-đạp. Sự-trạng này sẽ dẫn cuộc canh-tân vào chỗ bế-tắc, vì những khó-khăn gặp phải ở địa-hạt kinh-tế, kỹ-thuật, không phải là kinh-tế kỹ-thuật, nhưng chính là 'Con Người'. Đó chính là một chân-lý mà lịch-sử đã và đang chứng-minh.

Thất-bại đó đã đẩy giả-thuyết thứ nhất vào một giả-thuyết thứ hai. Đó là chủ-trương: muốn canh-tân một nước chậm-tiến cần phải xét lại nhân-sinh-quan và vũ-trụ-quan của dân-tộc đó, vì rằng trong thực-tế, kinh-tế không là hạ-tầng căn-bản, trái lại có thể nói nó chỉ là một thể-hiện của ý-thức-hệ. Nói khác đi, ý-thức-hệ cho kinh-tế làm chủ đã nhường chỗ cho một ý-thức-hệ lấy sinh-hoạt tinh-thần làm gốc. Chính sự thực-hiện ý-thức-hệ trước đã tự quật-ngã ý-thức-đó và làm xuất-hiện ý-thức-hệ sau.

Trên phương-diện hành-động, giả-thuyết thứ hai nay được áp-dụng dưới hai đường lối khác nhau.

Đường lối hành-động thứ nhất xây-dựng trên quan-điểm: muốn canh-tân cần phải phá hủy hẳn nhân-sinh-quan và vũ-trụ-quan cũ, thay thế chúng bằng ý-thức-hệ mới. Tây-nã và huấn-luyện là hai công-tác chính. Song song với cuộc cách-mạng kinh-tế, cần thực hiện triệt-đề một cuộc cách-mạng tinh-thần. Lấy *chủ-nghĩa* thay lòng *Tin*, hay đúng hơn bắt con người *tin vào chủ-nghĩa*. Vì thế, công-tác nghiên-cứu văn-hóa dân-tộc rất được đề cao với nguyên-tắc: lấy ý-thức-

hệ mới làm ánh-sáng dẫn đường và lợi-dụng tất cả để thực-hiện ý-thức-hệ mới. Vì đã lấy ý-thức-hệ làm chân-lý tiên-thiên, nên công-cuộc nghiên-cứu văn-hóa dân-tộc chỉ là một trong những kỹ-thuật để biện-chính ý-thức-hệ và để phục-vụ ý-thức-hệ. Do đó, không nắm được đâu là yếu-tố chính đã cấu-tạo nên văn-hóa dân-tộc. Công-tác nghiên-cứu mất hẳn đặc-tính và chủ-đích khách-quan. Thay vì nghiên cứu để tìm chân-lý, người nghiên-cứu ở đây chỉ làm công việc khai thác những yếu tố tâm-lý hay vật-lý để làm máng chuyên-chở ý-thức-hệ đã đúc sẵn. Thiếu tính-khách-quan, thiếu đức-tính lương-thiện, công-cuộc nghiên-cứu trên không thể nói lên được đâu là thực-tại căn-bản đã làm nên lịch-sử và văn-hóa dân-tộc. Lợi-dụng một vài hình-thức có hào-nhoáng dân-tộc để dẫn dân-tộc đi là một việc không thể nào thành-công được. Sự thành-công nếu có sẽ không còn là thành-công của ý-thức-hệ, nhưng chính là cuộc toàn-thắng của tinh-thần trong cuộc giao-tranh với ý-thức-hệ đó. Cây tuy bị chặt ở một vài nhánh phụ, cây vẫn không chết, trái lại nó càng chóng lớn, càng nhiều trái.

Ý-thức được sự xung-đột và thất-bại tất-nhiên ở đường lối hành-động trên, chúng ta liệu có thể đưa ra một giả-thuyết hành-động thứ hai: chủ-trương làm công việc thay-thế hơn là cách-mạng?

Một đảng lịch-sử và suy-luận cho chúng biết rằng không thể canh-tân một quốc-gia bằng cách giữ lại tất cả những hệ-thống tổ-chức kinh-tế và xã-hội với tất cả đặc-tính ổn cố của chúng. Mặt khác, trước những thành-công vi-đại của những hệ-thống tổ-chức kinh-tế và xã-hội tây-phương, chúng ta thường có cảm-đổ nghi tới việc đem mọi định-chế sẵn có ở tây-phương vào Việt-Nam.

Trước hai nhận-định đó, có người nghi ngay tới một giải-quyết rất đơn-giản: theo họ, trong hiện-tại, tạm gác hẳn ra một bên những quan-niệm về giá-trị tinh-thần — tuy cao quý nhưng không có ích-lợi thiết-thực — cần để lại sau câu chuyện văn-hóa dân-tộc, công việc chính lúc này là đem các hệ-thống tổ-chức giáo-dục, xã-hội, kinh-tế tây-phương vào và cố-gắng triệt-đề áp-dụng. Họ không quên nhắc rằng những cản-trở căn-bản của công-cuộc canh-tân chính là những quan-niệm về giá-trị tinh-thần của Đông-phương. Theo chủ-trương này, bao lâu con người Việt-nam còn coi 'tốt danh hơn lành áo', còn 'kính lão' hơn trẻ, còn 'gấm hay muôn sự tại Trời', thì không thể nào canh-tân được xứ-sở. Vì coi 'tốt danh hơn lành áo', nên không chú-trọng đến áo lành hay rách mà chỉ chú trọng đến danh thơm danh thực; còn 'kính lão' nên quên giá trị và nhiệm-vụ kiến-tạo lịch-sử của thanh-niên; còn 'gấm hay muôn sự tại Trời' nên buông tay thả liêu cho định-mệnh. Vì những ràng-buộc của tình-cảm, vì lòng nhân-hậu, hay vì ý-thức rằng những quan-niệm trên có thể trở thành món đồ trang sức trong những ngày lễ lớn, họ không tính chuyện vứt đi, nhưng để-nghị nên cho vào tủ kính. Nghiên-cứu văn-hóa dân-tộc, đối với họ, nói thì dễ, nhưng làm

rất khó, chi bằng để vấn-đề đó lại cho hậu-sinh, mỗi khi xứ-sở đã canh-tân! Vấn-đề then chốt của cuộc canh-tân đối với họ đã có sẵn. Đó là chương-trình của những kinh-tế-gia, kỹ-thuật-gia. Việc quan-hệ là tìm cách áp-dụng. Ít hay nhiều, họ muốn thực-hiện lý-thuyết của Saint-Simon, của Auguste Comte. Thay vì tin vào một ý-thức-hệ nào đó, con người cần tin ở những 'chân-lý' của khoa-học và kỹ-thuật, vì chỉ có khoa-học và kỹ-thuật mới giải-phóng được con người!

Nhưng kết-quả của giả-thuyết giải-quyết này là nhân-loại sẽ không còn có đặc-tính nhân-loại, thế-giới chỉ là một công-xưởng lớn mà ủy-ban điều-khiển là những chuyên-viên kinh-tế và kỹ-thuật. May mắn thay, thế-giới đó đã không thể thực-hiện và không bao giờ thực-hiện được.

Chung lại cả hai chủ-trương trên tuy khác nhau ở phương-thức lập-luận, nhưng căn-bản vẫn là một. Một bên chủ-trương phá bỏ những giá-trị tinh-thần cũ, một bên, nhân-hậu hơn, chỉ gạt chúng ra một bên. Chủ-trương trước lấy ý-thức-hệ làm tín-diệu và làm ánh-sáng dẫn đường. Chủ-trương sau lấy tây-phương làm khuôn-thước và lý-tưởng. Nhưng rút cục, cả hai đi đến kết-luận: giá-trị tinh-thần chỉ là những giá-trị phụ-thuộc, thay đổi theo lịch-sử. Nói tính dân-tộc, truyền-thống dân-tộc, chỉ là những lời nói 'làm văn'.

Để ý-thức rõ hơn những khuyết-điểm trầm-trọng của những lời nói trên, chúng tôi muốn nêu lên ở đây mấy nhận-xét căn-bản.

Trước tiên, cần nhấn mạnh rằng những quan-niệm về giá-trị tinh-thần như trên là những quan-niệm vừa đơn-giản-hóa vừa hàm-hố-hóa thực-tại. Đơn-giản-hóa vì sinh-hoạt tinh-thần không lệ-loại và phụ-thuộc như họ tưởng; hàm-hố-hóa, vì họ đã gán cho thực-tại tinh-thần của con người và của dân-tộc những gì thực ra không phải cốt-tĩnh của nó. Con người không thể đá-phá hay gạt ra một bên thực-tại tinh-thần nơi con người. Chính lúc đặt vấn-đề canh-tân, con người cũng chỉ làm công-việc của tinh-thần đòi hỏi. Ý muốn canh-tân chính là động-lực của tinh-thần. Cấu canh-tân chỉ vì ý-thức rằng xã-hội hiện-tại chưa công-bình, thiếu tình-thương, và con người chưa đạt nhân-vị như nó phải có. Ý-thức công-bình, tự-do, hạnh-phúc chính là nguồn, động-thời cũng là sức mạnh của tiên-bộ. Lòng khao-xuyến của con người trước thực-tại không làm cho con người thất-vọng, nhưng cốt để bắt con người phải tiến lên mãi. Ngay trước cái chết của những người yêu, con người vẫn tin rằng chết không phải là hết. Tư-tưởng tiên-bộ vượt qua bức tường của thời-gian và không-gian. David, nghe tin con chết, đã nói lên: 'Chính tôi sẽ đi gặp con tôi, chứ con tôi không thể trở lại với tôi!' (*Thánh-kinh, Cựu-uớc*).

Vì thế, chúng ta có thể nói rằng ý-thức về khả-năng và nhiệm-vụ tiên-bộ ẩn-tàng trong mọi quan-niệm chân-chính về giá-trị tinh-thần. Khát-vọng công-bình không chỉ hệ-thuộc ở chỗ muốn phân chia đồng đều những tài-sản

của nhân-loại, mà còn hệ ở chỗ phải đóng góp tích-cực vào công-cuộc thăng-tiến toàn-thê và toàn-diện. Phân chia mà thiếu phát-triển chưa phải là thực-hiện công-bình, trái lại có khi lại phản công-bình. Triết-gia Jean Lacroix, ý-thức được điểm đó, đã nhấn mạnh rằng: sự bình-dẳng trong xã-hội dân-chủ không phải là một sự-kiện đã có sẵn trong thực-tê, nhưng là một sự bình-dẳng trong khả-thê. Nhiệm-vụ của chế-độ dân-chủ là tạo những điều-kiện thiết-yếu để thực-hiện khả-thê đó. Như thế, công tác phát-triển một quốc-gia chính là tìm cách nối-liên khoảng-cách bất-quân-bình thực-tê và thê-quân-bình được ý-thức.<sup>1</sup>

Cũng thế, quan-niệm về tự-do ám-chỉ đồng một lúc quan-niệm nô-lệ. Hai quan-niệm chỉ khác nhau ở chỗ: một bên nói lên mặt tích-cực, một bên nói lên phía tiêu-cực, nhưng cả hai bao-hàm nhu-cầu và trách-vụ hành-động để sao cho giá-trị thực của tự-do được thể-hiện đầy đủ trong đá đi của tinh-thần, gạt bỏ những ràng-buộc bất-công trong hiện-tại để vươn tới tự-do thực trong tương-lai. Như thế, phát-triển một nước không có nghĩa phải hy-sinh giá-trị thực của tự-do cho một chương trình kinh-tế cứng đờ, vì không bao giờ con người có thể hy-sinh được định-mệnh của nó. Tự-do không phải là một sở-hữu, nhưng chính là sự hữu phải hoàn-thành.

Lý-tưởng huynh-đệ mà Đông cũng như Tây đang theo đuổi hay đang lợi-dụng cũng không thể coi là một lời nói suông. Chính nó đòi buộc con người phải cởi bỏ tư-kỳ, phục-vụ tha-nhân. Tiên-bộ hệ-tại ngay ở căn-bản đó. Tình huynh-đệ không chỉ ở chỗ 'kỷ sở bất dục, vật thi u nhân' nhưng còn phải đi tới chỗ 'thương người như thể thương thân'. Mỗi tình Lưu-Binh, Dương-Lễ không phải một mộng-ảo của quá-khứ, nhưng là nhiệm-vụ của mọi người bất cứ ở đâu và bao giờ. Không có tình huynh-đệ, không thể nào có tiên-bộ.

Nhưng những giá-trị tinh-thần còn vượt qua giá-trị của một hiện-vật. Chúng còn là động-lực của hành-động canh-tân. Ý-thức tự-do, công-bình bác-ái không phải là những ý-tưởng trừu-tượng, mà thực ra chúng nội-tại nơi con người và thúc-bách con người hành-động. Những cuộc cách-mạng của những dân-tộc nhược-tiểu đầu thế-kỷ hai-mươi này đã nói lên sức mạnh của tự-do. Những vi-nhân hữu-danh hay vô-danh đã hy-sinh cả cuộc đời cho một người, cho một dân-tộc hay cho cả nhân-loại đã chứng tỏ sự thúc-bách của công-bình và tình-thương. Và có thể nói, lịch-sử là lịch-sử của con người tìm giải-phóng, đòi công-bình và khát tình-yêu.

<sup>1</sup> 'L'homme démocratique' trong *La société démocratique* sẽ xuất-bản vào đầu năm 1964, 16 rue du Plat, Lyon.

Qua mấy nhận-xét sơ-yêu trên, chúng ta thấy rằng chủ-trương lấy 'chủ-nghĩa' để chống lại 'tinh-thần' là một chủ-trương mâu-thuân ở nội-tại. Chủ-nghĩa không phải là tất cả những thực-tại của tinh-thần và cũng không thể nào thay thế được tinh-thần. Sức mạnh tinh-thần không dừng lại trước sức mạnh chủ-nghĩa vì thực ra chủ-nghĩa chỉ là một hình-thức thể-hiện của tinh-thần con người đi tìm Lẽ Sống. Và như thế, chúng ta có thể nói: thực-tại tinh-thần nơi con người và trong lịch-sử là mẹ của mọi chủ-nghĩa, nhưng nó không phải là do các chủ-nghĩa tổng-hợp lại.

Do đó, chúng ta cũng không thể thực-hiện chủ-trương gạt những giá-trị tinh-thần ra một bên. Tinh-thần không phải là một người khách xa lạ, nhưng chính là chủ nhà. Chính con người lấy tinh-thần làm Lẽ Sống, làm động-cơ và thước đo tiên-bộ. Gạt tinh-thần đi, tức gạt cả con người. Một giây phút nào không chú-trọng đến những đòi hỏi của tinh-thần, con người lập-tức tự thoát-vị, và như thế chỉ có lùi, chứ không có tiến. Một chủ-trương canh-tân mà bỏ quên những nhu cầu tiên-bộ của tinh-thần chỉ là một chủ-trương vị-hình-thức.

Vậy sinh-hoạt tinh-thần không thuộc thượng tầng kiến-trúc, nhưng chính là hạ-tầng căn-bản. Đúng như Leibniz quan-niệm: trong bất cứ một sự-khien nào thuộc sinh-lý, vật-lý, tâm-lý, xã-hội... đều có sự hiện-diện của tinh-thần. Nó có mặt không phải để làm công-tác một tham-dự-viên, nhưng với tư-cách động-cơ và dẫn-đạo. Khó ở chỗ là nó quá mang nặng tình thật-xương và máu mủ, nhiều lúc con người không nhận thức được nó, để rồi đi đến chỗ chối-từ sự-hiện hữu của nó. Có thể nói, nó như chất mật trong quả, có khi bị điều-kiện bên ngoài làm cho quả mất hương-vị phần nào, nhưng không phải vì thế mà chối-từ đặc-tính hương-vị của chất mật. Trong lúc nhận-định tình-trạng chậm-tiền, chúng ta cần chú-trọng tới sự-khien này. Chúng ta không thể làm công-tác phá-hoại hay coi nhẹ giá-trị tinh-thần, trái lại cần tìm cho ra đâu là những con sâu làm thối quả, đâu là những mảnh đất thiêu mầu làm cho cây không lớn được. Tinh-thần chính là động-lực của lịch-sử, nhưng lịch-sử thăng-trầm không phải vì tinh-thần, nhưng chính vì con người tự-do và hữu-trí đã nghe theo hay phản-lại những đòi hỏi của tinh-thần.

Công việc truy-nguyên này rất quan-trọng. Một kết-luận thiêu nhận-xét và phê-phán có thể gây nên bao ác-quả. Tìm nguyên-nhân của tình-trạng chậm-tiền hiện tại, chúng ta không thể dùng mách-lời vu-không hay nhẹ-dạ dễ tin. Người Việt-Nam cho 'tốt danh hơn lành áo' không có nghĩa người Việt không chú-trọng đến việc làm sao cho no cơm ấm áo, nhưng người Việt muốn đặt vấn-đề bạc thang giá-trị. Ai chẳng lạ gì 'có thực mới thực được đạo' và 'cái khó bó cái khôn' nhưng không phải vì miếng cơm mà phải hy-sinh cả nhân-vị. Nguyễn-công-Trứ,

hơn ai hết, đã sống cái nghèo tốt độ mà không bao giờ coi nhẹ bạc thang giá-trị đó:

*Chém cha cái khó!*

*Chém cha cái khó!*

*Khôn khéo mấy ai?*

*Xấu xa một nó!*

*Lục cực bày hàng sáu, rành rành kinh huấn chẳng sai;*

*Vạn tội lấy làm đầu, ấy ấy ngàn ngôn hẳn có.*

*Mắt việc toan giờ nghề cơ-tắc, tài con nhà mà hồ mặt anh em;*

*Tung đường mong quyết chỉ cùng tư, e phép nước, chưa nên gan sừng-sỏ.*

*Cùng con cháu thuở nói năng chuyện cũ, đường ngấm câu 'lạc đạo vong bản';*

*Gặp anh em khi bàn bạc sự đời, lại đọc chữ 'vi nhân bất phú'.*

*Tắt đo thiên an phận ấy là thường;*

*Hữu kỳ đức, ở trời kia chẳng phụ...*

Lập-luận trên của Nguyễn-công-Trứ trong bài 'Hàn nho phong vị phú' chưa phải là lời lập-luận tiêu-biểu, nhưng cũng đủ cho ta thấy cuộc giằng-co giữa những nhu-cầu vật-chất và những đòi hỏi của giá-trị tinh-thần. Đó là một cuộc giao-tranh nội-tại thể-thâm, nhưng cuối cùng Nguyễn-công-Trứ không để cho nghèo thắng đức.

Cũng thế, câu nói 'Gẫm hay muốn sự tại trời' của Nguyễn Du không có nghĩa con người buông tay nộp mình cho định-mệnh mù quáng. Trái lại, đó là một nhận-định có đặc-tính siêu-hình trong đó bao gồm cả tự-do quyết-tuyên và hành-động. Nguyễn Du, vì thế, vẫn không quên nhắc rằng 'Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều'. Hai phát-biểu của Nguyễn Du không mâu-thuân nhau, trái lại dung-hòa nhau để diễn-tả khả-năng và nhiệm-vụ của con người. Tư-tưởng đó không phải là một tư-tưởng phần tiên-bộ, nhưng cốt nói lên đâu là động-lực và hướng đi của tiên-bộ. Tự-do và định-mệnh chính là khả-năng và kết-quả của con người trên đường tiên-bộ. Vì thế Vogelsanga tỏ ra rất có lý khi triết-gia quá-quyết rằng: cuộc thâm-phán cuối cùng về nhân-loại chính là lịch-sử nhân-loại.<sup>2</sup>

Quan-niệm 'kinh lão đắc thọ', chính nó, cũng không phải là một quan-niệm phần-tiên-bộ. Trái lại, câu nói đó ám-chỉ nguyện-vong trường-sinh của con người. Nó đặt vấn-đề tiên-bộ trên bình-diện thời-gian, vì thời-gian chính là môi-trường và điều-kiện thiết-yêu của tiên-bộ. Vì thế để xác-định giá-trị và hành-động của mỗi lứa tuổi, người Việt-Nam vẫn không quên nói 'tre già đẽ gốc cho măng'.

<sup>2</sup> La semaine sociale de Bordeaux et le monophortisme, tr. 30, Paris, 1910.

Như vậy, chúng ta có thể quả-quyết rằng những cản-trở của công cuộc canh-tân không phải là những quan-niệm chân-chính về giá-trị tinh-thần. Những nguyên-do thâm sâu nhất của chậm tiến, theo chúng tôi, chỉ là những hành-động đối lốt, hoặc xuyên-tạc hoặc phản lại những giá-trị tinh-thần mà con người phải tôn-trọng và thực hiện trong cuộc sống. Không cần tìm kiếm lý-luận ở đâu xa, chỉ cần đọc lại mấy hàng chữ tâm-huyết sau đây của cụ Phan-bội-Châu, chúng ta thấy sự thực đau đớn đó:

« Ôi ! Dân quyền của ta vốn đã có một ngày mấm mồng rồi đấy. Giá được vua tốt tướng hiền biết theo đây mà bồi dưỡng vun tưới cho cái mấm mồng ấy một ngày một tốt tươi thì mưa gió có lo ngại gì. Nhưng chẳng may lại gặp phải bọn bạo-quân ô-lại chà-đạp lên.

« Ôi ! Dân quyền phát-đạt đâu phải là ý muốn của bọn bạo-quân ô-lại. Chúng vốn chỉ biết cao lương mỹ-vị, xướng ca xa-xi đèn cực độ kia ! Cung thất thế-thiếp hàng nghìn hàng trăm, cung-phi quận-chúa, công-tử, công-tôn chỉ biết sống hoang-dám mà không làm việc gì cả, muốn tha hồ làm gì thì làm, để thỏa được cái ý muốn của chúng thì không thể không bòn rút tiền bạc của cái của dân ta. Tiền của tức là máu mớ của dân ta. Rút hết máu mớ của dân ta để cung ứng cho bọn vua quan dâm-dục kia, dân ta tất không thể nào chịu nổi. Nếu chúng cho dân có quyền, tất nhiên dân sẽ công kích những điều họ ghét. Vậy thử hỏi : bọn bạo-quân ô-lại kia có chịu bỏ dâm-dục mà chết được không ? Cho nên chúng dùng phương sách cắt móng, giữa răng khóa mồm... dân quyền ta do đó mà hết... »<sup>3</sup>

Cấp lãnh-đạo đã như thế, dân-chúng lại thiếu đoàn-kết, thiếu bác-ái, nên việc canh-tân rất khó thực-hiện :

« Hay nghi-ky lẫn nhau, không làm nên việc gì cả, đó là điều rất ngu thứ nhất. Tôn-sùng những điều xa-hoa vô ích, bỏ bê những sự-nghiệp đáng làm đó là điều rất ngu thứ hai. Chỉ biết lợi mình mà không biết hợp-quần, đó là điều rất ngu thứ ba. Thương tiếc của riêng không tưởng đến việc ích chung đó là điều rất ngu thứ tư. Biệt có thân mình, nhà mình mà không biết có nước, đó là điều rất ngu thứ năm. Trong thiên hạ, những sự-nghiệp có lợi ích chung không người nào có thể một mình mà có thể làm được. Ngay đến những việc vô ích nhất, như chơi cờ đánh bạc, cũng phải hai người trở lên đến mười người, huống chi những việc lợi ích gấp ngàn gấp vạn ? Người càng đông thì mưu tính được việc càng lớn, việc càng lớn thì cần người càng đông. Như vậy, không hợp từ mười đến trăm ngàn vạn người không được ; hợp từ mười người đến trăm ngàn vạn người mà không tin nhau tất cũng không được. Nay có hai người cùng làm một việc, lập công chung, nhưng người này hay nghi-ky người kia,

<sup>3</sup> Phan-bội-Châu, *Việt-Nam quốc-sử khảo*, Chương-Thâu dịch tr. 74, 1962.

người kia nghi-ky người này. Hai người nghi-ky lẫn nhau thì cả hai không thể tận tâm. Cả hai không tận tâm thì đều là giả-dối. Cả hai nghi-ky lẫn nhau thì không hợp lực với nhau. Cả hai không hợp lực với nhau thì đều bị cô-độc. Lòng giả-dối sức cô-độc thì tất hỏng việc. Việc hỏng thì danh không thành, mà thân cũng bị họa. Xét nguyên-do hỏng việc là vì nghi-ky lẫn nhau . . .

« Than ôi ! người nước ta há chịu suốt đời làm trâu ngựa tôi tớ hay sao ? Làm người, ai lại không muốn lo cho thân mình. Nhưng lo cho bản thân mình chung quy chỉ là lo cho danh lợi mà thôi. Bỏ danh quên lợi bàn chuyện cao xa thì tôi không biết. Nhưng nói về lợi thì có lợi xa lợi gần, lợi to lợi nhỏ. Danh cũng vậy. Được vinh trong chốc lát mà nhục đến muôn đời, được lợi trong một ngày mà hại suốt trăm năm, được một 'danh' trong một lúc, mà họai 'dự' suốt một đời, thậm một tỷ 'lợi' nhỏ mà bỏ cả 'khởi' công lớn . . .

« Tiền của tức là máu mớ của dân ta. Ở đây, tôi không nói là không nên yêu tiếc. Nhưng yêu tiếc thì phải bảo-vệ nó làm cho nó sinh sôi nảy-nở, khiến cho tiền của đó thành vật sống mà không phải là vật chết. Muốn vậy phải có cách để biến nó thành một món to, không phải chỉ một món nhỏ. Như thế mới gọi là yêu tiếc.

« Thế nhưng người nước ta yêu tiếc tiền của riêng thì lại chỉ để tiền của cung phụng cho cái mồm, cái bụng riêng mình chứ không biết đến có việc gì khác, đó là một. Có kẻ lại bới đất, đào lỗ để chôn giàu của cái chỉ sợ người khác biết, chôn lâu đến hồng nát, đó là hai. Cả hai hạng người này, một bên thì xa-xi, một bên thì keo-kiệt, tuy không giống nhau nhưng đều ngu như nhau . . . » (sách đã dẫn, tr. 78, 86, 88).

Mấy nhận-xét trên đây của cụ Phan-bội-Châu đủ cho chúng ta thấy rõ đâu là nguyên-do của chậm-tiến. *Việt-Nam quốc-sử khảo* viết cách đây hơn năm mươi năm, nhưng những phê-phán của nhà chí-sĩ họ Phan không phải đã lỗi thời !

Như thế chúng ta đừng nhẹ dạ, nông-nổi mà kết án những giá-trị tinh-thần. Trái lại chúng ta phải thận-khẩn mà thú-nận rằng mấm của chậm-tiến ở ngay trong mỗi chúng ta. Đó là những thái-độ, những hành-động xấu, phản-lại những đòi hỏi cao-thượng của tinh-thần nơi chúng ta và nơi tha-nhân. Công tác lãnh-mạnh-hóa chính mình và các cơ-sở tổ-chức xã-hội là công-tác đầu-tiên cũng là công-tác cuối cùng của tiên-bộ.

Ai lại không bản-khoản trước tình-trạng chậm tiến của dân-tộc, nhưng càng đáng bản-khoản hơn trước những dò-dẫm ít hay nhiều phản lại mục-tiêu của tiên-bộ. Người dân cầu tiên-bộ, nhưng cũng rất sợ tiên-bộ, nếu tiên-bộ chỉ là một hình-thức. Có lúc họ muốn quay về dĩ-vãng, chỉ vì tình-trạng hiện-tại mà

người ta gọi là tiền-bộ có khi chỉ gây thêm tang-tóc. Mạnh-tử, hơn ai hết, mong sao cho dân tiền, nhưng cũng đã phải nói lên : «Cổ chi vi quan giả, tương di ngư bạo ; kim chi vi quan giả, tương di vi bạo». Đời xưa đặt ra những chỗ cửa quan cốt để ngăn ngừa trộm cướp : đời nay đặt ra cửa quan thời lại cốt để làm trộm cướp<sup>4</sup> ! Đó cũng chính là tâm-trạng đau-khổ của bà mẹ Việt-Nam lúc phải dặn con:

*Con ơi nhớ lấy câu này,  
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.*

Đó có lẽ cũng chính là nỗi lòng của Huy-Cận ngày nay. Thi-sĩ nhận thấy rằng nhân-loại ngày nay đang tiếp-tục khóc, khóc vì đói khổ, vì thiếu tự-do, nhưng cũng khóc vì thấy rằng những đường-lối canh-tân thay vì để phục-vụ con người có lúc đã phản lại giá-trị của con người.

*Thề kỷ hai mươi !  
Người mang trong lòng người  
Bao nhiêu máu ung độc,  
Bao nhiêu nụ hồng đời .*

*Thề kỷ hai mươi !  
Chôn đau nhân loại trong tiền sử,  
Mà đèn ngày nay khóc chữa thôi.  
(Giữa lòng thề-kỷ)*

Không phải chỉ có tiếng khóc của con người Việt, của những nước chậm tiến. Trái lại những tiếng khóc của con người sống ở những nước gọi là tân-tiến nhất lại càng bi-thảm hơn, nhất là khi thấy những nhu cầu tinh-thần không được đáp lại hay có khi bị chà-đạp vì những tiền-bộ vật-chất. Antoine de Saint-Exupéry — cũng như Péguy, Paul Claudel, Alexis Carrel và bao nhiêu người khác — đã nói lên sự thực đó :

«... Đã đến lúc người thích cảnh-ực của mình thấy rằng đó chỉ là những chấp nôi, những sự-vật rời-rạc. Đã đến lúc người yêu vợ con thấy trong tình yêu toàn là lo-âu, mâu-thuẫn, cưỡng-bức. Đã đến lúc người mê một thứ nhạc nào đó, không còn thấy thú-vị. Đã đến lúc, và chính lúc này đây, tôi không còn hiểu quê-hương của tôi ! Một nước không phải chỉ là tổng-hợp những miền, những tập-quán, những chất-liệu mà trí-tuệ tôi có thể nắm được... »<sup>5</sup>

<sup>4</sup> Phan-bội-Châu, *Không-học đấng II*, Triết-học ở trong chính-trị, tr. 441-470, Huế 1957.  
<sup>5</sup> A. De Saint-Exupéry, *Pilote de guerre*.

Cũng thế, xét về sinh-hoạt vật-chất, mức sống ở đâu có thể so kịp với mức sống của các nước Đan-mạch, Na-uy, Thụy-điển. Nhưng, hiện tại, những khủng-hoảng về tinh-thần ở những nước này có lẽ lại trầm-trọng hơn khủng-hoảng vật-chất của các nước chậm-tiến.

Nói thế, không phải chúng ta chủ-trương không cần tiền-bộ. Nhưng cốt để ý-thức rằng trong công cuộc canh-tân chúng ta phải tôn-trọng và phát-huy giá-trị tinh-thần. Hành-động với thái-độ đó, chúng ta sẽ có thể canh-tân đúng đường, tránh khỏi những bề-tác mà ngay các nước tiền-bộ đang gặp phải. Nhu-cầu của con người không chỉ là những nhu-cầu vật-chất, nhưng còn có bao nhiêu nhu-cầu khác mà sự thỏa-mãn những nhu-cầu vật-chất không thể đáp lại được. Và như thế chúng ta chủ-trương canh-tân không gì khác là thực hiện cho kỳ được Đạo Đại-học : «Đại-học chi Đạo, tại minh minh-đức, tại tân dân, tại chí tỵ chí thiện (Đại-học, I). Đó chính là mục-đích, là phương-pháp, là sự tiên-trình của mọi hành-động canh tân. Đó chính là công-tác thăng-tiến toàn-diện sự-hữu dân-tộc mà chúng ta có thể gọi là phát-triển văn-hóa.

(còn tiếp)

## văn-phạm với thời-đại của văn-phạm: truyện 'trê cóc' và truyện 'trình-thử'

### LỜI NÓI DẦU

Trong niên-khoá 1952-1953, phụ-trách giảng về lịch-trình tiên-hóa của tiếng Việt cho sinh-viên Trường Đại-Học Văn-Khoa thời đó còn ở Bắc-Hà, nhân đề-cập tương-quan giữa lịch-sử điển-tiên của quốc-văn và quốc-ngữ, chúng tôi đã có dịp chú-ý tới khá nhiều điểm khuyết-nghi liên-quan đến thời-đại một số văn-phẩm chữ nôm như Trê Cóc, Trình-Thử, truyện Vương-Tường, thơ văn Nguyễn-Biểu, đã được hầu hết các nhà văn-học-sĩ liệt vào các văn-phẩm đời Trần — Hồ. Xét rằng muốn khỏi làm sai lạc bản-tướng và ngộ-nhận về giá-trị tương-đối của mỗi thời-kỳ văn-học, điều cốt-yêu là phải xác-định thời-đại ra đời của các văn-phẩm, chúng tôi đánh bạo cò gắng chứng-minh những văn-phẩm trên không thể cho thuộc đời Trần — Hồ được.

Chúng tôi không hề dám tự-phụ đã giải-quyết hoàn-toàn thỏa-dáng những điều khuyết-nghi liên-quan tới thời-đại những văn-phẩm trên nhưng chúng tôi cũng dám tin rằng đã làm một việc không hẳn là vô ích.

Biết đâu ném một hòn đá lại chẳng được một viên ngọc quý. Biết đâu vài ý-kiến thô-thiển lại chẳng đem lại cho chúng tôi nhiều lời chỉ-giáo quý báu của các bậc cao-minh trong nước, hầu bổ-chính một phần nào những khuyết-điểm trong Văn-Học-Sử nước nhà.

LĂNG-HỒ

[Tập XII, Quyển 11 (Tháng 11, 1963)]

## TRUYỆN TRÊ CỐC

Truyện Trê Cóc viết bằng thơ lục-bát dài 398 câu.

### Lược truyện

Cóc đẻ trứng xuống ao, nở ra đàn nòng-nọc. Cá Trê, thầy giồng mình, bèn nhận làm con. Được ít lâu, Cóc ra bờ ao thăm con, không thấy, nhảy xuống tìm. Trê thấy động nước, nổi lên đuổi mắng Cóc thậm tệ. Cóc trả lời cũng không kém, rồi bàn với chống phát đơn kiện Trê, trong đơn viện cả cá Chép, Mè, Măng, Trám và các loài thủy-tộc khác ra làm chứng.

Quan phát trát bắt Trê và đòi chứng-tá đền hầu kiện. Đền công-đình, Trê chỗi, và các chứng-tá đều khai không biết. Cóc vào kêu quan cứu lấy đàn con. Quan cho Cóc về, và sai đem Trê giam để hậu tra.

Vợ Trê tìm cá Triều-đầu nhờ lo hộ. Cá này cho thủ-hạ là lý-Nghạnh đi giúp. Nghạnh tìm thông-Chiên làm tay trong. Quan sai mấy thầy nha lại đi khám-nghiệm. Nha-lại, về tận nơi, thầy đàn nòng-nọc hình dáng giống cá Trê, bèn làm biên-bản, lấy cả lân-bang làm chứng, rồi trình quan. Quan xem biên-bản, theo lời biện-bạch của nha-lại có đủ bằng-cớ, tất nhiên phải cho Cóc là vu-không, bèn tha Trê ra, bắt Cóc giam lại. Vợ Cóc lại phải đi kiếm thầy thợ, để gỡ tội cho chồng. Tìm đến Châu chuộc, Ênh-trương, rồi đến Êch.

Êch mách bảo cho Cóc biết Nhái-bén là tay thầy kiện giỏi. Nhái-bén bảo Cóc, nên đợi bao giờ nòng-nọc đứt đuôi, bầy giờ sẽ hay. Vợ Cóc nghe lời, về đợi ít lâu, quả nhiên như lời Nhái-bén nói, Cóc bèn đưa cả đàn con đến trình quan và làm đơn kiện lại Trê. Quan lúc ấy mới biết Cóc là oan, bèn lấy lời lẽ ôn-tôn để an-ủi vợ chồng Cóc và ghép Trê vào tội phát-lưu. Cóc về nhà ăn mừng.

### Thời-đại truyện Trê Cóc

Truyện Trê Cóc thuộc về thời nào? Về vấn-đề này có ba thuyết đã được nêu ra:

Thuyết thứ nhất căn-cứ vào ý-kiến của Cụ Bùi-Huy-Bích cho Trê Cóc là do một vị gia-khách ở nhà Đức Liễu-Vương đời Trần mà ra, ám-chỉ vào việc vua Thái-Tông cướp chị dâu trong khi có mang, lấy đứa con anh còn ở trong bụng mẹ làm con mình. Cụ Bùi-Huy-Bích lấy bốn chữ 'đoạt nhân thủ tử' làm định-án.

Thuyết thứ hai tuy cũng cho ý-kiến của Cụ Bùi-Huy-Bích có đôi chút giá-trị, nhưng vì xét chưa đủ tài-liệu, nên đề-nghị để thuyết ấy làm một điều khuyết-nghi.

Thuyết thứ ba căn-cứ vào những chữ cổ, cho Trê Cóc thuộc về đời Lê Trung-Hưng hay nhà Mạc.

Không biết Cụ Bùi-Huy-Bích căn-cứ vào những tài-liệu nào để đưa ra ý-kiến làm cơ-sở cho thuyết đầu. Nhưng xét kỹ, thời-gian thuyết đó không phù-hợp với những sự-khien lịch-sử đời Trần-Thái-Tông cho lắm.

Trước hết định án 'đoạt nhân thủ tử' không đúng với những sự thực được coi là truyện Trê Cóc ám-chỉ tới. Đành rằng có chuyện đoạt nhân thủ tử về đời Trần-Thái-Tông vì Trần-Thái-Tông lấy chị dâu trong khi có mang. Nhưng trong chuyện Trê Cóc chỉ có chuyện đoạt tử chứ không có chuyện đoạt thê thủ tử.

Cóc đẻ trứng xuống ao, khi nở ra nòng-nọc, Cá Trê thầy giồng mình, đem cả đàn về nuôi làm con, chó không hề cướp lấy Cóc cái trong khi có mang.

Lại nữa, việc đoạt nhân thủ tử này trách-nhiệm ở Trần-thủ-Độ chứ không phải ở Trần-Thái-Tông.

Sử chép rằng: "Chiêu-Thánh Hoàng-hậu, lấy Thái-Tông đã 12 năm, mà vẫn chưa có con, Thủ-Độ bắt Thái-Tông bỏ đi và giáng xuống làm công-chúa, rồi đem người chị bà Chiêu-Thánh tức là vợ Trần-Liêu vào làm Hoàng-hậu, bởi vì người chị đã có thai được 3 tháng; vua Thái-Tông bị Thủ-Độ hiệp như thê trong bụng cũng không yên, đêm đêm trốn ra, lên ở chùa Phù-Vân, trên núi Yên-Tử. Trần-Liêu tuy tức giận đem quân làm loạn, nhưng cũng thừa biết không phải lỗi ở Trần-Thái-Tông nên, về sau, lên xuống thuyên-ngự xin hàng. Hai anh em ôm nhau khóc, Thủ-Độ nghe tin liền rút gươm toan giết Trần-Liêu, Thái-Tông can mãi mới thôi. Sau Thái-Tông lấy đất Yên-Phụ, Yên-Đường, Yên-Sinh và Yên-Bang thuộc Hải-Dương cho Trần-Liêu làm Thái-áp và phong cho làm An-Sinh-Vương" (Trần-Trọng-Kim, *Việt-Nam sử-lược*).

Xem đó đủ biết những sự-khien lịch sử thời Trần-Thái-Tông không thể làm cơ-sở cho chuyện Trê Cóc được.

Theo thiên ý, nếu quả thực truyện Trê Cóc có ám-chỉ vào những sự-khien lịch-sử nước nhà, có lẽ những sự kiện lịch-sử thuộc về đời Hồ còn phù-hợp với truyện Trê Cóc hơn.

Sử chép như sau:

"Khi Hồ-Hán-Thương mới lên ngôi, thì cho sứ sang nhà Minh nói đòi rằng, vì dòng-dõi nhà Trần không còn người nào nữa, cho nên cháu ngoại lên thay, để quyền-lý việc nước.

"Vua Minh-Thành-Tổ dẹp xong dư-đảng nhà Nguyên ở phía Bắc rồi, có ý muốn sang lấy nước An-Nam, cho nên nhân khi Hồ-Hán-Thương sai sứ sang xin phong, vua Thành-Tổ sai quan là Dương-Bộc sang xem hư-thực thế nào. Hồ-Quý-Ly bèn bắt những quan-viên phụ-lão làm tờ khai, nói y như lời Sử

An-Nam đã sang nói. Vì thế cho nên Thành-Tổ không có cơ gì mà từ chối, phải phong cho Hồ-Hán-Thương làm An-Nam Quốc-Vương.

"Đền năm 1404, có Trần-Khang ở mạn Lão-Qua đi đường Văn-Nam sang Yên-Kinh, đổi tên là Trần-Thiên-Bình, xưng là con vua Nghệ-Tông. rồi kể rõ sự tình Hồ-Quý-Ly tiếm nghịch. Vua Thành-Tổ nhà Minh sai Quan Ngự-Sử Lý-Ý sang tra xét việc ấy. Lý-Ý về tâu quả thật là họ Hồ làm điều thoán-đoạt.

"Từ đây nhà Minh muốn mượn tiếng đánh Hồ để lấy đất An-Nam. Ở bên này, cha con họ Hồ cũng biết ý ấy, hết sức tìm cách chống giữ.

"Năm ất-dậu (1405) nhà Minh sai sứ sang đòi đất Lộc-Châu. Trước Hồ-Quý-Ly đã không chịu, sau phải cắt ra 59 thôn ở Cò-Lâu nhường cho Tàu. Tuy vậy nhà Minh cứ trách nhà Hồ làm điều tiếm nghịch.

"Từ khi Lý-Ý trở về Tàu, nhà Hồ cho sứ sang dâng biểu tạ tội và xin rước Trần-Thiên-Bình về. Và bấy giờ Thiêm-Bình cứ kêu van với vua nhà Minh xin cho đem binh sang đánh báo thù; vì vậy năm binh-tuất (1406) Minh Thành-Tổ sai đốc-tướng là Hàn-Quan và bọn Hoàng-Trung dẫn 5.000 quân đưa Thiêm-Bình về nước.

"Hồ-Quý-Ly được tin ấy, liền sai tướng lên đón ở cửa Chi-Lãng, đánh quân Minh, bắt được Thiêm-Bình đem về giết đi.

"Vua nhà Minh bèn sai Thành-quốc-công là Chu-Năng làm đại-tướng, Tân-Thành-hầu Trương-Phụ, Tây-Bình-hầu là Mộc-Thạnh làm tả hữu phó-tướng, Phong-thành-hầu là Lý-Bân, Văn-dương-bá là Trần-Húc làm tả hữu tham-tướng, chia binh ra làm hai đạo sang đánh An-Nam.

"Đền năm đinh-hợi (1407) bắt được Hồ-Quý-Ly, Hán-Thương và những con cháu họ Hồ, giải về Kim-Lãng. Quý-Ly, sau khi bị giam, phải đày ra làm lính ở Quảng-Tây. Sau đó, nhà Minh lại bày kế để chiếm giữ đất An-Nam, giả treo bảng gọi con cháu họ Trần, rồi bắt quan-lại và kỳ-lão, làm tờ khai rằng không còn ai nữa, và đất An-Nam vốn là đất Giao Châu ngày trước, nay xin đặt quận huyện như cũ (Trần-Trọng-Kim, *Việt-Nam Sử Lược*).

Ở những trang quốc sử đời Hồ vừa trích-dẫn ta nhận thấy nhiều biên-cổ phù-hợp với cương-linh truyện Trê Cóc hơn là những sự kiện lịch-sử đời Trần-Thái-Tông do cụ Bùi-Huy-Bích đã đưa ra để chứng giải-thuyết của Cụ.

Cóc kiện Trê, Trê bị bắt lên quan và bị hậu giam. Nhưng Trê tìm được cá Ngạnh làm thầy, lên xin quan khám-nghiệm rồi vì lời trong biên-bản các nha-lại cho nòng-nọc giồng Trê chứ không giồng Cóc, Cóc bị hậu giam. Những sự-khien này phẳng phật như việc Dương-Bộc sang xem xét thực hư về việc tiếm-đoạt của Hồ-Quý-Ly.



Cóc tìm được Nhái-bén làm thầy, đợi khi nòng-nọc dứt đuôi lên cạn, Cóc phát đơn kiện Trê. Trê bị tội, Cóc được tha về nhà ăn mừng. Những sự-kiện này thời lại phảng-phất như việc Trần-thiểm-Bình kể rõ với Minh Thành-Tổ việc thoán-đoạt của Hồ Quý-Ly và việc Lý-Ý sang điều-tra và về tàu quả có việc đó, cho nên mới có việc nhà Minh, lây tiếng điều-phạt mà Hồ, để cướp lấy nước ta.

Cóc tuy được kiện nhưng :

*Bước ra khỏi chôn công-đường,*

*Thông-Chiên đặt lễ, Đê-Tôm cướp tiền.*

*Om đầu, vỗ về, ngả nghiêng,*

*Kẻ đòi bầu rượu, người xin bao trê.*

thời có khác gì mấy việc, giả nhân giả nghĩa của vua Minh, bề ngoài muốn gây-dựng cho dòng-dõi nhà Trần, nhưng sự thực có dã-tâm muốn chiếm-đoạt lãnh-thổ Việt-Nam.

Thuyết của Cụ Bùi-Kỳ cũng dựa một phần nào vào ức-thuyết của Cụ Bùi-Huy-Bích, duy Cụ không hoàn-toàn tín-nhiệm ở sự-xác thực của ức-thuyết đó, và muốn coi vấn-đề Trê Cóc thuộc thời-đại nào, là một điều khuyết nghi.

Thuyết thứ ba chủ trương truyện Trê Cóc cũng như truyện Trinh-Thử có lẽ thuộc về thời Lê Trung-Hưng hay thời nhà Mạc. Thuyết này xét ra có giá-trị hơn cả vì đã phủ-nhận Trê Cóc thuộc đời Trần — Hồ, nhưng lại không phân biệt giữa Trê Cóc và Trinh-Thử về phương-diện thời-đại ra đời.

Về chuyện Trinh-Thử, chúng tôi cố gắng chứng-minh ở chương sau tác-phẩm đó có lẽ thuộc về khoảng từ Lê-mạt đến Nguyễn-sơ. Còn về truyện Trê Cóc thiết nghi tác-phẩm này cổ hơn Trinh-Thử nhiều, và dưới đây, chúng tôi xin viện ra vài lý-lẽ để chứng cho điểm đó : Trước hết, Bùi Huy-Bích sống từ năm 1744 đến năm 1818 nghĩa là từ thời Lê-Hiến-Tông đến thời vua Gia-Long, qua thời Lê-Chiều-Thông, đã có nói tới Trê Cóc. Điều đó đủ chứng tỏ rằng truyện nôm này có trước thời Lê-Hiến-Tông, và ít ra trước Hoàng-Việt thi-tuyển của Bùi-Huy-Bích.

Theo thiên-kiên, Trê Cóc không thể viết vào thời Lê Trung-Hưng được, vì thời Lê Trung-Hưng lâu từ năm 1532 đến năm 1788 mà Bùi-Huy-Bích chủ-trương rằng Trê Cóc do một gia-khách của Trần-Liêu soạn ra, vậy, tất nhiên, phải biết khá rành-rọt về một tác-phẩm ra đời ở thời Lê Trung-Hưng. Sở-di cụ Bùi-Huy-Bích phỏng-đoán Trê Cóc thuộc đầu thời Trần, là vì Trê Cóc là một tác-phẩm vô-danh, và nhân thầy cốt chuyện có điểm hình như liên quan tới việc Trần-Thái-Tông lấy chị dâu có mang, nên mới nêu ra giải-thuyết đã nói. Thực ra thời những việc kể ra trong Trê Cóc, như chúng tôi đã thuyết-

minh ở trên, có lẽ liên-quan tới đoạn lịch-sử về thời Hồ hơn là tới đoạn lịch-sử đầu thời Trần.

Thứ đến, nếu căn-cứ vào quan-chê lịch-triều để thấu hiểu thú-tục tổ-tụng trong vụ án Trê Cóc, thời Trê Cóc không thể thuộc thời Trần hay thời Lê Trung-Hưng được. Dưới hai thời này, vụ án Trê Cóc lý ưng phải được xā-quan phán xử. Lại nữa, từ đời Lê-Hồng-Đức trở đi, thời việc xử án mới được tổ-chức tinh-tề đều như thế. Duy có mấy sự-kiện không thuộc thời Lê mà mãi đến triều Nguyễn mới thấy có, như những chức Bang-Biện, Thông-Lại, Đê-Lại và hình tội Lưu Tam Thiên Lý.

Sau hết, một chứng-cớ nữa về thời đại Trê Cóc là những văn thơ tả Cóc : Ta đọc thầy trong Trê Cóc đoạn này :

*Cóc quen vui thú bờ hồ,*

*Khi ra đài-các khi vô cung-đình.*

*Nhìn xem Cóc những mừng lòng,*

*Trở về ngồi chôn nghiêm phòng nghĩ ngợi.*

lại đoạn này :

*Cóc ta gương mắt trừng trừng,*

*Rằng khôn, người cũng ở trong ao tù.*

*Ta đây dấu có hèn ngu,*

*Nhà ta cũng có cơ đồ đình đàng.*

*Ra vào gác tía, nhà vàng,*

*Cỡi bờ mặc sức nghênh ngang chơi bời.*

*Nghiên rằng chuyển bốn phương trời,*

*Ai ai là chẳng rụng rời sợ kinh.*

Và đây là bài thơ vịnh Con Cóc tục truyền của Lê-Thánh-Tông :

*Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi,*

*Chôn nghiêm thăm thẳm mình ngồi.*

*Chép miệng nôm ba con kiến gió,*

*Nghiên rằng chuyển động bốn phương trời.*

Đề kết-luận, có thể tạm cho Trê Cóc ra đời vào khoảng từ đời Lê-Hồng-Đức đến Mạc-Đàng-Dung. Cốt chuyện có lẽ ám-chỉ vào việc Hồ thoán-đoạt. Ta lại nên nhớ rằng cũng trong khoảng cuối đời Hậu-Lê này, Nguyễn-Dữ, tác-giả Truyền-Kỳ Mạn-Lục đã thuật nhiều chuyện về họ Hồ.

\*

## TRUYỆN TRINH-THỦ

## Lược truyện

Truyện Trinh-Thủ là một truyện ngụ-ngôn viết theo thể lục-bát, xin lược thuật như sau :

Tại nhà tác-giả là Hồ-Sinh, có một con chuột bạch góa chồng, thủ-tiết nuôi một đàn con thơ. Một hôm đi kiếm ăn bị chó đuổi, chạy vào một cái hang trong vườn nhà Thủ-Tướng Lý-Lê ngay bên cạnh. Trong hang, có hai vợ chồng chuột. Hôm đó, chuột cái vắng nhà. Chuột đực, thấy chuột bạch lạc bước tới nhà, bèn đem lời trêu ghẹo. Chuột bạch cự tuyệt, và dọa tự-tử, nếu bị cưỡng ép, khiến chuột đực phải tự-tử. Giữa khi đó, chuột cái về nhà, thấy chuột bạch nổi ghen, day nghiền chống, và còn đèn tận nhà chuột bạch làm dữ. Nhưng, một con mèo thình-linh ở đầu nhảy tới, khiến chuột cái hoảng-hốt, chạy ngã xuống ao. Hồ Sinh trông thấy đem lòng ái-ngại đuổi mèo đi, và vớt chuột cái dưới ao lên, lại lấy lời lẽ giảng-giải đạo-lý cư-xử ở trong gia-đình cho chuột cái nghe cùng thuật lại đầu đuôi cho chuột cái biết chuột bạch vốn một niềm trinh chính. Khuyến nhủ chuột cái xong, Hồ-Sinh về nhà viết nên truyện này.

## Những giả-thuyết về thời-đại truyện Trinh-Thủ

Về thời truyện Trinh-Thủ, tới nay, có bốn giả-thuyết chủ-trương. Truyện Trinh-Thủ ra đời vào thời Trần hoặc thời Hồ. Theo ông Nguyễn-Đông-Chi, truyện Trinh-Thủ thuộc thời Hồ và tác-giả truyện đó, có ý muốn mô-tả hai hạng người đương thời: một hạng có quyền thế gian-tà, như chuột đực, một hạng lòng son trinh-liệt như chuột bạch.

Giả-thuyết thứ hai của cụ Bùi-Kỷ, ước-đoán Trinh-Thủ thuộc thời Trần, nhằm lúc Hồ-Quý-Ly còn làm Thủ-Tướng. Cụ Bùi lập luận như sau: « Các bản in cũ, ngoài bia quyền truyện Trinh-Thủ đều đề là 'Trần-Triều xử-si Hồ-Huyền-Quy tiên-sinh soạn'. Nay, xét trong nhân-vật-sử đời nhà Trần, không thấy chỗ nào nói đến chuyện Hồ tiên-sinh. Trong các mục *Kinh tịch-chỉ*, *Văn tịch chỉ* của Lê-Quý-Đôn và Phan-Huy-Chú không thấy kể tên cuốn truyện Trinh-Thủ và cũng không nói gì đến Hồ-Huyền-Quy. Ông Hồ-Huyền-Quy tất là một bậc ân-dật, rất có đức vọng ở thời bấy giờ, mà bình nhật Hồ-Quý-Ly vẫn phải tôn sùng kính trọng như hàng tôn-trưởng; cho nên, trong cuốn truyện Trinh-Thủ, ông Hồ-Huyền-Quy mới dám công nhiên mượn câu văn, để ngụ ý trào-phúng. Thiết tưởng đó là những ước-đoán, song cũng có phần đúng ».

Giả thuyết thứ ba do ông Hoàng-Xuân-Hãn nêu ra trong cuốn *Thi-Văn Việt-Nam* (từ đời Trần đến cuối đời Mạc). Hoàng-quân cũng đoán rằng: Về phương-diện thời-gian xảy ra chuyện ngụ-ngôn này thời Trinh-Thủ thuộc về

thời Quý-Ly chưa tiếm vị, nhưng về phương-diện danh-từ, kết-cú, thi-pháp, thời truyện có thể xưa lắm, nhưng vẫn đã bị sửa đổi. Hoàng-quân viết: Ông Bùi-Kỷ có sách trong *Khai-Trí Tiên-Đức Tập-San* số 1 rằng, ở ngoài bia các bản in cũ, đều ghi là Trần-Triều xử-si Hồ-Huyền-Quy soạn. Nay ở bản in Tự-Đức 1875, tại Đại-Trước-Đường không thấy câu đề ấy, chưa biết ở. Bùi căn cứ vào đâu.

« Nhưng chuyện ngụ-ngôn này đặt vào khoảng năm Long-Khánh (1373-1376) đời Trần. Trong chuyện lại gọi Hồ-Quý-Ly là Thủ-Tướng và phê-bình Quý-Ly vào thời kỳ chưa tiếm-vị như là hay hổ-nghi, ghen ghét kẻ cốt ngạch, giả dối đạo-đức mà dòm-dò ngôi vua. Xem vậy, ta có cảm-tưởng rằng, tác-giả viết vào khoảng thời-gian không xa lúc ấy bao nhiêu, và có thể viết vào đời Long-Khánh nữa. Nay xét văn bản in còn lại, thời ta thấy rằng, từ danh-từ đến cách kết-cú, thi-pháp, đều không xưa bằng văn cuối Lê-Trịnh. Trái lại, có lắm câu chắc do Đoạn-trường Tân-thanh mà ra. Tôi nghi rằng nếu gốc chuyện có thật xưa nữa, thời văn hiện nay còn lại là văn đã bị đổi mới, không còn giữ được phần văn Trần mây ».

## Phê-bình

Xét ra thời ba giả-thuyết vừa trình bày bên trên đã căn-cứ vào ba loại luận-điểm :

- những luận-điểm thiết tới thân-thể của tác-giả (Cụ Bùi-Kỷ).
  - Những luận-điểm thiết tới cốt truyện (Cụ Bùi-Kỷ, ô.đ. Nguyễn-Đông-Chi và Hoàng-Xuân-Hãn).
  - những luận-điểm thiết tới từ-ngữ văn-pháp (ông Hoàng-Xuân-Hãn).
- Trước hết, theo thiên-ý, những luận-điểm thiết tới thân thể của tác-giả không được thỏa đáng cho lắm. Cụ Bùi cho biết các bản cũ đều có đề ngoài bia là 'Trần-Triều xử-si Hồ-Huyền-Quy tiên-sinh soạn', nhưng Cụ không nói rõ những bản in nào và, hiện nay, còn có hay không. Và lại, chính Cụ Bùi cũng công nhận rằng, trong nhân-vật-sử đời Trần, không hề thấy chỗ nào đề cập tới tác-giả là Hồ tiên-sinh.

Sau hết, ông Hoàng-Xuân-Hãn lại xác-nhận rằng ở bản in đời Tự-Đức 1875 tại Đại-Trước-Đường không thấy có câu đề ấy. Những luận-điểm thiết tới cốt chuyện cũng không được vững-chãi cho lắm.

Truyện Trinh-Thủ được giả-thuyết này đặt vào khoảng năm Long-Khánh (1375-1376) đời Trần nhằm lúc Quý-Ly chưa tiếm vị ;

Vừa năm Long-Khánh đời Trần,  
Muốn phượng triều-công mười phần thái-bình.

Theo như sử chép thời lúc đó nước ta không được « mười phần thái bình » như trong truyện. Sở là quân Chiêm cứ luôn luôn sang quấy nhiễu, cho nên vua Trần-Dụệ-Tông quyết chí báo thù, bèn hạ chiếu luyện tập quân-sĩ, đóng gập chiến-thuyền và tích-trữ lương thảo, lại đặt thêm quân-hiệu cho Quý-Ly làm Tham-mưu quân-sư.

Năm 1376, quân Chiêm sang đánh phá Hoan-Châu và năm 1377, vua Trần-Dụệ-Tông mắc mưu quân địch bị tử trận. Mãi đến năm 1390, Chế-Bồng-Nga bị đạn chết. Quân Chiêm đã dẹp yên, Quý-Ly mới bắt đầu chuyên quyền, và sau khi Nghệ-Tông mất, lên làm Phụ-Chính Thái-Sư và bắt người ta tôn xưng mình là Phụ-Chính Cai-Giáo Hoàng-Đề. Tự đó, Quý-Ly mưu mô đủ chước đường thoán-đạo. Do những sự kiện lịch-sử trên, cốt chuyện không thể đặt được vào đời Long-Khánh, mà dù truyện có đặt được vào đời Long-Khánh, thời cũng không tất nhiên đã ra đời vào thời ấy.

Trong cuốn *Truyện Kỳ Man Lục*, tác-giả là Nguyễn-Dữ thuộc cuối đời Hậu-Lê, cũng chẳng đã kể truyện một bữa tiệc đêm ở Đà-Giang về đời vua Trần phê-đề (1386) lại có ám-chỉ tới Hồ-Quý-Ly đó sao ?

Sau hết, trong *Trình-Thử*, ngoài những điểm sai lầm về lịch-sử đã dẫn chứng, lại còn thêm nhiều điều mâu-thuẫn nữa. Có khi gọi Quý-Ly là Lý-Lê Thủ-Tướng (*Lý-Lê Thủ-Tướng gần nơi ngụ nhà*), lại có khi nói rõ là Hồ-Quý-Ly (*Nàng nghe chàng nói nhỏ to, Bây giờ mới kể sự Hồ-Quý-Ly*), mà Hồ-Quý-Ly thời mãi đến năm 1400 mới bỏ Thiếu-Đề, con của Thuận-Tông rồi tự xưng làm vua, đổi họ là Hồ, đặt quốc-hiệu là Đại-Ngu. Những điều mâu-thuẫn đó, đủ chứng rằng, tác-giả không phải là người đương thời, vì người đương-thời sao lại ghi việc đương thời sai lầm đến thế.

Vậy thiết tưởng không thể theo Cự-Bùi-Kỷ mà bàn về tác-giả như sau: « tác-giả sinh ở cuối Trần, vào hồi khí-diêm họ Hồ đang mạnh, mà cả Triều đều a-phụ một hùa. Nhận thấy thói đời xu viêm phụ nhiệt thái quá có khi cả những người có học-thức cũng không biết lễ-nghĩa liêm-sĩ là gì, mới động lòng trung-phẫn mà viết ra truyện này, nói con chuột đực tức là ám-chỉ những đảng Quý-Ly, nói con chuột bạch, tức là ám-chỉ những bậc trung-thần lúc bấy giờ.

Lý-luận như vậy, thời cho chuyện *Trình-Thử* phản chiếu tâm-trạng của đám sĩ-phu vào thời Lê-Á-Phu, Lưu-Thường (1388) và Trần-Nguyên-Hàng, Trần-Khác-Chân, Lê-Hiền-Phủ (1399), mưu khởi sự nhiều lần chống Quý-Ly, nhưng đều mang họa thảm-khốc, có lẽ hợp lý phần nào hơn là qui cốt chuyện vào đời Long-Khánh.

Những luận-diêm thiết tới từ-ngữ và văn-pháp theo thiên-kiến, có giá-trị hơn cả. Nhưng tiếc rằng nhà phê-bình vận-dụng luận-diêm đó, lại không chú ý dụng tâm truy cứu sâu-xa hơn nữa.

Để chứng minh văn *Trình-Thử* đã bị đổi mới, ông Hoàng-Xuân-Hân nhận xét rằng danh-từ đến cách kết cú, thi-pháp đều không xưa bằng cuối Lê-Trịnh, và trái lại, có lắm câu chắc do Đoạn-trường Tân-thanh mà ra. Tiếc rằng bằng-chứng rõ rệt đã không được Hoàng-quân dẫn ra, duy chỉ có vài nhận-xét sơ lược mà thôi.

Để chứng-minh văn *Trình-Thử* là văn cổ, Cự-Bùi-Kỷ đã viện ra những lẽ sau: về cách đặt câu, chữ thứ nhì câu lục có mấy chỗ dùng tiếng trắc như câu:

*Chàng nghi đàn đã êm tai...*

*Tin nhận thư cá gửi đi.*

Theo Cự-Bùi, lỗi này về sau các nhà văn cho là khó đọc, ít khi đặt như thế, trừ phi khi nào câu lục đặt theo lối tiêu-đời, nghĩa là ba tiếng trước đôi với ba tiếng sau và ở giữa câu lục có thể chêm ngắt ra làm đôi được (châm đậ) như câu:

*Trên gác phượng, dưới sân rồng*

hay câu:

*Khi tình rượy, lúc tàn canh*

thì chữ thứ nhì câu lục mới có thể dùng chữ trắc, đó là một chỗ khác nhau về cách đặt câu ở từng thời đại một, tuy là thuộc về mặt hình thức, song cũng có thể giúp cho nhà khảo-cứu về văn-học sử được một vài phần.

Về điểm này, tôi tiếc không đồng ý được với Cự-Bùi vì Cự chỉ dẫn ra được có hai tỉ-dụ mà trong hai tỉ-dụ đó, câu thứ hai lại thấy có bản chép là: « Tin chim thư cá gửi đi », còn tỉ-dụ kia, ít quá không đủ chứng-minh đó là một đặc-điểm của thi-pháp xưa. Nếu quả thật đó là một lỗi thơ cổ, thời tất nhiên câu lục nào trong truyện cũng phải đặt như thế.

Về cách dùng chữ, Cự-Bùi cũng nhận thấy có nhiều tiếng cổ như tiếng 'khu'ng', tiếng 'ch'ng', tiếng 'th'ra' đến bây giờ ít dùng. Trong chuyện cũng có dùng chữ Hán, nhưng toàn chữ thông thường Do hai nhận-xét đó, Cự-Bùi đã kết-luận cuốn truyện *Trình-Thử* mới là những bước đầu dùng chữ Hán ở quốc-văn.

Những chữ dẫn ra để chứng-minh là những tiếng cổ, xét ra, không có gì là cổ lắm; thời Lê, thời Nguyễn vẫn thấy dùng trong thi-phú. Còn những truyện Kiều đã chẳng dùng những chữ Hán thông thường đó sao. Để chứng minh văn *Trình-Thử* không quá xưa như Cự-Bùi đã chủ trương, tôi xin đưa thêm ra đây vài chứng cứ nữa:

Trong *Trình-Thử* có nhiều điển tích mượn ở Hán-văn như *Tây-sương-Kỷ* và *Tinh-sử*, xét ra, đời Trần — Hồ chưa có thể mượn được ở những văn-phẩm trên. Ngoài những câu tương tự thơ *Đoạn-trường Tân-thanh* như:

Cô lòng ép trúc nài mai,  
Mượn dao thiệp quyết một bài cho xong.

Khôn ngoan rất mực hồng quân,  
Tại bình mà nói, dỗi dằn cũng xuôi.

lại thấy có những câu phảng-phất như thơ của Nguyễn-Công-Trứ :

Lòng xuân tưởng đến cũng buồn,  
Chẳng nghe câu ví phương-ngôn thường lẽ.  
Chơi xuân kéo hết xuân đi,  
Cái già sống sộc nó thì theo sau.

(Trình-Thử)

Xuân kia khuyên chớ bỏ qua,  
Hoa kia có lửa, người ta có thì.  
Chơi xuân kéo hết xuân đi,  
Cái già sống sộc nó thì theo sau.

(Nguyễn-Công-Trứ)

Trong Trình-Thử có khá nhiều danh-từ thuộc về y-học, phong-thủy, bốc-phệ, số-tướng, các phép chiêm-đoán, các trò tiêu-khiển như tổ-tôm, dù biết rằng tác-giả phải sống ở một thời mà những thuật đó vốn của Tàu đã du-nhập sâu-xa vào dân-chúng rồi, nên mới được tác-giả diễn tả một cách dễ-dàng hoạt-bát như thế.

Để kết-luận, bài lược-khảo này về thời-đại truyện Trình-Thử, tôi thiết-nghĩ, cuốn truyện nôm đó không thể cho thuộc đời Trần-Hồ được, nhưng có thể ra đời dưới thời từ Lê-Chiêu-Thông đến Nguyễn sơ, do một tác-giả là trung-thần của nhà Lê soạn ra. Chính bởi lẽ này, không thấy nói tới Trình-Thử trong bộ *Toàn-Việt Thi-Lục* của Lê-Quý-Đôn, trong bộ *Hoàng-Việt Thi-Tuyển* của Bùi-Huy-Bích, trong *Lịch-Triều Hiền-Chương* của Phan-Huy-Chú và bản in đời Tự-Đức năm 1875 cũng không thấy đề tên tác-giả.



## từ đức-đức đến duy-tân

Cho tới ngày nay ai ai cũng phải nhận rằng Gia-Long, Thê-Tô nhà Nguyễn là một ông vua khôn ngoan tài giỏi. Trên phương-diện chánh-trị cũng như quân-sự, Gia-Long đã biết khai-thác triệt-đế các bè bạn trong nước cũng như ngoài nước để đã phá lực-lượng của nhà Tây-Son. Nói cách khác, suốt 24 năm vào sinh ra tử, giúp đỡ ngài không phải là chỉ những thần-tử của các tiên-chúa nhà Nguyễn hay những bé tôi mà Gia-Long đã tạo nên. Quân-đội của ngài có nhiều người Âu-châu : Pháp, Bồ, Tây-ban-Nha... Gán gụi là người Mên, người Lào cũng liên lạc với ngài và đã giúp ngài trong những trận đánh cuối cùng với vua Cảnh-Thịnh sau khi Phú-Xuân đã lọt vào tay Nam-Hà, rồi vua Gia-Long thông-nhất được linh-thỏ Việt-Nam, lập nên một sự-nghiệp bất hủ. Nhưng ở con người kiệt-hiệt ấy ngày nay ta thấy thiếu một điều rất quan-trọng và rất cần-thiết cho con cháu, đó là cái đức "đi-mưu".

Quả vậy Gia-Long đã ý-thức một liên-minh quốc-tê, tận dụng nhân-tài khắp bốn phương trong công-cuộc diệt-thủ nhưng đã không xây-dựng được một kế-hoạch hữu-hiệu để gìn-giữ địa-vị cho con cháu và quyền-lợi của quốc-gia. Trong thâm-tâm, ngài biết người Tây-phương nguy-hiểm và rất lợi hại kể cả các ông thầy-tu đã đến tiếp tay cho ngài mà đứng đầu là Giám-Mục Bá đa-Lộc, và ngay sau khi thành-công, ngài đã thi-hành luôn thủ-đoạn « *kinh nhi viễn chi* » đối với họ. Cũng ở thủ-đoạn này, từ đời Minh-Mạng, Thiệu-Trị đến Tự-Đức chánh-quyển Việt-Nam đã áp-dụng chánh-sách đóng cửa khóa nước khi nhiều quốc-gia Tây-phương đến xin mở cuộc giao-hiếu. Bỏn bề-ký trở về đây, sau ngày Christophe Colomb và các nhà hàng-hải đã tìm ra Mỹ-châu và đường qua Á-châu, người da trắng vì nhu-cầu phát-triển kinh-tê, thương-mại, kỹ-nghệ đã sang các nước da vàng chiếm-hữu đất-đai làm thị-trường và thuộc-địa, nô-lệ-hóa các dân-tộc lằng-giếng chúng ta, có phải là điều Gia-Long không biết chăng? Ngoài ra, đã chung-đụng nhiều năm với các cộng-sự-viên Âu-châu, con người lanh trí như Gia-Long còn lạ gì tâm-thuật của Tây-phương qua đám giang-hồ lằng-tú đó. Đứng trước bọn cướp nước lạnh ghê đã từng chinh-phục nhiều quốc-gia

từ Đại-tây-dương qua Thái-bình-dương mà kê-hoạch chống xâm-lăng của Gia-Long và con cháu chỉ vèn-vện trong bốn chữ "Bề quan tòa cang"<sup>1</sup> mới đơn-giản làm sao! Đã suốt đời Ngài cho tới khi Tự-Đức lên ngôi (1802-1847) việc kiền-quốc, hưng-bang lại lơ-là khiến sau mấy chục năm thái-bình nước ta vẫn không hồi phục được nguyên-lực, lại còn tiếp-tục đau khổ là đàng khác. Loạn-ly có hàng trăm vụ xảy ra từ Bắc vào Nam, quan lại tham-nhũng, sru-thuê nặng-nề, dân-chúng cơ-hàn thê-thảm nên khi Rigault de Genouilly mang hải-quân vào phá cửa Hàn và Gia-Định thì cái nhà Việt-Nam ọp-ọp không chống nổi cơn gió dữ là lẽ tất-nhiên. Ta có thể căn-cứ vào tình-trạng này mà nói rằng đời Nguyễn-sơ đủ qui-mô lập quốc, nhưng quan to, quan nhỏ hầu hết chỉ dõn trên lừa dưới và nặng đầu óc cầu an hưởng lạc, làm việc theo lối tắc-trách. Một tí dụ cụ-thể: dân ta sống về nông-nghiệp mà mĩa-mai thay, con đẻ Văn-giang dưới đời Nguyễn nằm giữa vùng Trung-châu Bắc-Kỳ vỡ luôn 18 năm liền, hàng vạn dân-chúng đã vui thấy dưới làn nước trắng. Dưới các triều Đinh, Lê, Lý, Trần có bi-kịch này chăng? Lương-tâm và tài trị-thúy của các ngài Hà-đê Chánh-phó-sứ cao thấp thế nào ta đã rõ. Các đại-thần như Nguyễn-văn-Thành, Lê-văn-Duyệt, Đặng-trần-Thường thấy đều bị cách về các tội hà-lạm công-như, gian lận sổ sách, tiền bạc, điển-dịa. Việc học-hành khoa-cử vẫn theo lối cổ-hủ và càng ngày càng thối ỳ-thức thực-tế, thực dụng, vua Minh-Mạng đã phải kêu gào sự canh-cải mà rút cục vẫn chẳng quan lớn quan nhỏ nào tìm ra được một học-thuật mới-mẽ, tiên-bộ khiên sát thê-hệ chúng ta các nhà cách-mạng Tây-Hồ, Trần-quý-Cáp, Huỳnh-thúc-Kháng phải than :

*Đời chuộng văn chương, người tham khoa mục,  
Đại-cổ, tiểu-cổ, suốt tháng dùi mài.*

1 Vì chính-sách bế quan tỏa cảng, nền ngoại-hương dưới đời Nguyễn-sơ bị tê-liệt trông thấy. Theo Quốc-triều chánh-biên, Bộ Hộ đã trình lên vua Tự-Đức hậu-quả tai hại của biện-pháp bài ngoại này Thuế-quan trước có 60 sở nay vì không còn liên-lạc với các nước ngoại-dương phải đóng tới 39 sở. Việc điển-dịa là nguồn sống căn-bản của nhân-dân, tuy có lệnh quân cấp nhưng ruộng tốt thì lột hết qua tay đám quan-liêu và phú-hào còn dân nghèo chỉ được những chỗ xương-xấu. Đây là lời tâu của Hiệp-Biện Đặng-văn-Thiểm sau khi đi kinh-lý Bình-Định là một tỉnh không xa triều-đình là bao nhiêu. Ở ngoài Bắc, vùng Kim-Sơn, Tiên-hải tuy được Doanh-đồn-sứ Nguyễn-công-Từ ra công-thức-đầy dân đắp đê ngăn nước mặn dề làm thành ruộng chỉ cứu-vãn được tình-thế của một địa-phương nhỏ mà thôi.

Ở trong cảnh đói khổ, nghèo túng quá, dân nhiều kẻ phải bán vợ, đợ con dề đóng sưu, nộp thuế, nhiều gia-đình phải tha phương cầu thực và một phần do giặc-cướp nổi lên lung tung. Thực-lực chánh-biên viết: từ 1802-1805, tại Hải-dương, Sơn-tây, Bắc-ninh, Thái-nguyên, Hưng-hóa và nhiều tỉnh thuộc Sơn-Nam-hạ, hộ-khẩu trên 370 thôn bị tiêu-tán; năm 1826, 13 huyện thuộc trấn Hải-dương đã mất đi 108 xã-thôn vì không còn dân. Đổng-bào miền Khoái-châu đi hành-khất khắp nơi, rên la rất thảm-thiết khiên có câu :

*Oat-oát như phủ Khoát xin cơm.*

*Ngũ-ngôn, thất ngôn, quanh năm lãn-lóc,  
Ngóng hơi thở của quan trường để làm văn sách.  
Chích có thể phải mà Thuần có thể sai.  
Nhất đãi thừa của người Tàu để làm phủ.  
Biển thì phải từ, ngẫu thì phải lục.  
Tiu-tít những phường danh lợi.  
Chợ Tê chực đánh cắp vàng.  
Lơ thơ bao kẻ hiền tài, sản Sở lường buôn dằng ngọc.  
Ầy chẳng riêng gì kẻ vị thân-gia, tham vì lợi lộc,  
Mà đền cả mấy kẻ quân chùng áo rộng trong một nước,  
Lùa mấy ngàn sĩ-tử noi hắc-ám địa-ngục...*

(Trích ở 'Lương ngọc danh sơn phú'<sup>2</sup>)

Điều tai hại nhiều hơn cả là dưới đời Tự-Đức, nước nhà trải bao nhiêu tai-trong do quân xâm-lăng gây nên, nay xảy ra việc cướp đất, mai có việc phá thành, xương cao tấy núi, máu chảy tấy sông mà giới linh-đạo quốc-gia vẫn mờ-mịt trước cái lễ an-nguy trị-loạn. Mỗi khi triều-đình ký xong một hàng-ước tăng quyền nhục quốc thì người ta cho rằng con gấu thực-dân đã no mỗi rồi sẽ không cựa quậy nữa. Các người từng qua Tây-phương như Phan-thanh-Giản, Phạm-phú-Thứ, Nguyễn-trường-Tộ v.v... đã được ngó vào tận nơi tận chốn cái hùng-cường của người da trắng trở về đã báo-cáo với vua Tự-Đức :

*Bá ban xỏ kẻ tể thiên địa,  
Duy hữu tử sinh tạo hóa quyền.*

(Nghĩa là trăm nghề khéo léo không thua trời đất, duy chỉ có việc sống chết là phải nhường cho tạo-hóa). Trong hồi-ký cụ Lương-Khê (hiệu của cụ Phan-thanh-Giản) còn có bài tứ tuyệt đầy thất vọng như sau :

*Từ ngày đi sứ đến Tây-kinh,  
Thấy việc Âu-châu lường giết mình.  
Kêu rú đồng-bang mau thức dậy,  
Hết lời năn-nỉ chẳng ai tin...*

Và nếu cụ Lương-Khê và những người đã xuất-dương chẳng được tin cũng là phải. Một là vua quan đời Tự-Đức vốn có thành-kiến rằng Tây-phương là bọn man-rợ, sao bằng được con cháu Hoàng-Đê (Tam-Hoàng, Ngũ-Đê là những vua khai-sáng của Hoa-tộc), văn-hóa Âu-châu theo sao kịp văn-hóa Khổng-Mạnh... Hai là người ta không tìm nổi những kê-hoạch phú quốc, cường binh nên kiếm đủ cơ gạt bỏ những bản điều-trấn của các người đi xa

2 Không tìm được tên người dịch.

trở về. Rồi vua tôi đã lần tròn những vấn-đề khó-khăn do thời-cuộc gây nên trong các văn thơ, câu phú, biên triểu-đường ra một tao đàn, vua khen tôi, tôi khen vua không cần lưu-ý đến đại-bác của thực-dân Pháp đang khạc ầm ầm từ Nam ra Bắc.

Văn như Siêu-Quát vô tiền HÁN,  
Thi đảo Tùng-Tuy thất thịnh ĐƯƠNG.

Lần lần, trên các chiến-trường danh-tướng, lương-thần như Nguyễn-tri-Phương, Phạm-thè-Hiến, Hoàng-Diệu, Nguyễn-bá-Nghi hết thua trong các trận đánh bằng gươm đao súng đạn lại thua cả ngoại-giao khiến dặt dặt lọt vào tay địch cho tới hết qua các Hòa-ước 1862, 1874, 1883, 1884. Ngày nay nói cho đúng, nước Việt-Nam thua người Pháp không phải do dân mà do vua quan đời Nguyễn đã bắt tài, bắt lực và thiếu ý-thức trách-nhiệm đối với Quốc-dân và Lịch-sử. Còn người dân trước sau vẫn được kẻ địch kính-phục là anh-hùng, là không tham-sinh úy-tử. Về vấn-đề này Đại-úy Gosselin, tác-giả cuốn *L'Empire d'Annam* viết: "Người Pháp đến đây không phải là đến một ngôi nhà vô chủ. Bằng khí-giới rất đơn-sơ, dân-tộc Việt-Nam chống cự lâu bền với súng lớn đem ra xử bắn hay chém đầu thân-nhiên chịu chết, không lộ vẻ gì nhu nhược, sợ hãi. Ta đánh chắc nhọc-nhân suốt ba mươi năm mới tạm dứt". (Câu này trích trong bài tựa của sách *L'Empire d'Annam*).

Tóm lại, dân là cái vốn, là sức mạnh để các nhà làm chính-trị sử-dụng, dân ta đã có một truyền-thống anh-dũng, vậy người cầm đầu thất bại có nên đổ lỗi cho dân chăng?

Chúng tôi lại xin trình bày thêm một nhận-xét của Ch.Gosselin về tình-trạng quân-sự của nước ta dưới đời Tự-Đức đối-bại quá sự tưởng-tượng của chúng ta và chúng ta đã phải ngạc-nhiên vì sinh-mạng của người dân đã bị coi quá rẻ-rúng: "Quốc-Gia Việt-Nam quá có một sinh-lực rất mạnh mới chịu nổi một cuộc chiến-tranh trường-kỳ như vậy vì phương-tiện phòng-thủ rất nghèo nàn, chánh-quyển lại không biết lo xa và mù-quáng, không ai lo liệu vấn-đề tiền bạc, tiếp-vận, vũ-khí, quân-đội và hải-quân cho tới ngày họ cảm thấy sắp phải đối phó với một cường-quốc Âu-châu. Rồi đứng trước quân-lực của chúng ta, người Việt chỉ biết có chết để bảo-vệ sự tự-do của mình mà thôi". (Il faut réellement que cette nation annamite soit douée d'une vitalité bien puissante pour avoir pu supporter la lutte pendant d'aussi longues années étant donnée la pénurie des moyens de défense dont le pays disposait, le Gouvernement imprévoyant et aveugle n'ayant rien su préparer ni trésor, ni approvisionnement, ni munitions, ni armée, ni

marine pour le jour qu'il pressentait cependant très prochain où il devrait se défendre contre une puissance européenne. Placés en face de nos armes, les Annamites ont eu la seule ressource de mourir pour la défense de leurs libertés".

Thưa quý vị, vài trang trên đây đã đủ chứng tỏ trách-nhiệm vua quan đời Nguyễn-sơ và nêu ta liếc mắt nhìn sang Xiêm, Nhật, Tàu cũng trong giai-đoạn lịch-sử này ta càng thấy nếu họ có bị buộc tội không phải là điều oan-uổng. Dưới đây chúng tôi xin hiến quý vị ít chương thăm-sứ đời Nguyễn mà những vai chính là con cháu vua Thè-Tổ và cũng là để có dịp chứng-minh rằng nước mất thì nhà phải tan. Mạnh-Tử khuyên Lương-huệ-Vương: « Vương hà tất viêt lợi, nhân nghĩa nhi đi hi ». Đó là cái thuật yên nhà, giữ nước, mưu hạnh-phúc cho con cháu vậy. Tiếc thay, cái thuật này các nhà chính-trị thường hay quên lãng.

Ngày 16 6 năm quý-mùi (1883) sau 36 năm ở ngôi vua, Tự-Đức thờ hơi cuối cùng, Nhà vua không có con đã phải nuôi ba cháu ruột giữ phần kế-tự: trưởng là Dục-Đức tức Thụy-quốc-Công, thứ là Chánh-Mông tức Kiên-giang quận-công, ba là Dưỡng-Thiện. Theo di-chiều ông Dục-Đức được thay ngài vì lớn tuổi hơn cả đời với hai ông hoàng kia tướng cùng tốt số mà hóa ra cùng xấu số. Nhưng trong thâm-tâm của vua Tự-Đức, việc đặt Dục-Đức lên ngôi vàng chỉ là một sự bắt-đắc-di. Cái ưu-thê của Dục-Đức trước sau chỉ là do ông lớn tuổi hơn các em mà thôi. Nhà vua nghĩ rằng quốc-quyển Việt-Nam lúc này như sợi tơ trước gió, một ông vua thơ-ầu không thể cằng-dáng được việc nước lúc này lại đang rất khó-khăn. Đã thế, vua nhỏ tuổi, quyền hành của Hoàng-gia và của Triều-đình dễ lọt sang tay các quan lớn, nạn thoán-đoạt đã từng xảy ra rất nhiều trên lịch-sử...

Cái dở của ông Dục-Đức thì lại nhiều quá. Ông Hoàng này học-thức không nhiều, hạnh-kiếm lại xầu, ham chơi bời, cờ bạc, tửu sắc... Ông lại còn giao-thiệp với nhiều kẻ không đứng đắn như thầy lang, thầy cúng, gái ca-kỹ v.v... vì thế mà các quan đều có ý khinh-miệt.

Trong việc Dục-Đức lên ngôi, bà Từ-Dũ và bà Trang-Ỡ là hai vị Thái-hậu đã phải vận-dộng rất nhiều, vua Dục-Tông mới chịu nghe theo. Dục-Đức tướng thê là xong việc và trở nên phóng-túng hơn những ngày trước khi bước lên ngôi cửu-ngũ. Công không nghi rằng hai quan Phụ-chánh Thụyết và Tường đã nhìn nhận quyết-định của vua Dục-Tôn bằng con mắt ít thiện-cảm theo các lý-do đã kể trên đây và không phải là vô-lý.

Ngay khi đó thi-thê của tiên-đề còn quản trong điện mà Dục-Đức đã tỏ ra sự thờ-ơ với các nghi-lễ mà Công phải thi-hành hàng ngày với danh-nghĩa một vị chủ-tề và một ông vua kè-nghiệp. Thái-độ và cử-chỉ này không

khỏi là điều ngang-trướng, và tha-thứ được. Đã vậy đến giờ phút này Công còn để nhiều kẻ thiếu tư-cách hay thuộc thành-phần bắt hạo ra vào cung điện rất là tự-do. Bọn này đã có những lời ăn tiếng nói buông thả, xuống-xã và đã như coi thường các quan Phụ-Chánh những khi gặp mặt. Lúc này ông Thuyết kiêm Bộ Binh, ông Tường kiêm Bộ Hộ, uy-quyền đang lừng lẫy tất nhiên do sự việc này hai ông càng khó chịu thêm với Dục-Đức. Một việc thứ ba nữa đã xảy ra trong dịp này là một hôm hai quan Phụ-Chánh vào chầu hầu tân-quân bọn thủ-túc của Dục-Đức không thèm đứng dậy, cứ tiếp-tục cưỡi nói nô rồn và bài bạc như không biết có hai vị Phụ-Chánh đại-thần đến đây. Hai ông bực quá phải lui gót. Thế là việc phê vua đã được quyết-định trong thâm-tâm của hai ông.

Trước ngày làm lễ dâng-quang ba quan Phụ-chánh (xin kể cả ông Trần-tiền-Thành) đã thỏa-thuận với nhau khi đọc di-chiều sẽ bỏ đoạn nói nhà vua bị mắt kém và hạnh-kiểm xấu, tới khi làm lễ ông Trần-tiền-Thành làm đúng như điều đã định thì mấy quan Ngự-sử đã nêu ra sự gian-lận này, nhưng rồi các quan bàn luận xong vẫn tán đồng cho Dục-Đức lên làm vua. Có điều đáng chú ý là ngày hôm ấy Nguyễn-văn-Tường thắc bệnh không đến dự lễ.

Đền khi biên-bản truyền đi để lấy chữ ký thì ông Phan-đình-Phùng không chịu hạ bút tuy vẫn đứng về phía Dục-Đức. Ông bị hạ ngục (Cầm-y) mắt mười hôm rồi bị cách chức đuổi về nguyên-quán (Hà-tĩnh).

Sau biên-cò này một hai ngày, tại triều có mở một hội-ng nghị gồm đông-đủ các đại-thần và đại-diện của Hoàng-gia để xét tội Dục-Đức. Công bị hạch về các tội dưới đây :

(1) Đã cắt bỏ một đoạn văn có 41 chữ trong di-chiều bắt lợi cho mình.<sup>3</sup>

<sup>3</sup> Đoạn văn gồm 41 chữ đã bị ông Dục-Đức cắt bỏ trong di-chiều xin trích dịch ra như sau :

但徵有目疾。秘而不宣。久恐不明。性頗好媵。亦大不善。未必能當大事。國有長君。社稷之福。捨此將何以哉 = Dân chúng hữu mục-tật, bí nhi bất tuyên, cửu khủng bất minh, tính phi hảo tẩu, đại bất thiện, vị tất năng đương đại-sự, quốc hữu trường-quân, xã-tắc chí phúc, xả thử tương hà dĩ tại. = Và lại có chứng-cớ rằng công bị mục-tật, giữ kín tác chi phúc, xả thử tương hà dĩ tại. = Và lại có chứng-cớ rằng công bị mục-tật, giữ kín mà không nói, đã lâu e rằng mù rồi, tính công lại hiếu dâm cũng rất là điều không hay, như vậy tất khó đảm-dương được đại sự. Nước có vua lớn đó là điều phúc cho xã-tác, không thế thì không được...

(2) Đã thu dụng Linh-mục Thơ trong Hoàng-cung vào việc riêng của mình (ông này trước là Thanh-tra Thương-chính ở Hải-Dương đã đi Pháp hai lần và đã bị các quan Phụ chính coi là gián-diệp của Pháp hoặc phản-tử bị Pháp mua chuộc).

(3) Đã coi thường tang-lễ đối với tiên-dê, chứng cứ là đã mang áo xanh vào nội-cung để mặc.

(4) Đã tư-thông với các cung-nhân của tiên-dê ngay sau khi tiên-dê tạ-thê.

Đa số các người có mặt tại Hội-ng nghị đều có ý buộc tội hơn là gỡ tội cho Công, và đã đồng lòng truất-phê Công và phạt Công vào tội cảm-cổ nghĩa là Công phải chịu giam trong một căn phòng nhỏ hẹp, chỉ có hồ một lỗ nhỏ để lấy cơm nước hàng ngày (cơm nước sẽ ít-ôi và sơ-sài). Nhưng lúc đó chưa có một căn phòng nhỏ hẹp và trong khi chờ thợ xây-dựng, Công bị đưa sang Trần-phủ. Suốt một tháng ròng, Công đau yếu vì chế-độ tù ngục quá khát-khe cũng như vì thất vọng. Ông Thuyết cho một tiểu-lại mang đèn cho Công một liều thuốc độc, Công từ chối và đòi một thứ thuốc êm-dịu vì Công đã đến độ đau đớn và mệt nhọc cùng cực rồi. Ngày 6-10-1883, Công chết. Đền nay ta chưa có một sử-liệu nào nói rõ hơn về cái chết của ông Hoàng xấu số này, chỉ biết rằng sau khi Công đã thở hơi cuối cùng thì vài tên tù đã mang xác Công vùi ở đồi Phước-Quả trong một cái huyệt người ta đã cải táng. Thi-hài không được đặt vào quan quách và thân nhân của Công cũng không dám đến trong dịp đó để khóc người bạc-mệnh.

Triều-đình liền lập ngay Văn-Lãng quốc-công là ông Hoàng Hường-Dật con trai thứ 29 của vua Thiệu-Trị lên thay Dục-Đức. Ông Hường-Dật lúc này 37 tuổi và là em nhỏ tuổi nhất của vua Tự-Đức. Ông đã từ chối nhưng bà Từ-Dũ cố ép, ông phải lên ngôi vào ngày 27 tháng 6 năm quý mùi (1883) lấy hiệu là Hiệp-Hòa. Luôn mấy chục ngày sau khi vua Hiệp-Hòa ra mắt quốc-dân, mặt trời mỗi lúc ló dạng xanh như màu lá cây. Vị tân-quân vốn có tính mê-tin lây làm sợ hãi các người chung quanh xem là điềm gì. Không ai dám nói chỉ mở cuốn sách Thiệu-văn của Tàu cho vua coi. Theo sách này và với điềm này nhà vua sẽ không tại vị được lâu dài.

Sau đây là một vài cử-chỉ bất thường đáng cho ta lưu-ý: vua Hiệp-Hòa đã sử-dụng nhiều vàng bạc trong công-khố để làm đồ trang-sức cho các bà vợ và con cái phụng sau này có điều bất chắc.

Buổi đầu nhà vua đối với các quan Phụ-chánh có nhiều sự kiêng-nê nhất là đối với ông Thuyết vì nếu ông Thuyết không chấp thuận ắt đã có nhiều

sự khó khăn cho việc tôn lập. Sau vua Hiệp-Hòa lại thầy ông Thuyết cũng như ông Tường là những chương ngại-vật cho quyền-hành và uy-tín của mình nên đã tỏ dấu sự lãnh-đạm với hai ông. Nhưng chính việc chốt dưới đây đã làm đau óc ông vua này trở nên lếch-lạc, đó là những biên-cờ xảy ra liên-tiếp từ Bắc vào Trung trong năm đó (quí-mùi 1883): Thiệu-Tá H. Rivière bị quân Cờ Đen hạ sát ngày 11-5-1883 tại Ô Cầu-Giây khiến Pháp-đình nổi giận cử đại-binh qua Việt-Nam. Thủy-sư Đô-Độc Meyer rút quân ở Hòn-Gai và Qui-Nhơn mang ra Bắc. Một Pháp kiêu là Joseph được phép mộ 800 quân Cờ vàng để tham chiến vào cuộc phục thù cho H. Rivière. Ngày 7-6 quân đội Viễn-Xâm gồm bộ ba: Harmand, nguyên Lãnh-sự tại Vọng-Các, nay được cử là Ủy-viên dân-chính. Thiệu-tướng Bouët phụ-trách Lục-quân và Phó Đệ-Độc Courbet chỉ-huy Hải-quân kéo sang Việt-Nam. Harmand phải lo sửa đổi lại Hòa-ước 1874, còn hai tướng kia lo việc "chinh phạt".

Ngày 30-7-1883 bọn này đã có mặt ở Hải-phòng quyết định cho một đạo quân đánh ngay vào Huế trong khi Bouët giữ nhiệm-vụ quét sạch giặc cướp ở Bắc-kỳ.

Rối cuộc giao tranh xảy ra tại cửa Thuận-An chiều tối hôm 18-8 đến sáng 22-8 thì tiếng súng cuộc đời im bật. Quân ta thua, chết 12 000 người và số bị thương nhiều hơn. Triều-đình phải cử Nguyễn-trọng-Hợp là vị đại thần coi Thương-bạc-viện (ngoại-giao), tìm đến chỗ Harmand đóng quân là pháo-đài phía Nam mà địch chiếm được ở cửa Thuận (tại đây ta lập tất cả 7 pháo-đài và 4 cái cần để ngăn pháo-hạm của địch tiến vào sông Hương). Đi theo Nguyễn-cái cần để ngăn pháo-hạm của địch tiến vào sông Hương). Đi theo Nguyễn-trọng-Hợp có Giám-mục Caspar là vị giáo-sĩ đã có mặt nhiều năm tại Thuận-hóa và đã đóng một vai trò cô-vần bí-mật cho thực dân Pháp. Nguyễn-trọng-Hợp không điều đình được gì cả và đã phải chịu nhận ký-kết 27 điều do Harmand đưa ra để lập một Hòa-ước mới. Hòa-ước này được thành hình ngày 29-8 1883 đáng lưu ý về quân-sự, Pháp được chiếm đóng cửa Thuận và Nam-triều phải triệu-hối hết thủy-quân-lực đang hoạt-động ở ngoài Bắc. Thế từ nay vua quan Việt-Nam phải đứng trước họng súng của Pháp tại Thuận-Hóa. Còn về chánh-trị thì Pháp được đặt chế-độ Bảo-hộ trên toàn cõi Trung-Bắc-Kỳ. Quốc-quyền Việt-Nam từ trong nước ra ngoài nước trên thực-tế đã qua tay Pháp. Bằng Hòa-ước Harmand, Pháp đã có thâm ý gạt bỏ từ nay sự can-thiệp của Thanh-đình thêm một lần nữa vì Đại-sứ Bắc-Kinh là Bá-tước Tăng-khải-Trạch vẫn khăng-khăng tranh thủ chủ-quyền của Trung-quốc trên đất Việt-Nam và Hoa-quân vẫn tiếp tục gửi sang chiến-đấu ở Bắc-Kỳ...

Vua Hiệp-Hòa thầy tình-thế mỗi ngày một đen tối không còn tin-tưởng vào Hoàng-Kê-Viêm đang tích-cực chống Pháp và cả vào quân đội Tàu, bề khác

việc tấn-công của Hải-quân Pháp tại cửa Thuận càng làm cho nhà vua thêm tinh-thần do đó mỗi ngày ngài càng thiên mạnh về sự đả-hàng Pháp. Như vậy ngài chịu làm sao được sự hiện-diện của hai ông Tường, Thuyết là những người cương-quyết chống Pháp đến cùng, đang nắm uy-quyền lớn giữa triều-đình. Lúc này ông Thuyết chuẩn-bị gặt-gạo cuộc chiến-đấu thì vua ấy quan ấy đã thành giáo, mọc, kẻ nọ đối với người kia. Nếu ông Thuyết tăng cường về quân-sự thì vua Hiệp-Hòa lo gặp liên-lạc với Pháp vừa để bảo-vệ địa-vị của mình mà cũng có thể vì nhà vua không tán-thành việc chủ-chiến. Ngài cho chú mình là Túy-lý-vương giữ việc giao-thiệp với tòa Khâm và ngày 29-11 ngài đã cho Hoàng-Thúc (Tuy-Lý-Vương) bí-mật mời Đạc-úy-viên Pháp là De Champeaux vào gặp ngài tại điện Văn-Minh mà không cho triều-đình hay chi cả. Ngài còn âm-mưu với hai em là Hồng-Phi con của Tùng-thiện-vương và Hồng-Sâm con của Tuy-lý-vương để tìm cách trừ hai quan Phụ-Chánh. Ngài quả trách quan lại các tỉnh đã vu-hãm những người Công-giáo khiến ông Tường đã phải cả tiếng mắng Ngài trước triều-đường đã có xu-hướng thân địch. Trong khi tình-hình căng thẳng như vậy giữa nhà vua và hai ông Tường, Thuyết thì một hôm vua giao cho Hồng-Sâm mang một bức mật-thư sang cho Khâm-sứ Pháp. Thư có đóng dấu, ký tên của nhà vua. Nội-giám Đạt liền mách ông Tường, thế là người ta đã có tang-chứng rõ-ràng về tội "giữ phi quan thông" nhà vua còn chửi cãi vào đầu được. Rút cuộc nhà vua bị tam ban triều đình sau khi đã phải ký nhận 3 tội dưới đây:

- (1) Thâm lạm công-nhu.
- (2) Không chịu nghe lời khuyên cáo, của các quan Phụ-Chính.
- (3) Tur-thông với đại-diện Pháp.

Buổi chiều hôm ấy nhà vua phải uống thuốc độc và Hồng-Sâm bị chém vào hôm sau (Sử *Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam* của A. Delvaux nói Hồng-Sâm bị giết vào 30-12 năm ấy, nghĩa là sau Hiệp-Hòa một tháng).

(còn tiếp)



NHỮNG TÁC-PHẨM DO SỞ HỌC-LIỆU  
XUẤT - BẢN

Cây cỏ miền Nam Việt-Nam. G. S. Phạm-Hoàng-Hộ	150\$
Lịch-sử Triết-học đông phương, Tập IV. G. S. Nguyễn-Đăng-Thục	120\$
Lão-tử Đạo-đức-kinh. G. S. Nghiêm Toàn phiên-giải	70\$
Lê-Triều Lịch-khoa Tiến-sĩ đề danh bí ký. Võ-Oanh	85\$
Quyển I	75\$
Quyển II	70\$
Quyển III	
Công-dư Tiếp-ký. Nguyễn-Đình-Diệm	50\$
Quyển I	40\$
Quyển II	50\$
Quyển III	80\$
Quốc-triều đăng-khoa lục. Lê-Mạnh-Liêu	75\$
Tang-thương ngẫu lục. Đạm-Nguyên	32\$
Tiếng cười (Le rire của Bergson). Phạm-Xuân-Độ	75\$
Đạo-đức-học (Ethique de Nicomade của Aristote). Đức-Hình	32\$
Xã-Uớc (Du Contrat social của J. J. Rousseau). Nguyễn-Hữu-Khang	30\$
Vạn-pháp tinh lý (L'Esprit des lois của Montesquieu). Trịnh-Xuân-Ngan	60\$
Khảo về linh-hồn theo thể luận-lý (Phédon ou de l'Ame : genre moral của Platon). Trịnh-Xuân-Ngan	48\$
Không-biện-luận về tu-từ pháp (Gorgias của Platon). Trịnh-Xuân-Ngan	28\$
Cung-oán ngâm khúc (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dụng	40\$
Chinh-phụ-ngâm (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dụng	
Thượng-chỉ Văn-tập (toàn bộ 5 quyển của Phạm Quỳnh)	35\$
Từ quyển I đến quyển IV mỗi quyển giá	25\$
Quyển V giá	
Anh-Ngữ Đệ Thập (High School English Series, Book One). G. S. Nguyễn-Đình-Hòa	40\$
Speak Vietnamese, Book One (Revised Edition, 1963) G.S. Nguyễn-Đình-Hòa	100\$

Những sách này có bán tại tất cả các hiệu sách ở Thủ đô, các tỉnh và  
tại Sở Học-Liệu số 240, đường Trần-Bình-Trọng, Sài-gòn.

ĐÀM-QUANG-HẬU

phản-chất hí-kịch trong  
đoạn-trường tân-thanh

(xin đọc V.B.N.S. từ số 84)

Trong truyện Kiều, ở một vài đoạn đối-thoại trữ-tình, lời thơ vượt lên trên  
văn-chương, đạt đến mức tuyệt-độ của khúc nhạc tình và có thể coi như  
những lớp 'ca nhạc kịch' tuyệt-diệu của hí-kịch trữ-tình (théâtre lyrique).

Ví dụ : Lớp biệt-ly

Kim	Sự đâu chưa kịp đôi-hối, Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ.
Kiều	Ông tơ ghét bỏ chi nhau ! Chưa vui xum-hợp đã sáu chia phối !
Kim	Trăng thế còn đó troơ tơ, Dám xa-rời mặt mà thừa-thốt lòng.
Kiều	Cùng nhau trót đã nặng lời, Dầu thay mái tóc dám đời lòng tơ.
Kim	Ngoài nghìn dặm, chốc ba đồng, Mỗi sáu khi gỡ cho xong còn chấy !
Kiều	Quần bao tháng đợi năm chờ, Nghĩ người ăn gió nằm mưa xót thảm.
Kim	Gìn vàng giữ ngọc cho hay, Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.
Kiều	Đã nguyện hai chữ đồng-tâm, Trăm năm thế chẳng óm cảm thuyên ai.

Kim và Kiều

Còn non, còn nước, còn dài,  
Còn về còn nhớ đến người hôm nay.

[Tập XII, Quyển 11 (Tháng 11, 1963)]

Lớp biệt-ly trên là một trong những lớp đẹp nhất trong văn-chương.

Lớp tái-hợp :

- Kiều ... Gia-thất duyên hải,  
Chút lòng ân-ái, ai ai cũng lòng.
- Kim ... Khéo nói nên lời!  
Mà trong lẽ phải, có người có ta.
- Kiều Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,  
Hoa thơm phong nhị, trăng vòng tròn gương.  
Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,  
Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa!
- Kim Xưa nay trong đạo đàn bà,  
Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường.
- Kiều Thiếp từ ngô-biền đến giờ,  
Ong qua bướm lại đã thừa xâu xa.
- Kim Có khi biển, có khi thường,  
Tông quyền nào phải một đường chấp kinh.  
Như nắng lầy hiều làm trinh,  
Bụi nào cho đục được mình ấy vay!
- Kiều Bầy chày gió tấp mưa sa,  
Mây trắng cũng khuyết, mây hoa cũng tàn!
- Kim Trời còn để có hôm nay,  
Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời.  
Hoa tàn mà lại thêm tươi,  
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.
- Kiều Nghĩ mình chẳng hổ mình sao?  
Dám đem trần-cầu đợ vào bồ-kinh!  
Đã hay chàng nặng vì tình,  
Trông hoa đèn chẳng thẹn mình lắm ru?  
Từ rày khép cửa phòng thu,  
Chàng tu thì cũng như tu mới là!  
Chàng dù nghĩ đến tình xa,  
Đem tình cảm-sắt đòi ra cảm-cờ.  
Nói chi kết tóc xe tơ?  
Đã buồn cả ruột lại dơ cả đời!  
Có điều chi nữa mà ngờ,  
Khách qua đường để hững-hờ chàng Tiêu.  
(Kim chồng đòi quan-điểm của Kiếu)

- Kiều ... Phận thiếp đã đành,  
Có làm chi nữa cái mình bỏ đi!
- Kim ... Gân bó một lời,  
Bống không cá nước chim trời lờ nhau.
- Kiều Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,  
Chiều lòng gọi có xướng-tùy mây may.
- Kim Xót người lưu-lạc bấy lâu,  
Tướng thế-thốt nặng nên đau-đớn nhiều.  
Thương nhau sinh-tử đã liễu,  
Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình.
- Kiều Riêng lòng đã then lăm thay,  
Cũng là mặt đạn mây dày khó coi?  
Nhưng như đu, yếm vành ngoài,  
Còn toan mở mặt với người cho qua.
- Kim Chừng xuân tơ liễu còn xanh,  
Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vành ái-ân.  
Gương trong chẳng chút bụi trần,  
Một lời quyết hẳn muốn phẫn kính thêm.
- Kiều Lại như những thói người ta,  
Nhật hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa.  
Khéo thay đợ đuốc bày trò,  
Còn tình đâu nữa, là thù đây thôi!  
Người yêu, ta xâu với người,  
Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau.
- Kim Bầy lâu đây bẻ mò kim,  
Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa?
- Kiều Cờ nhà dù tính về sau,  
Thì còn em đó, lựa cầu chi đấy.  
Chữ trinh còn một chút này,  
Chẳng cảm cho vưng, lại dầy cho tan!  
Còn nhiều ân-ái chan-chan,  
Hay gì vậy cánh hoa tàn mà chơi?
- Kim Ai ngờ lại hợp một nhà,  
Lọ là chân gỏi mới ra sắt cảm!
- Kiều Thân tàn gan đục khơi trong,  
Là nhờ quân-tử khác lòng người ta.

Mấy lời tâm-phúc ruột già,  
 Trương-tri đường ấy mới là trương-tri.  
 Chớ-che đùm-bọc thiều gì?  
 Trăm năm danh-tiết cũng vì đêm nay!

(Kim phụ-họa quan-điểm của Kiều)

Âm-nhạc của câu thơ và sắc-thái trữ-tình lan tràn trong lớp tái-hợp đã che lấp phần nào lớp hi-kịch tâm lý. Kim-Trọng và Thúy-Kiều trước kia 15 năm chỉ được gặp nhau trong một thời-gian rất ngắn để có thể biết được rõ tính-tình nhau. Khi Kim gặp lại Kiều, đứng trước cảnh-tượng của nàng, đã cảm-xúc mãnh-liệt cái hận-tình xuân và đã sầu:

*Đừng trông, chàng cũng đời sầu làm vui.*

Khi về quan-nha, mở hội đoàn-viên, Thúy-Vân là người ở giữa, lẽ tất-nhiên phải lên tiếng trước đề-nghị cuộc xe tơ của Kiều với Kim. Kim, thì vì lời thề cũ, vì Kiều đã phải hy-sinh cho nghĩa-vụ, vì Vân đã đề-xướng, chỉ có thể phụ-họa mà thôi, nhưng đây lại là một tấn kịch bên trong và Kim đã phải chịu đựng một sự thử-thách mới và hồ-nghi về kết-cục của sự thử-thách ấy. Nếu Kiều đã không chỉ tạm nghe lý-lẽ của tất cả nhà gọi là có xướng-tùy mây may để dãi tâm-sự riêng với Kim, thì Kim đã không khỏi có một phần nào thất-vọng và mang một mối hận mới trong thâm-tâm, không thể nói ra được. Khi Kim đã thực hiểu nàng mới tỏ lời khâm-phục:

*Một lời quyết hẳn muốn phần kính thêm.*

Và tỏ ý-nghĩ của mình cho người tri-ký:

*Bấy lâu đây bề mô kim,  
 Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa...  
 Thương nhau sinh tử đã liễu,  
 Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình...  
 Chừng xuân tơ liễu còn xanh,  
 Nghét rằng chưa thoát khỏi vành ái-ân...*

Kiều có thể cũng đã phải chịu một cuộc thử-thách tương-tự và sẽ cũng phải ôm một mối hận tương-tự, nếu Kim đã cứ nhất-quyết không nghe lời giải của nàng:

*Nghe lời sửa áo cài trâm,  
 Khâu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng.*

Nhưng cả hai giả-thuyết trên đều mâu-thuẫn với ái-tình thuần-túy của hai bên đã được thử thách trong 15 năm trời. Kết-cục tề-nhị và hợp-lý duy-

nhất là kết-cục của Đoàn-trường tân-thanh. Thanh-tâm tài-nhân lục đã tả Kim-Trọng là-lời, tâm thương, thật là kém xa. Tâm-lý của Kim-Trọng ở đây đã nổi bật lên, rất mực phong-nhã, đẹp không kém tâm-lý của Thúy-Kiều.

Với lớp tái-hợp, tấn bi-kịch của ái-tình thuần-túy đã hoàn-toàn, nhưng lại xuất-hiện dưới một ánh sáng mới. Nguyễn-Du, giữa bữa tiệc hoa vui vậy, chỉ dựa vào tâm-lý cao-cả của đôi tình-nhân, đã tạo ra một lớp hi-kịch tề-nhị và đẹp-đẽ, có một trong văn-chương.

Kịch toàn-diện có một tâm diễn-tả rộng rãi. Các lớp trò không phải nhất nhất chỉ có mục-dịch dẫn thẳng đến khung-hoàng bi-kịch hay cảnh-huồng hài-hước, như ở kịch của Racine và Molière. Các vở kịch của Shakespeare cũng như Đoàn-trường tân-thanh đã đặt ra các lớp trò rất là khác biệt, rất là thay đổi vì vậy không đơn điệu như kịch cổ-điển Pháp.

Nguyễn-Du không những đã viết bi-kịch và hài kịch, còn viết cả hi-kịch như đã phân-tích ở trên. Nếu trạng-thái vui-vẻ, sung-sướng khó viết nên kịch, thì cái mừng quá độ cũng có đặc tính hi-kịch không kém cái buồn quá độ. Nguyễn-Du đã viết lớp kịch ấy rất cảm-động khi tả Kim-Trọng và gia-đình họ Vương gặp lại được Thúy-Kiều.

Đầu tiên, khi Giác-Duyên báo cho biết là Thúy-Kiều còn sống và hỏi thân-thích gần xa với nàng thế nào, thì tất cả mừng quá mà ngờ-ngác rụng-rời rối xúm quanh kể-lẽ. rộn lời hỏi tra, rồi lần-lượt reo lên:

*Này chồng, này mẹ, này cha,  
 Đây là em ruột, đây là em dâu!*

Nhưng nổi mừng qua, thì lại nghi ngờ:

*Thật tin nghe đã bấy lâu,  
 Pháp-sư dạy thế, sự đâu lạ đường!*

Khi Giác-duyên kể lại duyên-do Thúy-Kiều đến ở với nhà sư ở Thảo-am và nói thêm:

*Phật-tiền ngày bạc lân-la,  
 Đám đám nàng cũng nhớ nhà khôn khuấy.*

thì tất cả đều:

*Nghe tin nở mặt nở mày,  
 Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng?*

Nhưng khi Giác-Duyên dẫn đến Thảo-am thì tất cả lại hồ-nghi :

*Bể lau vạch có tìm đi,  
Tinh thâm lưỡng hỷ hồ-nghi nửa phần.*

Đền khi Thúy-Kiều từ trong Thảo-am bước ra, thì có một lúc tất cả đều đứng yên, không một lời nói, không một cử-chỉ, chỉ nhìn nhau. Rồi Thúy-Kiều dần dần mới nhận ra cha mẹ, hai em và chàng Kim, nhưng rõ-ràng mờ mắt còn ngờ chiêm-bao, và vì cảm-động thái quá thì lại dường như vô-tâm.

Khi định-tâm trở lại rồi, nàng mới mừng và khi mừng quá, người ta cũng khóc như khi tủi quá :

*Giọt châu thánh-thốt quyền bào,  
Mừng mừng tủi tủi xiết bao sự tình!*

Kể sau là cái cử-chỉ rất tự-nhiên của nàng, của một con gái, là gieo mình dưới gối mẹ mà kể-lẽ sự tình :

*Từ con lưu lạc quê người...*

Sau đó, Vương-ông mới lại gần, ông bà trông mặt cảm tay, nhận lại hình-ảnh yêu-quý của đứa con gái :

*Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra,  
Bầy chấy dãi nguyệt đầu hoa,  
Mười phần xuân có gầy ba bốn phần.*

Đó là tình yêu con của hai ông bà già thuộc phái trung-lưu, hiếu-lành và an-phận. Hai em thì chỉ biết mừng, kéo trước, giằng sau để hỏi-han. Kim-Trọng, sau bao nhiêu năm tìm kiếm, khát-khao gặp nàng mà khi gặp lại chỉ đứng yên trông, chờ Kiều nhận điểm :

*Nọ chàng Kim đó là người ngày xưa!*

Mãi sau, như bị cái vui mừng của gia-đình người yêu truyền nhiễm, mới trở sấu làm tươi :

*Dừng trông chàng cũng trở sấu làm tươi.*

Lớp tái-thê tương-phùng trên là một trong những lớp kịch tuyệt-luân của đời người. Phải trở ngược lên 26 thế-kỷ về trước trên đất Hy-Lạp, với thi-bá Homère mới gặp một lớp kịch tương-tự có một tâm-lý giống như hết, tả nàng Pénélope gặp lại Ulysse trong tập anh-hùng-ca *Odyssee*.

Shakespeare không những tả trần-gian mà còn tả cả những lớp trò đầy phóng-tưởng của thế-giới thần-tiên.

Nguyễn-Du, kể cả tác-phẩm *Văn-tê thập-loại chúng-sinh* có lẽ là thi-si duy-nhất của Á-Đông có thiên-tài mô-tả các nhũ-vật của thế-giới siêu-tự-nhiên, có thể so-sánh được với đại-kịch-gia Anh.

Ở đoạn Thúy-Kiều mộng Đạm-Tiên :

*Thoát đầu thấy một tiểu-kiểu,  
Có chiều phong-vạn, có chiều thanh-tân.  
Sương in mặt, tuyết pha thân,  
Sen vàng lững thững, như gần như xa.  
Chào mừng đón hỏi dò-la,  
Đào-nguyên lạc lối đầu mà đến đây.*

Nguyễn-Du tả Đạm-Tiên như một thiếu-nữ đẹp mà rõ là một thiếu-nữ ma, bằng sương tuyết, trong trắng mà lạnh-lẻo rùng-rợn, cử--chỉ linh-hoạt mà hư-ảo; tuy tả Thúy-Kiều mà là một Thúy-Kiều của tiềm-thức, tách khỏi thực-tại, cảm-giác đứt quãng, nên mới « thoát trông thấy một tiểu-kiểu », hành-động sai lạc, nên mới « chào mừng đón hỏi dò-la », một thiếu-nữ xa-lạ khác thường, dường như từ đâu lạc lối mà đến.

Chỉ có văn Shakespeare mới có thể so-sánh được với đoạn văn trên.

Kịch lịch sử của Shakespeare lấy đề-tài ở sử Anh hay La-Mã là những kịch có sắc-thái anh-hùng-ca. Đoạn Từ-Hải trong Đoạn-trường Tân-thanh của Nguyễn-Du cũng có sắc-thái anh-hùng-ca. Đoạn ấy là bi-kịch của người anh-hùng chỉ vì quá nghe lời một người đàn bà mà sự-nghiệp phút chốc tan-tành và bỏ thân ở bãi chiến-trường. Tuy sa cơ, Từ-Hải đã chết ra dáng anh hùng :

*Từ sinh liểu giữa trận tiền,  
Dạn-dã cho biết gan liễn tướng-quân.  
Khi thiêng khi đã về thân,  
Nhơn-nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng.  
Trơ như đá, vững như đồng,  
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng dời...  
Trong vòng tên đá bởi bởi,  
Thầy Từ còn đứng giữa trời trơ-trơ...  
Dòng thu như giọt con sấu,  
Dứt lời, nàng cũng gieo đầu một bên.*

*Lạ thay oan-khí tương-triên !*

*Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra...*

Lớp trên là một lớp anh-hùng-ca tuyệt đẹp. Không ở đâu cái chết của người anh-hùng đã được siêu-nhiên hóa một cách tự-nhiên đến mức ấy.

Thơ của Nguyễn-Du đã bao gồm cả ba thể chính của thơ Âu-Châu: hí-kịch, trữ-tình và anh-hùng-ca.

Các đoạn dẫn ở trên cho thấy cái thiên-tài biến-hóa tương-tự của Nguyễn-Du và Shakespeare.

Shakespeare đã phá khuôn-khò chật-hẹp của quy-tắc hí-kịch cổ-diễn mà ông có biệt và đã thành-công rực rỡ trong hí-kịch toàn-diện. Ông đã mang vào trong khuôn khổ không-gian và thời-gian của kịch-trường cái tự-do diễn-tả trên nhiều bình-diện của lối tiểu-thuyết. Nguyễn-Du trái lại đã đặt kỷ-luật cho lối văn lòng-lèo của tiểu-thuyết và đã đi sát với văn kịch làm cho truyện trở nên sống-động, hấp-dẫn. Cái thiên-tài tung-hoành của Shakespeare được thầy trong toàn-thể các vở kịch về đủ loại: bi-kịch, hài-kịch, lịch-sử kịch, thần-tiên kịch của ông; bút-pháp biến-hóa huyền-diệu của Nguyễn-Du được chung đúc trong một quyển truyện duy-nhất: Đoạn-trường tân-thanh.

Nhưng nếu xét giá-trị riêng của một tác-phẩm, thì Đoạn-trường Tân-thanh có lẽ có cái danh-dự là thi-phẩm cổ-diễn mà biến-hóa nhất, là thi-phẩm bao gồm nhất mà tới đỉnh cao nhất của nghệ-thuật.

Shakespeare chủ-trương nghệ-thuật như tầm gương phản-chiếu đúng tạo-vật. Ông đã cầm gương nghệ-thuật chiếu qua nhân-tâm và hình-ảnh của nhân-tâm đã xuất-hiện linh-động và nổi bật trên tầm gương, dưới nhiều sắc-thái và ở nhiều bình-diện thù-thị: khi thì trong sáng như *Romeo và Juliet*, khi thì huyền-ảo dưới bóng ngân như *Giấc mộng đêm hè*, khi thì đen tối như *Macbeth*, khi thì sâu thẳm như *Othello* và *King Lear*, khi thì xa thẳm như *Hamlet*...

Kịch của ông vừa đẹp, vừa sống động, lại có một sức-mạnh dị-thường. Thiên-tài mãnh-liệt của ông cùng với nhịp đời sống, lên đến cao đỉnh, xuống đến vực sâu, không theo quy-tắc nhất-định của một nghệ-thuật nào, mỗi vở kịch là một bút-pháp riêng. Có lẽ đã là một sự sai lầm, nếu có phê-bình gia thấy những khuyết-diểm về nghệ-thuật trong văn kịch của ông, khi đã đánh giá, bằng các quy-tắc của nghệ-thuật, một nghệ-thuật không theo quy-tắc, vì thiếu thước chung để đo.

Nguyễn-Du đã thu được vào trong kiến-trúc cổ-diễn của Đoạn-trường Tân-thanh, với một tỉ-lệ nhỏ hơn của quy-tắc cổ-diễn, những lớp kịch biến-hóa như trong kịch của Shakespeare. Ông đã mang được cái biến-hóa vào khuôn khổ của cái đẹp cổ-diễn.

Dù là Đông hay Tây, người ta cũng đã từng quan-niệm một cái đẹp đúng mực, cân bằng, nghĩa là không thái quá như thẩm-mỹ-học đã quan-niệm. Cái đẹp đúng mực ấy đại-đề là cái đẹp trung dung của văn-chương cổ-diễn Á-Đông và cũng là cái đẹp của chủ-nghĩa cổ-diễn Pháp, làm tiêu-biểu cho chủ-nghĩa cổ-diễn Âu Châu, tuy định nghĩa có phần khác, theo lịch-sử hơn là dựa trên thẩm-mỹ-học. Văn-chương sơ-dĩ đặt ra quy-tắc là để giữ cái đẹp đúng mực. Văn-chương cổ-diễn là văn-chương quy-tắc. Quy-tắc có phần nào cứng-mắc và giả tạo, nên gò bó cái tài, vì vậy qua lịch-sử văn-chương, các tác-phẩm cổ-diễn kiệt-tác chỉ xuất hiện hãn-hữu ở những thời-gian ngắn, trong thế cân bằng không bền. Văn cổ-diễn, nếu thiên thiên-tài, biến thành ngay văn sáo nhạt-nhẽo.

Ở Trung-Hoa về thế-kỷ VIII, Đường thi, với kiến-trúc bát-cú hoàn-toàn cân bằng, với triết-lý trung-hòa của tình-cảm, đã đạt được cái đẹp cổ-diễn của thơ trữ-tình.

Ở Âu-châu, thế-kỷ -V của Hy-Lạp và nhất là thế-kỷ XVII của Pháp, đã đạt được cái đẹp hoàn-toàn của văn hí-kịch thuần-túy, chủ-trương phân-biệt hẳn hai thế-văn hí-kịch và trữ-tình. Các phê-bình-gia cổ-diễn Pháp, chịu ảnh-hưởng triết-học duy-lý của Descartes, đã quan-niệm Mỹ là Chân và đã muốn chứng-minh kịch-gia cổ-diễn chỉ tả tâm-lý phổ-biên của con người, chứ không phải tâm-lý riêng-biệt của cá-nhân, để đối-lập lý-trí với tình-cảm, văn-chương cổ-diễn với văn-chương trữ-tình hoặc lãng-mạn. Nhưng văn-chương trước hết là thẩm-mỹ, là tình-cảm, và nếu có cái phổ-biên trong đam-mê, tất cũng có cái phổ-biến trong xúc-động tình-cảm. Dù sao quan-niệm như trên đã giới-hạn chủ-nghĩa cổ-diễn vào văn-chương hí-kịch và làm mất tích-cách tổng-quát của một chủ-nghĩa văn-chương. Cũng vì vậy mà danh-từ lãng-mạn đã được dùng không những cho cái đẹp thái quá mà cả cho cái đẹp đúng mực của tình-cảm, do đó không khỏi gây ra những ngộ-nhận.

Ở Việt-Nam, về thế-kỷ XIX, Đoạn-trường Tân-thanh vừa có cái đẹp của thơ trữ-tình Đường thi, vừa có cái đẹp của bi-kịch Racine đã điều-hòa được hoàn-toàn tình-cảm với lý-trí, đã đạt tới cái thâm-nhã (goût) về cái đẹp trung-dung cho một nền văn-chương cổ-diễn bị-thể, gồm cả ba thể-văn: hí-kịch, trữ-tình và anh-hùng-ca của Âu-châu. Thật là cái may mắn lạ nhường cho ta để có thể định-nghĩa chủ-nghĩa cổ-diễn với ý-nghĩa "Đệ nhất đẳng" của Âu-châu cho văn-chương Việt-Nam, dựa trên một kiệt-tác đã thực-hiện được.

Cái đẹp của Đoàn-trường Tân-thanh làm nghi tới kiến-trúc cân bằng tuyệt-đẹp của đền Parthénon, trong có tàng-trữ những bức bích-họa và điêu-khắc tuyệt-đẹp của nền mỹ-thuật cổ Hy-Lạp. Kim-Vân-Kiểu là một đền Parthénon của văn-chương.

Nói như trên không có nghĩa là chỉ văn-chương cổ-diễn mới thực đẹp, vì cái đẹp trung-dung cũng đã rất khó để định-hạn, nó tùy theo thẩm-nhã của từng dân-tộc và của từng thời-đại, và vì nếu có một cái đẹp trung-dung thì lại có nhiều cái đẹp biên-hóa, phá mực trung dung ở một vài điếm nào.

Người Á-Đông có một triết-lý nhân-sinh điệu-hòa, trung-dung, nên văn-chương cổ-diễn, ít biên-hóa, hãn-hữu có lối văn phá cách, nhưng không đặt thành chủ-nghĩa văn-chương riêng biệt. Cũng vì vậy, ngoại-trừ một số ít tác-phẩm kiệt-tác do thiên-tài tạo nên được, văn-chương Á-Đông thường là sáo, và nhạt-nhẽo so với văn-chương Âu-châu!

Người Âu-Châu có óc tìm-tòi không chịu dừng ở văn cổ-diễn. Ở Anh, Shakespeare đã không theo quy-tắc cổ-diễn. Ở Pháp, vì văn hí-kịch cổ-diễn thiên về lý-trí, nên đã gây một phản-trào quá đà của tình-cảm: phong-trào lãng-mạn, và hàng rào cổ-diễn phá bỏ, các chủ-nghĩa văn-chương, từ phản-trào đến phản-trào, mọc lên liên-tiếp để thử-thách mọi hình-thức của cái đẹp.

Yêu-tò trữ-tình thấy rất nhiều ở vở trữ-danh *Tây-Sương-Ký* của Trung-Hoa với những bài huyền-ca và ở vở-kịch trữ-danh *Chiếc nhàn mắt* (Cakountalá) của Kalidasa, thế kỷ V, kịch-gia đệ-nhất Ấn-Độ và có lẽ của cả Á-Đông. Âu thi-vị cũng là đặc-tính của văn-chương Á-Châu. *Tây-Sương-Ký* rất là thơ-mộng, phần vì đề-tài, phần vì thể-cách văn-kịch Trung-Hoa; *Chiếc nhàn mắt* có những đoạn trữ-tình, nhất là những đoạn tả thiên-nhiên trong đời-thoại thật là tài-tình, có lẽ một phần nhờ ở đề-tài. Nhưng cả hai vở-kịch trữ-danh Á-Đông chỉ là kịch lãng-mạn, không khơi ra một vấn-đề nhân-sinh hay triết-lý nào sâu-sắc như ở các kịch-phẩm đệ-nhất của Âu-Châu, hoặc như ở Đoàn-trường Tân-thanh của Nguyễn-Du.

*Khéo thay đờ đuốc bầy trò,  
Còn tình đầu nữa, là thù đây thôi!...*  
*Trước cho bỏ ghét những người,  
Sau cho để một trò cười về sau...*

Nguyễn-Du đã phải coi trăm năm trong cõi người ta với bao nhiêu cảnh-ngộ bi-hoan hài-hước rút cục như một tàn trò để nói ở cuối truyện «Mua vui

cũng được một vài trông canh». Tuy thi-sĩ nói «lời quê chấp nhặt đông-dài», nhưng thực ra, ngoài lời văn-hoa, đã xây-dựng tàn trò đời với một nghệ-thuật vô-song, đã tả trò với đời giống như hệt, đồng-thời đã đặt một vòng hào-quang của lý-tưởng trên sáu-khâu của thực-tại để làm say-sưa thường-thức biết bao nhiêu là độc-giả.

Truyện Kiều gồm tất cả các hình-thức của hí-kịch, nên đã từng được khai-thác trên sáu-khâu và đã được nhiều khán-giả thưởng-thức.

Tuy nhiên, truyện Kiều là cả một nhân thể-kịch để có thể diễn ra trong một buổi. Tàn-kịch của Thúy-Kiều bao-gồm những tàn-kịch nhỏ, như đoạn Thúc-Sinh là một hài-kịch tâm-tình, đoạn Từ-Hải là một bi-kịch anh-hùng-ca, có thể tách ra làm những tàn-kịch riêng-biệt. Thực ra, người ta đã lấy từng khúc truyện ra làm những vở kịch nhỏ để diễn.

Chính các vở kịch toàn-diện của Shakespeare cũng đã dài quá, các vở ngắn nhất cũng đã khó mà có thể diễn thư thả và đầy-đủ trong một buổi. Cũng vì lẽ ấy mà kịch cổ-diễn Pháp chỉ lấy một động tác giản-dị và theo luật «Tam-nhất-trí» để khán-giả có thể thưởng-thức cái kết-cấu nhất-trí của vở kịch. Kịch-gia Á-Đông không quan-tâm mấy đến điều đó. Một vở kịch mang ra diễn có thể chỉ là một khúc nhân-sự như người ta đã diễn từng khúc của Tam-quốc-Chí hay của Đoàn-trường Tân-thanh. Kịch «nó» của Nhật-Bản chỉ là những khúc nhân-sự rất ngắn và người ta thường xếp 5 vở-kịch «nó», còn xen trò hề mới đầy được thời-gian của một buổi diễn.

Một tiểu-thuyết đã mang được dễ-dàng lên trên sân-khâu lại cũng có thể dễ-dàng hơn mang lên màn-ảnh, một ngành mới của hí-kịch. Màn-ảnh hơn sân-khâu là có thể diễn được toàn-thể một tiểu-thuyết dài, trường-hợp của truyện Kiều. Màn-ảnh có thể thể-hiện được những phong-cảnh thiên-nhiên hay cảnh sinh-hoạt huyền-diệu nên thơ rất phong-phú trong truyện Kiều. Đề lấy một tí-dụ, có lẽ chỉ màn-ảnh có thể thể-hiện được bằng ánh-sáng và màu-sắc cảnh huyền-ảo khi Kiều gảy đàn cho Kim-Trọng nghe lần đầu tiên. Khi tiếng đàn khoan như gió thoảng ngoài, thì ngọn đèn tỏ, ánh-sáng chiếu rõ vào hai người thể-hiện cái hiện-tại, sung-sướng, của đôi tình-nhân, nhưng khi tiếng đàn mau, như trời đổ mưa, thì ngọn đèn dưới sự dao-động của tiếng đàn mờ dần đi cho đến gần tắt, màn-ảnh tối lại, và hai người dường như đi trong ảo-mộng của tương-lai u-ám bi-sầu. Ngoài ra, người dàn-cảnh tồn công ít mà có hy-vọng thành-công lớn vì truyện Kiều đã được tác-giả dàn-cảnh sẵn-sàng cả rồi, cái mà ta hiếm thấy ở các tiểu-thuyết khác mang lên màn-ảnh. Từ tài-liệu thị-giác: cảnh thiên-nhiên, cảnh sinh-hoạt, ánh-sáng, màu-sắc, vai trò, quán-chúng, động-tác cho đến tài-liệu thính-giác: lời nói, tiếng động, âm-nhạc, tất cả đều được xếp đặt đầy đủ với

chi-tiết chọn-lọc, nhà dàn-cảnh ngày nay có lẽ chỉ cần cắt sén nhiều đi cho động-tác nhanh lên để thích-hợp với màn-ảnh mà thôi.

Vì vậy từ lâu, người ta đã thử mang truyện Kiều lên màn-ảnh, nhưng với những phương-tiện thô sơ và eo-hẹp về thời trước. Ngày nay, nghệ-thuật màn-ảnh đã tiến rất nhiều, các phương-tiện diển-tả trở nên dường như vô hạn. Nếu ta có phương-tiện nhất là vốn và chịu tập-luyện như các nước tân-tiền, ta hy-vọng có thể thể-hiện được cái huyền-diệu đầy thi-vị của truyện Kiều trên màn ảnh, và thực-hiện được một cuốn phim mỹ-thuật. Nếu thực-hiện được truyện Kiều sẽ được diển-tả dưới một hình-thức mới và ngoài giá-trị nghệ-thuật của cuốn phim, thi-phẩm vô song của văn-chương ta sẽ được giới-thiệu một cách nhanh chóng và rộng rãi với thế giới, vì có lẽ còn lâu lắm mới có thể có được những bản dịch xứng-dáng với nguyên-văn ra ngoại-ngữ. Đó là một viễn-vọng cho nghệ-thuật thứ bảy ở Việt-Nam, kho tàng nghệ-thuật của truyện Kiều còn chờ người khai-thác.

Xét như trên, đứng về phương-diện nghệ-thuật hí-kịch trong truyện Kiều, ta lại cũng thấy thiên-tài bao-quát và siêu-việt của thi-si Nguyễn-Du.

#### Tài-liệu tham-khảo

ARISTOTE, *Thi-Luận* (theo bản dịch Anh, Pháp-ngữ).

ABBÉ CL. VINCENT, *Théorie des genres littéraires*.

J. SUBERVILLE, *Théorie de l'art et des genres littéraires*.

VIANAY, *L'explication française*.

LANSON, *Histoire de la Littérature française*.

ENCYCLOPÉDIE DE LA PLÉIADE, *Histoire des littératures I, 'Domaine Oriental'* par R. Schwab.

H. A. WATT & W. W. WATT, *A handbook of English Literature*, Barnes & Noble N.Y. Part III, Glossary of Literary terms.

I. A. RICHARDS, *Principles of Literary Criticism*, London 1924.

BUCKNER B. TRAWICK, *World Literature*, Barnes & Noble, New York.

JOHN D. YOHANNAN, *A treasury of Asian Literature* (Bản dịch vở kịch «Chiến nhân mắt» của Kalidasa (Ấn-Độ) và kịch «Nô» của Nhật-Bản).

TUÔNG-BÁ-TIÊM, *Văn-thê-luận toàn-yếu*, Chương 18: Hí-kịch.

*Quốc-học vịnh-toán*: Quyển 2, Chính-Trung Thư-Cục.

VƯƠNG-THỰC-PHỦ, *Tây-sương-ký*, bản dịch Việt-ngữ của Nhượng-Tông.

## hai chị em

Trăng vừa nhỏ lên khỏi ngọn cây, bọn trẻ nhà ông Hàn cũng bày xong cỗ Trung-thu trên chiếc bàn tròn kê giữa sân, nào hoa quả, đó chơi bằng bột nặn, bánh dẻo, bánh nướng, khéo nhất là con gà luộc làm giống như ông 'Lã-Vọng' ngồi câu cá bên hòn núi xếp bằng xôi nếp màu xanh.

Bọn chúng sắp thành hàng một, mỗi đứa tay cầm một chiếc lồng đèn, đứa thì đèn con cá, con tôm, đứa thì đèn tẩu bay, tẩu bò; lại có cả đèn con thiên-thù đang vờn trái cầu, cái xanh, cái đỏ trông rất đẹp mắt. Thăng lớn nhất đám là thằng Hải, đeo chiếc tròng con bịt bằng da heo, vừa đi vừa đánh, rồi đèn thằng Sửu, thằng Dần, con Nga, con Quý là em nó. Chúng vui-vẻ, nét mặt tươi cười vừa đi quanh sân vừa hát.

Trong lúc ấy, con Tý ở bên hàng xóm cũng công em nó trên lưng nhón sang nhà ông Hàn mà thêm ước, nhưng nó lại chợt nghĩ ngay tới mẹ nó đang ôm mấy ngày hôm nay không cơm cháo gì cả, mà hồi nãy con Nga đã sang rủ chị em Tý đèn cùng chơi cỗ, nhưng mẹ nó ốm nặng nên nó phải ở nhà coi em và được hầu hạ bên mẹ nó, phòng khi mẹ nó có cần sai bảo điều gì chẳng?

Thằng Tý em nó, thấy bọn trẻ bên ông Hàn chơi Trung-thu, nó nằng-nặc đòi chị nó mua cho nó một chiếc lồng đèn, rồi nó thút-thít khóc và bảo chị nó:

- Chị mua cho em chiếc đèn con thỏ cơ!
- Em nín đi, lát nữa chị xin tiền mẹ sẽ mua đèn con thỏ cho em chơi!
- Mua cả bánh ông Trăng nữa cơ!
- Ừ chị mua cả bánh ông Trăng cho em nữa.

Chị nó cũng ậm-ừ ghò xong đi để đỡ cho nó nín, nó cũng biết tiền mua gạo, thức ăn hàng ngày chưa có nữa là tiền mua đèn, mua bánh cho em nó thì mẹ nó kiếm đâu ra?

Từ ngày bác Nam Trà là cha của nó đi làm phu hồ, sau một tai nạn rủi ro chết đi để lại cho mẹ nó một nách hai đứa con thơ. Con Tý lên bảy mới được đi học, biết đánh vần, thằng Tý mới hơn ba tháng. May có số tiền người ta bối

thường cho mẹ nó, mẹ nó làm vốn buôn bán lần hồi, nhưng cũng bị những ngày mẹ nó đau ốm, em nó bệnh tật luôn, nên trong nhà cứ sa-sút dần, mẹ nó được chị Tám Tròn có lòng thương cho về ở nhờ một căn bếp của chị vừa làm phòng ăn và ngủ của nhà nó luôn ở đó. Thâm thoát đã hơn sáu năm trời, mẹ nó hết vốn đi buôn, nó cũng không đi học nữa, nó phải ở nhà trông em cho mẹ nó đi gánh nước thuê, những hôm mẹ nó đau ốm không có tiền mua thuốc, em nó thì đói, nó phải chạy đi sang ông Hàn, bà Bảy xin gạo về nấu cháo cho mẹ và em nó ăn. Nó thương em nó lắm, nhiều khi nó cũng mang đôi thùng nhỏ ra giếng nước gánh thuê đỡ mẹ nó, nên nó cũng để dành được đồng nào là để mua bánh cho em nó những lúc em nó đói.

Ngoài tình thương của mẹ nó, nó có hai người bạn thân là hai chị em con Nga, con Quý. Mỗi khi đi học về đến nhà là Nga chạy sang nhà con Tý để kể lại chuyện nhà trường cho hai chị em nó nghe. Nhiều lúc Nga thường xin mẹ quần áo cũ hay sách vở của mình không dùng đến đem cho chị em nó. Bà Hàn thấy thế cũng làm ái-ngại và cảm-động, nên nhiều khi bà gọi mẹ nó sang gặp cơm bà cho ăn cơm, gặp việc vặt trong nhà thì làm, bà thường hay cho tiền, cho gạo.

Một hôm, anh của Nga là Sửu và Dân đang chơi trước cửa nhà bỗng dưng có một bọn độ ba bốn đứa trẻ ở xóm trên đến, chúng thấy cái ô-tô bằng sắt vận giầy cốt chạy xoè-xoè được, bị chúng cướp giật chạy liến. Bọn này chỉ biết đứng trơ mắt mà nhìn. Con Tý trông thấy nhanh chân đuổi theo kịp, nắm được áo thắt bé đó và bảo :

— Muốn sống thì phải bỏ giả ngay cái ô-tô ấy ra, không thì tao bóp cổ chết !

Bọn kia cũng định xông vào đánh, con Tý cũng khỏe, nó cầm cổ áo quay thẳng kia đi mấy vòng, làm cho bọn chúng ở ngoài lại cảm tức thêm, hò nhau lay gạch, đá liệng vào đầu con Tý, nhưng nó đều tránh được cả. May lúc ấy có Hải là anh của Nga cũng vừa đi học về đến đó, liền hỏi han đầu đuôi ra sao, rồi cho mỗi đứa một quả ục vào lưng và bảo cho bọn chúng biết :

— Từ nay chúng bay đừng có lại đây mà phá nữa !

Bọn trẻ sợ hãi chạy tán loạn. Nga nói với anh :

— Nếu không có chị Tý, thì chúng em mất cái xe ô-tô này và lại còn bị bọn nó ăn hiếp đánh chúng em nữa.

Cũng từ ngày hôm đó, mà anh em Nga coi chị em Tý thân như ruột thịt nên những ngày chủ-nhật nghỉ học, Nga thường đem sách vở của mình học ở Trường ra để giảng dạy cho Tý; vì thế mà Tý đã đọc được sách báo và làm toán thông thạo nhiều.

Thằng Tý từ nãy đến giờ vẫn nũng-nịu đòi chị mua bánh. Con Nga đang chơi đùa vui vẻ ở trong sân nhìn sang thấy chị em Tý như biết ý, nó lại gần anh nó hình như nói nhỏ điều gì, anh nó tươi cười gật đầu tỏ vẻ ưng thuận. Nó liền chạy lại bàn bầy cỗ cắm ngay một chiếc bánh dẻo, ít đồ chơi và cắm luôn cả chiếc đèn con cá của nó đem đến đưa cho chị em Tý :

— Chị Tý cho em ăn bánh và sang đây rước đèn với chúng em đi ! Tý ngán-ngại không muốn cầm bánh, đèn, đồ chơi, nhưng Nga cứ đặt vào tay hai chị em nó, rồi quay về chỗ cũ để mặc hai chị em nó đứng ngây người ra. Nó cảm động chưa kịp cảm ơn Nga thì nó lấy vại vạt áo thấm hai giọt nước mắt trào ra, trong lúc em nó sung-sướng cầm chiếc lồng đèn trong tay tưởng như mình trong mộng.

Hai chị em nó quay vào trong nhà. Căn nhà tối om như hủ nút, ngoài tiếng vo-ve của mấy con muỗi, còn không có một tiếng động nào khác. Nhờ có ánh sáng của cây nến trong chiếc đèn con cá mà làm cho căn nhà bớt tối tăm. Con Tý âm' em nó đến bên giường mẹ nó nằm và nói :

— Chị Nga cho chúng con nhiều bánh kẹo, mẹ dạy ăn với chúng con đi !

Mẹ nó không trả lời. Thằng Tý giọng cao chiếc đèn lên và khoe với mẹ nó :

— Đèn con cá đẹp quá, mẹ ạ !

Mẹ nó nằm thẳng, khẽ quay mặt lại nhìn hai chị em nó với đôi mắt đã dại, bỗng hai giọt lệ cũng từ từ lăn trên gò má hốc-hác và khô-khan.

Con Tý biết mẹ nó sắp chết, nó liền oà lên khóc :

— Mẹ chết thì ai nuôi chúng con !

Thằng Tý nghe nói đến mẹ chết lại càng khóc to hơn nữa. Hai tiếng khóc hòa lên như hai tiếng chim non lạc mẹ.

Ngoài kia, trăng đã lặn vào trong đám mây trắng đục, gió đã thổi mạnh. Tiếng trẻ con nô đùa, tiếng trống múa lân bên hàng xóm cũng im dần thay vào những tiếng cú rúc náo-nùng.



## VĂN-HÓA TÙNG-THƯ

do Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản

1. SỬ-LIỆU VIỆT-NAM  
Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng biên-soạn  
(246 trang) . . . . . 25\$
- 2-3. ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: LỤC TỈNH NAM-VIỆT  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Tập thượng (152 trang) . . . . . 20\$  
Tập hạ (132 trang) . . . . . 15\$
- 4-5. ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN  
A-Nam Trần-Tuân-Khải phiên-dịch  
Thanh-Hóa Tập thượng (122 trang) . . . . . 15\$  
Tập hạ (174 trang) . . . . . 15\$
6. ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Kinh-sư (96 trang) . . . . . 15\$
- 7-8. CỒ-ĐỒ HUỆ: Lịch-sử, Cổ-tích, Thắng-cảnh và Thi-ca  
Thái-Văn-Kiểm biên-soạn  
(487 trang, gồm 53 tranh ảnh và bản-đổ) . . . . . 70\$
- 9-12. ĐẠI-NAM THÔNG-NHẤT-CHÍ: TRUNG-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Quảng-Trị và Quảng-Bình (208 trang) . . . . . 20\$  
Thừa-Thiên Phủ Tập thượng (144 trang) . . . . . 15\$  
Tập trung (152 trang) . . . . . 15\$  
Tập hạ (134 trang) . . . . . 15\$
- 13-14. VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VỤNG-BIÊN  
Thái-Văn-Kiểm và Hồ-Đắc-Hàm biên-soạn  
(290 trang) . . . . . 55\$
15. HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM  
(Nền Cao-học tại Việt-Nam Cộng Hòa)  
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 6  
G.s. Nguyễn-Đình-Hòa biên-soạn  
(32 pages) . . . . . 6\$

Có bán tại các hiệu sách lớn ở Thủ-Đô, các tỉnh, nhà Tổng-phát-hành Thống-Nhất (329, Đường Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn) và tại Nha Văn-Hóa (89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn).

TRẦN QUÂN  
Tiền-sĩ Văn-chương  
Đại-Học-Đường Paris

## cung-oán ngâm-khúc bình chú

(xin đọc V.H.N.S. từ số 84)

- 17 Chìm đáy nước cá lờ đờ lặn,  
18 Lửng da trời nhạn ngẩn ngơ sa.  
19 Hương trời đắm nguyệt say hoa,  
20 Tây-Thi mắt vía Hằng-Nga giật mình.

bình chú

17 Đáy. Đáy do chữ 底 là phần thấp ở nơi có lòng trũng như dưới sông hồ. Truyện Kiều có câu thơ số 1603-1604 nói:

Long lanh đáy nước in trời,  
Thành xây khói biếc non phôi bóng vàng.

Lờ-đờ. Lờ-đờ là tiếng đề nói chậm chạp, không lanh lẹ, tuồng như bị mờ trí. Có bản chép:

Chìm đáy nước cá lờ-đờ lặn.

Hai chữ lờ-đờ có vẻ mệt mỏi, thiếu sự hăng hái, không hợp nghĩa bằng chữ lờ-đờ.

Trong hai câu thơ số 16-17 chữ mưa ở cuối câu bát (16) không đồng âm với chữ lờ trong câu thất nhất (17), cho nên có thể coi như cưỡng-vạn. Câu thơ số 17, giởng câu trong bài "Tán cung-nữ oán Bái-công" nói: "Câu khiên hững đánh chìm dòng nước chảy."

[Tập XII, Quyển 11 (Tháng 11, 1963)]

## VĂN-HÓA TÙNG-THƯ

do Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản

### 1. SỬ-LIỆU VIỆT-NAM

Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng biên-soạn  
(246 trang) . . . . . 25\$

### 2-3. ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: LỤC TỈNH NAM-VIỆT

Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Tập thượng (152 trang) . . . . . 20\$  
Tập hạ (132 trang) . . . . . 15\$

### 4-5. ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN

A-Nam Trần-Tuân-Khê phiên-dịch  
Thanh-Hóa Tập thượng (122 trang) . . . . . 15\$  
Tập hạ (174 trang) . . . . . 15\$

### 6. ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN

Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Kinh-sur (96 trang) . . . . . 15\$

### 7-8. CỒ-ĐỒ HUỆ: Lịch-sử, Cổ-tích, Thắng-cảnh và Thi-ca

Thái-Văn-Kiểm biên-soạn  
(487 trang, gồm 53 tranh ảnh và bản-đồ) . . . . . 70\$

### 9-12. ĐẠI-NAM THÔNG-NHẤT-CHÍ: TRUNG-PHẦN

Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Quảng-Trị và Quảng-Bình (208 trang) . . . . . 20\$  
Thừa-Thiên Phủ Tập thượng (144 trang) . . . . . 15\$  
Tập trung (152 trang) . . . . . 15\$  
Tập hạ (134 trang) . . . . . 15\$

### 13-14. VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VỤNG-BIÊN

Thái-Văn-Kiểm và Hồ-Đắc-Hàm biên-soạn  
(290 trang) . . . . . 55\$

### 15. HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM

(Nền Cao-học tại Việt-Nam Cộng Hòa)  
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 6  
G.s. Nguyễn-Đình-Hòa biên-soạn  
(32 pages) . . . . . 6\$

Có bán tại các hiệu sách lớn ở Thủ-Đô, các tỉnh, nhà Tổng-phát-hành Thống-Nhất (329, Đường Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn) và tại Nha Văn-Hóa (89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn).

TRẦN QUÂN

Tiền-sĩ Văn-chương  
Đại-Học-Đường Paris

## cung - oán ngâm - khúc bình chú

(xin đọc V.H.N.S. từ số 84)

- 17 Chìm đáy nước cá lờ đờ lặn,  
18 Lờng da trời nhạn ngân ngơ sa.  
19 Hương trời đắm nguyệt say hoa,  
20 Tây-Thi mắt vía Hằng-Nga giệt mình.

### bình chú

17 Đáy. Đáy do chữ 底 là phần thấp ở nơi có lòng trũng như dưới sông hồ. Truyện Kiều có câu thơ số 1603-1604 nói:

Long lanh đáy nước in trời,  
Thành xây khói biếc non phôi bóng vàng.

Lờ-đờ. Lờ-đờ là tiếng để nói chậm chạp, không lanh lẹ, tuồng như bị mờ trí. Có bản chép:

Chìm đáy nước cá lờ-đờ lặn.

Hai chữ lờ-đờ có vẻ mệt mỏi, thiếu sự hăng hái, không hợp nghĩa bằng chữ lờ-đờ.

Trong hai câu thơ số 16-17 chữ mưa ở cuối câu bát (16) không đồng âm với chữ lờ trong câu thất nhất (17), cho nên có thể coi như cưỡng-vận. Câu thơ số 17, giống câu trong bài "Tân cung-nữ oán Bái-công" nói: "Câu khiên hứng đánh chìm dòng nước chảy."

[Tập XII, Quyển 11 (Tháng 11, 1963)]

**I8 Lừng. Lừng** là ở giữa phía trên, không cao không thấp, ở nửa chừng. **Nhạn.** Trong văn chương không có định nghĩa rõ-rệt của chữ *nhạn*. Abel des Michels trong quyển "Kim-Vân-Kiểu tân truyện" (1884), Paulus Huỳnh-Tĩnh-Cửa trong quyển "Đại Nam Quốc-Âm Tự-Vị" (1895-1896), Đào-Duy-Anh trong quyển "Hán-Việt Từ-Điền" (1931) trang 58 quyển hạ, Nguyễn-Vân-Vinh trong quyển "Traduction Française du Kim-Vân-Kiểu" (1942), Dương-Quảng-Hàm trong quyển "Lục-Vân-Tiên traduit en français" (1944) cho là con ngỗng trời. René Crayssac trong quyển "Kim-Vân-Kiểu, le célèbre poème de Nguyễn-Du traduit en vers français" (1926) dịch ra 'cigogne' (chim cò). J. F. M. Génibrel trong quyển "Dictionnaire Annamite-Français" (1898) thì viết 'oie sauvage' (chim ngỗng trời), 'grue' (chim lạc hoặc chim sáo), 'cigogne' (chim cò) là ba thứ chim khác nhau. Cũng Đào-Duy-Anh trong quyển "Hán-Việt Từ-Điền" (1931) trang 392 quyển thượng, sách "Việt-Nam Từ-Điền" của Hội Khai Trí Tiến Đức khởi thảo (1931), Thuận-Phong trong quyển "Chinh-Phụ Ngâm-Khúc giảng-luận" (1950) giải-nghĩa là chim vịt trời. Georges Cordier trong quyển "Dictionnaire Annamite-Français" (1930), Bùi-Vân-Lãng trong quyển "Chinh-Phụ Ngâm-Khúc traduit en français" (1943), Phạm-Gia-Kính trong quyển "Cung-Oán Ngâm-Khúc traduit en français" (1950) dịch ra 'hirondelle' tức là chim én. Trái lại Nghiêm Liễn trong quyển "Lục-Vân-Tiên, poème annamite de Nguyễn-Đình-Chiêu, traduit en français" (1927) không chắc là chim gì cho nên chỉ viết rất dè-dặt là 'oiseau nhạn', rồi dịch ra 'oiseau messenger'.

Thè là không ai đồng ý về chữ *nhạn*. Nhưng ta có thể hiểu chim *nhạn* là một loài chim bay cao và xa từ đàn có hình chữ 人, xưa người ta tưởng đem tin tức ở xa đến, cho nên nhà thi-sĩ thường dùng câu *nhạn tín*.

Ở đây ta có thể nói tạm *nhạn* là chim ngỗng trời (oie sauvage).

Truyện Kiều có câu thơ số 565-566 nói:

Buồn trông phong cảnh quê người,  
Đầu cành quỳên nhặt cuội trời nhạn thưa.

**Ngân-ngợ.** *Ngân-ngợ* là tiếng đôi đê nói có vẻ mệt-mỏi, mất sức, thơ-thần. Truyện Kiều có câu thơ số 363-364 nói:

Từ phen đá biết tuổi vàng,  
Tình càng thăm-thía dạ càng ngân-ngợ.

Trong hai câu thơ số 17-18 bốn chữ *cá lặn nhạn sa* nhắc sách Trang-Tử nói hai nàng Mao-Tường và Lệ-Cơ có sắc đẹp phi thường đến nỗi cá lội dưới sông thấy phải chím lặn đáy nước, còn chim thấy phải bay cao, như cò

câu: 'Ngư kiến chi nhập thâm, điều kiện chi cao phi' 魚見之入深鳥見之高飛.

Sau này sách "Thông tục biên" 通俗編 đổi thành câu: 'Trám ngư lạc nhạn' 沉魚落雁 (cá lặn nhạn sa). Truyện "Hoa Tiên" có câu thơ số 95-96 nói:

Mặn mà chím cá rơi nhàn,  
Nguyệt ghen gương khếp hoa hờn thắm thay.

Trong văn-chương Việt-Nam thường lộn chữ *nhạn* 雁 hoặc雁 với chữ yền (én) 燕. Hai chữ này viết khác nhau lắm, nhưng người Tàu đọc giọng theo một âm, dấu là hai loài chim khác nhau. Vì thế cho nên, người Việt không phân biệt rõ chim *nhạn* và chim *én*, cả hai thuộc về một loài chim bay rất cao và đi trú rất xa, để đem tin tức từ nơi xa đến.

Hại câu thơ số 17-18 ý nói cung-phi khoe sắc đẹp tuyệt thê của nàng làm cá thấy phải sợ lặn tránh dưới đáy nước sâu và chim nhạn bay trên trời cũng lòa mắt sa xuống.

Hai câu thơ số 17-18 đôi nhau từng chữ từng ý:

chím	=	lừng
đáy nước	=	đá trời
cá	=	nhạn
lò-dờ	=	ngân-ngợ
lặn	=	sa

**I9 Hương trời.** Dịch hai chữ *thiên hương* 天香 lấy trong thơ của Lý-Chính-Phong có câu:

國色朝銜酒  
國色 朝銜 酒  
Quốc sắc triều hàm tửu,  
天香浣染衣  
天香 浣染 衣  
Thiên hương dạ nhiễm y.

Người quốc sắc ban mai say rượu (màu hoa);

Mùi thiên hương buổi tối nhuộm áo khăn (mùi hoa).

*Thiên hương* là tên hoa mẫu-đơn, một thứ hoa thơm, đẹp, quý nhất trong các thứ hoa, được gọi là *hoa vương* 花王. Ở đây có ý ví người tuyệt sắc với hoa mẫu-đơn.

*Hương trời* để ví người con gái đẹp như hoa thơm của trời. Truyện Kiều có câu thơ số 1065-1066 nói:

Than ôi sắc nước hương trời,  
Tiếc cho đầu bóng lạc loài đến đây.

**Đắm.** Đắm là từ trên rót xuống nơi sâu, để nói cái gì chìm dưới mặt nước. Ở đây có nghĩa riêng là làm say mê hay vui sướng quá độ.

Say. Say do chữ túy 醉 là làm cho mê-mạn như mất trí, thường nói say rượu bị thuốc cũng như say tình. Truyện Kiều có câu thơ số 3187-3188 nói:

Thoát thôi tay lại cầm tay,  
Càng yêu vì nết càng say vì tình.

Câu thơ số 19 ý nói nàng cung-phi có nhan sắc hỗn nhiên như mùi hoa thơm ngát làm cho trăng lừa mắt ngẩn ngơ lu lờ, làm cho hoa phải tê tái say mê. Không khác gì trong truyện Kiều cặp mắt và lông mày nàng Thúy-Kiều làm hoa thù liễu oán, như trong câu thơ số 25-26 nói:

Làn thu thủy nét xuân sơn,  
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.

20 **Tây-Thị.** Tây-Thị 西施 là tên một người con gái quê làm nghề giặt vải sợi, ở xứ Vũ-La, có nhan sắc tuyệt thế. Đời Xuân-Thu vua Việt-Vương là Câu-Tiền đánh giặc thua vua Ngô-Vương ở đất Côi-Kê. Sau nhờ mưu-thần của Việt-Vương là Phạm-Lãi biết nàng Tây-Thị mua về dạy ca múa thành tài, rồi đem dâng vua Ngô là Phù-Sai tại nơi điện Côi-Tô. Phù-Sai mê say sắc đẹp nàng mà quên cả việc nước nên mất ngôi. Ấy là Câu-Tiền trả thù bằng mỹ-nhân kẻ. Về sau Phạm-Lãi đem Tây-Thị đi chơi các nơi thắng-cảnh Ngũ Hồ, rồi không ai nghe nói đến nữa.

**Via.** Via do chữ vệ 衛 là tiếng nôm cùng một nghĩa với chữ phách 魄. Via là cái phần tri-giác trong con người, lúc chết thì tan đi mất. Mỗi người có ba phần: một phần thiêng liêng sáng láng bất diệt là linh hồn, cái thân-thể lúc chết trở thành tro bụi, và một phần phụ để hợp với hồn và xác là vía.

Thường nói 'ba hồn chín vía' cho có thú vị bóng bẩy, nhưng vía hay hồn dùng chung một nghĩa. Ca dao có câu:

Người thì chẳng đáng đồng chi,  
Ba hồn chín vía đời đi vắng đèo.

**Mắt vía.** Mắt vía là sợ hoảng hốt, thất kinh tuổng như tê mình chết giắc. Trong bài "Tân cung-nữ oán Bái-công" có câu nói: "Gan cấp vui vừa mắt vía ngày nào."

**Hằng-Nga.** Theo sách "Hoài nam tử" 淮南子 Hằng-Nga 姮娥 tức là vợ chàng Hậu-Nghệ đời vua Hoàng-Đề. Chồng học phép tiên và cầu được

thuộc trường-sinh của bà Tây-Vương-Mẫu ban cho. Ngày kia Hằng-Nga ưỡng trộm thành tiên bay lên cung trăng.

Nhà văn thường dùng chữ Hằng-Nga để tả mặt trăng hoặc con gái đẹp, cũng nói tắt d Hằng hoặc chị Hằng. Truyện "Phan Trầu" có câu thơ số 47-48 nói:

Mi miêu cung què Hằng-Nga,  
Trần công mới đặt tên là Kiều-Liên.

**Giật mình.** Giật là co mạnh gân tay chân lại. Giật mình là làm rung-động thình lình mình mẩy như thấy sự gì phi thường, nghe tiếng động rất to. Trong bài "Tân cung-nữ oán Bái-công" có câu nói: "Một thời bởi giật mình oai chín quận".

Câu thơ số 20 ý nói hai nàng Tây-Thị và Hằng-Nga xinh đẹp lạ thường còn không bị nhan sắc của cung-phi, làm một người thầy sợ hết hồn, còn một người trông qua sững sờ.

Từ câu thơ số 9 đến 20 tức là 12 câu, tác-giả tả cái sắc đẹp của cung-phi theo cách vô hình.

Thường nhà văn trình-bày vẻ đẹp đàn bà bằng những yếu-tố thầy nhân tiên như nói: một mỹ-nhân phải có mày ngài, mắt phụng, môi son, má phàn, minh ngà, vóc ngọc, gót sen, tiếng vàng... Nhưng đây ta chỉ tưởng-tượng cái sắc cực đẹp bằng

Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn...

Vậy cung-phi xinh vì vẻ phù-dung, vì áng má đào, vì khoe thu ba, xinh làm cỏ cây động tình xuân, làm cá lặn nhận sa, làm nguyệt đám hoa say, xinh hơn găm thêu của nàng Ban-Tiếp-Dur, hơn nhan sắc nàng Tây-Thị nghiêng nước nghiêng thành, hơn hình-dung nàng Hằng-Nga trên cung trăng.

Tóm tắt một người mà chiêm lấy giải nhứt sắc đẹp trong giới nữ-lưu từ cỏ chí kim, át là một tiên-nữ ra đời, chớ không phải một người phạm trên cõi thế.

Câu thơ số 20 chia ra ra làm hai về đối nhau từng ý từng chữ:

Tây-Thị = Hằng-Nga  
mắt = giật  
vía = mình

\*

- 21 *Câu cảm tú đàn anh họ Lý,*  
 22 *Nét đàn thanh bạc chị chàng Vương.*  
 23 *Cờ tiên rượu thánh ai đang,*  
 24 *Lưu-Linh Đê.Thích là làng tri âm.*

## bình chú

21 *Cảm tú.* *Cảm* 錦 tức gấm là một thứ hàng quý dệt bằng tơ có hoa và màu rất đẹp. *Tú* 繡 là thêu ra hình rất khéo. Hai chữ này do câu: 'Tú khẩu cảm tâm' 繡口錦心 (Miệng như thêu, bụng như gấm) lấy trong văn ông Liễu-Tông-Nguyên, nghĩa bóng là văn hay như thêu như dệt, thường dùng để khen lời nói có giá-trị, có ý tứ thanh đẹp. Truyện Kiều có câu thơ số 207-208 nói:

*Xem thơ nức nở khen thắm,  
 Giá dành tú khẩu cảm tâm khác thường.*

*Họ Lý.* Tức là *Lý-Thái-Bạch* 李太白 là một nhà thi-hào trứ-danh đời Đường, văn-chương rất giỏi xưng là *tú khẩu cảm tâm* 繡口錦心. *Lý-Thái-Bạch* hiệu là *Thanh-Liên* 青蓮 thường ca tụng vua Đường Huyền-Tôn và Dương-Quí-Phi công-chúa.

Tục truyền ông uống một đấu rượu làm được trăm bài thơ, sau cũng vì tạt rượu mà chết đắm trên sông một đêm trăng.

Câu thơ số 21 ý nói nàng cung-phi khoe tài thi phú mình như gấm thêu hoa dệt trội hơn *Lý-Thái-Bạch* là đệ-nhất thi-nhân đời Đường, cũng như câu thơ số 404-405 trong truyện Kiều sánh tài hay chữ của nàng Thúy-Kiều với hai nữ-thi-si *Ban-Chiêu* và *Tạ-Đạo-Uân*:

*Khen tài nhả ngọc phun châu,  
 Nàng Ban á Tạ cũng đâu thê này.*

Trong hai câu thơ số 20-21 chữ *minh* (20) ở cuối câu bát phải hòa vận với chữ *anh* (21) trong câu thất nhất, nhưng hai chữ nay không được đồng âm, cho nên có thể coi như chuyết-vận.

22 *Đàn thanh.* *Đàn* (đan) 丹 là màu đỏ. *Thanh* 青 là màu xanh. *Đàn thanh* là sắc đỏ sắc xanh dùng vẽ danh-từ, nghĩa bóng nói nét vẽ tô điểm khéo. Hai chữ này lấy trong 'Tân thư' 普書 để trò nghệ-thuật pha màu dùng họa

tranh. Đây là một cách nói trong văn-chương tiếng Pháp gọi là 'synecdoque' (phép chuyển nghĩa) dùng vật-liệu làm đồ để chỉ món đồ làm ra hoặc nghề-nghiệp.

*Chàng Vương.* Tức *Vương-Duy* 王維, hiệu là *Ma-Cật*, có tài vẽ khéo thơ hay đời nhà Đường, tục truyền thơ đẹp như tranh, tranh đẹp như thơ. Đời sau có người khen rằng:

詩中有畫畫中有詩  
 Thi trung hữu họa họa trung hữu thi.  
 Trong thơ có họa trong họa có thơ.

*Vương-Duy* tôn sùng Phật-giáo, ăn tu xa lánh mùi tục, thích vẽ tranh tranh sơn thủy theo quan-niệm rất cao siêu mà bao nhiêu môn-đệ noi theo, làm vang lừng nghệ-thuật đời Đường.

Câu thơ số 22 ý nói cung-phi có tài hội-họa xuất sắc đến nỗi làm lép tiêng *Vương-Duy* là một tay vẽ khéo thơ hay ngày xưa bên Tàu.

Hai câu thơ số 21-22 đối nhau từng chữ rất sát ý nghi:

câu = nét  
 cảm tú = đàn thanh  
 đàn anh = bạc chị  
 họ Lý = chàng Vương

23 *Cờ tiên.* *Cờ* do chữ kỳ 棋 tức là cờ tướng chia ra làm ba bộ: tướng sĩ tượng, xe pháo mã, quân, phải theo một qui-tắc như mã nhựt, tượng điển, xe liên và pháo cách, chơi cao thấp tùy mưu trí của mỗi người. Tiếng Pháp gọi là 'jeu d'échecs'. *Tiên* 仙 là một vị xinh đẹp, thông minh, phép tắc phi thường, sống trường-sinh trong một cõi đầy lâu đài ngà bạc sung sướng gọi là *Bồng-Lai*. *Cờ tiên*-ông tiếng Pháp gọi là 'les Immortels' và tiên-nữ gọi là 'une fée'. *Cờ tiên* dùng nói các vị tiên thường tụ họp nhau chơi cờ rất sành.

*Rượu thánh.* *Rượu* do chữ tửu 酒 là một chất nước làm bằng nếp nấu với men hoặc bằng trái nho ép, uống vào có mùi thơm cay làm tinh-thần mê man, tiếng Pháp gọi là 'alcool' hay 'vin'. *Thánh* 聖 là hiền-nhân trí cao đức rộng. *Rượu thánh* là rượu rất ngon uống vào làm trí não phanh phui, mà vẫn tỉnh như thánh hiền.

*Đang.* *Đang* do chữ đương 當 là so sánh, thù cao thấp, đối xứng nhau. Trong hai câu thơ số 22-23 chữ *Vương* (22) không đồng âm với chữ *đang* (23), cho nên có thể coi như chuyết-vận.

24 *Lưu-Linh.* *Lưu-Linh* 劉伶 là tên người đất Bái, tự là *Bá-Luân*, sinh ra khoảng cuối đời Tần. Ông làm quan đến chức kiền-oai tướng-quân cho nước Tần. Tính phóng-khoáng có tài uống rượu, thường kết bạn thân cùng *Nguyễn-*

Tịch và Kê-Khương, làm bài thơ "Tứ đức tụng" 酒德頌 khen đức tính của rượu. Ông có tên trong "Trúc lâm thất hiền" 竹林七賢 là bảy hiền-nhân đời Tần là Kê-Khương, Nguyễn-Tịch, Sơn-Đào, Hương-Tứ, Lưu-Linh, Nguyễn-Hàm và Vương-Nhung, cùng nhau đi chơi tại Trúc-Lâm (rừng tre) bàn luận về đạo-lý xa chôn công-danh phú-quí.

**Đề-Thích.** 帝釋 tức là Lý-Chê, một nhà vua qui Phật trên trời, chính ông bày ra cờ tiên chơi không ai bì được. Tại Hà-Nội có cất một đền thờ định ngày mồng chín tháng giêng là ngày hội thường niên.

**Làng.** Làng do chữ hương 鄉 là một nhóm người làm chung một việc gì theo sở-thích riêng. Đó là nghĩa ở đây. Có bản chép:

*Lưu-Linh Đề-Thích là phường tri âm.*

Chữ phường 坊 là một bọn có tánh-cách buồn bán về nghề-nghiệp, không có nghĩa thanh bằng chữ làng.

**Tri âm.** Tri 知 là biết. Âm 音 là tiếng. Tri âm là người rất tinh âm-luật, như có câu trong Cổ thi 古詩 nói:

不 惜 歌 者 苦

Bất tích ca giả khổ,

但 傷 知 音 稀

Đàn thương tri âm hy.

*Không tiếc người hát khổ nhọc,*

*Chỉ đau thương người tri âm ít có mà thôi.*

Có tích nói quan đại-phu Cao-Bá-Nha một đêm trăng đi trên thuyền về quê, ngồi khảy đàn. Một tiểu-phu tên Chung-Tử-Kỳ đứng trên bờ sông lắng nghe khen điệu nhạc ăn họa với tình-cảnh. Lúc Bá-Nha nhớ nước chảy sông tràn, thì Tử-Kỳ nói: 'Dương dương hồ nhược lưu thủy' 洋洋平若流水 (minh mông như nước chảy). Khi Bá-Nha nhớ đèn non xanh núi cao, thì Tử-Kỳ nói: 'Nguy nguy hồ nhược cao sơn' 巍巍平若高山 (vội vội như núi cao). Nghe vậy Bá-Nha bèn mời Chung-Tử-Kỳ xuống thuyền trò chuyện nhau và kết nghĩa bằng hữu rất thân thiết.

Nghĩa bóng hai chữ tri âm trở người bạn quen biết, người đồng một tâm chí. Truyện Kiều có câu thơ số 1247-1248 nói:

Vui là vui gượng kéo là,

Ai tri âm đó mặn mà với ai.

Hai câu thơ số 23-24 ý nói cung-phỉ nhắc đến Lưu-Linh uống rượu hay và Đề-Thích chơi cờ giỏi như kẻ cờ-tri, như người tài nghệ ngang vai.

(còn tiếp)

## hoài-niệm nhà chí-sĩ phan-bội-châu (1867-1940)

Nhân ngày húy-nhật của Sào-Nam Tiên-Sinh (29 tháng 9 năm canh-thìn, tức 29 tháng 10 năm 1940) là một nhà chí-sĩ kiêm văn-sĩ và thi-sĩ, đã hy-sinh cả một đời vào công cuộc vận-dộng cách-mạng dân-tộc và giác-ngộ quần-chúng, chúng tôi thành-kinh viết bài lược-khảo sau đây, mong nhắc các bạn hoài-niệm công trình tranh-dấu bền-bì và hăng-hái của một bậc tiên-bồi, lúc trẻ lòng yêu nước sôi-nổi như Trần-quốc-Toản và lúc già khí-tiết vẫn cao cả như Chu-văn-An.

### 1. Lược-thuật cuộc đời cách-mạng của Phan-Bội-Châu

Phan-Bội-Châu, lấy bút-hiệu là Sào-Nam, sinh vào tháng chạp năm đinh-mão, tức niên-hiệu Tự-Đức thứ 20 (n. 1867) ở quê bà thân-mẫu tức thôn Sa-Nam, xã Đông-Liệt, tỉnh Nghệ-An, một làng ở dưới chân núi Hùng-Sơn (hay Độn-Sơn)<sup>1</sup>, trên bờ sông Lam. Đền năm lên ba, Phan mới theo cha mẹ về nơi quê cha đất tổ, tức làng Đan-Nhiêm, huyện Nam-Đàn, cũng thuộc tỉnh Nghệ-An. Cha mẹ đặt tên là San, nhưng vì sợ phạm-húy với hoàng-tử Vinh-San (sau là vua Duy-Tân) nên đổi tên là Phan-Bội-Châu (n. 1900). Phan sinh-trưởng trong một gia-đình thanh-bạch, rất chuông danh-giáo và khí-tiết. Thân-phụ là Phan-văn-Phổ, một nhà nho thanh-cần và cương-trực; thân-mẫu là Nguyễn-thị-Nhàn, một bậc hiền-phụ, nhân-hậu và đảm-lực. Theo sách *Tự-Phấn* do Phan-Bội-Châu viết, có thuật lại rằng: « Năm 30 tuổi, cha tôi cùng mẹ tôi kết-hôn; năm 36 tuổi mới sinh tôi. Lúc tôi lên ba, Nam-Kỳ thất-thủ đã năm năm. Tiếng oe-oe ra đời như báo trước cho

<sup>1</sup> Núi Hùng-Sơn là nơi thất-trận của Mai-Hắc-Đế khi cầm quân chống cự với quân nhà Đường và mất luôn ở đó.

tôi rằng: "Mày sẽ phải làm một người mất nước." ...Cha tôi đi dạy học xa, thường ăn ở tại nhà chủ, cả năm không mấy khi ở nhà; từ lúc tôi mới sinh đến năm lên 6 tuổi, mẹ tôi nuôi nấng dạy bảo tôi..."

Hồi mới lên 4 và 5 tuổi, Phan đã được bà mẹ dạy truyền-khẩu mấy chương Chu-Nam trong sách *Kinh-Thi*. Năm lên sáu tuổi, Phan được cha đưa theo đến trường học. Vốn thiên-tư rất thông-minh, nên cả quyển *Tam-Tự-Kinh*, trong 3 ngày, Phan đã thuộc lòng. Khi học tiếp đến quyển *Luận-Ngữ* và tập viết, vì gia-đình nghèo thường không đủ tiền mua giấy viết, Phan phải dùng tấu lá chuối thay cho giấy, mỗi khi viết xong và thuộc bài rồi, lại đem đốt. Lên 7 tuổi, Phan đọc sách *Kinh Truyện* đã hiểu được ý-nghĩa. Một lần, Phan đã tinh-ngịch phông theo nội-dung sách này làm cuốn sách khác nhan-đề là *Phan tiên-sinh Luận-ngữ*, trong có nhiều đoạn mỉa-mai giễu-cợt bạn đồng-học, nên đã bị cha mẹ trọng-phạt. Điều này âu cũng tỏ rõ tài-năng xuất-chúng và tinh-thần trước-tác của Phan ngay lúc còn nhỏ. Lên 8 tuổi, Phan đã làm những bài văn xuất-sắc, và trong những kỳ khảo-hạch ở làng hay ở phủ huyện, Phan thường vẫn đứng đầu.

Năm 9 tuổi, tức năm giáp-tuất (1874), vì thầy triêu-đình nhượng 6 tỉnh ở Nam-Việt cho chính-phủ Pháp, các thân-sĩ miền Nghệ-Tĩnh nổi lòng công-phân bèn lập ra một đảng lấy khẩu-hiệu "Bình-Tây" để đề tuyên-truyền và hiệu-triệu đồng-bào trong nước. Phan-Bội-Châu phần-nộ không kém các bậc văn-thân; nuôi sẵn chí lớn từ thuở nhỏ và trong mộng-tưởng có lẽ muốn làm một vị Trấn-quốc-Toàn cứu-quốc, Phan bèn hô-hào các trẻ em trong làng và trong trường học lập một đảng "Bình-Tây ti-hon", rủ nhau tập trận giả, lấy ống tre làm súng và hột vãi làm đạn bắn địch-quân. Về sau, tổ-chức này bị tan-vỡ, Phan phải trốn tránh ít lâu, rồi trở về đi học để chờ thời.

Năm 13 tuổi, Phan theo học một vị ẩn-sĩ là Nguyễn-Kiều tiên-sinh và được thấy yêu chuộng cảm mến tài học của Phan, thường đi tìm sách quý về cho Phan nghiên-ngẫm.

Tuy thế, sự học vẫn quanh-quẩn theo lối cũ-nghiệp hư-văn, xem không có cơ tiền-bộ, nên trong sách *Tự-Phân*, Phan đã thốt ra những câu than thở như sau: "...Nhưng tiếc thay, lúc bây giờ chỉ đua đua bằng văn khoa-cử không có gì đáng chếp. Khoa-cử hư-văn ở thời xưa quyết không phải là tội của Hán-học, văn nô-lệ ở ngày nay cũng quyết không phải là tội của Tân-học. Hoàn-cảnh tối-tầm chôn sống vô-số hạng thông-minh niên-thiếu, đau-đớn biết chừng nào!"

Đến năm 1885, đúng năm Phan 19 tuổi, kinh-thành Huế bị thất-thủ về tay quân Pháp. Vua Hàm-Nghi phải chạy ra Quảng-Trị. Giữa hồi này, trong

lòng Phan vô cùng đau-đớn và xúc-động vì hiện-trạng đen tối của nước nhà. Thực thế, nước Việt-Nam đang bị quân Pháp kiềm đủ cách để xâm-lược lãnh thổ, hết chiếm giữ miền Nam, lại dòm ngó miền Bắc và miền Trung. Các tầng lớp thân-sĩ trong nước sống trong tình-trạng hoang-mang, đều bị phân-tán dữ-đội. Có người đứng ra bắt tay với Pháp (đại-diện là Tôn-Thợ-Tường), có người thu-hình trở về lỗi sinh-hoạt cá-nhân, theo tư-tướng:

*Thu nước mắt nghê câu hận-độc,*<sup>2</sup>

*Chong ngọn đèn ca khúc mạc-ai.*<sup>3</sup>

Ngoài ra, còn có người sẵn nhiệt-tâm yêu nước, đứng ra khởi-nghĩa chống quân Pháp, vâng theo chiếu 'Cần-vương' của vua Hàm-Nghi, nhất là các thân-sĩ ở Nghệ-Tĩnh. Cùng chí-hướng với các vị nói trên, Phan đứng ra tổ-chức 'Si-từ cần-vương-đội', kết-hợp được chừng 60 thí-sinh, rồi kết đoàn lập ngũ hãn hoi. Vì còn ít tuổi, Phan không nhận làm đội-trưởng, nhường chức này để vị Cử-nhân Đinh-xuân-Sung có khoa-danh và nghĩa-khi đảm-nhận, còn Phan làm phó-đội. Chưa được mười ngày, quân Pháp đến vây thành Nghệ-An và mở cuộc tảo-thanh rừng-rợn khắp các nơi trong vùng. Đội "Si-từ cần-vương" của Phan bị tan rã ngay. Phan đành phải nuốt hận, ẩn trốn ít lâu rồi mới trở về việc bút nghiên.

Năm 20 tuổi, tức năm binh-tuất đời Đông-Khánh nguyên-niên (1886), Phan càng nung-nẫu trong tâm-can chí-hướng làm cách-mạng để cứu-vãn giang-sơn khỏi nạn ngoại-xâm. Phan có soạn-thảo bài *Song-Tuất lục* chia làm 2 phần chính:

(a) Phần nhất ghi rõ những biên-cổ trong nước khi hòa-ước *giáp-tuất* (1874) ra đời và cuộc khởi-nghĩa của dân-chúng 2 tỉnh Nghệ-An và Hà-Tĩnh nổi lên.

(b) Phần hai ghi rõ những biên-cổ xảy ra trong năm *binh-tuất* (1886) và cuộc nổi dậy của dân Nghệ-Tĩnh.

Sau đó, hơn mười năm trời (1887-1897), tức từ 21 đến 31 tuổi, Phan-Bội-Châu chuyên-tâm vừa dạy học, vừa học-hỏi kinh-nghiệm người xưa, lại vừa suy-nghiệm về những khả-năng chiến-đầu của bản-thân (rút ở cuộc chiến-đầu năm 1886 của si-từ cần-vương). Đồng-thời, Phan còn chuyên-tâm kết-nạp những bậc anh-tài nghĩa-khi có thể nối chí tiến-nhân và mưu-đó quốc-sự, tuyên-truyền trong khi dạy học những tư-tướng cách-mạng của các bậc anh-hùng chí-sĩ như Phan-đình-Phùng, Nguyễn-Hiệu v. v. . . liên-lạc và thâm-nhuần tư-tướng cách-mạng cùng ý-chí chiến-đầu của các vị danh-sĩ Kiều-Năng Tĩnh, Đặng-

2 Hận-độc: Một mình phải cặn-trọng, giữ-gìn.

3 Mạc-ai: Chớ nên buồn rầu.

nguyên - Cản, Nguyễn-thượng-Hiến, v. v. . . Ngoài ra, Phan cũng lưu-tâm nghiên-cứu học-tập những binh-thư sách-lược (*Tôn-Tử thập-tam-thiên, Võ-Hầu tâm-thư, Binh-gia bí-quyết*, v. v. . .) mong bồi-bổ thêm tài-trí, ôn tập những tác-phẩm mới xuất-bản có ản-tàng ý-chí cách-mạng (*Thiên-Hạ đại-thê luận, Trung-Đông chiến-kỷ, Phó-Pháp chiến-kỷ* v. v. . .)

Cũng trong thời-gian từ năm 1887 đến năm 1897, tuy theo chỉ-hướng làm cách-mạng, Phan cũng không quên lo tròn đạo hiếu đẽ. Thân-mẫu Phan đã mất năm 1884, còn thân-phụ thì già yếu và mấy người em gái nhỏ thì dại. Phan lấy nghề dạy học và bán văn bài để tạm mưu-sinh, nên gia-cảnh không bị túng-thiếu lắm. Phan rất ghét con đường khoa-cử; song le, sống trong thời-đại ấy, muốn hoạt-động về cách-mạng, trước tiên phải mượn lời khoa-danh để dễ gây uy-tin trong dân-chúng. Phan buộc lòng phải lều chõng như các sĩ-tử khác, và sáu lần đi thi hương, mới được đỗ.<sup>4</sup>

Khi Phan đỗ Giải-Nguyên (tức đỗ Thủ-Khoa thi Hương) năm canh-tý (1900) ở Nghệ-An, trong lòng cảm-hứng, có làm đôi câu đối tự mừng như sau:

“Bất như ý thường bất cửu sự, sáu sinh liêm ngoại Tây-phong;  
Hồn thiết xuy ư tam bách nhân, quý tử môn tiền Đông-Quách”.

Tạm dịch:

*Không như ý thường tám chín việc, ngoài rềm cãm tức ngọn Tây-phong;  
Thôi sáu lần trong ba trăm người, trước cửa thẹn-thùng chàng Đông-Quách.*

Cũng năm canh-tý (1900), thân-phụ của Phan tạ thế vào tháng 9 âm-lịch-hương thọ 70 tuổi. Lo xong việc tang-lễ cho tròn hiếu-đạo, Phan quyết-tâm đi vào con đường tranh-đấu làm cách-mạng để giải-phóng dân-tộc, chứ đâu có nghỉ dùng khoa-cử văn-chương làm bước tiên-thân trên hoạn-lộ.

Kể từ năm tân-sửu (1901), Phan muốn tiếp-tục công-cuộc kháng-chiến của Phan-Đình-Phùng. Ông đã kết-hợp với một số nghĩa-sĩ Nghệ-Tĩnh quyết-định chiếm đóng thành Vinh vào ngày lễ quốc-khánh của Pháp (14-7-1901), song không may cơ-mưu bại-lộ, việc khởi nghĩa này không thành-công.

4 Phan-Bội-Châu lận-đận về khoa-cử, có lẽ vì sớm có óc cách-mạng; lối văn-từ của Phan khó phù-hợp với lối văn cử-nghiệp hồi bấy giờ.

5 Xưa vua Tê-Tuyên-vương thích nghe thổi sáo, thường bắt 300 người thổi sáo cùng một lúc. Trong số này, có lần chàng Đông-Quách tuy không có tài thổi sáo, song cứ liều trờn vào để kiếm lợi-lộc. Sau vua Tuyên-vương mất, vua Tê-Mân-vương lên kế-vị. Vị vua này cũng thích nghe thổi sáo, song lại muốn bắt riêng từng người thổi. Thấy thế, Đông-Quách hoảng sợ, nên vội lẩn trốn ngay. Chuyện “Đông-Quách thổi sáo” thành điển-tích ám-chỉ những kẻ bất-lời, lại ham địa-vị cao và theo đóm ăn tàn.



Chân-dung  
PHAN-SÀO-NAM, Tiên-sinh  
(1867-1940)





Nhà chí-sĩ PHAN-SÀO-NAM  
đương trâm-ngâm  
bên ngọn đèn xanh

Lúc bấy giờ, nhà chí-sĩ Đặng-Thái-Thân, vừa là bạn vừa là thầy Phan, có khuyến bảo nên liên-kết với anh-hùng hào-khiet ở khắp nơi (Bắc, Nam, Trung), nếu muốn cho cuộc khởi-nghĩa có ảnh-hưởng sâu rộng và chia bớt sức mạnh của bên địch. Ông chợt tỉnh ngộ, nên quyết-chí gây cơ-sở toàn-quốc. Năm quý-mão (1903), ông cùng 2 bạn đồng-chí Đặng-văn-Bá và Lê-Võ lên đường vào Quảng-Nam để yết-kiến và vận-kê cụ Tiều-La Nguyễn-Thành, một bậc đàn anh cách-mạng và một kiện-tướng Cán-vương ở hai tỉnh Quảng-Ngãi và Quảng-Nam. Cụ Tiều-La có nêu ra 3 mục-tiêu chính để chiến-đầu có hiệu-quả :

- (1) Phải thu-phục được nhân-tâm.
- (2) Phải có một số tiền lớn.
- (3) Phải sắm mua quân-khí cho đủ.

Cụ Tiều-La còn bàn thêm về việc khởi-nghĩa chống Pháp cần phải chọn và tôn một vị xứng-đáng trong Hoàng-tộc làm minh-chủ để lấy lòng dân-chúng; hiệu-lệnh, danh-nghĩa nhờ vậy mới có thể minh-chính và ảnh-hưởng sâu-xa được. Phan-Bội-Châu dẫn-đo suy-nghĩ mãi và sau cùng phục theo ý-kiến của cụ Tiều-La. Ông liền ra Huế để yết-kiến Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đê (thuộc dòng Hoàng-tử Cảnh, trưởng-tử vua Gia-Long triều Nguyễn). Hai bên gặp nhau rất ý-hợp tâm-đầu. Rồi sau, cả hai cùng vào Quảng-Nam hội-kiến ở nhà vị Bộ-Chánh Phạm-Quý-Thích. Kỳ-Ngoại-Hầu được tôn làm Hội-chủ, Cụ Tiều-La Nguyễn-Thành được ủy-nhiệm hoạt-động từ Quảng-Nam, Quảng-Ngãi đi vào phía Nam, còn Phan-Bội-Châu được ủy-nhiệm hoạt-động từ Quảng-Trị, Quảng-Bình ra miền Bắc.

Phan liền vội-vàng trở về Nghệ-An, lo đặt cơ-sở tại mười tỉnh Bắc-phần. Ông còn xông pha lên vùng Yên-Thê (Bắc-Giang) tìm thăm Hoàng-Hoa-Thám để học hỏi và tìm hiểu về kinh-nghiệm chiến-đầu với địch-quân và chương-trình hoạt-động cứu nước. Làm xong công-tác này, ông trở về Huế báo-cáo với Kỳ-Ngoại-Hầu. Ông lại được ủy-nhiệm vào hoạt-động ở Nam-Phần, vì theo ý-kiến Kỳ-Ngoại-Hầu, miền Nam còn nhiều thân-sĩ giấu lòng ái-quốc ái-quần. Nhân dịp này, ông đã dò xét được các vùng Châu-Độc, Hà-Tiên, Cán-Thơ, Vinh-Long, Sa-Đéc, song kết-quả thu-lượm không được khả-quan lắm. Tuy gặp nhiều nỗi khó-khăn, ông luôn luôn nỗ-lực phân-đầu và giữ vững lòng trung-kiến.

Tháng 3 năm giáp-thìn (1904), ông trở ra Huế và bắt đầu sửa-soạn thi-hành một chương-trình mới. Ông cho ra đời cuốn sách nhan-đề: *Lưu-câu huyết-lệ tám-thư*, chủ-ý lợi-dụng tình-trạng chính-trị hồi đó để giác-ngộ đám nho-sĩ triều-thần. Nội-dung quyển này nói đến :

- (1) Thăm-cảnh của quốc-gia.

- (2) Cảnh nhơ-nhuộc về việc truất-phê vua chúa.  
 (3) Cảnh phải mở-mang trình-độ trí-thức quốc-dân.  
 (4) Cảnh-cô khí-tiết của dân-chúng.

Cũng vì soạn quyển sách nói trên để mưu-đó cuộc phản-đổi chính-trị, ông bị viên Khâm-sứ Trung-Kỳ bắt giam và tra-vấn ít lâu rồi lại thả ra. Song cũng nhờ cuốn sách đó, mà nhiều nhà chí-sĩ ẩn-dật biết rõ tâm-sự của ông, bèn tìm đến kết-giao thân-mật với ông để cùng nhau mưu-đó việc lớn. Trong số các bậc chí-sĩ này đáng kể nhất là hai vị danh-nho như Phan-Châu-Trình đồ Phó. Bảng năm 1901 và Trần-Quý-Cáp đồ tiền-sĩ năm 1904.

Đồng-ý với Cụ Tiểu-La Nguyễn-Thành, chủ-trương hiện-thời của ông vẫn cần phải bạo-động mới có thành-quả mau chóng. Muốn thế, ông tìm cách mua khí-giới ở ngoại-quốc. Giữa lúc này, chiến-tranh giữa 2 nước Nhật Nga bùng nổ và không bao lâu Nhật đã thắng-trận. Sự thắng-lợi của Nhật là người đồng-châu và đồng-chúng càng làm cho lòng tin-tưởng và ái-quốc của dân Việt-Nam tăng lên bội-phần. Một cuộc hội-hợp của các nhà chí-sĩ Việt-Nam đã mở tại Sơn-trang Nam-Thạnh (Quảng-Nam) để giải quyết gấp vắn-đề mua khí-giới và nêu cần cầu-viện Nhật-Bản. Phan Bội-Châu được cử làm đại-biểu mang lá thư của Kỳ Ngoại-Hầu sang Nhật, cố-gắng thu xếp mua khí-giới và cầu viện-trợ nếu có thể được. Nhiệm-vụ của ông lúc này thực là nặng-nhọc, nhất vì ngôn-ngữ bắt-đóng làm cho việc giao-thiệp thêm khó-khăn ra nhiều. Tuy-nhiên, ông vẫn tin-tưởng vào sự thành-công. Ngày mùng 2 tháng giêng năm ất-tỵ (1905), ông khởi-hành xuất-đương, cùng với 2 bạn đồng-chí là Tăng Bạt-Hổ và Đặng-Từ-Kính. Khi lưu-biệt anh em đồng-chí, ông có khẩu-chiêm một bài thơ hùng-tráng như sau :

Sinh vi nam-tử yêu hy kỳ,  
 Khẳng hứa càn-khôn tự chuyên di.  
 Ư bách niên trung tu hữu ngã,  
 Khởi thiên tải hạ cánh vô thù.  
 Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuê,  
 Hiến thánh liêu nhiên tụng diệp si.  
 Nguyễn trực trường phong Đông-Hải khứ,  
 Thiên-trùng bạch-lãng nhất tế phi.

Dịch :

Tài trai chí-khí lạ hơn người,  
 Xoay lại càn-khôn, vá lại trời.  
 Trong thê-kỷ này nên có mở,  
 Sau nghìn năm nữa há không ai ?  
 Non sông chết quách, thân thừa sông,  
 Hiến thánh còn đâu, bả cứ nhai.  
 Vượt bể sang đông nay thuận gió,  
 Nghìn trùng sóng bạc tít-mù khơi.

(Bản-dịch của LIÊN-PHONG)

(còn tiếp)

Đã phát-hành :

**NIPPONGO O HANASHI MASHÔ**  
 TA HÃY NÓI TIẾNG NHẬT

*Soạn-giả :* Bác-sĩ Toru Matsumoto, Tiến sĩ Sư-Phạm Viện Đại-Học Columbia.

*Dịch-giả :* Yonosuke Takeuchi, Giáo-Sư trường Sinh-ngữ Viện Đại-học Sài-gòn.

*Hiệu-dính-giả :* Nguyễn-Khắc-Kham, Trưởng Ban Ngôn-ngữ Văn-tự Việt-Nam tại Văn-Khoa Đại-Học-Đường Sài-gòn.

Cuốn I (72 trang) giá 20\$

Cuốn II (76 trang) giá 20\$

In tại nhà in Đông-Nam-Á — Sài-gòn.

## đọc 'con đường flandres'

Khác hơn những cuốn truyện xuất-bản trước đây của tác-giả, cuốn *Con đường Flandres* đòi hỏi một lối đọc truyện khá đặc-biệt. Trong các cuốn truyện chúng ta thường đọc, các nhà viết tiểu-thuyết thường theo một thông-lệ sẵn có là chia cuốn truyện ra từng phần, từng chương và mỗi phần chương đó có thể gọi là một 'truyện ngắn' rút gọn. Người đọc có thể chỉ đọc một phần cuốn truyện rồi gấp sách lại, cất truyện đi lúc khác rồi-rãi lại mang ra đọc. Đó cũng là một mảnh-khóe tâm-lý gây hứng-thú cho người đọc truyện muốn tò-mò đọc tiếp xem phần tới tác-giả muốn nói gì.

Chuyện của Claude Simon thì khác, một khi người đọc cầm cuốn truyện trên tay theo dõi câu truyện của tác-giả, người đọc bó buộc phải tiếp tục đi nốt con đường đi của tác-giả và đọc một hơi đến hết cuốn truyện mà không được phép nghỉ. Người đọc không được phép tự ý cất câu chuyện ra từng phần, vì một lẽ giản-dị câu chuyện không có phần, có mục. Vì thế, cất chia là giả tạo. Chuyện thành một khối không phân chia được, không có đầu cũng không có cuối và cũng không có luôn cả đoạn giữa, câu chuyện vượt ra ngoài kích-thước khuôn-khó của những định-luật tiểu-thuyết có phần mở, phần kết.

Cả câu chuyện đều chuyển-động: những nhân-vật đang di-chuyển ở một chỗ nào đó trong một khoảng thời-gian. Nhưng để biệt các nhân-vật có di-chuyển hay không chắc hẳn phải có một nhân-vật quan-sát không di-chuyển. Giữa lòng sự chuyển-động của chuyện phải có một sự hiện-diện bất-động: sự hiện-diện bất-động không di-chuyển này có thể là độc-giả, có thể là một nhân-vật đặc-biệt nào đó chứng-kiến sự di-chuyển trong truyện — nhân-vật này có thể là người trình-bày câu chuyện mà không cần chuyển-động theo câu chuyện hay tham-dự vào câu chuyện với tư-cách một nhân-vật truyện thực-thụ; nhưng thỉnh-thoảng rút lui vào bóng tối để quan-sát điều-khiển các nhân-vật truyện. Trên đây là hai nguyên-tắc của tiểu-thuyết mà bất cứ nhà văn nào muốn viết

\* *Sur la route des Flandres*, Claude Simon.

truyện cũng phải tuân theo. Nhưng hai nguyên-tắc đó, theo Claude Simon và các tác-giả thuộc nhóm tiểu-thuyết mới, lại là cái giả-tạo, phỉnh gạt người đọc. Tác-giả không thể nào đi vào lòng từng nhân-vật để quan-sát điều-động nhân-vật truyện. Tác-giả là một người, nghĩa là tác-giả bị giới-hạn vào hoàn-cảnh một con người nên cũng vì thế tác-giả không có quyền bắt người khác tuân lệnh ông. Nhưng không chấp-thuận hai nguyên-tắc trên, vậy Claude Simon sẽ giải-quyết vắn-đề ra sao? Chúng ta đi vào tác-phẩm của ông để cố-gắng hiểu quan-điểm của ông.

Có phải khi đọc *Cơn đường Flandres*, chúng ta bị ném vào một vòng luân-quần không đầu không đuôi và không biết mình đang ở địa-vị nào trong truyện? Đó là câu hỏi cần đặt ra. Chắc hẳn tác-giả đã nhằm đảo lộn niên-ký, có phải tác-giả chuyển một câu chuyện sang một câu chuyện khác mà không cần biên lý-do không chấp-thuận hai nguyên-tắc trên, vậy Claude Simon sẽ giải-quyết vắn-đề ra sao? Chúng ta đi vào tác-phẩm của ông để cố-gắng hiểu quan-điểm của ông.

Câu chuyện xảy ra vào mùa đông năm 1940 đến mùa thu năm 1945. Reixach, một Đại-Ủy chết bí-mật. Khi đó có Georges nhận ra viên Đại-Ủy Reixach là bà con xa gần với anh và anh hy-vọng tìm ra nguyên-do cái chết bí-mật của Reixach. Anh đến thăm vợ Reixach rồi ít lâu sau anh bắt nhân-tình với cô này. Trong khi đó xảy ra cuộc xâm-lăng, Georges đã chứng-kiến thảm-trạng đau lòng mắt hai người bạn: Reixach và Blum Reixach chết trước, rồi Blum sau. Georges bị tù 5 năm. Câu chuyện tiếp-tục diễn ra chung-quanh nhân-vật Georges. Sự thực nếu Claude Simon tả tỉ-mỉ thật sự những nhân-vật như Reixach, viên Đại-Ủy; Corine, vợ Reixach, Iglesia, người phụ-tá Reixach, chúng ta sẽ hiểu rõ nhân-vật Georges hơn, tuy chúng ta không trực-tiếp thấy Georges, nhưng nhìn Gorges qua những người như Đại-Ủy Reixach, Corine.

Nhưng Claude Simon không làm như chúng ta mong muốn, và ở đây ông mới trình-bay cho ta thấy sự giả-tạo, phỉnh gạt như vừa nói trên kia. Thật vậy, câu chuyện chúng ta vừa cố-gắng tóm-tắt ở trên chưa hẳn là đầu để câu chuyện tác-giả muốn nói đến, cũng chưa hẳn Georges sẽ là nhân-chứng điều-động câu chuyện. Đằng sau những người ký-mã lạc trên đường Flandres đi tìm cơ-hội của họ có thể là để-tài một câu chuyện chiến-tranh. Câu chuyện Reixach, chúng ta cũng không biết rõ ra sao. Có thể Reixach tự-sát, có thể anh bị giết. Độc-giả có thể chọn giữa hai giả-thuyết: nếu là một sĩ-quan can-đảm, tôn-trọng tinh-thần tự-trọng trong quân-đội, Reixach không muốn sống đầu hàng, hoặc Reixach biết bị vợ phản-bội từ nhiều năm nay, nhưng anh giàu kín trong lòng, im-lặng một cách cao-thượng và tiện dịp này anh chết đi dưới mắt người vợ đã gây phiền lụy cho anh.

Nếu Claude Simon chỉ xoay quanh câu chuyện về cái chết mà một nhân-chứng thì đã chết rồi, một nhân-chứng (người vợ) thì vắng mặt và người thứ ba là Iglesia thì quá thô-kịch vụng-về làm người ta khó thể tin lời anh nói thì sự thắc-mắc của chúng ta sẽ giản-dị. Nhưng đọc-giả sẽ nhận thấy rằng những gì sắp xếp thành mẫu chuyện lại không đúng như họ tưởng. Vì câu chuyện Reixach chấm dứt rồi trong khi cuốn truyện mới bắt đầu; nói cách khác, cũng không thể gọi câu chuyện là đã bắt đầu, câu chuyện vẫn thế không đầu không cuối khi đọc xong cuốn sách. Từ đầu đến cuối, chỉ thấy sự đảo ngược không dần-xếp thứ-tự gì cả (khi nói đầu với cuối thì chỉ có ý nói cho dễ hiểu, sự thực trong truyện của Claude Simon không thể hiểu theo nghĩa thông-thường).

Người ta có thể xác-định như thế này: lúc đầu là câu chuyện 4 người kỵ-binh, sang câu chuyện vợ chồng Reixach, sau đáng nhẽ trình-bày câu chuyện đã qua thì lại nhảy sang câu chuyện hiện-tại, rồi cứ thế chiêm luôn cả câu chuyện hiện-tại đến lúc người ta không phân-biệt được đâu là câu chuyện hiện-tại đâu là câu chuyện quá-khứ, những biên-cổ xảy ra như không cần đếm xỉa đến niên-kỷ, thời-gian. Chẳng hạn, để cắt nghĩa cái chết của Reixach, Georges phải gọi đến cái chết của ông cụ tổ nhà anh, hình ông cụ có treo ở nhà Georges giúp anh nhớ đến vụ tự-sát. Vụ tự-sát này xảy ra hơn một thế-kỷ rồi nên anh chỉ còn nhớ lờ-mờ là có thể ông cụ nhà anh mong được chết đi để tránh nhục, nhưng cũng có thể bị vợ lừa. Rồi cuộc người ta thấy một Reixach thần-thoại tượng-trưng cho cái gì cao đẹp và đau khổ, một nhân-vật của một câu chuyện tình và chiến-tranh. Đáng khác, chính Georges người kể chuyện luôn tìm cách chống giả-thuyết tự-tử và Georges nghi đến cái chết của một viên sĩ-quan trông lúc chạy loạn năm 1940.

Vấn-đề càng thêm gay-gò rắc-rối khi ta nghĩ rằng ít ra trong truyện có nhân-vật Georges, như thế Georges có thể giữ sự thông-nhất liên-tục trong truyện? Nhưng có lúc ta thấy chính Georges nói, có lúc như có một người khác nói và nói thì nói khi nào? Thường người kể chuyện nói với tư-cách là ngôi thứ nhất, nhưng có lúc ta thấy như có một người kể chuyện thứ hai xen vào câu chuyện. Và bây giờ Georges bị người ta nói đến và Georges trở thành 'nó' giữa những người khác. Đôi khi Georges và Blum lại là những nhân-vật thật-sự và chứng-nhân lúc ấy là một người trung-gian, giống như người quan-sát. viên giữ nhiệm-vụ phê-bình hay bện rộng những biên-cổ xảy ra. Tỉ-dụ: "rời Georges... rời Blum..."

Còn một điều khá quan-trọng nữa là ta không thể xác-định lúc nào trong câu chuyện tương-quan với những sự-khien xảy ra. Đọc truyện người ta thấy hai hoạt-động của Georges tách rời nhau: Sống và kể lại, lúc thì thấy Georges nói với tư-cách người trong cuộc đang sống, lúc thì Georges đứng ở vị-trí ngôi thứ ba được người ta nói đến. Câu chuyện cũng không được xác-định rõ-ràng ở một

nơi nào, có thể đặt câu chuyện ở nhiều nơi cũng được. Người đọc sẽ lạc-lối không tìm ra phương-hướng, nơi câu chuyện xảy ra, và thất-bại khi muốn xây-dựng lại câu chuyện cho có thứ-tự. Đôi khi những lời giải-thích chiêm hết cuốn truyện thay vì trình-bày những sự-khien xảy ra. Truyện lại không có một chủ-điểm hay một điểm-tựa từ đó các sự-khien, các biên-cổ xoay quanh chủ-điểm đó, ở đây câu chuyện không có vai chính cũng không có những điểm tựa như các truyện cổ-diễn.

Trình-bày truyện Claude Simon rồi, chúng ta tự hỏi tại sao Claude Simon lại từ chối lối diễn-tả chân-lý theo tiêu-thuyết cổ-diễn, và nêu diễn-tả theo lối Claude Simon thì ông định trình-bày một chân-lý nào?

Điều đập vào mắt người đọc hơn hết có lẽ là sức mạnh của những chuyển-động phủ-nhận trong truyện. Truyện *Con đường Flandres* là hình ảnh một sự phá-sản. Chính câu chuyện bị đưa đẩy vào sự tàn-phá mà ông mô-tả. Rõ hơn nữa, từ hình-thức đến nội-dung, người đọc có cảm-tưởng truyện là một mẫu-thuần không ngừng giữa những sức-lực tan-rã hao-mòn và những sức-lực thụ-động đang chống cự lại sự hao-mòn đó. Ở đây hay ở kia, chỗ nào người ta cũng thấy hình ảnh sự tan-rã xảy ra thường trực. Chữ viết muốn xác-định sự-khien, muốn nắm được sự-khien, nhưng chính chữ viết lại là sự chuyển-động dù chữ viết muốn cho câu chuyện một bộ mặt thực rõ-ràng, nhưng chính chữ viết lại làm tan-rã câu chuyện.

Chuyển-động đầu tiên của chữ viết là biên-đổi tất cả những gì nó gặp phải. Nhưng những gì chữ viết gặp phải, những gì chữ viết cố-gắng đạt tới gần một cách tuyệt-vọng, những cái đó cũng giống chữ viết, nghĩa là chúng cũng chuyển-động. Những hình-ảnh trong truyện dù được diễn-tả một cách rõ-ràng đến đâu vẫn để rơi-rớt lại một cái gì mà chữ viết không gặp được. Những hình ảnh chữ viết bắt gặp và nói lên thực-sự chỉ có giá-trị của một cái gì gần đạt tới. Để hiểu cái chân-lý mà chữ viết muốn diễn-tả — ở đây không cần đề-ý đến cái chân-lý là tương-tượng hay thực-tại có thật — thì chữ viết đã phải luôn-luôn cấu-cứu đến mọi phương-tiện, mọi cách để tới gần chân-lý. Nhưng là một sự cố-gắng vô-ích vì, bao giờ chữ viết cũng đến chậm. Sự vật chân-lý thoát đi rồi chỉ để lại bóng tối mờ lúc bấy giờ những cố-gắng của chữ viết mới tới, còn chính chân-lý lại vượt ra xa rồi. Như thế, chữ viết chỉ còn là những lời cắt nghĩa bằng giải-thích, bằng loại suy. Đây là những kiểu nói của chữ viết 'có lẽ' 'gần như vậy', 'có lẽ không như vậy', 'cũng tựa tựa như thế' 'cũng như vậy'. Đó là những kiểu nói hết sức khôi-hài cho ta thấy tinh-cách không thật của câu chuyện. Bởi vì có lẽ gần đúng thì cũng có lẽ là chẳng đúng tí nào. Trong cuốn *Con đường Flandres* ta thấy rất nhiều kiểu nói như trên. Một chân-lý được diễn-tả bằng một dãy những kiểu nói so-sánh, nhưng có điều cái so-sánh đến sau đáng lẽ làm sáng tỏ cái so-sánh thứ nhất thì

chính nó lại phủ-nhận cái đi trước, và luôn-luôn sau một câu so-sánh người ta lại thấy tính-cách hàm-hỗ không đúng với chân-lý, nên lại tìm câu so-sánh khác, nhưng tất cả chỉ là sự phá-sản, tự hủy-diệt lẫn nhau. Lấy một tí-dụ ở trang 204... « cái gì rác-rời, khó hiểu, dấu vết của những tai họa, nghĩa là không phải những chiếc xe, những chiếc xe kéo bị đốt cháy, hay những người, những đứa trẻ, hay những người lính, hay những người đàn-bà, hay những con ngựa chết, chỉ là một di-hài còn sót lại, một cái gì giống như một chỗ đổ rác chạy dài hàng mấy cây số, mà xống một mùi không phải là một mùi quen thuộc, mùi thịt muối ướp hay mùi xác chết đang thối rữa, nhưng có lẽ là mùi rác rưởi thời như mùi thối của một đồng hồ hộp để lâu hay mùi rau thối ừng, mùi dẻ cháy, nhưng cũng không đến nỗi khó chịu như mùi một đồng rác rưởi. Nó là một đồ-vật hữu-dụng cho người buôn đồ sắt vụn và những người đi nhặt dẻ vụn và không là gì khác... »

Ta thấy tác-giả chuyên dùng hiện-tại phân-từ (participe présent) thay cho những hình-thức động-từ khác. Dùng hiện-tại phân-từ là đóng khung mọi hành-động vào cái bề ngoài chốc lát. Những hình-ảnh nhân-vật truyện cũng được tả một cách khác lạ, gần như không cá-tính, không phải một thứ người thông-thường nữa nhưng trơ-trơ, vô-cảm. Đây nhân-vật Reixach: “khuôn mặt hoàn-toàn không biểu-hiện, sắc mặt không lộ được cái gì, trái lại lại hình như trống rỗng không biết cảm-xúc là gì, cũng không có vẻ của một người bán-khoản chú-ý đến một cái gì, chỉ là một người vô cảm”, và Iglesia: “khuôn mặt cô có vẻ thần-nhiên, nghi đầu đầu, vô hồn, giống như những mặt nạ bất-động vô-tri, trống rỗng”. Corine: “sắc mặt không thay đổi, một cái mặt nạ không có gì lạ, đều đều, êm-đềm và trống rỗng”. Cha của Georges thì “ừ những thịt, luôn luôn bắt động và cảm lạnh như những người đánh bạc” hay những ‘típ’ người giống nhau không biểu-lộ được gì. Người ta có cảm-tưởng hoặc là những nhân-vật ấy hoặc là không có ở đây hay có một cách quá lộ liễu. Họ có như một chướng-ngại-vật, nhưng lại chẳng nói lên được cái gì, có thể nói họ không phải họ, họ khác họ. Trong sự hiện-diện lù lù cả một đồng loại thấy một sự trống rỗng, một sự vắng mặt của người đóng vai tuồng là họ, và ngăn-cản không cho họ có một vài nét đặc-biệt khác với người khác.

Những chuyển-động thì bị kim giữ lại, sự cô-động bất-động thì luôn-luôn bị đẩy đi. Đó là cái gì người đời ta thấy trong truyện *Con đường Flandres*. Có thể nói đó là một sự phát-triển bất-động (prolifération immobile). Vừa bị di-chuyển ở chỗ này, nhưng lại bất-động ở chỗ kia. Đó là hình ảnh trung-trực thấy trong các truyện của ông, một thứ lịch-sử không lịch-sử nấp dưới những biên-cô, một thứ tiền-truyện (pré-récit) và trong tiền-truyện, có truyện.

Vấn-đề thời-gian trong truyện của Claude Simon cũng là một vấn-đề đáng nói. Thật vậy, thời-gian ở đây không phải một thứ thời-gian được xác-định bằng ngày giờ năm tháng tạo nên do những biên-cô, nhưng ở đây là một thứ thời-gian trung-lập (neutre), một thứ thời-gian vô-hình, vô-chất không có khởi-diểm cũng không có kết-thúc hay một điểm tựa. Theo Simon, thời-gian là một thực-tại vô-danh, rất phong-phú và thiết-yếu hơn những hiện-tượng riêng rẽ được biểu-hiện, và thực-tại trên là chân-lý mà văn-si là nhân-chứng. Đọc những cuốn truyện trước của ông, người ta thấy ông viết: “không ai làm nên lịch-sử, người ta không trông thấy nó cũng như không trông thấy cây cỏ mọc lên”. Đó là câu nói của Pasternak để tựa cho cuốn truyện *Cây Cỏ* (L'herbe) của Claude Simon. Về phương-diện cá-nhân, con người luôn-luôn tạo ra hay thổi phồng sự quan-trọng của mình và thật khó có thể chữa cái ảo-tưởng tự coi mình là một con người nào đó, luôn hướng về tương-lai, nghĩa là hướng về sự chết, và vì thế mới quan-niệm thời-gian như một sự biến đi, hay xa-xảy, quan-niệm chuyển-động lịch-sử có đáng-diệu một sự tàn-phá. Nhưng người ta có thể trông thấy cây cỏ mọc không? Thời-gian để lại cái chết, cái gì vô-dụng vứt ra bên lề của con người và sự-vật, chính là cái dấu vết của sự-vật và con người do thời-gian để lại trên mà người ta sẽ nắm được sự chuyển-động chóng qua của thời-gian. Nhưng thời-gian ngoài cái khía cạnh ‘động’ và ‘bạo tàn’ mà con người nắm được như trên còn một thể giới im-lặng. Có những hình ảnh chuyển-động, di-chuyển, vỡ đổ thì cũng có những hình ảnh im lặng: sự im-lặng. Giữa cái ồn-ào chỉ có một cái tai chú-ý làm mới có thể nghe được cái ồn-ào kia, như con mắt chăm-chú nhìn thấy giữa cái rộng lớn và vô-danh của những sự-vật một sự trống rỗng giữa lòng sự-vật lúc hiện lúc mất — một sự im lặng... ở những trang cuối cùng của cuốn truyện. Ông mô-tả sự im-lặng an-bình khủng-khiếp của sự tàn-phá: “chiến-trận giải ra chung-quanh chúng ta sự an-bình, súng đại-bác nổ rền trên những vườn cam với một tiếng động điếc tai, âm âm như tiếng gió đập mạnh vào chiếc cửa trong một căn nhà trống không người ở, khung-cảnh hoàn-toàn vắng lặng không có người ở dưới bầu trời động, thê-giới đang tan vỡ, bị bóc trần ra, đang sụp đổ dần dà từng mảnh một như một chiếc nhà gạch bỏ hoang vô-dụng, chả biết để làm gì, không ý-nghĩa gì nữa để cho thời-gian tàn-phá”.

Như Maurice Blanchot quan-niệm, có một sự im-lặng vô-danh của câu truyện, hiện-diện ở đằng sau những danh-từ. Vì vậy trong khi diễn-tả thời-gian, ngôn-ngữ chỉ làm công việc diễn-tả chính nó. Hay nếu người ta muốn: chỉ có thời-gian khi được kể lại. Tình-trạng kỳ lạ hay “đỏ vô” trong cuốn *Con đường Flandres* chính là do sự phá-sản của lời nói hay ngôn-ngữ mà ra.

Chỉ có một cách đọc truyện của Claude Simon : phải bỏ những chuyên-động của danh-từ, từ chối mọi cái nhìn quăng-cách (distance). Như thế, may ra người đọc sẽ đọc được gì, dù sao cũng chỉ là một chút phần thưởng nhỏ bé, mong-manh.

Nhìn qua những tác-phẩm của Claude Simon từ cuốn *Kẻ gian-lận* (Le tricheur) đến cuốn *Cây cỏ* (L'herbe), người ta không thấy một sự tiên-triễn nơi tác-giả, nhưng chỉ có sự ý-thức hơn mà thôi. Vũ-trụ tiểu-thuyết của Simon là một vũ-trụ do định-mệnh chi-phôi. Người ta nghĩ đến ảnh-hưởng của Faulkner trên Claude Simon. Lời viết bằng những câu dài dằng trong ngoặc, dùng nhiều tính-tự, ưa dùng những chữ 'bởi vì' 'như thế là' 'có lẽ' để so-sánh. Kỹ-thuật dù cho có ảnh-hưởng Faulkner hay không, điều đó không quan-trọng lắm, vấn-đề là qua những kỹ-thuật đó, tác-giả có nói được gì không, nói cái gì khác với những cái Faulkner đã nói, đây mới là vấn-đề vậy.



Subscribe now and make sure of each issue

## VANHOA NGUYETSAN (CULTURE)

Directorate of Cultural Affairs  
V. N. Department of National Education  
Saigon, Republic of Vietnam

Please send me VAN-HOA NGUYET-SAN for

one year — US dollars 8.00 (postage included)

two years — US dollars 16.00 (postage included)

starting with the ..... issue  
(month) (year)

I enclose ..... to the order of NGUYEN-DINH-HOA,  
(remittance) Director of Cultural Affairs

NAME .....  
(please print)

ADDRESS .....

.....  
.....  
.....  
.....

Address all correspondence to :

DIRECTOR OF CULTURAL AFFAIRS  
DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION  
89 LE-VAN-DUYET STREET  
SAIGON, VIETNAM

THI - CA

GIÓ

Xa nghe ngàn biếc... thấy lao-xao...  
Chà ! trận kim-phong nổi lúc nào !  
Sóng rộn, lớp sau đè lớp trước,  
Mây bay, tầng thấp cuốn tầng cao.  
Mở bao nét mặt gương tươi-sạch,  
Hòa những con tim tiếng rạt-rào.  
Mát-mẻ lâu thu ngồi hóng gió :  
Bao thu, ai những đợi « Phong-trào »... !

11-1963  
ĐÔNG-XUYẾN

CHIẾN-ĐẤU  
ĐỀ GIỮ NỀN ĐỘC-LẬP

Muốn nền độc-lập giữ nguyên toàn,  
Dân nước ta mau cố kết-đoàn.  
Chống cuộc xâm-lãng liễu đồ máu,  
Đối quân cường-bạo phải thi gan.  
Thù chung là trọng cùng lo báo,  
Thế giặc dù to quyết phá tan.  
Chiến-đấu một mai ta thắng-lợi,  
Tiếng-tấm lừng-lẫy khắp doanh-hoàn.

Đông-viên PHẠM-HUY-TOẠI

ĐỒNG-NAI HƯƠNG VỊ

Ngắm cảnh Đồng-Nai quyến bạn sao !  
Sẵn sông, sẵn ruộng, sẵn đồi cao.  
Long-Giang thuyền lái thường xuôi gió.  
Ngưu-Chử hoa phơi vẫn thắm màu,  
Vườn trại nhuần mưa tươi trái nụ,  
Hồ ao đầy nước ánh trắng sao.  
Gió vàng gợn sóng trên đồng lúa,  
Hòa với dân-ca giọng ngọt-ngào.

ĐÔNG-HẢI

TỰ-DO THẦN TỰ-DO

Tự-do ngoài khơi Nữ-Ước,  
Nguy-nga giữa biển trời mây nước.  
Ngự trên sóng cả, đội sao mai,  
Hiện dưới chân trời, dựng ngọn đuốc.  
Tiêu diệt độc-tài, vạn kiếp thù,  
Phá tan xiềng-xích, thiên thu buộc.  
Lửa thiêng cách-mạng<sup>1</sup> cháy tâm-can,  
Giải-phóng con người đường tiến bước.

Bác-sĩ TRẦN-VĂN-BẮNG

1 Cách-mạng Pháp 1789. Năm 1886, dân Pháp quyền tiền đức tượng Tự-Do tặng dân Hoa-Kỳ.

MỪNG QUÂN-NHÂN  
CÁCH-MẠNG THÀNH-CÔNG

Phấp-phới cờ bay rợp ánh hồng,  
Quân-Nhân Cách-Mạng đã thành-công.  
Vinh-quang diềm-xuyết tươi hoa cỏ,  
Cầm-tú tô-bồi đẹp núi sông.  
Dân-chủ giờ đây đoàn-kết mãi,  
Độc-tài nay đã diệt-trừ xong.  
Tấm gương anh-dũng treo muôn thưở,  
Xây đắp nền nhân vững một lòng.

HỒNG-THIÊN nữ-sĩ

ĐỀ ĐÀI KỶ-NIỆM  
TRẦN-VONG CHIẾN-SĨ

Chiến-sĩ quên mình khảng-khải sao !  
Nước còn, còn nhớ đến công-lao.  
Xông-pha khói lửa thanh gươm bạc,  
Tô-diềm non sông giọt máu đào.  
Nghìn thưở sắt son ghi đề lại,  
Năm châu bia đá kếm đầu nào !  
Khí thiêng phảng-phất trời Nam-Việt,  
Kìa nước sóng sâu, đá núi cao !

Việt-Nhân VŨ-HUY-CHIỀU

CÒN MỘT NƯỚC CỜ !

Hơn bốn ngàn năm dựng cõi bờ,  
Tinh-hoa trăm trứng, một Âu-Cơ !  
Việt Thường cảm bấy non sông cũ,  
Nam Bắc than ôi cát bụi mờ !  
Đất loáng máu đào vang tiếng thét,  
Mực hòa lệ thấm dậy hồn thơ !  
Nhân-tâm chưa đến chiều ly-tán,  
Đoàn-kết còn mong một... nước cờ !

TẾ-NHỊ LÊ-VĂN-CHÍNH



## TIỄN

Người đi, tựa cửa đứng trông theo  
 Bụi cuốn đường xa lộng gió chiều  
 Ước-nguyện gửi trong lời ký-chú  
 Ưu-sầu mang với bước phiêu-lưu  
 Dù cho tao-loạn trắng nào thiếu  
 Sao cứ chia-ly lệ vẫn nhiều.  
 Qua lớp mây mờ hiu-quạnh ấy  
 Hoàng-hôn đỏ bóng một người xiêu

THẠCH-ẤN

## TRĂNG THU

Trẻ Tạo thi đèn với trẻ con,  
 Đêm thu, treo một bóng trăng tròn.  
 Năm canh gió thổi luôn không tắt.  
 Bốn phía mây đưa chút chẳng mòn.  
 Đã gửi hồn thơ vào thị-trấn,  
 Còn đem ánh sáng tới nông-thôn.  
 Trăng trắng, đêm bảo đàn con nhỏ:  
 « Còn có trăng còn thấy nước non! »

ĐÔNG-XUYỀN

TRĂNG SAO MỜ TỎ  
KHUYẾT TRÒN BAO THU ?

Trăng rọi mười phương khéo quyến người !  
 Sao mờ, tỏ, khuyết, khéo trên người !  
 Mờ khi mây phủ, non che khuất,  
 Tỏ lúc mây bay, ngọc sáng ngời.  
 Khuyết mặt, ai buồn, thương bóng tỏ ?  
 Tròn vành, ai ngắm, tưởng gương trời ?  
 Bao phen ẩn hiện trong cung quế,  
 Thu tới lòng ai thức-mắc hoài ..

ĐÔNG-HẢI

## XA XA NÓI VỚI XANH XANH

Thành-khăn đôi lời gửi Hóa-công :  
 Thương người giải hận giúp non sông !  
 Cỏ hoa một khóm vườn nam bắc,  
 Mây gió đôi phương cảnh dị đồng.  
 Ngoài nở tiêu-diêu như quán vắng...  
 Trong ni chen-chúc tựa dò đông.  
 Đôi bờ Bến-Hải bao xa cách,  
 Một dịp Hiền-Lương mãi chửa thông ?

HẢI-ÃU-TỬ

KÍNH VIẾNG ANH-HỒN  
CHÍ-SĨ NGUYỄN-TƯỜNG-TAM

Tường-Tam chí-sĩ huy thân rồi !  
 Ôi ! Kiếp văn-hào có thể thôi !  
 Phong-Hóa Ngày-Nay còn vắng tiếng,  
 Văn-đoàn Tự-Lực bỗng im hơi.  
 Anh-hùng xá kẻ cơ thành bại,  
 Quân-tử chi nề bước tiến lui.  
 Đoạn-tuyệt ! Lạnh-lùng yên thề-phách,  
 Tinh-anh giao-động bốn phương trời.

BẰNG-TÂM nữ-sĩ

## MỘT CHIỀU THU ẤY

Lửa hờn nung-nấu đã bùng lên,  
 Đại-bác liên-thạnh nhà đạn rền !  
 Tướng-lãnh vì dân trừ bạo-chúa,  
 Quân-nhân cứu nước giải oan-khiên.  
 Tăm gương trung-đũng càng trong sáng,  
 Dòng máu anh-hùng chẳng ố-hoan.  
 Cách-mạng thành-công ! Mừng chiến-thắng,  
 Một Chiều Thu ấy mãi không quên...

BẰNG-TÂM nữ-sĩ  
1-11-1963

## VINH HƯNG-ĐẠO ĐẠI-VƯƠNG

Mưỡu

Hai phen chống giữ giang-san,  
Cờ mao thẳng ngọn, âu vàng vững chân.  
Cao siêu tài tướng, oai thần,  
Bắc-nhung kính-sợ, Nam-dân phụng-thờ.

Nói

Thịnh-đức, long-công oanh vũ-trụ,  
Mấy ai bằng Thượng-phụ Đông-A !  
Một lòng phục-vụ Bang-gia.  
Gậy trúc vững, sơn-hà cứng-cổ.

Tài sủy hai phen bình Bắc-lỗ,  
Oai thần muôn kiếp độ Nam-dân,

Hiếu, trung, đôi gánh bắc đồng cân,  
Đạo vi tử, vi thần kiêm đủ,  
Ơn tái-tạo sáng cùng đầu tú,  
Khắp trời Nam từ-vũ nguy-nga.  
Danh thơm thọ với Đấng-ba.

Tặng-Chi

TRẦN-VĂN-THƯỚC

## MẤY VĂN TỨC SỰ

- Con nghề mây lộ ruộng lầy,  
Ai làm vất-vả thân mây nghề ơi !  
Tham chi nắm cỏ của người,  
Dem thân bó buộc vào nơi phong-trần.

- Gặp sông ta phải đợi đò,  
Gặp cơn nguy-hiềm phải chờ anh em.  
Bạn bè nghĩa nặng thiên-kim,  
Dẫu khi sinh tử chớ nên sai lòng.

TRẦN-CÔNG-CHÍNH

## NHỚ NGƯỜI XA

Nhớ bạn xa xăm đứng ngóng trông,  
Trông mòn con mắt thấy hay không ?  
Nghìn trùng mây nước lòng ngao ngán,  
Chút nghĩa keo sơn dạ tưởng mong,  
Thoang-thoảng hương lan qua giấc mộng,  
Ngạt-ngào mùi cúc đượm tình chung,  
Xuân đi thu lại bao mưa nắng,  
Một mối tương-tư gỡ chừa xong.

ĐÔNG-MINH

## CƯỜI

I

Thế-sự vui tai có trận cười,  
Cười bao nhiêu cách điem qua chơi,  
Trăm nghìn đồ một, danh còn đó,  
Thành nước nghiêng hai, tiếng đề đời.  
Đắc-ý nghe đồn như nấc-nẻ,  
Vô-duyên coi ngán tựa dười-trời.  
Rừng cười ai khéo tô nên chuyện,  
Miệng nở như hoa dặng mấy người ?

TÔ-NAM

II

Mim miệng cười xem cuộc hý-trường,  
Cười phờng diên-đảo đối Thiên-lương.  
Cười anh trò dốt khinh sư-phụ,  
Cười chú hề già đóng đế-vương.  
Cười trượng-phu vườn khoe xuất-chúng,  
Cười văn-sĩ võ tướng phi-thường.  
Cười quân dăng-diếm, thân như-nhuốc,  
Họm-hình cười ai vẫn nhin-nhường...

NGUYỄN-NAM-CHI

## TRÁCH ĐỒNG BẠC

Duyên nợ lằng-nhặng mãi với đời,  
 Sao em bạc thế! hỡi em ơi!  
 Giang-hồ biết tiếng chừng bao kẻ?  
 Thân-thể chuyên tay đã mấy người?  
 Mang tiếng ham mê thân phú quý,  
 Vẫn còn trêu ghẹo khách ăn chơi.  
 Chữ đồng em biết cùng ai tạc?  
 Thôi! đắm phong lưu nhẩn mặt rồi!

TRẦN-CÔNG-CHÍNH

## NÚI

MƯỠU

Chống trời đứng giữa nhân-gian,  
 Mây xanh thường chạm, trắng ngàn vui chơi.  
 Thái-sơn, Ngũ-nhạc, nơi nơi,  
 Non Lam, Núi Tản đời đời ghi danh.

NÓI

Danh lưu thiên vạn tải,  
 Có màng chi nắng dãi với mưa đầu.  
 Đá vẫn lì gan, cây chẳng bạc đầu.  
 So cảnh-sắc, vạn thiên thâu hẽ bất-tận.  
 Cao đại tận trần vô sở lộn,  
 Hùng kiêu tự tại bất thường căng.<sup>1</sup>  
 Khoe già hơn, mặc ý đi trắng,  
 Bảo rằng non, ừ rằng non tuổi núi.  
 Cây bao gốc, đá xanh bao khối,  
 Cứ trơ trọi với trời xanh.  
 Ai tài, thử đoán niên-canh!

HẢI-ÂU-TỬ

1 Tạm-dịch là: Cao lớn biết bao nhiều đều nhận thấy, kiêu-hùng còn rõ về chẳng hề khoe.

## ĐẠM HƯƠNG

Đừng đến mà rồi lại phải đi  
 Đề đời thêm mãi chuyện chia ly  
 Lầu hương người ước đôi đầu chụm  
 Đường vắng ta thương một kẻ về  
 Nếu mọi tơ duyên tình vẹn cả  
 Thì bao cuộc sống nghĩa còn chi  
 Sao không giữ lấy màu thanh đạm  
 Như ánh trăng lồng mặt nước khuya

THẠCH-ẤN

## VỌNG-PHU THẠCH

(HÍ-VỊNH)

Nghe nói Vọng-phu núi phía đông,  
 Chân đi chưa tới, mắt chưa trông.  
 Bạc đen bia lấm tình quân-tử,  
 Tiết nghĩa buồn cho phận má hồng.  
 Óm trẻ dăm sương ai biết có!  
 Trông chông thành đá kẻ rằng không!  
 Trơ-trơ một khối từ sơ-tạo,  
 Thêu dệt ra chi chuyện ngóng chông!

THƯỜNG-TIÊN

## NHỚ NGƯỜI XA

Đôi nơi cách-trở chục năm trường,  
 Khào-khát mong hoài, ngóng bốn phương.  
 Nhạn vắng đưa tin, mồn-mỏi mắt,  
 Non trơ giải bóng, mịt-mù sương.  
 Chân trời xe cát, ai còn gắng?  
 Góc bẽ tơ tâm, ruột cứ vương...  
 Thông-cảm nhau chăng, sấu chất khối,  
 Gửi nhau trăm nhớ với ngàn thương...

HOÀI-QUANG

## VỊNH NGUYỄN-CAO

Trời đất chông gai hết vẫy-vùng,  
 Còn đem một chết tạ non sông.  
 Kinh-luân cuốn lại con dao bạc,  
 Danh-tiết phơi ra giọt máu hồng.  
 Hồn nước gọi về dân Ngũ-tĩnh,  
 Tiếng thơ cùng thọ miếu Song-trung.  
 Chết mà được việc hơn bao sống,  
 Gian hóa nên ngay, nhất hóa hùng.

TUYẾT-HUY

## VỊNH BÀ TRIỆU-ÀU

Chín thước mình cao gái dị-thường,  
 Hận xâm-lãng nóng máu trung-cương.  
 Bảy mươi trận chiến Ngô kinh mặt,  
 Hăm mấy xuân thu Triệu rạng gương.  
 Những quyết non xanh duỗi đuôi gió,  
 Thề đem má đỏ chống ngăn sương.  
 Ngàn xưa Phù-Diễn nêu tinh-khiết,  
 « Lê-Hải Bà-Vương » rạng miếu-đường.

BẠCH-LĂNG nữ-sĩ

## KIỀU THÁN

Tựa bức rèm châu nặng trĩu sương,  
 Về chi tình-tứ lụy trần vương!  
 Bọt bèo trôi nổi như làn nước,  
 Sơn phấn ê-chề đục tẩm gương.  
 Phím trúc gọi trên lời gấn bó,  
 Hương trầm gây nhớ nét yêu đương.  
 Chút duyên Lâm-Thúy tơ còn vướng,  
 Ngảnh lại trời Liêu rộn nhớ thương...

BẠCH-LĂNG nữ-sĩ

## TÔI ĐÃ GẶP

Tôi đã đi  
 trong chiều chúa nhật,  
 Trời tuy mưa lất-phất  
 đường phố vẫn chật người đi.  
 Tôi đã thấy  
 Có những cậu con trai  
 những cô con gái  
 tuổi vừa mười tám, hai mươi.  
 đôi môi luôn nở nụ cười  
 Có những bà mẹ già  
 trên vai gánh nặng  
 không nói hết nhọc-nhăn.

Tôi đã gặp  
 một em bé  
 Nước da vàng như nghệ  
 Ngày tháng ăn không no  
 đã phế-tàn thân-thề.  
 Nét mặt buồn xo,  
 Đôi mắt thâm sâu đầy lệ.

Tôi đã nghe em kể  
 với giọng khàn-khàn của con người kiệt sức.  
 « Cha em chết vì bom đạn,  
 giữa lúc giặc đi 'càn'.  
 Mẹ ưu-phiền đau bại đã năm rồi.  
 Em là thằng anh đầu,  
 của hai đứa lên năm lên sáu,  
 biết làm gì khi tuổi mới mười thôi ».

— Em không có bà con ư,  
 Sao để em thành cơ sự ?

— Em vẫn có họ hàng  
Cả nghèo hèn lẫn cả giàu sang,  
Kẻ nghèo thường giúp nhau  
nhưng lâu rồi cũng... chán.  
Còn sang giàu thì xa lánh đ. nhiên.  
Nhà họ  
nuôi hai ba con chó  
Cồng kén tường cao  
Băng treo trước ngõ  
Coi chừng chó dữ đừng vào.  
Đôi lúc vì đói cũng liêu  
nhưng nào có được gì đâu.

Em bé đi rồi.  
vang trong tim tôi  
những gì tan vỡ  
những gì chưa xót  
của con người.

NGUYỄN-DUY-KHẮC  
(Nét sâu)

NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC  
Trưởng-Ban Triết-Đông  
Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

## pháp-trị và pháp-học ở á-đông xưa: thề, pháp, thuật

Hoàn-cảnh xã-hội, chính-trị, kinh-tế

Không, Mặc, Lão, tuy khác nhưng đều chủ-trương về chính-trị lấy dân làm gốc. Một nhóm nữa lại chủ-trương về chính-trị khác hẳn ở chỗ họ đứng về quan điểm của chính-quyền hay của nhà thông-trị. Nhóm này thuộc về phái tư-tưởng mà người đương thời gọi là Pháp-gia, hay là Thuật-sĩ. Học-thuyết của Pháp-gia được phát-triển nhất là ở nước Tế, nước Hàn, nước Ngụy và nước Triệu, trong ấy sau năm 403 trước kỷ-nguyên, nước Tấn tách khỏi đứng độc-lập. Học thuyết Pháp-gia sơ-di phát-đạt ở khu-vực này là vì những sự cải cách của Tế-Hoàn-Công (685 - 643) và Tấn-Văn-Công (635 - 628) cả hai đều nối tiếp làm Bá-Chủ các Chư-hầu ở thời ấy. Nhờ có những cải-cách, mà chính ở tại hai nước ấy một nhóm người đã lập được nên một phái học-thuyết chính-trị căn-cứ vào khuynh-hướng thực-tế của thời-đại.

Sự sụp-đổ của chế-độ phong-kiến trong thời Xuân-Thu Chiến-Quốc là kết-quả một đảng của sự giải-phóng các tầng lớp binh-dân khỏi ách trực-tiếp của các Vua Chúa và một đảng khác của sự tập-trung thế-lực chính-trị vào tay chính-phủ thông-trị. Khuynh-hướng chính-trị chính của thời-đại là một phong-trào vận-động đi từ chính-thể phong-kiến đến chính-thể Vua Chúa có quyền-hành tuyệt-đối, nghĩa là từ phương-pháp chính-trị căn-cứ vào Lễ, tức là luân-lý phong-tục đến phương-pháp chính-trị căn-cứ vào pháp-luật.

Ở chế-độ phong-kiến lúc đầu, biên-cương của một nước thì hạn chế rõ-rệt và nghiêm-chính đối với ngoài; còn ở bên trong mỗi nước lại chia ra cho nhiều họ. Trong mỗi nước nhỏ ấy, các họ quý-tộc cai-trị dân bằng phong-tục hay tục hay tục lệ, tức là Lễ, truyền tập lại đời nọ qua đời kia cha truyền con

nổi. Còn hạng nông-nô thì biết tuân theo mệnh-lệnh của chủ mình. Vậy phép chính-trị của thời-đại này là căn-cứ vào thái-độ cá-nhân do cá-nhân lãnh-đạo. Do đây mà giai-cấp quý-tộc đã có cái tập-tục giữ thái-độ bên ngoài cho được uy-nghi ngõ hầu để dân-chúng kính sợ. Ví như sách *Tả-Truyện* ghi chép vào năm 542 trong kỷ-nguyên Tây-lịch rằng :

Kinh-Thi nói : "Cung kính thận-trọng về uy-nghi, chỉ là phép của dân. Người ra lệnh không có uy-nghi thì dân không có phép-tác. Dân đã không có chỗ để làm phép-tác thì kẻ đứng trên đầu dân không có thể lấy gì để kết-thúc hẳn hoi."

Uy-nghi là gì ?

Có oai đáng sợ gọi là uy, có đáng đáng để bắt-chước gọi là nghi. Vua có uy-nghi của vua thì các quan sợ mà yêu, bắt chước làm phép-tác cho nên có thể giữ nước, và danh tiếng đời-đời và lâu dài.

Các quan có uy-nghi của các quan thì người dưới sợ mà yêu, cho nên mới giữ được chức-vị, bảo-vệ được họ hàng và trật-tự đáng nên ở trong nhà. Như thế, thuận theo từ dưới lên trên cho nên các tầng lớp trong xã-hội mới bảo vệ cùng-cổ đường mỗi quan-hệ với nhau".

(Thi-văn : "kính thận uy nghi, duy dân chi tắc, lệch doãn vô uy nghi, dân vô tác yên. Dân sở bất tác dĩ tại dân thượng bất khả dĩ chung. Hà vị uy nghi ? Hữu uy nhi bất khả úy vị chi uy, hữu nghi khả tượng vị chi nghi. Quân hữu quân chi uy nghi, kỳ thần úy nhi ái chi, tắc nhi tương chi, cồ năng hữu kỳ quốc gia, lệch văn trường thế. Thần hữu thần chi uy nghi, kỳ hạ úy nhi ái chi, cồ năng thư kỳ quan chức, bảo tặc nghi gia, thuận thị dĩ hạ giai như thi. Thị dĩ thượng hạ năng tương cồ dã"). (*Tả Truyện*, tr. 503, Khai-Minh xuất-bản).

Tổ-chức và phạm-vi hoạt-động của Quốc-Gia và Xã-Hội ở thời-đại ấy còn rất đơn-giản cho nên những mối quan-hệ giao-dịch giữa vua tôi, bên thông-trị với bên bị trị, quân-chủ với nông-nô còn ở trong vòng cá-nhân với cá-nhân. Vì thế mà sự giao-dịch của Vua Chúa với nhau đều căn lấy lễ làm cơ-sở. Còn như Vua Chúa đối với dân-chúng chỉ căn có thái-độ "uy nghi khả úy" để cho dân vừa sợ mà vừa để bắt-chước, tức như Khổng-Tử nói : "Đức của người quân-tử như gió, đức của tiểu-nhân như cỏ", hễ gió thổi thì cỏ phải lướt về một chiều (Quân tử đức phong, tiểu nhân đức thảo).

Đến khi chế-độ phong-kiến đã bắt đầu sụp đổ, quyền thế của nhà cầm quyền trở nên mạnh và tập-trung, đồng thời nhân-dân cũng thoát dần thế-lực trực-tiếp của nhà cầm quyền và trở nên tương-đối độc-lập hơn trước. Do đây mà phạm

vi quốc-gia mở rộng, tổ-chức xã-hội bành-trướng phồn-tạp, mỗi quan-hệ giao-dịch giữa người với người cũng càng triển-khai, kết-quả là có nhiều khó-khăn nảy ra trong việc cai-trị căn-cứ vào cá-nhân, cho nên dần-dần các nước kế nhau lần-lượt đặt ra hình-luật, và vào năm 543 trong kỷ-nguyên, sách *Tả-Truyện* chép việc Tử-Sân, một chính-khách của nước Trịnh làm ra hình luật và đến 513 thì nước Trịnh đúc đỉnh đồng để khắc hình pháp-ây.

"Tháng hai dân Trịnh đúc đỉnh để khắc hình luật."

"Thúc-Hướng sai đưa cho Tử-Sân bức thư nói rằng : Lúc đầu tôi có đoán ở ông cả, nay thì thôi rồi ! Xưa kia các bậc Vua trước bàn việc để tìm chế-độ không làm hình-pháp, là vì sợ dân có lòng tranh-cạnh, mà không có thể cảm ngán được vậy. Thế cho nên lấy nghĩa mà phòng-vệ, lấy chính-sự mà cắt lên, lấy lễ mà thi-hành, lấy lòng tin nhau mà giữ-gìn, lấy thương yêu mà phụng-sự... Dân biết có pháp-luật thì không sợ người trên, mà sợ hình-pháp, thấy bèn có lòng tranh-giành, lấy sự trung-bầy ở sách vở mà cầu may để thành, thì không có thể làm được, vì tội-phạm nhiều mà hình-phạt kể ra có hạn. Dân có mỗi tranh-giành rồi thì bèn bỏ lễ mà trông vào cả ở sách. Việc nhỏ-nhất như đấu dùi lưỡi dao cũng tranh nhau đến cùng. Kiện-cáo phân-xử rối loạn vì thi-hành việc hồi-lộ. Như thế thì hết đời của thầy, nước Trịnh sẽ thua. Trẫm nghe nói một nước sắp mất tất nhiên có nhiều pháp-chế, có phải là như thế chăng ?

"Tử-Sân trả lời : Như lời Ngài nói, thì bắt tài này không dám nghĩ đến con cháu đời sau. Tôi chỉ muốn cứu vãn ngay đời này thôi".

(Nhị nguyệt Trịnh nhân trừ hình thư. Thúc-Hướng sứ đãi Tử-Sân thủ viết : Thủy ngộ hữu ngu ư tử, kim tắc dĩ hi ! Tích tiên vương nghị sự dĩ chế bất vi hình tích cụ dân chi hữu tranh tâm dã, do bất khả cảm ngự, thị cồ nhân chi dĩ nghĩa, cử chi dĩ chính, hành chi dĩ lễ, thủ chi dĩ tín, phụng chi dĩ nhân... dân tri hữu tịch tắc bất kỳ ư thượng, tịnh hữu tranh tâm dĩ trung ư thư nhi khiến hạnh dĩ thành chi, phát khả vi dã... Dân hữu tranh đoan hi, tương khí lễ nhi trung ư thư, truy đao chi phạt, tương tận tranh chi, loạn ngục ti phong, hồi lệ tịnh hành chung tử chi thế. Trịnh kỳ bại hỏ. Trẫm văn chi, quốc tương vong tất đa chế, kỳ thử chi vị hỏ.

Phúc viết : nhược ngô tử chi ngôn, kiêu bất tài bất năng, cập tử tôn, ngô dĩ cứu thế dã).

Xem đoạn văn của *Tả-Truyện* trên đây đủ biết có hai khuynh-hướng « dĩ pháp-trị » và khuynh hướng « dĩ nhân-trị ». Đối với các lời chỉ-trích của phái Nhân-trị, Tử-Sân đại diện cho phái Pháp-trị, trả lời để cấp-cứu thời-thế. Đủ biết

khuyh-hướng pháp-trị là khuyh-hướng thực-tế vậy. Còn khuyh-hướng phản-đối pháp-trị là khuyh-hướng bảo-thủ, tỏ ra không sao cản trở được khuyh-hướng pháp-trị là trào-lưu của sự vật đương thời. Nguyên-nhân của những khuyh-hướng ấy phải tìm ở trong sự đổi thay của hoàn-cảnh xã-hội và tổ-chức kinh-tê nó có một sức mạnh lôi cuốn đến nỗi không có sức nào cản lại được.

Không-Tử về phương-diện biến-chuyển của chính-trị đã có thái-độ bảo-thủ, nhưng về phương-diện khác thì có tinh-thần cách-mệnh. Sau khi đã tiên phong cho một lớp người học-giả chu-du thiên-hạ thì số người mỗi ngày một đông, sinh-hoạt theo cách này hơn là chọn nghề sản-xuất. Như ở Tác-Hạ trong kinh-đô nước Tề đã có hàng trăm ngàn người sinh sống vào lưng các chính-phủ, tự-do không có trách-nhiệm hay bổn-phận gì đối với Quốc-Gia. Ngoài ra có những người hào-hiệp như Mạnh-Thường-Quân hay Tín-Lãng-Quân, trong nhà nuôi hàng ngàn thực-khách đều là những hạng học-giả du-thuyết. Lớp người này bành-trướng đi đôi với sự sụp-đổ của chế-độ phong-kiến, và là kết quả của những sự phê-phán chỉ-trích liên-tiếp của Khổng-Nho và Mặc-phái chống với giai-cấp quý-tộc quyền-thế, đòi trả địa-vị xã-hội cho hạng có tài có đức. Trong đám học-giả này, hẳn là có nhiều người không xứng-đáng và vị thế mà đứng ở quan-điểm các nhà thông-trị hay của các Quốc-Gia, họ bị coi như những người biện-thuyết suông, tự-do vô trách-nhiệm và chắc-chắn là luôn-luôn thất bại. Trong hàng bình-dân cũng có một số người hăm-hở muốn gia-nhập hàng ngũ quý-phái mới, không sản-xuất và kẻ nào thất bại trong sự cố-gắng ấy thì chắc hẳn cũng cảm thấy nổi bất-bình. Do đây mà Lão-Tử nói rằng: 'Không cắt những người hiển lên địa-vị cao sẽ làm cho dân khởi tranh cạnh' (Bất cắt những người hiển lên địa-vị cao sẽ làm cho dân khởi tranh cạnh' (Bất cắt những người hiển lên địa-vị cao sẽ làm cho dân khởi tranh cạnh') (Bất cắt những người hiển lên địa-vị cao sẽ làm cho dân khởi tranh cạnh'). Thương-Tử có đoạn nói về lịch-trình tiên-hóa của xã-hội Trung-Quốc từ thời cổ đến Đông-Chu Chiển-Quốc như sau: "Trời đất thiết-lập rồi dân mới sinh ra. Ở thời-kỳ này dân chỉ biết có mẹ chứ không biết có cha. Cách sinh-hoạt của họ là yêu người thân-cận và mền-chuộng cái riêng tư của mình. Yêu người thân thì có sự phân-biệt, mền của riêng thì họ sẽ an-ninh. Dân-chúng càng đông và đi về chỗ phân-biệt và mất an-ninh thì họ sẽ đến chỗ rối loạn. Ở thời ấy dân chuyên-chú vào đua nhau thắng-bại mà lấy sức để chinh-phục lẫn nhau. Vụ vào việc tranh thắng thì có chiến-tranh, mà muốn lấy sức chinh-phục thì cãi-cọ. Cãi nhau mà không có công-lý thì không ai được thỏa-mãn. Bởi vậy mà người hiển-năng thiết-lập ra công-lý, dựng lên nghĩa vô tư và dân-chúng bắt đầu đi về nhân-đạo. Ở thời ấy sự thân-mật kẻ thù bỏ đi và sự sùng-thượng người hiển-năng mới thiết-lập.

"Nay người nhân-đức lấy sự yêu và làm lợi để làm nghĩa-vụ mà con đường của hiển-năng là để vượt lẫn nhau. Rồi dần dần càng nhiều lên mà không có gì chế-

ngự, tranh thắng lẫn nhau lâu thì hóa ra loạn. Cho nên thánh-nhân thừa cơ-hội ấy làm ra trị, phân chia đất-đại làm ra tài hóa tư hữu, phân-biệt nam nữ. Đã phân-định mà không có hạn-chê thì không được, cho nên lập ra cấm đoán. Lập ra cấm đoán mà chẳng có ai bắt thi-hành thì không được, cho nên mới lập ra quan-chức. Quan-chức đã lập ra mà không có ai thông-nhất ý-chí thì không được, cho nên lập ra Vua. Một khi Vua đã thiết-lập, thì tục sùng-thượng người hiển bỏ đi mà chế-độ quý cấp trật trở nên thông-dụng. (Thiên địa thiết nhi dân sinh chi. Đương thử chi thời dã, dân tri kỳ mẫu nhi bất tri kỳ phụ, kỳ đạo thân thân nhi ái tư, thân tác biệt ái, tư tác Âm Dương, dân hiềm chúng nhi dĩ biệt hiềm vi vụ tác hữu loạn. Đương thử chi thời dã, dân vụ thắng nhi lực, vụ thắng tác tranh, lực chỉnh tác tụng, tụng nhi chỉnh tác mạc đặc kỳ tính dã. Cổ hiển giả lập chung thiết vô tư nhi dân viết nhân. Đương thử chi thời dã, thân thân phê thượng hiển lập hi. Phàm nhân giả dĩ ái lợi vi vụ nhi hiển giả dĩ tương xuất vi đạo dân chúng nhi vô chề. Cửu nhi tương xuất vi đạo tác hữu loạn, cổ thánh nhân thừa chi tác vi thủ địa, hóa tài, nam nữ chi phân, phân định nhi vô chề bất khả, cổ lập quan. Quan thiết nhi mạc chi nhất, bất khả, cổ lập quân. Kỳ lập kỳ quân tác thượng hiển, phê nhi quý, quý lập hi. Nhiên tác thượng thế thân thân nhi ái tư, trung thế thượng hiển nhi duyệt nhân, hạ thế quý nhi tôn nghi, thượng hiển giả dĩ doanh tương xuất dã, nhi lập quân giả sử tu vô hành dã. Thử tam giả phi sự tương phân dã. Dân đạo tề nhi sở trọng dịch dã, thế sự biến nhi hành đạo dĩ dã'. (Thương-Tử, 9. 11 tr. 7).

Xem như thế thì biết rằng ở thời thượng-cổ dân thân-cận với nhau và yêu cái vật riêng. Ở trung-đại thì người ta trọng người hiển-năng tài-đức mà thuyết-lý về đạo nhân. Thời-đại về sau «quí quý-tộc» mà «tôn quan-chức». Sùng-thượng hiển-năng thì lấy sự ganh đua làm ý-nghĩa hành-vi. Nhưng lập ra Vua lại có ý-nghĩa làm cho hiển-năng không có chỗ dùng. Thân-cận với thân-thích có ý-nghĩa lấy sự tự-kỳ làm đờng-lối hành-vi, nhưng ý-tưởng về công-lý trung-chính lại làm cho sự tự-kỳ không thi-hành được. Ba phương-pháp trên đây không phải tương-phản lẫn nhau. Khi những nguyên-lý dẫn-đạo của dân đã đổi thế thì cái mà nó vốn tôn-trọng thay đổi, thời-thế thay đổi thì cách thực-hành đạo-lý khác đi vậy. Đây là quan-niệm lịch-sử tiên-hóa của Công-Tôn-Ưởng trong học-phái Pháp-gia.

Sự phân-chia các giai-đoạn tiên-hóa của lịch-sử xã-hội như thế không tất nhiên xác-đáng về phương-diện nhân-chúng và xã-hội-học, nhưng đối với xã-hội cổ thời ở Trung-Quốc như xã-hội Xuân-Thu Chiển-Quốc, thì cũng có chỗ

đúng. Giai-đoạn đầu tiên của xã-hội Xuân-Thu là thời-đại quý-tộc trong đó thì "thiên hạ vi gia, các thân-kỳ thân, các từ kỳ tử" nghĩa là tất cả đều thuộc của riêng của nhà thông-trị. Đây là thời-đại mà giai-cấp quý-tộc như lời Thương-Tử nói: «thân-thân như-ái tử». Kể đó đến thời-kỳ mà dân chúng ý-thức về quyền-lợi của mình hơn thì Khổng-Nho và Mặc-Nho cả hai đều biện-hộ cho ý-tưởng: «Thượng hiền sự năng vi chính» = Lấy sự tôn-trọng người hiền-đức, dùng người tài-năng làm chính-sách. (Mặc-Tử thượng-hiền) và «Phiêm-ái chúng nhi thân-nhân» = Rộng yêu dân-chúng mà thân-cận với nhân-đức (Luận-Ngữ I, 6, Học-Nhi). Đây là thời-đại mà dân-chúng "thượng hiền nhi thuyết nhân".

Kể đây đến thời-kỳ mà các nhà cầm-quyền trong nước sau khi đã thượng hiền và dụng năng, nhờ đó đã củng-cố được địa-vị của mình và đánh đổ được đời-phương, thủ-dịch.

Ở thời-kỳ này, các hiền-năng mà các Vua Chúa đã dùng bèn đưa nhau tranh-luận, làm rối loạn cả dư-luận, kết-quả các nhà Vua Chúa phải coi những thuyết-khách, những biện-si như là những hạng người thất-bại. Đây là tình-hình những năm cuối cùng thời Chiến-Quốc, ở đây dân «quí quý nhi tôn quan», quý giai-cấp quý-phái và tôn-kính quan-chức. Sự thiết-lập Vua Chúa độc-quyền chuyên-chê và bỏ rơi các người hiền-năng của giới trí-thức không có chỗ dùng, đây là một sự phản-động lại cái tệ hại của thời-đại thượng hiền trước đây. Khuynh-hướng tập-trung chính-quyền là căn-bản xây-dựng chính-phủ của giai-đoạn cuối cùng thời Chiến-Quốc.

Cổ võ quyền tuyệt-đời trong tay quân-chủ, chú-trọng vào chính-thê pháp-trị và cầm-đoán tự-do giáo-dục, đây là những khuynh-hướng chính-trị tự-nhiên của thời-đại; học-phái Pháp-gia chỉ diễn-dịch những tư-trào ấy ra lý-thuyết có biện-chứng và mạch-lạc mà thôi. Học-thuyết Pháp-gia chỉ là phương-diện hợp-lý-hóa cái tình-trạng thực-tê của xã-hội đương-thời trong đó giai-cấp tân địa-chủ và thương-nghiệp tranh-giành với giai-cấp quý-tộc phong-kiến cũ, mà kết-quả là sự sụp-đổ của chế-độ phong-kiến để nhường chỗ cho chế-độ thông-nhất Quốc-Gia Trung-Quốc vào tay Tân-Thủy-Hoàng đế vậy.

### Quan-niệm về lịch-sử của Pháp-gia

Thái-độ của Pháp-gia là nguyên-vọng phát-xuất từ tình-trạng thực-tê của Tiên-Tân, ấy là thái-độ cách-mệnh đối với chế-độ về trước. Phái này phản-đổi thành-kiến tập-tục của mây thê-hệ học-giá kể từ Khổng, Mặc, cho đến Mạnh, Tuân, vẫn muốn nhìn về quá-khứ để sửa đổi hiện tại. Sách *Thương-Tử* mở đầu bằng thiên 'Cánh Pháp' = Thay đổi pháp-chê, như sau :

"Công-tôn-Ường nói : Các đời trước không theo cùng một giáo-lý thì biết bắt chước thời-cổ nào? Các đề-vương không nhắc lại lẫn nhau, thì biết theo cái lẽ nào? Phục-Hy, Thần-Nông dạy mà không phạt. Hoàng-Đề, Nghiêu, Thuần phạt mà không giận. Cho đến Vua Văn, Vua Vũ đều thiết-lập ra hình-pháp tùy theo với tình-trạng đương-thời, lập ra lễ-nghi vì công-việc đời đời lúc ấy. Lễ và Pháp thiết-định lấy sự thích-hợp với thời thê, tự chề-ngự và ban lệnh đều theo sự thích-nghi. Binh-giáp khí-cụ tùy theo sự tiện-dụng. Cho nên tới bây : trị đời không phải chỉ có một đường lối, và không cần bắt chước đời cổ. Vua Trang, vua Vũ không tuân theo đời cổ để kế tiếp làm Vua, và nhà Thương, nhà Hạ sụp-đổ mà không thay đổi lễ-nghi. Do đây mà những kẻ phản lại thời-cổ không tất nhiên là tà trái, kể theo cổ để làm ra lễ-nghi chưa hẳn đã phải lầm vậy." (Công-tôn-Ường viết : tiến thê bất đồng giáo, hà cổ chi pháp đế-vương bất tương-phục, hà lễ chi tuân. Phục-Hy, Thần-Nông, giáo nhi bất chu. Hoàng-Đế, Nghiêu-Thuần chu nhi bất nộ. Cặp chi Văn-Vũ các đương-thời nhi lập pháp, nhân sự nhi chề lễ. Lễ pháp di thời nhi định, chề lệnh các thuận kỳ nghi, binh giáp khí bị các tiện kỳ dụng thần, cổ viết trị thê bất nhất, đạo tiện quốc bất tất cổ. Thang Vũ chi Vương dã bất dịch lễ nhi vong. Nhiên tác phản có giả vị khả tất phi tuân lễ giả vị tức đa thị dã. (*Thương-Tử* th. Cánh-Pháp).

Hàn-Phi trong sách *Hàn Phi-Tử* 9-19, th. 49 cũng nhận-định như sau :

"Ở đời thượng-cổ nhân-dân thưa mà cảm thú nhiều. Nhân-dân không thẳng nói cảm thú trùng sà, cho nên có bậc thánh nhân nghĩ ra cách kết gỗ làm tổ để tránh những tai-hại mà nhân-dân vui lòng tôn lên làm vua gọi là họ 'Hữu Sào'. Dân ăn quả, lùa (hạt) trần hầu tanh sống mùi hôi mà hại cho ti-vị, nên dân có nhiều bệnh tật, có bậc thánh-nhân nghĩ ra cách khoan gỗ lấy lửa để hóa chất sống tanh đi, dân vui lòng bèn tôn lên làm Vua gọi là 'Toại Nhân'. Thời Trung-cổ có nạn hồng-thủy trong thiên-hạ, mà ông Côn-Vũ khơi ngòi, đến cận thê Kiệt Trụ tàn-bạo dâm-loạn mà Vua Thang, Vua Vũ đánh dẹp đi. Nay nếu người kết gỗ, khoan cây như ở đời nhà Hạ-Hậu thì sẽ làm cho ông Côn, Vua Vũ cười thắm. Có kẻ nào ở đời nhà Thương, nhà Chu mà khơi ngòi thì tất làm cho Vua Thang, Vua Vũ cười cho vậy. Như vậy thì ngày nay có kẻ khen đạo của Nghiêu, Thuần, Thang, Vũ, mà đem áp-dụng vào thời nay tất sẽ làm cho các bậc thánh cận-đại phải buồn cười. Bởi thê mà các bậc thánh không mong thực hành cổ tục, không bắt-chước cái gì được coi như đúng mãi-mãi. Họ luận-bàn thê-sự và sửa-soạn cho hợp thời. Người nước Tống có kẻ đi cấy ruộng, thầy ở đây có một gốc cây, một con thỏ chạy dầm đầu vào gốc cây ấy gãy cổ mà chết, người kia bỏ cây xuống mà giữ gốc cây để mong lại được thỏ. Thỏ thì không có thê lại được nữa mà thân



minh làm trò cười cho cả nước Tống. Nay muốn lấy cách chánh-trị của các đời Vua trước để trị dân đời nay thì có khác gì chuyện ôm gốc cây để mong được thỏ trên đây vậy. Cho nên việc phải tùy ở thời-thế mà sửa-soạn, phải thích-hợp với việc» (Thượng cổ chí thế, nhân-dân thiếu nhi cảm thú chúng, nhân-dân bất thắng cảm thú trùng xà, hữu thánh nhân tác cấu mộc vi sào di tị quán hại nhi dân duyệt chi, sử vương thiên hạ hiệu viết Hữu-Sào thị. Dân thực quả lỏa trần cấp tinh táo, ô xú nhi thượng hại phúc vị, dân đa tật bệnh. Hữu thánh nhân tác cấu mộc vi sào di tị hóa tinh táo nhi dân duyệt chi sử vương thiên hạ, hiệu chi viết Toại-nhân thị. Trung cổ chí thế thiên hạ đại thúy nhi Côn Vũ quyết độc. Cận cổ chí thế Kiệt Trụ bạo loạn nhi Thang Vũ chinh phạt. Kim hữu cầu mộc toàn toại ư Hạ-hậu thị chi thế giả tất vi Côn Vũ tiêu hi. Hữu quyết độc ư Ân Chu chi thế giả tất vi Thang Vũ tiêu hi. Nhiên tác kim hữu mỹ Nghiêu Thuần Thang Vũ chi đạo ư đương kim chi thế giả tất vi tân thánh tiêu hi. Thị di thánh nhân bất kỳ tu cô, bất pháp thường hành luận thế chi sự nhân vi chi bị. Tống nhân hữu canh điển giả, điển trung hữu thù thổ tấu súc thù chiết cánh nhi tử. Nhân thích kỳ lỗi nhi thư thù kỳ phục đắc thổ. Thổ bất khả phục nhi thân vi Tống Quốc tiêu, kim dục di tiên vương chi chính-trị đương thế chi dân giai thủ thù chi loại dã... Cờ sự nhân ư thế nhi bị thích ư sự. (Hàn-Phi-Tử 9 19. th. 49).

Đây là nói những khuynh-hướng của thời-đại luôn-luôn thay đổi, và chế độ chính-trị, xã-hội cũng phải tùy thời mà đổi thay. Một số các nhà lão-học đã nhận-thức cái nguyên-lý ấy, nhưng chính học-phái Pháp-gia đã đem lại cho những sự biến-đổi về chính-trị một hệ-thống giải-thích hợp-lý và đã đóng vai quan-trọng ở thời-đại này.

Vì thế mà Pháp-gia chống với những lý-thuyết bảo-thủ của người đương thời thì thực đã đại-diện cho quan-niệm lịch-sử của Lão-học vậy.

### Ba nhóm trong phái Pháp-gia

Học phái Pháp-gia chia ra làm 3 nhóm. Một nhóm do Thận-Đáo lãnh-đạo thì chú-trọng vào Thế 勢 = Quyển-thế, thế-lực, lấy làm ý-tướng trung-tâm. Một nhóm thứ hai chú-ý đến khái-niệm Pháp-luật 法 = Pháp thì do Thương-Uờng lãnh-đạo. Nhóm thứ ba nhấn mạnh vào phương-pháp điều-hành và chỉ-huy người tức là Thuật 術 thì lãnh-tụ là Thân-bất-Hại. Thận-Đáo là một nhà Lão-học đồng thời cũng là nhà Pháp-học nữa. Hàn-Phi-Tử có nói về ông ta như sau:

“Thận-Đáo nói : con rồng cưỡi mây và đảng sà chơi trong sương mù. Nhưng đến khi mây tan và mù tạnh thì rồng với rắn chẳng khác gì dê mèn và

cái kiền bởi vì chúng mất cái dê mà cưỡi rồi. Nếu người hiền lệ-thuộc kẻ bất-tiêu là vì quyển-thế được coi trọng mà địa-vị được tôn lên vậy. Ông Nghiêu là kẻ thất phu thì không đủ tư-cách để điều-khiển lấy ba người, mà ông Vua Kiệt lại có thể làm loạn thiên-hạ. Do đây mà ta biết rằng, thế vị đủ trọng cây làm ý tựa, mà đức hiển với trí thì không đủ mộ vậy. Ôi! nó yếu mà chiếc tên bay cao là nhờ gió khích động. Một người không xứng-đáng mà lệnh của y được thi-hành là vì kẻ ấy được dân-chúng giúp. Khi ông Nghiêu còn ở hàng thấp thì dân không nghe lời giáo-huân của ông ta, nhưng đến khi ở địa-vị ngoài mặt về phương Nam và làm Vua thiên-hạ thì mệnh-lệnh được tuân-hành và cảm-đoán thì ngừng. Do đây ta thấy rằng hiển với trí chưa đủ để khuất-phục dân-chúng mà quyển-thế với địa-vị lại đủ để giao-trách-nhiệm cho người hiền vậy» (Thận-tử viết : Phi long thừa vân, đảng sà du vụ, vân bãi vụ tề nhi long sà dữ đồng hi, tác thất kỳ sở thừa dã. Hiền nhân nhi chuyết ư bất-tiêu giả, tác quyển vị tôn dã. Bất-tiêu nhi năng phục ư hiền giả tác quyển vị tôn dã. Nghiêu vi sắt phu bất năng trị tam nhân nhi Kiệt vi thiên tử năng loạn thiên-hạ, ngô di thử trí thế vị chi túc thị nhi hiển trí bất túc mộ dã. Phú nỗ nhược nhi thi cao giả khích ư phong dã, thân bất tiêu nhi lệnh hành giả, đắc trợ ư chúng dã. Nghiêu giáo ư lệ thuộc nhi dân bất thính, chí ư nam diện nhi vương thiên hạ, lệnh tác hành cảm tác chí. Do thử quan chi, hiển trí vị túc di phục chúng nhi thế vị túc di nhiệm hiền giả dã. Hàn-Phi-Tử. Quán-Tử, quyển 21, thiên 67, cũng viết rằng :

“Nếu có một ông Vua sáng-suốt ở địa-vị trên có cái uy-thế để trị-vì thì quần-thần không dám làm trái nghịch lỗi-lầm. Cái lý-có quần-thần không dám khinh nhờn người chủ mình, không phải vì yêu chủ, mà vì sợ chủ vậy. Trăm họ tranh nhau để được dùng không phải vì yêu Vua mà vì sợ Vua. Cho nên minh-chủ nắm công việc tất thắng ở trong tay để mà điều-khiển thì dân-chúng tất xin được dùng. Ở cái thế tất phải tôn-kính để điều-khiển các thần-dân phải phục-tòng. Bởi vậy mà lệnh ra được thi-hành, cảm-đoán thì phải ngừng. Chủ thì được tôn-kính, thần-dân biết hạ mình. Cho nên pháp-luật sáng-suốt nói rằng : quần thì kính-trọng, thần thì tự biết là nhỏ, không kính đến thần-thích, chỉ lấy cái thế mà thắng vậy” (Minh chủ tại thượng vị, hữu tất trị chi thế tác quần thần bất cảm vi phi. Thị cô quần thần chi bất cảm khi chủ giả phi ái chủ dã. Bách tính chi tranh dụng phi di ái chủ dã, di úy chủ dã. Cờ minh chủ tháo tất thắng chi sở, di trị tất dụng chi dân, xử tất tôn chi thế di chế tất phục chi thần. Cờ lệnh hành cảm chí, chủ tôn nhi thần ti. Cờ minh pháp viết tôn quần ti thần, phi kẻ thần dã, di thế thắng dã. (Quán-Tử 9. 21, th. 67.)

Đoạn này cũng nói đến cái thế như ở quan-niệm của Thận-Đạo, chủ-trương người cầm quyền phải có uy-thê hay quyền-thê trước khi có thể chỉ-huy được quân-chúng.

Lãnh-tự của nhóm chủ-trương về *thuật* trị vì, là Thân-bất-Hại thì đã từng làm thượng-thư cho nước Hàn năm 351 và mất năm 337. Sách vở của ông ta mất hết. Còn lãnh-tự của nhóm chủ-trương *pháp*-luật là Thương-Ưông giòng dõi Vương-gia của nước Vệ, từng làm thượng-thư cho nhà Tấn, cho đến khi mất ở chiến-trận năm 338 tr. kỷ-nguyên. Sách *Hàn-Phi-Tử* có đoạn nói đến như sau : (9. 17, th. 40 Mục Định Pháp 43).

"Có kẻ hỏi rằng : Chủ-trương của hai phái Thân-bất-Hại và Công-tôn-Ưông, đảng nào cần kíp cho Quốc-Gia ?

"Trả lời : không có thể quyết-định được. Một người không ăn mười bữa người ấy sẽ chết. Trời đại hàn nếu không mặc áo cũng chết rét. Nay ví bằng trong hai vật ăn và mặc hỏi cái nào cần thiết hơn cho người ta, thì câu trả lời sẽ là không một đảng nào không có được. Cả hai : ăn, mặc, đều là đồ dùng vào việc nuôi sống vậy. Nay Thân-bất-Hại chủ thuyết về *thuật* trị dân, còn Công-tôn-Ưông nói về cách chế *pháp*-luật. *Pháp* và *thuật* cốt là bổ chức-vị tùy theo trách-nhiệm và theo cái danh sao cho sát với thực. Họ có ý thao túng quyền sinh-tử vào một tay, và xem xét khả-năng của đám quan-chức. Đây là cái mà đảng nhân-chủ phải nắm giữ vậy.

"*Pháp*-luật là để làm mẫu cho mệnh-lệnh do các quan-chức ban-bổ. Cái hình-phạt ấy phải còn ở trong lòng người; thường cho kẻ tuân theo *pháp*-luật và phạt kẻ trái lệnh. Đây là nguyên-lý dẫn đạo cho quân-thần. Nhà vua không có *thuật* trị dân thì ở trên sẽ yếu. Nếu triều thần không có *pháp*-luật thì ở dưới hỗn-loạn. Không một điều gì trong hai cái đó có thể thiếu được. Thấy đều là dụng-cụ của các bậc đế-vương vậy." (Văn giả viết : Thân-bất-Hại, Công-tôn-Ưông, thứ nhị gia chi ngôn, thực cấp ư quốc ? Ứng chi viết : thị bất khả trình dã. Nhân bất thực thập nhật tác tử, đại hàn chi long viết : thị bất khả trị dã. Kim Thân-bất-Hại ngôn thuật nhi Công-tôn-Ưông vi pháp thuật giả, nhân nhậm nhi thụ quan tuần danh nhi trách thực, thao sát sinh chi binh, khóa quân thần chi năng giả dã, thứ nhân chủ chi sở chấp dã. Pháp giả hiền lệnh ư quan phủ. Hình phạt tât ư dân tâm thường tôn hồ. Thận pháp nhi phạt gia hồ gian lệnh giả dã, thứ thần chi sở sư dã. Quân vô thuật tác tệ ư thượng, thần vô pháp tác loạn ư hạ. Thứ bất khả nhất vô, giai đế vương chi cụ dã". (*Hàn-Phi-Tử*, Định pháp 9. 17, th. 40).

Vậy *thuật* là cái người trên dùng trong khi trị vì, còn *pháp* là cái gì để cho dân tuân theo. Đây là điểm khác nhau giữa Thân-bất-Hại và Thương-Ưông, kẻ thì chú ý vào quan-niệm *Thuật*, kẻ thì chú ý vào quan-niệm *Pháp*.

### Địa-vị của Hàn-Phi-Tử ở trong ba nhóm Pháp-gia

Hàn-Phi-Tử mất năm thứ 14 triều Tấn-Thủy-Hoàng, tây-lịch 233 tr. kỷ-nguyên, đã có công dung-hòa tư-tưởng của ba nhóm Pháp-gia trên kia với học-thuyết của Lão-tử và Tuân-tử, thành một học-thuyết riêng. Sách *Sử-ký* viết về tiểu-sử của Hàn-Phi-Tử như sau :

"Hàn-Phi là một trong các công-tử của nước Hàn. Ông thích cái học về hình phạt, về danh-thực, về pháp-thuật, mà rồi lập gốc cho học-thuyết của mình ở Hoàng-Lão học. Ông vốn nói lập không có thể biện-thuyết về đạo, nhưng giỏi viết sách. Cùng với Lý-Tư đều theo học Tuân-khanh. Lý-Tư tự coi mình không bằng Hàn-Phi. Nhận thấy nước Hàn yếu mòn, Hàn-Phi nhiều lần can-gián vua Hàn, nhưng vua Hàn không có thể áp-dụng được kế-hoạch của Phi. Vì thế mà ông bực mình về việc trị nước không vụ việc tu-sửa cải-thiện pháp-chế, không kiểm-soát quyền-thế để chế-ngự thần-dân ở dưới, không làm giàu cho nước, làm mạnh cho quân-đội, và tìm người giao chức-vụ thì không dùng người có khả-năng, mà trái lại để cao kẻ ý lại vô-hạnh vào những địa-vị ở trên người thực có công. Dùng vẫn làm loạn pháp-chế để lấy lòng nho-sĩ, mà kẻ hiệp-sĩ thì lấy vũ-lực phạm vào cầm binh. Thông-thả thì lại yếu kẻ danh-dự, cần cấp thì dùng kẻ áo dài mũ cao. Nay cái nuôi không phải cái dùng được, cái dùng được lại không nuôi, sót thay người thanh-liêm chính-trực thì không dùng hơn kẻ điên cuồng, để làm công-thần. Xét cái sự biến-cở được thua ngày trước, nên Hàn-Phi làm ra sách *Cổ-Phân*, *Ngũ-Đồ*, nội ngoại chư thuyết, *Thuyết-lâm* và *Thuyết-nan*, gồm có tới hơn mười vạn lời". (*Sử-ký*, Q. 63 Trang Lão-Thân, Hàn liệt truyện đệ tam). (Hàn-Phi giả, Hàn chi chư công tử dã. Hỷ hình danh pháp thuật chi học nhi kỳ bản ư Hoàng-Lão. Phi vi nhân khẩu khẩu bất năng đạo thuyết nhi thiện trừ thư, dữ Lý-Tư sự Tuân-Khanh. Tư tự dĩ vi bất như Phi. Phi kiến Hàn chi bạc nhược sở dĩ thư gián Hàn-Vương. Hàn-Vương bất năng dụng. Ư thị Hàn phi tât trị quốc bất vụ tu minh kỳ pháp chế. Chấp thể dĩ ngự kỳ thần hạ, phú quốc cường binh nhi dĩ cấu nhân nhậm hiền phần cử phù dân chi đồ nhi đa chi ư công thực chi thượng. Dĩ vi nho giả dụng văn loạn pháp nhi hiệp giả dĩ vũ phạm cầm. Khoan tác sùng danh dự chi nhân. Cấp tác giới trừ chi sĩ. Kim giả sở dưỡng phi sở dụng, sở dụng phi sở dưỡng. Bi liêm trực bất dung ư tà cuồng chi thần quan vãng giả đắc thât chi biến. Cồ tác cở phần ngũ đồ nội ngoại trừ thuyết, thuyết lâm thuyết nan thập dư vạn ngôn (*Sử-ký*, quyển 63).

Hàn-Phi tin rằng không có thể bỏ qua một phương-pháp nào trong ba phương-pháp là *thề*, *thuật* và *pháp*. Bởi vậy sách Hàn-Phi-Tử có nói ở chương 48:

"Thề, có nghĩa là phương-tiện để thắng quân-chúng.. Vậy nên minh-chủ thi-hành chề-độ như trời vậy. Như Trời thì không sai như quí-thần thì không cùng quân. Thề của ông ta thi-hành đúng với lời dạy, và không gì trái nghịch ông ta gặp mà lại chống được với ông ta... Có như thề rồi thì pháp-luật đem ra thi-hành mới đóng một điếu." (Thề giả, thắng chúng chi tư dã.. Minh chủ chi hành chề dã, thiên, kỳ dụng nhân dã, quí. Thiên tác bất phi, quí tác bất khôn. Thề hành giáo nghiêm nghịch nhi bất vi... Nhiên hậu nhất hành kỳ pháp). (*Bát kinh*, Hàn-Phi-Tử, ch. 48).

Hàn-Phi ở đây so-sánh nhà cầm-quyền với Trời, như thề có nghĩa là ông ta hành-động theo luật-pháp chí công vô tư. "Thiên địa bất nhân" (Lão-Tử). Nhà Vua dùng người như quí thần, có nghĩa là Vua dùng trong sự thưởng-phạt, thì mới thi-hành luật pháp được nhất-trí một loạt. Đây là dùng cả ba phép *thề*, *thuật*, *pháp* đồng thời để trị dân trị quốc vậy.

(còn tiếp)

## nhân-sinh hệ-lụy

(xin đọc V.H.N.S. từ số 83)

### XVIII

Nhưng Philip không thể nản-ná trong bầu không khí hiếm có trên đỉnh đồi. Cái đã đến với cậu khi lần đầu cậu bị cảm-xúc về tư-tưởng tôn-giáo nay lại đến với cậu. Vì cậu cảm thấy rõ-rệt vẻ đẹp của đức tin và ý muốn hy-sinh bừng cháy trong tim với ánh sáng rực-rỡ như ánh bảo-thạch nên sức khỏe của cậu tỏ ra không đủ để thực-hiện mọi tham-vọng. Hồn cậu bỗng trở nên khó-khan đặc-biệt. Cậu bắt đầu quên sự hiện-diện của Thượng-đế mà trước đây cậu vẫn cho là ở quanh mình; và những cuộc lễ ở nhà thờ, tuy cậu vẫn thi hành đúng nhưng chỉ là theo hình-thức. Lúc đầu cậu tự trách mình vì sự sa-ngã đó và lòng sợ hỏa-ngục thúc đẩy cậu phải hăng-hái như trước; nhưng lòng ham-mê đã chết và dần dần những mối quan-tâm khác làm cho đầu óc cậu hoang-mang.

Philip có ít bạn. Thói quen đọc sách đã làm cho cậu cô-độc: thói quen đó đã trở thành một sự cần thiết đến nỗi hề chơi với bạn một lúc là cậu đã thấy chán-nản không yên. Cậu tự phụ về cái kiến-thức uyên-thâm mà cậu đã thu-lượm được nhờ việc nghiên-cứu khá nhiều sách vở, tâm-hồn cậu mẫn-nhuệ và cậu không có cái khéo-léo che đậy thái-độ khinh miệt của mình đối với sự ngu-ngốc của bạn-bè. Họ phàn-nàn là cậu tự kiêu; và vì cậu chỉ giỏi về những môn mà họ cho là không quan-trọng nên họ thường hỏi một cách trào-lộng là cậu có cái gì để tự-kiêu. Cậu có cái khiếu khôi-hài và cái biệt tài nói những lời chua-chát làm người ta đau lòng; cậu nói vì cậu thích chứ không hiểu sự lợi hại của lời nói, và cậu rất bất bình khi thấy những nạn-nhân kia nhìn cậu với vẻ thù ghét. Những nỗi tủi nhục mà cậu phải chịu đựng khi lần đầu tiên cậu tới trường đã làm cho cậu xa lánh bạn đồng học mà cậu cho là cậu không bao giờ thắng nổi; cậu luôn bẽn-lẽn và im lặng. Nhưng dù cậu đã làm mọi điều để mất cảm tình của những trò khác, cậu lại hết lòng ước muốn được sự tin-nhiệm của bạn-bè mà một vài cậu trong

trường đã gây được rất dễ. Những người đó, khi ở xa cậu, cậu rất khâm-phục; mặc dầu cậu thích nhạo-báng họ hơn những trò khác và cậu hay nói những câu bông đùa có hại cho họ, nhưng cậu muốn hy-sinh tất cả để đổi lấy địa-vị của họ. Sự thực, cậu có thể sung-sướng được đời địa-vị với đứa trẻ đần-độn nhất trong trường nhưng chân tay trọn vẹn. Cậu tập một thói quen rất lạ. Cậu thường tưởng-tượng mình là một đứa trẻ mà cậu mơ ước; cậu làm như có thể truyền linh-hồn cậu vào thân-thể nó, nói lời của nó và cười giọng của nó; cậu tưởng-tượng chính mình làm những việc nó làm. Trí tưởng-tượng của cậu quá mạnh đến nỗi có lúc cậu ngỡ cậu không còn là cậu nữa. Theo cách ấy cậu được hưởng nhiều lúc sung-sướng lạ lùng.

Lúc bắt đầu khóa học Giáng-sinh sau buổi lễ thêm sức của cậu, Philip được dọn sang một phòng học khác. Một trong số trò chung phòng với cậu tên là Rose. Cậu này không bảnh giai. Cậu có thể sẽ là một người cao lớn vì tay to và xương bự nhưng hình dáng cậu xấu-xí.

Riêng cặp mắt thì xinh-xắn, và khi cười (tính cậu hay cười) mặt cậu nhú lại xung quanh đôi mắt trông rất tươi. Cậu không thông-minh mà cũng không đần-độn, học thì tạm được còn chơi thì khá hơn. Cậu là con cưng của các ông giáo và bạn-bè. Cậu cũng yêu mến mọi người.

Khi Philip được đưa vào phòng học này cậu không thể không nhận thấy là những bạn cùng phòng từng học chung với cậu hai ba khóa, tiếp đón cậu một cách lạnh-nhạt. Điều đó làm cho cậu bực tức, cảm thấy mình như một người đến quấy rầy họ, nhưng cậu đã biết cách che giấu những cảm-nghĩ của mình còn họ cũng thấy cậu yên lặng không làm phiền họ. Đối với Rose, vì cũng như người khác, Philip không thể không thích cái vẻ tươi tỉnh của cậu ta nên cậu lại có vẻ bên-lên và cục-cằn hơn thường lệ. Một hôm, bỗng nhiên Rose hỏi Philip có muốn cùng đi bộ ra sân quần chăng, Philip đỏ mặt đáp:

— Tôi không thể đi kịp anh được.

— Bậy nào. Cứ đi.

Trước khi hai cậu ra đi, một trò khác thò đầu qua cửa phòng và rủ Rose đi với hẳn.

Rose đáp:

— Không được. Tôi đã hẹn với Carey.

Philip vội bảo Rose:

— Không sao đâu. Đừng bận vì tôi.

Rose đáp:

— Bậy nào.

Rose nhìn Philip với đôi mắt xinh-xắn và cười. Philip cảm thấy cõi lòng rung động.

Trong chốc lát, tình bạn trẻ trở nên thắm-thiết rất mau. Họ không rời nhau. Những trẻ khác lấy làm lạ sao hai cậu bỗng nhiên thân thiện và hỏi Rose xem cậu thấy Philip thế nào.

Rose đáp:

— Ô, tôi không rõ. Thực ra, nó không phải là đứa xấu.

Chẳng bao lâu, hai cậu quen khoác tay nhau đi bộ tới nhà thờ hay dạo quanh nhà chung vừa đi vừa nói chuyện. Khi một cậu ở nơi nào thì người ta cũng có thể thấy cậu kia ở đó và những trò muốn hỏi Rose thường dặn Philip đừng như họ công-nhận Rose là của Philip. Lúc đầu, Philip dè-dặt. Cậu không muốn để cho mình bị chi-phối hoàn toàn bởi cái thú vui kiêu hãnh tràn-trề trong người cậu; nhưng giờ đây trước sự sung-sướng điên dại ấy, cậu không còn nghi-ngờ số phận nữa. Cậu nghĩ rằng Rose là đứa trẻ kỳ lạ nhất mà cậu được biết. Sách vở bây giờ trở thành vô ý-nghĩa. Cậu không thể bận rộn về sách vở khi có cái gì quan-trọng hơn nhiều khiến cậu quan-tâm. Bạn bè của Rose thỉnh thoảng thường vào phòng uống trà hay ngồi chơi vớ-vần khi không có việc gì hay hơn để làm. Rose thích đồng người và cảnh huyền-náo, và họ nhận thấy Philip thực là một người bạn đứng đắn. Philip sung-sướng. Khi sắp tới ngày nghỉ, Philip và Rose bàn nhau nên trở lại bằng chuyến xe nào để họ có thể gặp nhau ở nhà ga và cùng nhau ra phố uống trà trước khi về trường. Philip về nhà trong lòng buồn tẻ. Suốt trong những ngày nghỉ cậu luôn luôn nhớ đến Rose và cậu tưởng-tượng ra những việc mà cậu và Rose sẽ cùng nhau làm trong khóa học tới. Cậu chán cảnh ở nhà Cha sở và tới hôm nghỉ cuối cùng, khi bác cậu đưa ra một câu hỏi với giọng bông lơn thường lệ:

— Sao, trở về trường có thú không?

Philip đáp vui vẻ:

— Hơi thú.

Đề chắc-chắn được gặp Rose ở ga, cậu đáp chuyến xe sớm hơn mọi khi và đứng đợi ở sân ga chừng một tiếng đồng hồ. Khi xe từ Faversham tới, Philip biết Rose phải đổi xe ở Faversham, cậu chạy dọc sân ga hớn-hở. Nhưng Rose không có trên xe. Cậu tìm hỏi một người phu khuân xem chuyến xe sau bao giờ tới và cậu đợi nữa, nhưng cậu lại thất vọng; cậu thấy lạnh và đói, nên cậu đi bộ theo con đường tắt qua mấy phố ngách và xóm nhà lá để về trường. Cậu thấy Rose trong phòng học, gác chân lên mái lò sưởi, đang nói chuyện huyền-thiên với mười hai trò khác ngồi bậy bạ lên bất cứ cái gì có thể ngồi được. Rose sốt-sắng bắt tay Philip, nhưng mặt Philip gục xuống, vì cậu nhận thấy Rose đã quên hết lời hẹn nhau.

Rose hỏi:

— Sao anh trẻ vậy. Tôi tưởng anh không tới nữa.

Một cậu khác xen vào :

— Lúc bốn rưỡi, anh có mặt ở ga. Khi tôi tới tôi trông thấy anh.

Philip hơi thẹn. Cậu không muốn Rose biết mình quá ngốc đến nỗi đợi hẵn lâu thế.

Cậu bèn bịa chuyện :

— Tôi phải đi kiếm người bạn của gia-đình tôi. Bác tôi bảo tôi đi tiễn cô ta.

Nhưng sự thất-vọng làm cho cậu hơi buồn. Cậu ngồi im lặng, có ai nói với cậu thì cậu chỉ trả lời nhất gừng.

Cậu định rằng, lúc vắng-về, cậu sẽ nói trắng việc này ra với Rose. Nhưng khi các trò kia đi rồi Rose vội lại ngay chỗ Philip và ngồi ngay vào thành cái ghế mà Philip đang nằm duỗi cẳng.

— Này, tôi rất sung-sướng là chúng ta cùng chung một phòng học khóa này. Chiến quá nhỉ?

Thấy Rose có vẻ thành-thực vui mừng được gặp lại cậu nên Philip cũng hết giận. Họ bắt đầu nói chuyện một cách nũng-nân về những việc liên-quan đến họ dường như họ mới xa nhau chưa quá năm phút.

### XIX

Lúc đầu Philip rất cảm ơn tình bạn của Rose nên không đòi hỏi gì ở cậu ta. Nhưng giờ đây cậu thấy tức tối về việc Rose từ-tế với tất cả mọi người. Cậu muốn rằng mối thân tình phải có tính cách độc hữu hơn, và cậu đòi hỏi như một cái quyền, điều mà trước đây cậu nhận lấy như một ân-huệ. Cậu nhìn Rose chơi bời với trò khác với vẻ ghen tị và dù cậu biết là vô lý cậu vẫn nói những lời chua-chát với Rose. Nếu Rose chơi đùa lâu ở phòng trò khác thì lúc về, Philip tiếp đón với vẻ cau có buồn rầu. Philip thường buồn suốt ngày và cậu còn khổ hơn nữa vì Rose hoặc không nhận thấy hoặc cố tình không biết đến. Nhiều khi Philip gây chuyện cãi lộn mặc dầu cậu biết như thế là mình vô-lý, và thường không ai nói chuyện với ai trong mấy ngày. Nhưng Philip không thể giận Rose lâu được, và cả khi chắc mình phải, cậu cũng tự hạ xin lỗi. Thế rồi trong một tuần họ lại chơi thân với nhau như trước. Tuy nhiên cái tốt đẹp nhất trong tình bạn không còn nữa; Philip có thể nhận ra là Rose thường đi với cậu chỉ vì cái thói quen cũ hay vì sợ cậu giận, họ không còn nhiều điều tâm-sự để nói với nhau như lúc đầu. Còn Rose thì hay chán. Philip cảm thấy cái tật đi cà-nhắc của cậu đã bắt đầu làm Rose khó chịu.

Gần tới ngày mãn-khóa hai, ba cậu học sinh bị bệnh sốt rét vàng da và người ta bàn tán nhiều về việc đưa họ về nhà để tránh sự truyền-nhiễm; nhưng những trò mắc bệnh được cho ở riêng biệt và vì không ai mắc thêm nữa nên người ta cho rằng bệnh đã bị chặn đứng. Một trong những trò mắc

bệnh là Philip... Cậu nằm trong bệnh-viện suốt dịp lễ phục-sinh và khi bắt đầu khóa hè cậu được đưa về nhà Cha sở để thay đổi không khí. Cha sở, bác cậu, đón cậu với vẻ nghi-ngờ mặc dầu đã có giấy cam-kết của bác-sĩ là cậu không còn nhiễm-độc nữa; ông nghĩ rằng bác-sĩ đã kém thận-trọng khi đề-nghị cháu ông nên nghỉ dưỡng bệnh ở miền gần biển, và ông sợ đi bằng lòng để cháu về nhà là vì không có nơi nào khác để gửi nó đi.

Philip trở lại trường vào dịp giữa khóa học. Cậu đã quên những cuộc cãi lộn với Rose trước đây mà chỉ nhớ rằng cậu là bạn thân nhất của Rose. Cậu biết là mình đã diễn khùng. Cậu quyết định xử sự hữu lý hơn. Trong khi bị bệnh Rose đã gửi cho cậu mấy bức thư ngắn và trong mọi bức Rose đều kết-luận bằng câu : « Mau lên để trở về ». Philip nghĩ rằng Rose rất mong cậu về cũng như cậu rất mong được gặp lại cậu ta.

Philip nhận thấy vì có một cậu học trò ở lớp sáu chết vì bệnh sốt rét nên có vài sự thay đổi trong các phòng học và Rose không còn ở phòng cậu nữa. Đó là một sự thất vọng chua cay. Khi cậu vừa tới, cậu xông ngay lại phòng Rose. Rose đang ngồi bên bàn, đang làm việc với một học trò tên là Hunter. Khi Philip vào, Rose quay người lại câu-nhau hỏi :

— Đưa nào đấy. Rồi khi trông thấy Philip :

— Ồ, anh đấy à?

Philip đứng lại bối-rối.

— Tôi thấy tôi cần vào để hỏi xem anh ra sao.

— Chúng tôi đang làm việc.

Hunter xen vào :

— Anh về bao giờ đấy.

— Trước đây năm phút.

Họ ngồi và nhìn Philip dường như Philip đang làm rộn họ. Rõ ràng họ muốn Philip ra khỏi phòng ngay. Philip đỏ bừng mặt.

Cậu bảo Rose :

— Tôi đi ra đây. Khi nào làm xong, anh có thể lại qua phòng tôi.

— Được rồi.

Philip khép cửa lại rồi đi khắp-khẽnh trở về phòng. Cậu cảm thấy đau đớn lo ngại. Rose đã không tỏ vẻ vui mừng gặp cậu mà còn có thái-độ tức giận. Dường như họ chỉ là những người quen nhau thường. Mặc dầu cậu đợi trong phòng học, không đi đâu một phút nào để đợi Rose nhưng Rose đã không tới. Sáng hôm sau khi đi cầu kinh cậu thấy Rose và Hunter đang khoác tay nhau đi nhịp-nhàng. Các trò khác đã cho cậu hay những gì cậu chưa biết. Cậu đã quên rằng ba tháng trời là một thời-gian khá lâu đối với đời sống học-sinh và dù trong thời-gian này cậu sống trong cô-quạnh, Rose lại sống giữa cõi đời.

Hunter đã bước vào chỗ trống-trái đó. Philip thấy Rose lặng-lẽ lẩn tránh cậu. Nhưng cậu không phải là đứa trẻ có thể chấp-nhận một hoàn-cảnh như vậy mà không nói ra. Cậu đợi tới lúc cậu chắc là Rose ở một mình trong phòng cậu mới vào.

Cậu hỏi :

— Tôi vào được chứ ?

— Được, nếu anh muốn.

Philip nói với giọng chua-chát :

— Anh tử-tế quá.

— Anh muốn gì ?

— Này, sao từ lúc tôi về anh tệ quá ?

— Ô, đừng ngu ngốc thế ?

— Tôi không rõ sao anh chơi với Hunter.

— Đó là việc riêng của tôi.

Philip gục mặt xuống. Cậu không dám bày tỏ nỗi lòng. Cậu sợ mình làm nhục mình. Rose đứng dậy và bảo :

— Tôi còn phải đi tập thể-dục đây.

Khi ra ngoài cửa, Philip buộc lòng nói :

— Này Rose, đừng đều giả quá thế.

— Ô, cút đi.

Rose vừa nói vừa đóng sập cửa lại để cho Philip một mình ở trong. Philip run lên vì tức giận. Cậu về phòng cậu và ngẫm-nghi về câu chuyện vừa rồi. Bây giờ cậu ghét Rose, cậu muốn làm hại hẳn, cậu nghĩ đến những lời đau-đớn mà cậu có thể đã nói với hẳn. Cậu nghĩ đến việc cắt đứt tình bạn-bè và tưởng-tượng những trò khác bàn tán về việc đó. Cậu cảm thấy về chế giễu và ngạc-nhiên trong thái-độ của họ khi họ không sợ chạm-trán với cậu. Cậu tưởng-tượng ra những lời họ nói :

— Kết cục, không lâu đâu.

Đề tỏ ra mình không cần gì, Philip bèn kết bạn ngay với một trò tên là Sharp. người mà Philip vẫn ghét bỏ và khinh-miệt. Sharp là một học-sinh từ Luân-Đôn tới, đáng-điệu thô-lỗ với hàng ria mới mọc lấm-tấm trên môi và cặp lông mày rậm-rạp nổi liền nhau trên sống mũi.

Cậu có đôi tay mềm mại và những cử-chỉ quá dịu-dàng đối với tuổi cậu. Cậu nói lơ-lơ giọng Luân-Đôn. Cậu là một trong số học-sinh quá biếng-nhác không hợp với các trò chơi hoạt-động và có cái tài nghi ra lý-do để tránh những cái gì có tính-cách bắt buộc. Các ông giáo và học-sinh trong trường không ai ưa cậu, còn Philip thì chỉ vì kiêu ngạo mà nay mới cầu thân với cậu. Trong mấy khóa học, Sharp có sang Đức một năm. Cậu ghét nhà trường. Cậu coi trường học như

cái gì nhục-nhã mà cậu phải cố chịu đựng cho tới khi đủ khôn lớn để ra ngoài đời. Cậu chỉ nghĩ đến Luân-Đôn và cậu có nhiều chuyện nói về những việc cậu làm ở thủ-đô trong những dịp nghỉ lễ. Cậu nói với một giọng trầm-trầm và êm-ái và khi nghe cậu nói chuyện người ta có thể mừng-trưởng được về đũa-áo của phố-xá Luân-Đôn ban đêm. Philip lắng nghe vừa say mê vừa chán ghét. Với trí tưởng-tượng mạnh-mẽ, cậu hình như trông thấy những đám đông ò-ạt quanh cửa kịch trường, ánh sáng rực-rỡ trong những tiệm ăn, tiệm giải-khát nơi có những người nửa tỉnh nửa say ngồi trên ghế cao chuyện trò với các cô chiêu-dãi, và dưới ánh đèn ngoài đường phố sự qua lại bí-mật của những đám đen đen nghiêng vì khoái lạc. Sharp cho Philip mượn những cuốn truyện rẻ tiền mua ở đường Holywell mà Philip đọc với một thứ lo sợ lạ lùng.

Có một lần Rose định xử hòa với Philip. Rose vốn tính-tình hòa nhã, không muốn có kẻ thù.

— Này, Carey, sao anh lại điên khùng đến thế? Bỏ rơi tôi và cắt đứt tình bạn giữa chúng ta có lợi gì cho anh đâu ?

Philip đáp :

— Tôi không hiểu anh định nói gì ?

— Tại sao chúng ta lại không trò chuyện với nhau ?

— Tôi ngán anh rồi.

— Vậy anh vui một mình đi.

Rose nhún vai và đi xa. Philip tái mặt, cái tình-trạng mà cậu thường thấy khi bị xúc-cảm, và tìm cậu đập mạnh khi Rose đi rồi cậu bỗng thấy trong người buồn-bực khổ-sở. Cậu không hiểu tại sao cậu lại trả lời cách ấy. Đáng lẽ cậu phải hy-sinh mọi thứ để được làm bạn với Rose. Cậu không thích cãi lộn với Rose, và vì cậu đã làm cho Rose đau-đớn nên cậu rất ân-hận. Nhưng lúc đó cậu không tự-chủ được. Hình như cậu bị ma quỷ gì ám-ảnh, bắt buộc cậu phải nói những lời chua-cay ngoài ý muốn, mặc dầu lúc bấy giờ cậu muốn bắt tay Rose và ôm chầm lấy Rose. Cái ý-định làm tổn thương lúc trước đã quá mạnh đối với cậu. Cậu đã toan báo thù vì những sự khổ-đau và nhục-nhã mà cậu đã phải chịu đựng. Đó là sự kiêu-hãnh: đó cũng là điên-cuồng, vì Philip biết rõ là Rose sẽ phớt tình trong khi cậu đau-đớn tái-tê. Cậu nghĩ đến việc đi tìm Rose và nói : "Rose ôi, tôi ân-hận là tôi đã quá tệ. Tôi trót lỡ. Chúng ta hãy xử hòa".

Nhưng cậu biết cậu không bao giờ có thể làm như thế được. Cậu sợ Rose sẽ chế giễu cậu. Cậu tức giận một mình, và một lát sau khi Sharp tới, cậu chụp ngay cơ-hội đầu tiên để gây lộn với cậu này. Philip có cái bản-tính tàn-ác là bới móc ra những nhược-diểm của người khác và có thể nói những lời quá thẳng gây thù oán. Nhưng Sharp nói mấy lời cuối cùng :

— Tôi vừa được nghe Rose nói chuyện với Mellor về anh. Mellor bảo Rose: «Sao mày không đá cho nó một cái. Đó là cách dạy nó lối xử-sự». Rose đáp: «Tôi không muốn đá nó. Thằng què khốn nạn!».

Philip bỗng nhiên đỏ bừng người. Cậu không thể trả lời được vì trong cương họng cậu có một cục gì làm cho cậu hầu như bị nghẹt thở.

## XX

Philip được chuyển lên lớp Sáu, nhưng lúc này Philip ghét cay ghét đắng trường học, và vì mất hết tham-vọng, cậu không cần đề ý đến việc cậu làm hay hay dở. Buổi sáng, cậu thức dậy, lòng chán-nản vì cậu lại phải qua một ngày buồn tẻ nữa. Cậu rất ngấy những việc người ta bắt cậu làm. Những sự hạn-chế làm cho cậu khó chịu không phải vì nó vô-lý nhưng vì nó là những sự hạn-chế. Cậu khao-khát tự do. Cậu chán ghét nhắc lại những cái gì cậu đã hiểu và cố gắng làm cái gì cậu đã biết từ lúc khởi đầu.

Với ông Perkins thì học-trò có thể học hay không tùy ý. Ông vừa hăng-hái vừa mơ-mộng. Phòng học lớp sáu là một phần của tu-viện cũ được sửa-sang lại. Phòng có một cửa sổ kiểu gót-tích. Đền đỡ buồn, cậu vẽ đi vẽ lại cái cửa sổ đó, và đôi khi, cậu tưởng-tượng ra và vẽ cái tháp lớn của giáo-đường hay cái cổng lớn đi vào nhà chung. Cậu có khiếu vẽ. Bà Louisa, khi còn trẻ, cũng đã vẽ tranh thủy-mạc và bà có nhiều cuốn album đầy những tranh phác-họa giáo-đường, cầu cổng cũ hay những túp lều tranh xinh xắn. Lúc uống trà, bà thường đem ra cho mọi người xem. Có lần bà cho Philip một hộp vẽ làm quà giáng-sinh và cậu bắt đầu bằng cách vẽ theo bức tranh của bà. Cậu vẽ theo khéo hơn người ta có thể mong đợi và giờ thì cậu tự vẽ lấy. Bà Carey khuyến khích cậu. Đó là cách rất tốt để tránh cho cậu khỏi làm bậy và sau này, những bức họa của cậu sẽ hữu-ích cho việc nghĩa. Một vài bức đã được đóng khung và treo trong phòng ngủ của cậu.

Nhưng một hôm, sau buổi sáng, ông Perkins bảo cậu dừng lại khi cậu đang thủng-thẳng ra khỏi lớp.

— Tôi muốn nói với anh, Carey ạ.

Philip đợi, ông Perkins dơ 5 ngón tay gầy quờ lên vuốt bộ râu và nhìn vào Philip. Hình như ông đang nghi kỹ điều ông định nói.

Chợt ông hỏi Philip:

— Anh làm sao thế, Carey?

Philip đỏ mặt, liếc nhìn ông rất nhanh. Nhưng giờ cậu đã hiểu rõ ông nên cậu không đáp và đợi ông nói tiếp.

— Gần đây tôi rất bất bình về anh. Hình như anh không đề ý vào việc học. Bài vở anh câu-thả và tời-tệ quá.

— Thưa ông, tôi rất ân-hận. Philip đáp.

— Anh chỉ có thể đề nói sao?

Philip gục mặt xuống buồn bã. Làm sao mà cậu có thể trả lời là cậu ngán quá rồi?

— Anh biết cuối năm học anh sẽ xuống chứ không lên được. Tôi sẽ không phê tốt vào thông-tin-bạ cho anh.

Philip không hiểu sẽ phải đối-đáp ra sao nếu cậu được biết rõ ông hiệu-trưởng phê vào thông-tin-bạ của cậu thế nào. Thông-tin-bạ tới giữa lúc gia-đình bác cậu đang ăn sáng. Ông Carey liếc qua một cách không chú-ý và trao cho Philip.

— Đây là thông-tin-bạ của cháu. Xem ông giáo phê thế nào? ông vừa nói vừa vuốt bla cuốn mục-lục các sách cũ.

Philip mở ra xem.

— Tốt không cháu?, bà Carey hỏi «Đang lẽ tốt hơn thế này mới phải».

Philip mỉm cười đáp rồi đưa cho bà.

— Để sau có kính bác sẽ xem.

Nhưng sau khi ăn sáng Mary Ann vào cho biết người hàng thịt tới, và bà Louisa quên hết cả.

Ông Perkins nói tiếp:

— Tôi thất-vọng về anh. Tôi không thể hiểu được. Tôi biết anh có thể làm mọi việc nếu anh muốn làm, nhưng anh không có vẻ muốn làm nữa. Tôi định làm giám-thị trong khóa tới. Nhưng tôi thấy tôi nên đợi ít lâu nữa.

Philip đỏ mặt. Cậu không thích cái ý-nghị bị bỏ rơi. Cậu mím chặt môi.

— Và còn điều khác nữa. Anh phải bắt đầu nghĩ đến học-bằng của anh từ bây giờ. Anh sẽ không được gì nếu anh không bắt đầu học-hành đúng-dắn.

Philip khó chịu vì bài diễn-thuyết của ông hiệu-trưởng. Cậu tức giận ông và tức giận cả với mình.

— Tôi không định lên học ở Oxford, Philip nói với ông Perkins.

— Sao lại không? Tôi tưởng anh có ý muốn được thọ-giới.

— Tôi đã thay đổi ý-định.

— Tại sao?

Philip không đáp. Ông Perkins uốn mình một cách kỳ-dị như ông vẫn thường làm, trông giống hình người trong tranh của Perugino, dơ năm ngón tay vuốt râu với vẻ suy tư. Ông nhìn Philip như muốn cố-gắng tìm hiểu rồi bỗng ông bảo cậu ta có thể đi nơi khác.

Ông có vẻ không hài lòng vì một tuần sau, nhân một buổi tối khi Philip cần vào phòng ông với một số giấy tờ, ông lại gọi chuyện; nhưng lần này ông áp-dụng một đường-lối khác: ông nói với Philip không phải với tư-cách một ông giáo

nói với một học-sinh mà với tư-cách một người nói với một người. Lúc này hình như ông không cần nói đến việc Philip học-hành kém cỏi hay việc cậu không có hy-vọng cạnh-tranh nổi với chúng bạn đoạt học-bằng cần-thiết để lên học trường Oxford; điều quan-trọng là cái ý-định thay-đổi về cuộc đời của cậu sau này. Ông Perkins tìm cách làm sống lại lòng khao-khát được thọ-giới của ông. Bằng những lời-lẽ và cử-chỉ vô cùng khéo-léo, ông làm rung-chuyển những ý-nghĩ của Philip và việc đó càng dễ-dàng hơn vì chính ông cũng bị xúc-động thực-sự. Việc Philip thay đổi ý-định đã làm cho ông buồn rầu vô hạn, và ông cho rằng Philip đã từ bỏ hy-vọng hạnh-phúc ở đời chính cậu cũng không biết vì lẽ gì. Giọng ông nói rất cảm động. Và Philip, dễ bị cảm-xúc vì những xúc-cảm của người, lại rất đa-cảm mặc dầu bề ngoài có vẻ bình-thản — mặt cậu, phần vì bản-chất tự-nhiên, phần vì thói quen trong bao năm qua dưới mái trường, ít khi lộ những cảm-nghĩ trong tâm-hồn mặc dầu nó thường bùng nổ rất mau — cậu vô cùng cảm-động vì những lời ông giáo nói. Cậu rất biết ơn ông giáo về mối quan-tâm của ông đối với cậu và cậu bị lương-tâm cắn-rứt vì nỗi đau-khổ mà cậu cho là chính cách cư-xử của cậu đã đem lại cho cậu. Cậu cảm thấy khoái-trá được biết rằng vì nghĩ đến toàn-thể nhà trường mà ông Perkins phải bận-rộn vì cậu, nhưng đồng-thời, có cái gì khác trong người cậu, tựa hồ một người nào đứng sát bên sườn cậu, thúc đẩy cậu nói mấy tiếng:

“Tôi không muốn — Tôi không muốn”.

Cậu cảm thấy không đứng vững. Cậu bắt lỵ trước sự yếu-hèn hình như đang phát-triển trong người cậu chẳng khác gì nước đang dâng tràn cái chai không giữ trên một bề dầy, và cậu nghiêng rặng, nói lại một mình mấy tiếng:

— Tôi không muốn. Tôi không muốn.

Sau cùng, ông Perkins để tay lên vai cậu và bảo:

— Tôi không muốn thuyết-phục anh. Anh tự định liệu lấy. Hãy cầu đức Thượng-đế giúp đỡ và hướng-dẫn.

Khi Philip ra khỏi nhà ông hiệu-trưởng thì trời mưa nhẹ hạt Cậu đi dưới mái tò vò con đường vào nhà chung. Lúc đó xung quanh cậu không một bóng người. Cả đàn quạ trên hàng cây du cũng bật tiếng. Cậu đang nóng bức và trời mưa làm cậu dễ chịu. Cậu suy-ngẫm là tất cả những điều ông hiệu-trưởng vừa nói với một vẻ bình-tĩnh vì cái háng-say trong người cậu trong lúc đó đã lắng xuống và cậu mừng là cậu đã không đầu hàng.

Trong đêm tới cậu chỉ thấy mặt-mờ toàn-bộ giáo-đường: giờ đây cậu không thích nơi đây vì cái cảnh buồn tẻ khó chịu của những buổi lễ lâu hàng giờ mà cậu chỉ bó buộc phải tham-dự. Bài thánh-ca như bất tận, và khi cử lên người ta phải đứng nghe với vẻ chán-ngán. Người ta cũng không nghe nổi cái giọng giảng-kinh đều đều tẻ ngắt, thản người thì nhức nhối co túm vì khi muốn đi

chỗ này chỗ kia, người ta cứ phải ngồi mà di-chuyển. Rồi Philip nghĩ đến hai buổi lễ mỗi tuần tại Blackstable. Nhà thờ thì trống-trải lạnh-lẽo và chỗ nào cũng sặc mùi sáp bôi tóc và mùi quần áo hồ bột. Cha phó giảng một lần và bác cậu giảng một lần. Philip càng lớn lên càng tìm hiểu bác; cậu thẳng-thắn và hay cổ-chấp. Cậu không thể hiểu rằng một người có thể thành-thực nói những điều như một vị tu-sĩ mà, cũng như người thường, hẳn không bao giờ làm đúng. Sự giả-dối làm cậu nhục. Bác cậu là một người nhu-nhược và ích-ký, ông chỉ muốn không ai quấy-rầy ông.

Ông Perkins đã nói với cậu về vẻ-đẹp của cuộc đời hiển-dâng cho Thượng-đế. Philip đã hiểu rõ giới tu-sĩ ở góc đường East-Anglia sống một cuộc đời như thế nào. Đó là Cha sở ở White-Stone, một giáo-khu cách Blackstable không xa mấy. Ông ta sống độc-thân và để cố-việc làm, ông quyết-định làm ruộng. Báo-chí địa-phương thường loan tin ông kiện người này, người khác ở tòa-án tỉnh, những người cày thuê mà ông không trả công hay những nhà buôn mà ông tố-cáo là đã lừa bịp ông; có người dèm-pha là ông đã để cho bò chết đói và có những cuộc bàn-tán về một hành-động chung nào đó chống lại ông. Rồi đến Cha sở ở Ferne, một người mặt mũi râu ria xinh-xắn, nhưng vợ ông đã phải bỏ ông vì tính hung-ác của ông, và bà đã nói chuyện khắp miền lân-cận về những hành-động vô-đạo của ông. Cha sở địa-phận Surle, một xóm nhỏ bên bờ biển thì tối nào cũng thấy có mặt ở Tũ-quán cách nhà ông mấy chục thước; và những người cai-quản nhà-thờ thường đến nhà ông Carey để hỏi ý-kiến. Những vị tu sĩ này không biết trò chuyện với ai trừ một số điền-tốt hay ngư-phủ; có những chiều đông gió thổi rít qua những chặng cây không lá, và khắp bốn bề họ chỉ trông thấy những cảnh đồng tro trụi, buồn tẻ; dân trong vùng thì nghèo đói; đặc-tính của mỗi người trong bọn họ tự-do phát-triển; không có gì chế-ngự họ; họ trở thành hẹp-hòi và kỳ-quặc. Philip đã biết những sự-kiện đó, nhưng với tính cố-chấp của tuổi trẻ, cậu không coi đó là một lý-do để bào-chữa. Cậu rùng mình khi nghĩ đến việc sống một cuộc đời như vậy; cậu muốn vượt ra ngoài đời.

( còn tiếp )

NGUYỄN-HUY-ĐÓN dịch



«CULTURE LIBRARY»

published by the Directorate of Cultural Affairs  
Department of National Education

1. **SỬ-LIỆU VIỆT-NAM** (Documents on Vietnamese History)  
by *Tuấn-Lý Huỳnh-khắc-Dùng*. (246 pages) . . . . . 25\$
- 2-3. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT**  
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :  
The 6 provinces of South Vietnam)  
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.  
Part I (152 pages) . . . . . 20\$  
Part II (132 pages) . . . . . 15\$
- 4-5. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :  
Province of Thanh-Hoa)  
translated by *A-Nam Trần-Tuấn-Khải*.  
Part I (122 pages) . . . . . 15\$  
Part II (174 pages) . . . . . 15\$
6. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :  
Central Vietnam)  
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.  
*The Capital* (96 pages) . . . . . 15\$
- 7-8. **CÔ-ĐỒ HUẾ** (Huế, the Ancient Capital)  
(History, Monuments, Sites and Anthology) by *Thái-Văn-Kiểm*  
(487 pages, 53 illustrations and maps). . . . . 70\$
- 9-12. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :  
Central Vietnam)  
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*  
*Provinces of Quảng-Trị and Quảng-Bình*  
(208 pages) . . . . . 20\$  
*Province of Thừa-Thiên* Part I (144 pages) . . . . . 15\$  
Part II (152 pages) . . . . . 15\$  
Part III (134 pages) . . . . . 15\$
- 13-14. **VIỆT-NAM NHÂN-VẬT CHỈ VÙNG-BIÊN**  
(Glossary of Vietnamese Historical Figures)  
by *Thái-Văn-Kiểm & Hồ-Đắc-Hàm* (290 pages) . . . . . 55\$
15. **HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM**  
"VIETNAM CULTURE SERIES" N. 6  
by *Nguyễn-Đình-Hòa* (32 pages) . . . . . 6\$
- On sale in all bookshops of the Capital and the provinces, in **THÔNG-NHẬT** (329 Bđ Trần-Hưng-Đạo, Saigon) and at the Directorate of Cultural Affairs (89 Le-Van-Duyet Street, Saigon).

JOSÉ FIGUEROA ORTIS

**chương-trình phát-triển  
cộng-đồng hương-thôn do Bộ  
y-tê và cứu-trợ công-chúng  
mẽ-tây-cơ thi-hành**

Chương-trình phát-triển cộng-đồng hương-thôn do Bộ Y-Tê và Cứu-trợ Công-chúng Mẽ-Tây-Cơ đem áp-dụng đã ý-thức được ở cuộc Cách-mạng Xã-hội và nhằm mục-đích cải-tiến sinh-hoạt của dân-chúng hương-thôn trong nước.

Kinh-nghiệm thấu-luộm được trong khi hoạt-động tại các vùng hương-thôn đã đem lại cho Bộ Y-Tê và Cứu-trợ Công-chúng một quan-niệm là : chương-trình hoạt-động y-tê và vệ-sinh liên-kết chặt-chẽ với các biện-pháp liên-hệ tất-yêu nhằm tiến tới mục-đích chung : kết-hợp những cố-gắng của dân-chúng với cố-gắng của Chính-phủ ngõ hầu cải-thiện hoàn-cảnh kinh-tê, vệ-sinh và văn-hóa của cộng-đồng hương-thôn bằng cách định-hướng cho các cộng-đoàn tham-gia tích-cực vào sự tiến-triển của quốc-gia.

Để thi-hành lý-thuyết này, Bộ Y-Tê đã đem thi-hành, tháng 8 năm 1953 trong bốn vùng đã được lựa chọn vì đặc-tính văn-hóa, kinh-tê và vệ-sinh của các vùng này, một chương-trình có tính-cách thí-nghiệm phù-hợp với thực-tại của xứ-sở, với khẩu-cứ mới nhất của khoa-học xã-hội.

Đem thực-thi mục-đích ấy "Trung-tâm chỉ-đạo Phúc-lợi Hương-thôn" đã được thành-lập trong mỗi tỉnh sau đây : Villa Cardel (Vera Cruz), Tlaetizapán (Morelos), Tamúin (San Luis Potosi) và Xã Francisco I Madero (Coahuila). Năm 1954, việc thành-lập các "Trung-tâm Phúc lợi Hương-thôn" được phổ-cập trên toàn lãnh-thổ Cộng-Hòa.

\* Dịch-thuật theo bài "Le programme de développement des communautés rurales appliqué par le Secrétariat d'Etat à la Santé et à l'Assistance publique du Mexique" của José Figueroa Ortis.

[Tập XII, Quyển 11 (Tháng 11, 1963)]

Các "Trung-tâm Phúc-lợi" này là cơ-quan chính thi-hành chương-trình phát-triển hương-thôn có trách-nhiệm khuyến-khích, hoạch-định, tổ-chức và hoàn-thành các hoạt-động khả-di nâng cao trình-độ xã-hội, kinh-tê, giáo-dục, văn-hóa, y-tê và vệ-sinh cho dân-chúng hương-thôn bằng cách thế nào để đảm-bảo hạnh-phúc đầy-đủ cho họ.

Ngày 15 tháng 6 năm 1960, do quyết-nghị của Bác-sĩ José Alvarez Amézquita, Bộ-Trưởng Y-Tê và Cứu-trợ Công-chúng đã sáng-lập Nha Tổng Giám-độc Lãnh-Mạnh-Hóa và Phát-triển Cộng-đồng Hương-thôn có trách-nhiệm tăng-gia tác-động của Bộ trong lãnh-vực này, theo đúng như chính-sách nông-tác của Tổng-Thống Cộng-Hòa, ông Adolfo López Mateos. Nha Tổng Giám-độc có trách-vụ thành-lập, tổ-chức, khuyến-cáo và kiểm-soát về phương-diện kế-hoạch, kỹ-thuật và quản-trị những "Trung-tâm Phúc-lợi Hương-thôn".

Năm 1960, các cơ-sở hoạt-động xã-hội và lãnh-mạnh-hóa các khu-vực được lập nên gọi là "Khu-vực khai-khẩn nội-bộ". Đúng như tên gọi, những cơ-sở này thi-hành các chương-trình lãnh-mạnh-hóa và phát-triển cộng-đồng trong các địa-phương mới mở rộng cho nền văn-hóa.

Hiện giờ 5.570.541 dân-cư được thụ-hưởng về sự hoạt-động của 519 "Trung-tâm Phúc-lợi Hương-thôn". Những trách-vụ của một "Trung-tâm Phúc-lợi Hương Thôn" rất nhiều. Như vậy, một Trung-tâm phải:

- (1) Mở cuộc khảo-sát xã-hội;
- (2) Lưu-tâm tới cộng-đoàn, tổ-chức và cổ-súy cộng-đoàn bằng cách hợp nhất tài-nguyên của cộng-đoàn với tài-nguyên của các cơ-quan chính-quyền trong các công-cuộc hoạt-động phát-triển cộng-đồng hương-thôn;
- (3) Cải-thiện hoàn-cảnh xã-hội và kinh-tê, đặc-biệt là hoàn-cảnh kinh-tê và xã-hội của gia-đình;
- (4) Khích-lệ các hoạt-động giáo-dục, văn-hóa và giải-trí;
- (5) Đảm-nhiệm việc bảo-trợ các bà mẹ và trẻ sơ-sinh;
- (6) Cải-tiến thực-phẩm của dân-chúng;
- (7) Lãnh-mạnh-hóa cảnh-vực và phát-triển các công-tác công-cộng;
- (8) Tham-gia chiến-dịch "Vệ-sinh đặc-biệt";
- (9) Cải-thiện các cơ-sở y-tê và vệ-sinh.

Tất cả các hoạt-động của một "Trung-tâm Phúc-lợi Hương-thôn" mặc dầu cùng chung một đạo-lý và các định-luật quản-trị đều phù-hợp rất chặt-chẽ với điều-kiện xã-hội đặc-biệt và với hạn-độ mong muốn hợp-tác của cộng-đồng-xã liên-hệ. Chương-trình tác-động được soạn-thảo cho mỗi nơi, không phải đặc-

biệt do nhân-viên chính quyền nhưng mà là với sự tham-gia sâu-rộng của các hội-viên của cộng-đồng-xã; nói cách khác, những công-tác mà người ta khuyến-khích và thi-hành không phải chỉ biểu-thị đặc-biệt những ý-định của các kỹ-thuật-gia mà trái lại, người ta luôn luôn lưu-tâm đến các sở-thích của dân-chúng ngõ hầu những đòi hỏi cần-thiết về kỹ-thuật và những nhu-cầu của mỗi cộng-đồng-xã hòa-hợp với nhau và chương-trình như vậy phải là công-trình chung của dân-chúng và Chính-phủ.

"Trung-tâm Phúc-lợi Hương-thôn" là một cơ-quan "Tác-động Xã-hội" khuyến-khích các hoạt-động hay các cơ-quan có lợi cho một khu-vực hương-thôn. Cơ-quan này được điều-khiển bởi một viên-chức gọi là "Nhân-viên hướng-dẫn công-tác xã-hội" có trách-nhiệm việc tổ-chức và việc phát-triển cộng-đồng-xã và được các kỹ-thuật-gia của các ngành, các tập-sự-viên, các cộng-sự-viên phụ-trợ. "Nhân-viên hướng-dẫn công-tác xã-hội" là một viên-chức có nhiều tài-năng trong các công-việc. Do đó mà Bộ Y-tê và Cứu-trợ Công-chúng đã huấn-luyện đặc-biệt viên-chức này để khảo-sát khu-vực đã được giao-phó làm, kích-thích những thích-thú của các hội-viên cộng-đồng-xã về mục-tiêu của chương-trình, khuyến-khích các sáng-kiến cá-nhân và tập-thể, tổ-chức các "toán tác-động" có ý-niệm về trách-nhiệm và hoạt-động; nhân-viên đó cổ-thuyết-phục dân-chúng để tự-lực cải-thiện mực-sống, thúc-dẩy họ để họ có ý-niệm về các vấn-đề và các tài-nguyên của họ cùng là lòng tự-tin, kết-hợp các cố-gắng, biểu-lộ các nhu-cầu của họ, và nếu cần, nhờ các chuyên-viên giải-quyết vấn-đề này hay vấn-đề nọ.

Cho đến năm nay, Bộ Y-Tê và Cứu-trợ Công-chúng đã tổ-chức 13 khóa đặc-biệt đào-tạo chức-vụ "hướng-dẫn công-tác xã-hội". Những khóa này hoàn-toàn phân-tán tại các cộng-đồng hương-thôn đã biểu-thị những đặc-điểm tương-tự như những đặc-điểm của các địa-phương mà tập-sự-viên sẽ làm việc tại đó. Việc tiếp-xúc trực-tiếp với hoạt-động của các "Trung-tâm Phúc-lợi Hương-thôn" và việc đào-tạo chính ngay trong dân-chúng hương-thôn được ổn-định, như vậy các tập-sự-viên mới có thể nhận-thức thực-sự được về tình-trạng cùng là phương-pháp mà họ sẽ phải đem áp-dụng.

Để hướng-dẫn hoạt-động của các Trung-tâm trong vùng đã ấn-định, người ta lập những khu-vực tác-động đặt dưới quyền trực-tiếp của một «chính-lý-viên» mà «chính-lý-viên» này thường thường là một «cán-sự công-tác xã-hội», chuyên-viên giáo-dục căn-bản hay giáo-sư trường sư-phạm.

Để chọn lựa các cộng-đoàn sau này sẽ thiết-lập các "Trung-tâm Hạnh-phúc Hương-thôn" người ta nghiên-cứu trước hết tình-trạng của mỗi địa-phương theo các tiêu-chuẩn sau đây:

- (1) Tinh-chất hương-thôn thuần-túy của cộng-đoàn.

- (2) Các vấn-đề thiết-định cho cộng-đoàn ;
- (3) Các tài-nguyên hiện-hữu hay tài-nguyên mà người ta có thể khai-thác được ;
- (4) Các ước-vọng của cộng-đoàn và lòng ham muốn cải-thiện mực sống hay cộng-tác để cải-thiện mực sống ;

Người ta dựa vào những kết-quả của cuộc nghiên-cứu này để quyết-định nên hay không, thiết-lập một Trung-tâm.

Một khi Trung-tâm được thiết-lập, người ta chính-thức làm ngay việc tổ-chức cộng-đoàn, việc nghiên-cứu khai-thác triệt-đề trong vùng và khởi-thảo kế-hoạch tác-động ở địa-phương. Việc nghiên-cứu sự khai-thác triệt-đề được thực-hành tùy theo thể-thức đặc-biệt của Ban Giám-độc sắp đặt : phân-tích tỉ-mỉ các vấn-đề kinh-tê, văn-hóa, xã-hội và y-tê, v. v. . . Trong kế-hoạch tác-động người ta định rõ những mục-tiêu khái-quát và riêng biệt, cách-thức hoạt-động tiêu-chuẩn tổ-chức cộng-đoàn, v.v... luôn luôn tùy theo lợi ích, tài-nguyên sẵn có và những quyền ưu-tiên về phương-diện y-tê. Tuy nhiên, ta cũng nên coi đây là một kế-hoạch nguyên-tắc chưa hẳn phải là kế-hoạch xác-định, bởi vì nội-dung và thể-thức áp-dụng biến-cải luôn luôn theo nhịp của cộng-đoàn hành-động và phát-triển, những nhu-cầu hay những tài-nguyên mới khác có thể thể-hiện hay tùy theo những tân-vấn-đề có thể thiết-định. Hiện-tượng này khoác một biên-cái không ngừng trong việc tổ-chức và việc điều-hành của Trung-tâm. Thành thử việc nghiên-cứu của cộng-đoàn cũng phải theo đuổi suốt thời-gian thi-hành kế-hoạch ; làm như vậy thì việc nghiên-cứu mới trọn vẹn và kết-quả thấu-luộm mới có thể định-giá kế-hoạch đem thi-hành, và đem lại thực-sự những tu-chính cần-thiết cho kế-hoạch.

Việc nghiên-cứu nhằm các điểm sau đây :

(1) Điều-tra trong vùng

- a. Tên, kiến-trúc của chính-trị và cộng-đoàn trong vùng ;
- b. Khảo-cứ lịch-sử quan-hệ nhất về các cơ-quan y-tê công-cộng trong vùng ;
- c. Khảo-cứ địa-dư : ranh-giới, vị-trí, thủy-lộ, phong-thổ, v.v... ;
- d. Đường lối giao-thông và sự dễ-dàng di-chuyển ;
- e. Động, thực-vật.

(2) Vệ-sinh trong cảnh-vực

- a. Nhà cửa ;
- b. Trường học ;
- c. Cơ-sở công-cộng.

(3) Nhân-khẩu

- a. Dân-cư : sự tồ-hợp, sự phân chia ra từng giới, niên-canh, nghề-nghiệp, v.v. . .
- b. Thông-kê nhân-khẩu : khảo cứu về 5 năm gần đây.

(4) Tổ-chức xã-hội

- a. Tổ-chức đoàn-thể hiện-hữu ;
- b. Hoàn-cảnh gia-đình ;
- c. Hoàn-cảnh cộng-đoàn ;
- d. Tinh-thần đoàn-kết và ý-thức về trách-nhiệm của các hội-viên của cộng-đoàn đối với vấn-đề chung.

(5) Tổ-chức kinh-tê, xã-hội

- a. Tài-sản và tín-dụng ;
- b. Khai-thác và trị-giá các tài-nguyên địa-phương : canh-tác, chăn nuôi, lâm-sản, thủ-công-nghiệp và tiểu kỹ-nghệ, du-lich, v.v. . .

(6) Đặc-tính văn-hóa

(7) Cập-độ thoả-mãn nhu-cầu chính-yếu

- a. Thực-phẩm và dinh-dưỡng ;
- b. Y-phục ;
- c. Giải-trí ;
- d. Cư-trú.

(8) Vấn-đề y-tê, xã-hội và tổ-chức y-tê, vệ-sinh

Mặc dầu chương-trình công-tác của mỗi Trung-tâm không được cứng-rắn mà vẫn phải có thể thích-ứng với các vấn-đề riêng biệt đã biểu-thị một cách cụ-thể, chương-trình đó, trong đại-thể, phỏng theo các quy-tắc sau đây :

(a) Hoạt-động của các Trung-tâm thực-hiện trên hai bình-diện : một mặt bằng các phương-pháp khuyến-khích, mặt khác, hoạt-động trực-tiếp theo trình-độ của gia-đình và cá-nhân. Đặc-tính căn-bản của hai hình-thức hoạt-động này là không phải những người làm việc tại Trung-tâm, cũng không phải là những tài-nguyên vật-chất hay những vật-dụng trang-bị để thực-hành chương-trình phải có một xuất-xứ chính-thức : nó cũng còn xuất-xứ ngay ở chính cộng-đoàn. Nói cách khác, Trung-tâm không thể tự coi như một phòng-giấy hay một cơ-sở địa-phương phụ-thuộc Bộ Y-tê và Cứu-trợ Công-chúng nhưng phải đúng như một cơ-quan xã-hội riêng biệt cho cộng-đoàn và đặt dưới sự quản-trị của cộng-đoàn với sự phụ-trợ của nhân-viên y-tê.

(b) Mỗi Trung-tâm không những đảm-nhiệm riêng về địa-phương mà Trung-tâm đã được thiết-lập nhưng cũng phải đảm-nhiệm cả khu-vực lân-cận gồm có một số cộng-đoàn hương-thôn mà sự hoạt-động biến-đổi tùy theo những đặc-tính y-tê và xã-hội trong miền.

Trung-tâm có thể dành một trụ-sở cho Trung-tâm hay dùng các hội-sở thích-hợp hơn cho những hoạt-động của Trung-tâm. Điều cần-thiết nhất là những hoạt-động chứ không phải hội-sở. Khi phải xây hội-sở, sáng-kiến là do ở những hội-viên của cộng-đoàn đã tham-gia mọi giai-đoạn trang-bị, từ lúc khởi-thảo đó-án đến lúc thực-hành.

(c) Cũng như tất cả các việc tổ-chức y-tê, tác-động của Trung-tâm có ba hình-thái: khảo-cứu, đặt kế-hoạch và thực-hành. Các hình-thái này không phải là những giai-đoạn rõ-rệt, nhưng là một tiên-triền tăng đọt và liên-tục theo những nguyên-tắc tổ-chức và quản-trị nào đó.

(d) Cộng-đoàn tham-gia sự nỗ-lực này với tất cả tài-nguyên về nhân-lực do sự trung-gian của « Ủy-Ban Phúc-lợi Hương-thôn » và các cơ-quan chuyên-môn được thành-lập tùy theo sự cần-thiết của tác-động. « Ủy-ban Phúc-lợi Hương-thôn » được bầu lên sau một cuộc hội-hợp do Trung-tâm triệu-tập và thành-phần là các đại-diện của mọi giới trong cộng-đoàn. Để các nhân-vật có tư-cách nhất có thể tham-gia việc điều-hành công-tác, Ủy-Ban chỉ được bầu lên có một năm. Ủy-Ban gồm có: 1 chủ-tịch, 1 phó chủ-tịch, 1 thư-ký, 1 thủ-quỹ và 6 hội-viên.

Theo lời chỉ-giáo của nhân-viên chính-quyển tại Trung-tâm « Ủy-ban Phúc-lợi Hương-thôn » bầu những Hội-đồng cần-thiết cho việc điều-hành được tốt đẹp và thành phần có 1 chủ-tịch, 1 thư-ký và một số hội-viên cho đủ sự cần-thiết. Những Hội-đồng này không phải được thiết-lập một cách máy-móc nhưng tùy theo nhu-cầu và các hoạt-động.

(e) Một trong những mối lo âu quan-trọng của Trung-tâm là làm sao có thể biết chắc là cộng-đoàn có tiếp-tục theo đuổi những cố-gắng để cải-thiện tình-trạng y-tê và mực-sống không? Vì lý-do này mà Trung-tâm tìm cách tuyển-lựa các nhà hữu-trách địa-phương có thể cố-động hay thi-hành những công-tác đã chủ-trương. Người ta gọi những người này là « Cố-động-viên cho cộng-đoàn » được đào-tạo tùy theo sở-thích hay khả-năng cá-nhân, mặc dầu khi những công-chức trực-thuộc Bộ Y-tê và Cứu-trợ Công-chúng rút lui rồi họ vẫn có thể chính họ tiếp-tục công-tác ngay trong cộng-đoàn như trợ-tá-viên tình-nguyện không lương. Việc huấn-luyện được xúc-tiến ngay trong Trung-tâm đi đôi với hoạt-

động của họ, hay tại các trường chuyên-môn như các trường Tanaquillo (Michoacan) và Arteaga-Coahuila. Các cộng-đoàn tư cấp học-bổng cho họ dự các khóa huấn-luyện này.

(f) Nhân-viên của mỗi Trung tâm không phải là tổ-chức theo một kiểu-mẫu cố-định, bắt di bắt dịch, những phải thể theo hoạt-động đã chủ-trương. Động-lực thúc-đẩy của chương-trình tùy thuộc ở cộng-đoàn và đem lại cho sự cầu-thành Trung-tâm các đặc-điểm sau đây:

Thoạt đầu là cách cầu-tạo không đồng nhất mặc dầu các Trung-tâm đều có tầm quan-trọng như nhau, nghĩa là các Trung-tâm không cùng có những đó trang-bị giống hệt như nhau. Thứ hai là những đó trang-bị này không luôn luôn quy-tụ mỗi một nơi duy-nhất. Có một số trang-bị — nhất là các trang-bị dùng để thuyết-minh cho các gia đình về môn lành-mạnh-hóa và nông-tác (cầu tiêu, vườn rau, v.v...) — có thể đặt tại các chôn khác hay trong các gia-cư. Ngoại trừ vật-dụng đặc-biệt của Bộ Y-tê xung-cấp để bảo-dưỡng các bà mẹ và trẻ con, dân-cư phải tự-cung các đó trang-bị còn thiếu sót dưới hình-thức vật-dụng, tiền-tài hay công-tác. Về nhân-viên, thành-phần sắp-đặt tùy theo các hoạt-động được chủ-trương, cũng là việc có thể tìm ngay được tại chỗ các cộng-sự-viên tình-nguyện không lương và thông-thạo về những công-tác nào đó, như: nghề may cắt quần áo, nuôi gà vịt, nuôi ong, nghề thủ-công, v.v..

Nhân-viên chính-quyển và nhân-viên của cộng-đoàn phải phối-hợp, dung-hòa các cố-gắng của họ và lập thành từng tổ để làm việc. Nhân-viên chính-quyển thi-hành nhiệm-vụ không những riêng trong địa-phương mà Trung-tâm được thiết lập nhưng còn cả các địa-phương thuộc khu-vực ảnh-hưởng của họ, ở trụ-sở Trung-tâm và ở các chi-nhánh cũng như tại nhà ở của dân-cư.

(g) Kế-hoạch công-tác của những « Trung-tâm Phúc-lợi Hương-thôn » phải có những đặc-tính tổng-quát sau đây:

Kế-hoạch công-tác phải bắt nguồn ở sự lợi-ích của đoàn-thể và ý-thức được đoàn-thể còn có các vấn-đề phải giải-quyết, chỉ-dẫn những hoạt-động phải thực-hiện khẩn-cấp và những tác-động trường-kỳ; đảm-nhiệm sự liên-tục và năng-xuất của công-tác; phối-hợp những cố-gắng cá-nhân và gia-tăng các hiệu-quả của cố-gắng bằng sự hợp-tác xã-hội; điều-động và phân-phối: nhân-lực, những căn-bản và tài-nguyên địa-phương mà từ trước tới nay không thể khai-thác được vì thiếu khả-năng kỹ thuật; ấn-định sự tham-gia của các nhà cầm-quyển địa-phương; các người có khả-năng đặc-biệt, các cơ-quan, các tổ-chức và các học-viện; lựa chọn những phương-pháp hữu hiệu nhất khả-dĩ giải-quyết các vấn-đề bằng một kỹ-thuật không quá cao với sự tham-gia của tất cả dân-cư; phối-hợp hoạt-động của dân-cư với hoạt-động, nội và ngoại, của các

chương-trình khác mà sự thi-hành tiếp-tục trong cộng-đoàn và trong vùng; tiền-liệu sự viện-trợ cần-thiết cũng là viện-trợ kinh-tê và tất-yêu cho ngay sự thực-hiện kê-hoạch.

Cộng-đoàn phải tự đặt lấy kê-hoạch và thực-hành chương-trình chính-yêu của mình về tác-động xã-hội bằng sự tham-gia, nếu có thể được, của một số người thật đông-đáo với sự chỉ-giáo và trợ giúp của cô-động-viên chính-quyển. Không phải cô-động-viên này khởi-thảo và thi-hành chương-trình: cô-động-viên này, nếu muốn gây lợi-ích cho tất cả dân-cư và muốn tự phát-triển nhờ ở hoạt-động của dân-cư, thì ngay từ lúc khởi-thủy phải là chương-trình của cộng-đoàn, gắn liền với cộng-đoàn và dành riêng cho cộng-đoàn.

Không một hoạt-động nào là cưỡng-chê, và nhịp tác-động không ấn-định, bởi vì tất cả các công-việc giáo-dục đều khởi-đầu một cách từ từ, rồi theo đà, tiền-triển mỗi ngày một nhanh hơn. Không phải là những cá-nhân hay cộng-đoàn, một sớm một chiều mà thể biến-cải ngay được, những cô-động-viên chính-quyển phải thúc-đẩy họ tiền gấp nhịp tác-động của họ, chứ không thể đợi đến khi chính họ tự làm lấy.

Vậy thì phải khởi-đầu bằng một vấn-đề không quá khó giải-quyết và không vượt quá phương-tiện sẵn có mà cộng-đoàn nhận thấy là cần kíp và theo đó đó cộng-đoàn sẽ ý-thức được những vấn-đề căn-bản của mình và có thể tìm cách để giải-quyết.

Cộng-đoàn muốn có những sự-kiện cụ-thể, hiển-nhiên, những kết-quả tức-thời. Cô-động-viên chính-quyển không cần phải đợi biết chi-tiết để hành-động hay thúc-đẩy cộng-đoàn bắt tay vào việc, mà phải tránh tất cả các sự hấp-tấp, nếu để nhảm lẫn điếm này hay điếm nọ, cộng-đoàn sẽ mất hết lợi-ích và tất cả sự tin-trưởng.

Chúng tôi cũng nhận biết là chính-sách của Chính-phủ dành riêng cho hạnh-phúc của dân-chúng chỉ có hiệu-quả khi nào chính-sách này đã được đặt thành kê-hoạch đúng với nhu-yêu thực-sự của dân-chúng. Tình-trạng kỹ-thuật tương-quan này giữa chính-sách quốc gia và động-lực dân-chúng được ổn-định bằng sự thiết-lập kê-hoạch cho địa-phương. Sự kết-hợp trực-tiếp này cũng còn phải để chế-độ xã-hội của chúng tôi hướng-dẫn, ngõ hầu những phương-pháp đem áp-dụng tại địa-phương phù-hợp hoàn-toàn với những tinh-thần dân-chủ của cuộc Cách-mạng Mỹ-Tây-Cơ.

PHÙNG-NGỌC dịch  
UNESCO



H. COULTHARD BURROW

Hội-đồng Văn-hóa Anh

## việc dạy sinh-ngữ theo quan-niệm hiện-đại\*

Khi ta học một sinh-ngữ thì ta học để đạt được năng-lực trong bốn cái 'biết', đó là: hiểu điều người ta nói với mình bằng tiếng đó, làm cho người ta hiểu được mình khi mình nói, hiểu cái mình đọc, và diễn ý của mình ra văn viết cho đúng.

Dựa vào kết-quả của thí-nghiệm và theo kinh-nghiệm, những người chủ-trương phương-thức hiện-đại đã xếp bốn cái 'biết' theo thứ-tự như trên, nghĩa là học-sinh được dạy nói ngay từ đầu. Những người chỉ-trích phương-pháp này hỏi rằng ở những nước mà đa số trẻ con sẽ không bao giờ có dịp, hay cần phải nói tiếng Anh thì dạy chúng nói mà làm gì. Họ lý-luận rằng tốt hơn là nên chú-trọng vào việc tập đọc và dạy cho trẻ con thật lưu-loát hơn cả về khoa đó. Không ai chối cãi được rằng phần lớn trẻ con sau khi chúng ra trường sẽ có nhiều cơ-hội đọc tiếng Anh hơn là nói thứ tiếng đó, nhưng đây không phải là một cơ-đề 'bỏ-lơ' khoa tập nói. Ta có thể bảo rằng đọc thắm là một hình-thức nói thắm vì phần nhiều chúng ta phát-âm các tự-ngữ một cách thắm lặng trong trí óc của ta đang khi ta đọc một mình. Ta càng có thể nói những tự-ngữ đó nhanh bao nhiêu thì ta càng đọc nhanh bấy nhiêu.

Một sự-kiện ngày nay đã được công-nhận là việc học nói giúp cho học-sinh đọc và viết dễ dàng hơn; hơn nữa khi tới những trình-độ cao hơn nó còn khích-lệ óc thường-thức văn-chương, nhất là kịch và thơ. Việc luyện nói cho những học trò mới nếu được hướng-dẫn bởi một ông thầy có khả-năng và có huấn-luyện, thường tạo nên một sự hứng-khởi và cái mới lạ rất hay thiêu trong các lớp sinh-ngữ. Tập nói làm cho trẻ con cảm thấy môn học sống động. Chúng

\* Xem nguyên-tác bằng Anh-văn ở Phần Phụ-trương.

ham thích nói và bắt chước người khác và dành phần hoạt-động trong việc học. Ai còn nghi ngờ các sự-khien này chỉ việc xem một lớp học đang hoạt-động dưới sự chăm-nom của một giáo-sư có huấn-luyện là đủ. Người ấy sẽ sớm nhận-thức được rằng việc học sinh-ngữ có thể trở thành một công việc vui hay và linh-hoạt với những kết-quả cụ-thể, thay vì là môn học thường thường chán ngắt đối với cả thầy lẫn trò. Nếu học-trò có thể nói chuyện về những vật chung quanh chúng và diễn-tả chính những hoạt-động và hoàn-cảnh của chúng bằng một tiếng Anh đơn-giản thì điều đó phần-khích chúng mạnh-mẽ hơn việc giữ một vai thụ-động để nhồi nhét các điều trong ngữ-pháp hình-thái nhiều lắm. Bắt đầu với đường lối đúng-đắn bằng cách tạo hứng-khởi và lòng ham học chắc hẳn phải tốt hơn là để cho nảy nở một thái-độ buồn-bã cam chịu một sự việc là đây không khác gì một môn học nữa thêm vào thời-khóa-biểu để mà học.

### Tập sử-dụng tiếng Anh

Phương-pháp tập nói không có nghĩa là ngữ-pháp, tập đọc, tập viết, tập dịch, v.v... là những môn sẽ bị lãng quên; đúng ra tập nói là một môn căn-bản để những môn kia phát-triển. Mỗi phần thuộc môn học này sẽ xuất-hiện vào đúng chỗ của nó vào lúc thích-đáng nhất. Tỉ-đụ, môn ngữ-pháp hình-thái không thích-hợp cho những học-trò mới nhưng có thể đem dạy cho học-sinh lớp cao hơn. Một học-sinh học diễn đạt ý-mình cho lưu loát bằng những câu tiếng Anh đúng, và do đó nghĩ đúng và thấu-thái một sự hiểu biết chắc-chắn về ngôn-ngữ này qua thực-hành, thì rất hay hơn là học vờ lòng mà gặp một chuỗi điều-lệ buồn tẻ nói rằng ngôi thứ nhất số ít của động-từ 'to have' là 'have' và ngôi thứ ba số ít là 'has', và cứ như thế qua khắp các giai-đoạn sơ khởi của ngữ-pháp hình-thái.

Thay vì học miên-man về ngôn-ngữ đó, học-sinh học sử-dụng nó và đồng-thời thấu-thập một kiến-thức về các hình-thái (ngữ-pháp). Sẽ có lúc nó thu-thập đủ để có thể học về những cái đó. Các luật-lệ ngữ-pháp ít có nghĩa-lý gì trừ khi đã có một cái gì để gắn vào đó. Đối với người mới học thì lại càng không có nghĩa-lý gì vì hẳn ta mới lần đầu làm quen với môn học. Nếu như ta phải dạy lái xe cho một người chưa từng thấy một cái xe hơi bao giờ, ta cho họ xem một cái xe rồi cắm vào các cần điều-khiển ắt hẳn sẽ chạy việc hơn là tìm cách giảng-giải về một cái xe hoàn-toàn xa lạ. Giai-đoạn tiếp theo trong việc huấn-luyện-viên có kinh-nghiệm chỉ-dẫn và kiểm-soát. Đối với ngôn-ngữ thì cũng vậy. Học-sinh cần phải được thực-hành rất nhiều trong việc sử-dụng các hình-thái Anh-ngữ đúng bằng cách nghe, nói, đọc và viết những hình-thái đó. Nhờ tiếp-xúc thường-xuyên với thứ Anh-ngữ đúng, trẻ con sẽ dần-dần tự tạo một số vốn hiểu biết vững chãi và hữu-ích mà chúng có-thể đem áp-dụng được.

Việc lặp đi lặp lại một thứ chất-liệu không cứ là phải buồn tẻ, một ông thầy giỏi có thể trình-bày học bằng nhiều cách hay và vui nữa. Trong khi học-sinh thực-tập và năng sử-dụng các hình-thái đó ở những hoàn-cảnh sống thực, tạo nên một thực-tại (cho những hình-thái đó), thì hẳn ta đã đang thấu nhận một cách vô-thức một kiến-thức ngữ-pháp. Ngữ-pháp tác-dụng là cái giai-đoạn đưa tới ngữ-pháp hình-thái, thứ ngữ-pháp làm khởi-điểm cho việc phối-trí và sắp-hạng những kiến-thức đã thấu-thái được. Vấn-đề ở đây là không có chuyện ngữ-pháp bị loại bỏ trong một học-trình gồm nhiều năm.

### Việc trình-bày tuần-tự các cấu-thức

Điều thiết-yếu là tất cả các giáo sư Anh-ngữ hiểu rõ bản-chất của tiếng Anh, nó tác-dụng ra sao và kết thành bởi cái gì. Khi họ hiểu ý-nghĩa của các 'cấu-thức' và vai trò của chúng, thì họ đã tiền được khá xa để trở nên những người sử-dụng phương-pháp hiện-đại một cách hữu-hiệu. Không thể kỳ-vọng rằng tất cả các giáo-sư đều phải tự mình làm ra những bảng câu-thức riêng theo thứ-tự giảng dạy các câu-thức đó; việc này đòi hỏi một kiến-thức rất cao về ngôn-ngữ đó. Hiện công việc lựa chọn chất-liệu cho mỗi trình-độ đang được làm cho họ. Trong những năm gần đây đã có rất nhiều công-lao để vào việc lựa chọn ngữ vựng và câu-thức trong sự cố-gắng phân-hạng chúng để đem giảng dạy trong lớp học. Việc dạy Anh-ngữ bắt đầu bằng những hình-thái thông-thường và hữu-dụng nhất, rồi tiền dần đến những hình-thái khó hơn. Sự lựa chọn có phân-hạng này sẽ hữu-ích cho các giáo-sư mà bây giờ họ có thể soạn bài trước và kiểm-soát sự tấn tới dễ-dàng hơn trên bước đường của họ. Hơn nữa sự lựa chọn đó còn làm cho học-sinh bớt rối trí. Trong các bảng câu-thức nói trên cũng gồm cả những hình-thái thông tục hơn dùng để nói và viết hàng ngày ở những nước nói tiếng Anh, bởi vì người ta cho rằng các học-sinh phải biết các hình-thái này ngữ hầu nói được lưu-loát hơn.

### Tiếng mẹ đẻ dùng để giảng-nghiã chứ không dịch

Các kết-quả của cuộc khảo-cứu này đã gây ít khó-khăn đối với một nhà giáo trung-bình là người chỉ có thể nương theo sự chỉ-dẫn của một cuốn giáo-khoa hay. Nhưng nhiều người, cả giáo-sư hay không là giáo-sư, lại càng thấy khó lòng mà đồng-ý về vấn-đề dịch. Một lần nữa phương-pháp hiện đại khuyến-nghị rằng môn dịch không được dạy cho những người mới học, mà phải dành cho các trình-độ cao hơn.

Môn dịch là một bài tập cực-kỳ khó đòi hỏi một sự hiểu biết vững-chãi về cả hai thứ ngôn-ngữ được sử-dụng. Điều này thì người

mới học không làm gì có. Để hỗ-trợ cho điểm này, người ta có thể viện dẫn những biên - soạn của những nhà thâm-quyển có nhiều kinh-nghiệm nhất về vấn-đề ngôn-ngữ, nhưng vì các tác-phẩm đó sẵn-sàng có để cho bất cứ ai muốn tra-cứu thêm thì hà tất phải viện-dẫn ra đây. Một thầy giáo mà dạy cho học-trò mình một số câu tuyên chọn bừa bãi và không ăn nhập gì với hình-thức phân hạng của những bài giảng ngữ-pháp thì sẽ làm hại học trò. Nếu các câu đề dịch vượt quá sức của chúng về Anh-ngữ thì hẳn là chúng sẽ dịch sang một thứ tiếng Anh tối. Một đứa trẻ chỉ được phép tiếp-xúc với ngôn-ngữ mới ở hình thức đúng mà thôi; nó đang học và vì vậy phải thấy và nghe càng ít lỗi càng hay. Ta phải minh-xác rằng việc loại bỏ môn dịch ra ngoài chương-trình cho người mới học không có nghĩa là tiếng mẹ đẻ bị cấm sử-dụng trong lớp học. Thầy-giáo có thể dùng đến tiếng nước mình khi nó rút ngắn thời giờ một cách rõ-rệt, hoặc ở các giai-đoạn về sau khi môn ngữ-pháp hình-thái bắt đầu thì dùng tiếng mẹ đẻ cho chắc dạ là học-trò thấu hiểu một mẹo ngữ-pháp. Nhưng tiếng mẹ đẻ của học-trò chỉ được dùng khi không thể tránh được, còn lại bao nhiêu thời-gian thì phải dùng tiếng Anh.

#### Sử-dụng tối đa các giờ học Anh-ngữ

Trong các trường trung-học ở một nước thuộc vùng Đông-Nam-Á, số giờ tối-đa người ta dành cho việc học tập Anh-ngữ chỉ có 180 giờ trong một niên-học 30 tuần lễ, nghĩa là vào khoảng 1.080 giờ trong tất cả sáu năm. Như vậy thì không phải là nhiều lắm cho một ngôn-ngữ khác xa với tiếng nói của các học-trò ấy, do đó người ta phải hết sức tránh phí-phạm thời giờ và mỗi khi có dịp thì học-trò phải được nghe tiếng Anh. Nếu đem dùng tiếng mẹ đẻ của chúng vào lớp học thì thời-gian dành cho tiếng Anh bị giảm-bớt.

Khi hết sáu năm một học-sinh phải nắm đậy-đuôi các câu-thức và mẫu câu sơ-dãng để có thể tiếp-tục học lên cao hơn nếu muốn như vậy mà không cần phải qua một giai-đoạn học bổ-túc xen vào giữa. Mục-tiêu của các phương-pháp hiện-đại là tạo nên cái căn-bản vững-chắc đó. Điều này có thể thực hiện được nếu các thầy giáo sẵn lòng tìm hiểu các quan-niệm mới căn-cứ vào đầu, chúng phải được trình-bày ra sao, và nên nhận-thức rằng hãy còn vô khối chỗ cho mỗi thầy giáo tùy-nghị biên báo, thí-nghiệm và đưa vào những cái mới của riêng mình. Ông ta được khuyến-khích cho có có tháo-vát thay vì làm nô-lệ cho một tập-tục đã ăn-dịnh sẵn.

TRẦN-MINH  
dịch

#### Các sách về khoa dạy Anh-ngữ

<i>How to Teach a Foreign Language</i>	JESPERSEN
<i>An English Syllabus</i>	REYNOLDS
<i>Oral Method of Teaching Languages</i>	PALMER
<i>Language - Some Suggestions for Teachers of English and Others</i>	H.M.S.O.
<i>Problems and Principles</i>	ALBERCROMBIE
<i>Teaching English as a Foreign Language</i>	GURREY
<i>The teaching of Written English</i>	"
<i>Aural Aids in Language Teaching</i>	STREVENS
<i>Learning to Read a Foreign Language</i>	WEST
<i>Spoken Language</i>	STREVENS
<i>Teaching English as a Foreign Language</i>	GAUNTLETT
<i>Teaching Written English</i>	GREGG
<i>The Teaching of Elementary English in Schools</i>	WILLY and SOMARATNE
<i>The Teaching of English Abroad</i>	FRENCH
<i>Vol. I Aims and Method</i>	
<i>II The Junior Course</i>	
<i>III The Three Senior Years</i>	
<i>First Year English - What and How to Teach</i>	FRENCH
<i>Aids and Tests in the Teaching of English</i>	SOMARATNE
<i>A first Refresher Course for Teachers of English in Primary Schools</i>	FRENCH
<i>The Teaching of Structural Words and Sentence Patterns</i>	HORNBY
<i>The Teaching of Modern Languages</i>	UNESCO

Tất cả các sách trên đây cho mượn dài hạn ở thư-viện British Council, lâu một, số 119 đường Nguyễn-Huệ. Tại đây cũng cho mượn tạp-chí *English Language Teaching*.

"COLLECTION CULTURE"

éditée par la Direction des Affaires Culturelles  
Département de l'Éducation Nationale du Viêt-Nam

1. **SŨ-LIỆU VIỆT-NAM** (Documents sur l'Histoire du Viêt-Nam)  
par *Tuấn-Lý Huỳnh-khắc-Dụng*.  
(246 pages) . . . . 25\$
- 2-3. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT**  
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié :  
Les 6 provinces du Sud Viêt-Nam)  
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.  
Tome I (152 pages) . . . . 20\$  
Tome II (132 pages) . . . . 15\$
- 4-5. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié :  
Province de Thanh-Hóa)  
traduit par *A-Nam Trần-Tuần-Khái*.  
Tome I (122 pages) . . . . 15\$  
Tome II (174 pages) . . . . 15\$
6. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié : Centre Viêt-Nam)  
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.  
*La Capitale* (96 pages) . . . . 15\$
- 7-8. **CỔ-ĐÓ HUỆ** (Huế, Ancienne Capitale)  
(Histoire, Monuments, Sites et Anthologie) par *Thái-Vân-Kiểm*.  
(487 pages avec 53 illustrations et cartes) . . . . 70\$
- 9-12. **ĐẠI-NAM THÔNG-NHẤT-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié : Centre Viêt-Nam)  
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*  
*Provinces de Quảng-Trị et Quảng-Bình* (208 pages) . . . . 20\$  
*Province de Thừa-Thiên :* Tome I (144 pages) . . . . 15\$  
Tome II (152 pages) . . . . 15\$  
Tome III (134 pages) . . . . 15\$
- 13-14. **VIỆT-NAM NHÂN-VẬT CHỈ VỤNG-BIÊN**  
(Glossaire des Personnages historiques vietnamiens)  
par *Thái-Vân-Kiểm et Hồ-Đắc-Hàm*  
(290 pages) . . . . 55\$
15. **HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM**  
(L'enseignement supérieur au Viêt-Nam)  
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 6  
par *Nguyễn-Đình-Hòa*  
(32 pages) . . . . 6\$
- En vente chez tous les grands libraires à Saïgon comme en province,  
chez THÔNG-NHẤT, dépositaire général (329 Bd. Trần-Hưng-Đạo, Saïgon)  
et à la Direction des Affaires Culturelles (89, Lê-Van-Duyệt, Saïgon).

TRÌNH-XUYẾN

*kinh-nghiệm  
giáo-dục nước ngoài*

Hai yếu-tố căn-bản đẩy mạnh ngành giáo-dục khoa-học của Mỹ-quốc :

- (1) Vai trò của giáo-sư.  
(2) Tổ-chức STS.

**Xác-định lại vai trò của giáo-sư**

Các nhân-vật hữu quyền về giáo-dục của Mỹ-quốc vừa qua có đề-cập tới nhu-cầu cần-thiết xác-định lại vai trò của giáo-sư nói chung, của các bậc giáo-sư về khoa-học nói cụ-thể.

Theo lời một nhà nhân-chủng-học trứ-danh hiện tại của Mỹ-quốc, thì vai trò quan-trọng bậc nhất của một giáo-sư về khoa-học, chính là « mang lại nguồn hứng-thú cho người sinh-viên trong quá-trình theo đuổi tìm-tòi về khoa-học ». Không còn vai trò hay nhiệm-vụ tối quan-trọng nào khác, đối với một giáo-sư khoa-học, theo quan-niệm mới đó về vai trò của giáo-sư khoa-học.

Những sinh-viên Mỹ nào chứng-tỏ họ đang trở thành hoặc sẽ trở thành những khoa-học-gia thực-tài, phải được giúp-đỡ các điều-kiện để được « cộng-tác với các nhà khoa học ».

Ngô lời trong Đại-hội Thường-niên kỳ thứ 6 của Liên-Đoàn Giáo-sư Khoa-học Quốc-gia Mỹ-quốc tại Denver, Colorado vừa qua, nhà bác-học trứ-danh về nhân-chủng-học Margaret Mead đã cho biết cần xác-định lại toàn-bộ vai trò với nhiệm-vụ của một giáo-sư ngành khoa-học.

Giáo-sư Margaret Mead đã kiểm-điểm lại và đưa ra vài nhận-định chủ-yếu về hiện-trạng ngành giáo-dục về khoa học với những diêm lệch-lạc trong vai trò các giáo-sư khoa-học Mỹ-quốc, cùng phương-pháp chấn-chỉnh.

Trước hết, theo lời nữ bác-học Margaret Mead thì một giáo-sư về khoa-học ngày nay phải là một điển-hình của hai hạng người cùng một lúc, một giáo-sư về khoa-học phải là một khoa-học-gia chú-trọng tới sự nghiên-cứu tìm-tòi về khoa-học, đồng thời phải là một giáo-sư chú tâm tới việc giảng dạy.

[ Tập XII, Quyển 11 (Tháng 11, 1963) ]



Tiếp đến, nhà bác-học Margaret Mead nêu lên một thành-kiến sai lầm, là thói thường vẫn xem con trai mới là «phái chính» thích-hợp, thói đời vẫn chệch đợi hàng ngũ nam sinh-viên là hàng ngũ chính sẽ tạo-tác ra các nhà khoa-học, các kỹ-sư tương-lai, khiến cho các nam sinh-viên khoa-học có khuynh-hướng muốn tập tành, bắt chước cho giống con người của các bậc giáo-sư khoa-học, các khoa-học-gia nam-phái của mình.

Đây chỉ là một tư-tưởng lỗi-thời và ngày nay, vai trò thích-nghi nhất của một bậc giáo-sư về khoa-học không phải là kích-dộng lòng hiếu-học về khoa-học bằng tư-tưởng và hòa đồng, bắt chước nhau cùng một phái chung (nam phái), nhưng vai trò chính cần đặt lại, tức là biết gây nguồn thích-thú về khoa-học cho sinh-viên qua quá-trình nghiên-cứu về khoa-học.

Xét hiện-trạng ngành giáo-dục khoa-học ở Mỹ-quốc, thì còn một trạng-thái khác cần chấn-chỉnh — có lẽ phổ-biến trong hàng giáo-sư khắp các bộ-môn, không riêng gì bộ môn khoa-học — đó là sự «phân công» chưa đúng mức, theo sở-năng, tài ba các nam giáo-sư, mà một nguyên-nhân vẫn là do thành-kiến cũ, coi thường tài-năng nữ giáo-sư, nữ khoa-học-gia. Do đó, có một số nam giáo-sư, phải miễn cưỡng dạy ngành khoa-học trong khi thiên khiếu, sở-trường thì lại hướng về các bộ môn khác, muốn giảng dạy các ngành khác hơn. Song song đó, thì lại có một số phụ-nữ tài ba về ngành toán-học và vật-lý, lại bị gạt ra, không được giảng dạy về khoa - học.

Các khuyết-điểm về giáo-dục khoa-học đó là nguyên-nhân khiến cho một số sinh-viên có thể thốt ra lời «Tôi không ưa thích khoa-học». Lời nói này có ý-nghĩa: «Đây là một môn học mà tôi không biết học ra sao, học để làm gì». Rồi vì đó mà phát sinh ra tư-tưởng buồn-nản «ác cảm» và tiêu-cực trong một số thanh-niên nam nữ sinh-viên ngành khoa-học, tiếp theo là một thái-độ thiếu khả-năng hay thiếu năng-lực để hành-động, thực-hành, tai-hại nữa, là đối với một bộ-môn văn-hóa mà trong đó, chỉ có thể «học bằng hành».

Khắc-phục các nhược-điểm trên, vai trò giáo-sư khoa-học được xác-định lại, thì bộ-môn khoa-học sẽ phát-triển rất mạnh-mẽ vậy.

Và một trong các phương-pháp, sáng-kiến đặc-biệt do nhà bác-học Margaret Mead đề ra là hô-hào thành-lập các «Cơ-quan Thông-tin về Khoa-học cho Thanh-Niên», mục-dịch tạo cơ-hội cho các nam-nữ học-sinh, sinh-viên, thanh-niên nam nữ có «biệt tài» được «tiếp-xúc» với các nhà khoa-học của nước nhà đang hoạt-động trên ngành chuyên-môn phù-hợp với thiên-tài chớm nở nơi thanh-niên đó.

Kế-hoạch này «khả dĩ phối-hợp được tất cả điều-kiện thuận-lợi của một dân-tộc đông dân số như chúng ta, với bao mối liên-lạc giữa đại-chúng cùng

với nhu-cầu thực-hiện sự học nghề, sự liên-lạc «trực-tiếp giữa các khoa-học gia của hiện-tại với tương-lai», theo lời nhà bác-học Mỹ nói trên.

### Tổ-chức STS của Học-đường Mỹ-quốc là gì ?

STS là viết tắt của «Science Talent Search», có nghĩa là công-cuộc tìm-tòi, khám-phá các thiên-tài về khoa-học, một tổ-chức học-đường Mỹ-quốc được chánh-quyền và nhân-dân Mỹ bảo-trợ, đáng làm kinh-nghiệm quý báu cho đường lối phát-triển ngành giáo-dục khoa-học, kế-hoạch khoa-học-hóa nền văn-hóa ở nước ta.

Hàng năm, lại có một số mầm non thiên-tài khoa-học Mỹ chớm nở, qua chương-trình trên, hằng năm lại có một số nam-nữ học-sinh, sinh-viên Mỹ trúng cử qua kỳ thi STS đó, được tổ-chức trong toàn-quốc Mỹ, giữa các trường học ở khắp các tiểu-bang Mỹ-quốc.

Những thiên-tài «khám-phá» được hằng năm của khắp các bộ môn khoa-học, qua kỳ tuyển thí khó-khăn đó, một khi được Hội-đồng các khoa-học-gia chấm-trúng cử, thì được hưởng trọn học-bổng để theo đuổi trọn một ngành học chuyên-môn tại một đại-học-đường chuyên-môn liên-hệ, cho tới kỳ mãn-khóa, trở thành một «thiên-tài» thực-thụ của Mỹ-quốc trong ngành đó.

Tổ-chức STS «khám-phá các thiên-tài Khoa» của Mỹ-quốc đặt dưới sự hướng-dẫn của các Hội Khoa-học Mỹ-Châu, dưới sự quản-trị của Cơ-Quan Khoa-học (của chánh-quyền Mỹ) và được nâng đỡ về tài-chánh do Tổ-chức Giáo-Dục Westinghouse của Mỹ-quốc (Westinghouse Educational Foundation).

Đây, một thí-dụ điển-hình về kết-quả tuyển lựa thường-niên kỳ thứ 17 vừa qua của Tổ-chức «Khám-phá các Thiên-tài về Khoa-Học» ở Mỹ-quốc.

Đây là một thí-dụ điển-hình để chúng ta lãnh-hội được rõ-ràng hơn vai trò của Tổ-chức STS «Tổ-chức khám-phá các Thiên-tài về Khoa-Học» ở nước ngoài. Đây là kết-quả của kỳ tuyển trạch thứ 17 vừa qua, do Tổ-Chức trên thực-hiện hằng năm tại Mỹ-quốc.

Điểm khác biệt giữa các kỳ sát-hạch thứ 17 này với các kỳ sát-hạch thiên-tài mấy năm về trước, là, đây là lần đầu tiên trong lịch-sử hoạt-động của tổ-chức STS, những kẻ trúng cử hàng đầu đều là sinh-viên của một trường, và kỳ này, các tiểu-bang miền Bắc, miền Đông, miền Trung-Tây và Tây-bộ Mỹ-quốc đều được ghi tên trong «bảng vàng».

Kỳ sát-hạch thiên-tài khoa-học thứ 17 nói trên, đã mang lại cho Mỹ-quốc, năm thiên-tài khoa-học đầy hứa-hẹn nhất, đó là một nhà vật-lý-học tương-lai năm nay 17 tuổi đã tự tay chế-tạo lấy một máy «cyclotron» to bằng một gian nhà, một kỹ-sư hàng-không tương-lai (cũng là sinh-viên khoa-học Mỹ cả) đã trình-bày một kiểu «sân bay biết bay» di-động được, một nữ sinh-viên khoa-học sẽ trở thành một nữ thiên-văn-gia hữu tài, đã chứng tỏ thiên-tài phô bày công-trình

theo dõi vệ-tinh nhân-tạo thứ nhất của Nga-sô, một thiếu-niên đã bỏ ba năm tự học về ngành hóa-học hữu-cơ, và sau cùng, một nhà vật-lý học tương-lai, nay đã chứng tỏ tài-năng bằng nhiều công-trình nghiên-cứu xuất-sắc thực-hiện được trong khi đang học-tập nghiên-cứu tại viện thí-nghiệm của một nhà vật-lý nọ đã được giải Nobel.

Trên đây là năm thiên-tài mầm non đặc-cử hàng đầu trong kỳ sát-hạch hằng niên kỳ thứ 17 của Tổ-chức "Khám-phá các thiên-tài khoa-học" của Mỹ-quốc.

Năm mầm non thiên-tài ấy thực ra mới là học-sinh nam nữ các trường Trung-học các tiểu-bang Massachusetts, New Jersey, Illinois và California, thầy đều được phần thưởng là Học-bằng Khoa-học Westinghouse đáng giá từ 3.000 tới 7.500 Mỹ-kim để tiếp-tục hoàn-thành những năm học trong ngành chuyên-môn Đại-Học sở trường. Ngoài ra, Hội-Đồng Giám Khảo kỳ 17 còn nêu tên một mầm non trúng cử với tư-cách dự-bị, đứng tiếp liền sau hàng năm thí-sinh trúng cử ưu-hạng trên, đây là một nam học-sinh ở tiểu-bang Alabama. Danh-sách của sáu thiếu-niên nam nữ Mỹ-Quốc khám-phá được qua kỳ sát-hạch thứ 17, đó là Reinier Beauwkes III, Dushan Mitrovich, Jane Shelby (nữ) và Donald Michael Jerina, Neil Logan Nininger, Kenneth Wayne Shepard (dự-bị).

Leinier Beauwkes III trường Trung-học Newton, thành Newtonville, Massachusetts, được cấp học-bằng khoa-học đặc-biệt nhiều nhất 7.500 mỹ-kim, có sở-nguyện tạo nghiệp trong các công-trình nghiên-cứu khoa-học tại các Đại-học đường và giảng dạy về vật-lý. Đây là một thanh-niên cao đồng, lực-sĩ nữa, ưa leo núi, trượt tuyết, thích thiên-văn-học, lại là thủ-quân một đội túc-cầu học-đường, sắp gia-nhập Đại-học-đường Harvard và chắc chắn dẫn đầu về Vật-lý và Toán-học tại trường.

Chiếc máy "Cyclotron" đã đem lại thành công về-vang cho Reinier trong số 40 nam-nữ học-sinh, sinh-viên xuất sắc nhất về khoa-học trong kỳ 17, là do Reinier phá-cỡ hạ ra, chế-tạo lấy, chỉ lớn bằng một căn phòng và chỉ tốn kém 150 mỹ-kim trong khi theo lời nhận-định của một nhà vật-lý trẻ tuổi « người ta thường quan-niệm máy Cyclotron là thứ máy rất đồ-sộ, to lớn và phải tốn kém vô cùng mới chế nôi. »

Dushan Mitrovich, 18 tuổi, nhà ở Chesnut Hill, Mass., là bạn đồng học của Reinier nói trên, cùng trường Newton High School, được thưởng học-bằng khoa-học 6.000 Mỹ-kim, chiếm ghế danh-dự thứ hai. Dushan từ Nam-Tur Lạp-Phu sang Mỹ-quốc được chín năm nay, cùng với song thân, ông bà Milenko Mitrovich, Dushan trình-bày một dự-án thí-nghiệm một kiểu "Sân bay biết bay". Reinier và Dushan đã mang lại vinh-dự hi-hữu cho Trường Trung-học Newton đều là môn sinh lớp Vật-lý của Giáo-sư Albert F. Navez, lần thứ nhất trong lịch-sử 17 năm

nay của tổ-chức STS, là hai thí-sinh trúng cử học-bằng khoa-học cùng xuất-thân từ một trường mà ra. Bác-sĩ Martin Karplus, trúng cử năm 1947, cũng là một học-sinh trường trên.

Vinh-dự thứ ba, kèm theo phần thưởng học-bằng Thiên-văn-học 5.000 Mỹ-kim, lọt vào tay một nữ-sinh 17 tuổi, Jane Shelby, trường Teanech, New Jersey, nữ-sinh này hằng phát-biểu « rất mong góp phần vào công-cuộc khám-phá không-gian của thời-đại ». Jane đã ước-vọng trở thành nữ thiên-văn-gia từ ngày lên 7 tuổi, và mong tương-lai sẽ trở nên một nhà thiên-văn từ mặt trăng mà nghiên-cứu vật-lý không-gian, vượt ngoài vòng không-khí bao quanh trái đất. Jane đã đệ-trình hội-đồng, đầu chỉ đứng trên quan-điểm tài-tử, nhưng cũng là một công-trình rất nhiều giá-trị theo dõi tính-toán các bước đường quỹ-đạo của vệ-tinh thứ nhất của Nga, Sputnik I.

Chiếm ghế thứ tư với học-bằng Hóa-học Cao-cấp là Donald Michael Jerina, tiểu-bang Illinois, trường River Grove, đã trình-bày kết-quả ba năm trời tự-học, tự-luyện với thành-tích hiếm có về ngành Hóa-học Hữu-cơ.

Tiếp tới vinh-dự thứ năm, cùng một học-bằng 3.000 Mỹ-kim, lọt về tay Neil Logan Nininger, 18 tuổi, trường Larkspur, California. Neil là một thiếu-niên cũng đồng cao, có nhiều tài-năng, đầu còn là học-sinh đã « phát lộ nhiều thiên-tư đặc-biệt » khiến cho các bậc đàn anh là khoa-học-gia đoạt giải Nobel, Glenn T. Seaborg với Bác-sĩ Edward Teller, một nhà vật-lý lỗi-lạc của Mỹ, phải chú-ý. Đạo Neil mới 16 tuổi, đã được vinh-hạnh Giáo-sư Seaborg mời về thực-tập tại viện thí-nghiệm Quang-tuyến Đại-Học đường California.

Sau cùng, trúng cử hàng thứ sáu, hạng thứ, được một phần thưởng học-bằng khoa-học Westinghouse 250 Mỹ-kim (khuyến-kích 34 tuyền sinh, trúng cử còn lại trong tổng-số 40 trúng cử kỳ 17 trên), ấy là Kenneth Wayne Shepard, 17 tuổi, trường Montgomery, tiểu-bang Alabama, là "tiểu anh-hùng thứ 6" của kỳ Tuyển-lựa Thiên-tài Khoa-học Mỹ kỳ thứ 17.

Trước cao-trào phát-triển khoa-học của Thời-đại Nguyên-tử, muốn kịp thời cung-ứng nhu-cầu Quốc-gia đuổi kịp Thời-đại, thiết-tưởng, trong ngành Học-đường ở Việt-Nam ta, chúng ta có thể áp-dụng kinh-nghiệm tổ-chức STS, mà thiết-lập ra nhiều khóa Tuyển-lựa Các Thiên-tài V.N. đủ mọi ngành chuyên môn, cũng tổ-chức hằng năm, để góp phần hữu-hiệu đào-tạo các thiên-tài ngày mai của nước nhà, phương-thức đào-đạo nhân-tài kiểu trên xét ra càng cần-thiết với tình-trạng nước ta là một nước chậm tiến mà, bao năm qua, bao chế-độ qua,

thiếu gì bậc thiên-tài đã mai-một, chỉ vì "không được khám phá ra, không được nâng đỡ, không có đủ phương-tiện cá-nhân để tiếp-tục học tới cùng ngành chuyên-môn sở-trường, thiên-năng của mình".

Áp-dụng các kinh-nghiệm đào-tạo nhân-tài quý báu trên, trong hàng nam nữ học-sinh, sinh-viên Việt-Nam ngày nay, lo gì ngày mai, Việt-Nam thiếu nhân-tài các mặt, các lãnh-vực sẽ đầy mạnh vai trò của Việt-Nam trên quốc-tế, mang lại nhiều vinh-dự rạng-rỡ cho nước nhà.

Áp-dụng các kinh-nghiệm hay của nước người loại trên, là ta thực-hiện một phần hoài-bảo chung của toàn dân Việt, mong sao từ hàng chậm tiến, Việt-Nam ta vẫn có cơ-hội trở thành một cường-quốc của Ngày-mai.

THẺ-LỆ MUA VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN  
(kể từ năm 1963)

Mỗi số (Tư-nhân) :	12\$	1 năm	(12 số) :	120\$
		nửa năm	(6 số) :	60\$
Mỗi số (Cộng-sở) :	24\$	1 năm	(12 số) :	240\$
		nửa năm	(6 số) :	120\$

Gửi bảo-đảm, mỗi số tính thêm 8\$

- Các cơ-quan hoặc tư-nhân tại Ngoại-quốc mua dài hạn trả 8 Mỹ-kim một năm (12 số), kể cả cước phí gửi bằng đường thủy.
- Độc-giả mua dài hạn xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về Ô. Giám-Đốc Nhà Văn Hóa (89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn).

*thomas alva edison (1847-1931)*  
*người đã hy sinh tất cả*  
*cho khoa-học*

Nhà bác-học nguyên-tử Einstein trong một buổi nói chuyện với sinh-viên Hòa-kỳ đã tuyên-bổ: « Edison là một nhà phát-minh vĩ-đại nhất của muôn đời »<sup>1</sup>. Nhưng có một điều trớ-trêu là hầu như suốt đời Edison luôn luôn cần tiền. Chính Edison cũng từng nói với H. Ford, bạn thân của ông, rằng: « Làm sao người ta có thể hy-vọng làm được cái gì mà không có tiền vốn »<sup>2</sup>. Với tư-tưởng đó, thật khó ai tin là Edison là một người có tinh-thần khoa-học thuần-túy. Nhưng không, chính nhờ tư-tưởng đó, Edison đã là một nhà khoa-học chân-chính hơn người. Ông đã là một trong những khoa-học-gia tiên-phong hiếm có, bước đầu dấn trong lãnh-vực phát-minh, đồng-thời đã tự kiếm được đủ tiền bạc cần-thiết để theo đuổi công việc. Lòng ham-chuộng sự tự-do tìm kiếm phát-minh đã khiến đầu óc ông luôn luôn bị ám-ảnh bởi ý-nghị « kiếm sao cho được nhiều tiền ». Càng nhiều tiền, ông càng có nhiều phương-tiện để thực-hiện những thí-nghiệm phát-minh. Kết-quả của nếp sống bận rộn của người công-dân tiểu bang Michigan này là hơn 2.500 phát-minh ra đời. Cơ-quan cấp bằng phát-minh Hoa-Kỳ (The U.S. Patent Office) đã cấp cho Edison tới 1.093 bằng phát-minh, con số lớn lao chưa ai đạt nổi.

Để đạt được kết-quả kể trên, Edison đã chịu nhiều hy-sinh lớn-lao. Với tinh-thần yêu khoa-học, tiền-bạc đối với Edison trở nên không có nghĩa gì nữa. Kiếm được bao nhiêu tiền đều dốc cả vào những cuộc thí-nghiệm mới-mẻ. Nhiều phen kiếm được hàng chục vạn mỹ-kim, vậy mà vẫn thường bị mất sạch vì những thí-nghiệm thất-bại liên-tiếp. Vào những năm gần cuối đời, Edison

<sup>1</sup> « Edison ! C'est le plus grand inventeur de tous les temps ».

<sup>2</sup> « Comment peut-on espérer faire quoi que ce soit sans capital » (Mon ami Edison, H. Ford).

thường được dịp soa tay vui-vẻ nói với người cộng-sự : « Minh hết nhân tiện rồi, nhưng chúng ta đã được một dịp tiêu-khiển, thú-vị quá, phải không các bạn? ». Sự hy-sinh cho khoa-học đã bắt đầu với ông từ nhỏ. Năm 10, 12 tuổi, Edison đã già-từ thú vui của tuổi nhỏ để vui đùa vào những thí-nghiệm hóa-học. Tới khi trưởng-thành cho đến già, với mức độ làm việc từ 18 đến 22 giờ mỗi ngày, Edison cũng phải già-từ luôn bốn-phận người chủ gia-đình. Dĩ-nhiên, Edison không còn có thì giờ hưởng hạnh-phúc gia-đình và những thú vui của người kiếm được nhiều tiền.

Tính can-đảm để dám sống nếp sống khó nhọc đó, nghị-lực phi-thường để vượt qua những khó-khăn trong khi theo đuổi khoa-học cũng như trí nhớ đáng khiếp-phục, trí tưởng-tượng phong-phú của Edison, tất cả đều được đào-luyện bởi một lời giáo-dục phóng-khoảng và thực-tiễn mà Edison đã được hưởng-thụ trong thời niên-thiếu.

### 1. Thời niên-thiếu của Edison

Thuộc dòng-đời người Hòa-Lan di-cư sang Mỹ-Châu từ 1730, Edison đã ra đời ngày 11-2-1847 tại Milan, một tỉnh nhỏ thuộc tiểu-bang Ohio. Sau khi thất-bại trong việc tổ-chức cách-mạng ở Gia-nã-Đại, dòng họ Edison di-cư sang Hoa-Kỳ. Lần-lượt sống ở New Jersey, Ohio, ông thân-sinh ra Edison là Samuel Edison đã di-cư một lần cuối để đến mở tiệm buôn thóc gạo ở Port Huron (Michigan) năm 1754. Ở nơi đó, Edison mang tính hay di-động của dòng họ, tiếp-tục đời sống khoa-học để đi hết lãnh-vực này sang lãnh-vực khác. Những thành-công trong nhiều lãnh-vực khoa-học khiến người ta không thể xếp ông vào hạng người nghiên-cứ chuyên-biệt nào.<sup>3</sup>

Gia-đình Edison đúng ra không bao giờ nghèo như nhiều người đã nói. Họ luôn luôn đủ ăn đủ mặc. Edison chỉ được đi học ở trường làng có 3 tháng, hoặc phải đi kiếm tiền từ nhỏ : điều đó là do chính chiếc đầu quá lớn của Edison. Ngay khi ra đời, Edison đã có chiếc đầu thật lớn, khiến nhiều người đoán ông sau này có thể bị hỏng óc. Chiếc đầu « quá khổ » đó đã cản tới những nhu-cầu mà không một trường học hoặc gia-đình trung-bình có thể cung-ứng nổi. Vì vậy, việc giáo-dục văn-hóa cho Edison hoàn-toàn do mẹ ông đảm-trách. Văn là một nhà giáo, con gái một tướng-lãnh cách-mạng, bà mẹ của Edison đã khuyến-khích con đọc đủ loại sách.

<sup>3</sup> "It est impossible de le ranger dans une catégorie particulière de chercheurs". (Lời của Henry Ford : người phát-minh ra xe hơi).

Năm lên 9 tuổi, Edison bắt đầu đọc cuốn sách khoa-học đầu tiên : *La philosophie naturelle et expérimentale*<sup>4</sup> của R. G. Parker. Cuốn sách này ghi chép hầu hết những hiểu biết khoa-học của thời-đại đó : từ ông thu-lôi, khinh-khi cầu... đến thực-vật-học, hóa-học. Chính hơn 100 thí-nghiệm về hóa-học ở cuối cuốn sách đã quyền rũ và gây cho Edison tham-vọng trở nên một hóa-học-gia. Với đầu óc thực-tê của người Mỹ, cha mẹ Edison đã vui-vẻ giúp đỡ và khuyến-khích con khi Edison ngờ ý muốn thực-hiện lại tất cả những thí-nghiệm hóa-học mà cuốn sách trên đã ghi lại. Edison được cha mẹ dành cho một căn nhà hầm để lập phòng thí-nghiệm và một số tiền để mua dụng-cụ, hóa-phẩm... Thề là ngoài giờ ăn ngủ, cậu bé chín tuổi đó vui đùa vào sách vở và các cuộc thí-nghiệm. Song 1e, những thí-nghiệm thì tốn kém và tiền bạc của gia-đình thì có hạn, Edison bèn nghĩ tới chuyện đi làm việc để tự kiếm tiền. Rất phóng-khoảng, nên cha mẹ Edison đã không ngăn cản con hoạt-động để thực-hiện ước-vọng, sau khi đã cõ hết sức cung-cấp tiền bạc cho cậu con nhỏ. Edison được cha mẹ cho một mảnh vườn, ông tự trồng rau củ bán lấy tiền. Việc chi-tiêu càng ngày càng tăng. Năm 12 tuổi, Edison xin phép cha mẹ đi buôn rau ở Detroit. Để trả tiền xe lửa đi về, Edison đi làm một chân bán báo và kẹo bánh cho hành-khách trên xe lửa. Đồng-thời, Edison lại thu xếp xin được một góc toa chờ hàng rồi lập một phòng thí-nghiệm nho nhỏ để có thể lợi-dụng những giờ dư-nhàn vào việc thí-nghiệm khi tàu di-chuyển. Nhưng vì ham kiếm tiền, nên ở giai-đoạn này, suốt đời Edison đã phải chịu một tật nguyên. Câu chuyện xảy ra vào một hôm vì mãi bán báo ở nhà ga, nên khi tàu chuyển-động, Edison mới vội-vả nhảy lên tàu và bị hụt chân. May nhờ một người ở trên tàu tóm được hai tay ông kéo lên tàu, nên Edison thoát chết, nhưng từ đó Edison bị điếc đặc. Rất can-đảm, nên Edison không phàn-nàn gì mà còn coi bệnh điếc như một sự may-mắn giúp ông có thể tập-trung mọi suy-nghĩ vào công-việc và đỡ phải bận tâm về những chuyện ngoài tai. Edison chứng tỏ điều đó bằng cách làm việc hăng hơn trước. Ông đặt một máy in ở trên tàu, rồi thu thập những tin tức ở các nhà ga, tự viết bài và in ra một tờ báo ngay trên xe lửa. Tờ báo mang tên *Weekly Herald*, in 2 mặt giấy do chính Edison đem bán cho hành-khách trên tàu. Báo bán rất chạy và Edison có dư dật tiền để mua sách vở và vật-dụng thí-nghiệm. Nhưng những ngày dư-nhàn đó không lâu. Sau những năm sống trên xe lửa như vậy, vì làm việc quá nhiều, nên Edison thường hay mệt-mỏi và lăn ra ngủ trên sàn tàu giữa những đồng chai lọ chứa hóa-chất có dán nhãn-hiệu loại « nguy hiểm chết người ». Tới một hôm, một chai chứa lân-chất (phosphore) bị Edison ngủ mê đụng đổ ra sàn

<sup>4</sup> Khoa-học tự-nhiên và thực-nghiệm.

tàu. Toa tàu bốc cháy và ông « chủ báo bé con » đó bị tổng cổ ra khỏi toa tàu với tất cả máy in, báo chí, rau cỏ và chai lọ... Năm đó, Edison 17 tuổi.

Chính tai-nạn bất ngờ này đã đưa Edison tới một khúc quẹo quan-trọng của đời ông. Khúc quẹo đưa ông tới con đường nghiên-cứu điện-học và địa-vị « nhà phát-minh vĩ-đại nhất của thế-giới ».

Cho tới năm 17 tuổi, mọi ngành khoa-học đều khiến ông say mê, Edison rất dốt về toán-học song mọi nghiên-cứu của Edison đều hướng về lãnh-vực hóa-học. Chính Edison, trong những năm về già, cũng đã thú nhận là lúc nhỏ không bao giờ ông nghĩ rằng ông có thể tiến tới một địa-vị gì khác hơn địa-vị hóa-học-gia.

Vì tai-nạn bất ngờ kể trên, Edison bị thất-nghiệp một cách bất-đắc-di. Túi tiền cạn dần và những cuộc thí-nghiệm cũng bị giới-hạn. Edison lại lo kiếm chỗ làm việc. Nhân vì cứu con một người xếp ga thoát một tai-nạn chết người, Edison được viên xếp ga trả ơn bằng cách hứa sẽ nhận Edison vào làm việc dưới quyền mình, nếu Edison thạo về khoa điện-tín. Edison bèn trở về công việc nhà nghiên-cứu và hấp-thụ mau lẹ tất cả những hiểu biết về ngành điện-báo thời đó. Ba tháng sau, Edison đã trở nên một chuyên-viên điện-tín cừ-khỏi và được công-ty Hòa-xa giao cho công việc điện-tín-viên tại một nhà ga nhỏ. Thế là Edison bắt đầu đi vào con đường điện-học. Sự tình cờ đã dẫn dắt ông vào con đường ông không định theo, nhưng đó lại là con đường đưa Edison tới địa-vị một nhà phát-minh lừng-danh với những thành-quả khoa-học thật vĩ-đại và phong-phú, nhất là những thành-quả phát-minh về điện-học.

## II. Những thành-quả của Edison

Sự-nghiệp về phát-minh của Edison thật lớn lao về số-lượng. Những phát-minh đem lại nhiều danh-vọng cho Edison có thể nói chỉ gồm trong 4 sự-kiện: sự cải thiện máy điện-thoại, sự phát-minh máy hát, sự phát minh đèn điện và sự sáng-tạo những hệ-thống mới lạ về máy phát-điện. Cả bốn phát-minh đều có tương-quan nhân-quả với nhau. Với tinh-thần thực-tề, Edison luôn luôn tìm cách cải-thiện những phát-minh của mình. Mục-dịch của những sự cải-thiện đó là tìm cách sản-xuất ra từng loạt những phát-minh đó với giá rẻ để bán và khiến người dùng có thể khai-thác những dụng-cụ đó tới hiệu-xuất cao nhất. Đường lối theo đuổi cuộc sống, khoa-học của Edison là như vậy, mà cách làm việc của Edison cũng đặc-biệt không kém và chứng-tỏ một nghị-lực kiên-quyết vô-hạn. Châm-ngôn mà ông mà ông vẫn theo cũng như

lời khuyên-khích các cộng-sự-viên của ông là: « *Hãy vội-vả tìm hiểu mau lẹ, nhưng không bỏ cuộc mau lẹ* ». Với đường lối đó, tinh-thần đó, cuộc đời của Edison có nhiều chặng hoạt-động khác nhau. Khi còn ít phương-tiền tài-chánh, ông tìm kiếm những phát-minh nhỏ và đơn-giản; đồng thời, ông cố giữ gìn sức khỏe bằng cách ngủ thật nhiều. Tới khi kiếm được nhiều tiền, Edison cũng làm việc nhiều hơn với mực độ 20 giờ mỗi ngày và bắt tay vào những phát-minh nhiều tốn kém, phức-tạp, đòi hỏi nhiều phát-minh phụ để hỗ-trợ thêm. Tất-nhiên những phát-minh sau này tốn nhiều tiền để tổ-chức thí-nghiệm phát-minh nhiều hơn và đôi khi đem đến những thất-bại cũng nặng hơn, trước khi đem lại cho người phát-minh những kết-quả tài-chánh, danh-vọng lớn-lao. Nhưng dù phát-minh lớn hay nhỏ, hoạt-động của Edison vẫn gồm 4 yếu-tố chính dính liền vào nhau như một chuỗi mắt xích. Trước hết là tiêu tiền không tiếc tay để mua được nhiều thời giờ « bằng cách thuê cộng-sự-viên » và dụng-cụ cùng sẵn phương-tiền nghiên-cứu phát-minh. Khi phát-minh ra điều gì thì suy-nghĩ cho đến cùng tất cả những lợi-ích, khả-năng có thể có của sự phát-minh ấy. Sau đó, cố gắng thực-hiện sao cho phát-minh có đầy-đủ những tinh-chất đã dự-liệu bằng cách thí-nghiệm cải-thiện những chỗ dở. Cuối cùng, khi phát-minh đã được kiện-toàn thì cố sản-xuất thật nhiều, thật tốt, thật rẻ, thật tiện-dụng để có thể bán được nhiều và thu được nhiều tiền. Những « mắt xích » đó cứ tiếp-tục nối nhau. Hình ảnh này có thể nhận thấy ngay từ lúc Edison bắt đầu bước chân vào lãnh-vực vật-lý-học, nghĩa là lúc Edison nhận làm chuyên-viên điện-tính 'telegraph operator' tại nhà ga Stratford.

Edison làm ở nhà ga Stratford mỗi tháng lãnh 25 đô-la. Số tiền này chỉ bằng nửa số tiền Edison kiếm được khi còn đi bán báo. Nhưng Edison không kể đến điều đó. Điểm quan-trọng đối với Edison là công việc ở nhà ga nhỏ này rất nhàn-hạ: mỗi ngày vào một số giờ nhất-định, chỉ phải báo tin cho ga chính biết giờ những chuyến tàu chạy qua, trong khoảng 7 giờ chiều đến 7 giờ sáng hôm sau. Công việc nhàn-hạ như vậy, Edison sẽ có nhiều thì giờ đọc sách và tổ-chức những cuộc thí-nghiệm hóa-học mà vẫn có tiền mua vật-liệu thí-nghiệm. Nhưng vì suốt ngày vui đùa và công việc trong phòng thí-nghiệm, (ông đã thiết-lập trong góc nhà ga), nên tối đến, bắt đầu vào giờ làm việc cho nhà ga, Edison lại lăn ra ngủ. Edison chỉ thức dậy đánh điện-tín đi mỗi khi có tiếng chuông của đồng hồ báo thức mà ông đã vận cho kêu vào đúng giờ những chuyến tàu chạy qua ga. Công việc tạm trôi chảy cho đến một tối nọ, có một chuyến tàu đến sớm hơn thường lệ, nghĩa là tới trước khi chuông đồng-hồ đánh thức Edison dậy. Vì vậy, tối đó Edison đã báo tin về ga chính hơi trễ và một tai nạn hỏa xa suýt nữa đã xảy ra. Viên giám-đốc công-ty Hòa-xa giận

lâm, bên ra lệnh cho Edison mỗi đêm cứ nửa giờ lại phải đánh về ga chính đầu hiệu chữ A để nơi đây kiểm-soát. Lệnh đó khiến Edison phải thức suốt đêm và ngủ bù vào ban ngày. Để có thể vẫn ngủ đêm và dành thời giờ cho việc thí-nghiệm của mình, Edison đã chế ra chiếc máy đầu tiên trong cuộc đời phát-mình của ông. Chiếc máy đó gồm một đồng-hồ, một hệ-thống nam-châm điện ghép vào một máy điện-tín. Chiếc máy đó có công-dụng là cứ nửa giờ lại khiến cho máy điện-tín truyền đi một tín-hiệu. Nhờ chiếc máy đó, Edison đã ngủ suốt đêm mà không lo sự kiểm-soát của nhà ga chính. Chiếc máy này chỉ có công-dụng cho cá-nhân Edison, nhưng có một điều quan-trọng là nhờ đó, Edison biết giá-trị của những phát-mình có tính thực-dụng. Năm đó, Edison mới có 17 tuổi. Tuy nhiên phải đợi năm năm sau, Edison mới ý-thức rõ điều này để rồi áp-dụng cách hoạt-động theo lối "mắt xích" kể trên. Vì sau khi sử-dụng máy phát tín-hiệu tự-động kể trên trong một thời-gian ngắn, người ta đã khám-phá ra điều đó và Edison bị đuổi khỏi công-ty hòa xa. Liên năm năm tiếp theo, Edison luôn luôn bị đuổi từ sở này qua sở khác. Lý-do của sự bị đuổi đó vẫn là "tội ham thí-nghiệm khoa-học" hơn là ham làm việc sở. Mãi tới năm 1868, Edison lĩnh tâm bằng phát-mình đầu tiên mở đầu hơn 1.000 bằng phát-mình sau này của ông và đồng-thời lĩnh luôn một bài học chua cay về sự cần-thiết của óc thực-tê. Sau bài học này, Edison mới thực sự hưởng những sự hoạt-động của mình theo "lối mắt xích" kể trên và trở lại bản-tính thực-tê thuở nhỏ. Cũng như các nhà phát-mình khác bước đầu thường hay chuộng lý-tưởng, Edison có lần nhận xét cho rằng các vụ kiểm-phiếu những cuộc bầu cử thời đó tồn rất nhiều thì giờ, để gây lăm lăm bất công. Nghĩ là làm, Edison bèn dõc hết tiền túi ra chế-tạo một chiếc máy kiểm-phiếu rất mau và chính-xác. Sau khi đã can-thận đi xin bằng phát-mình, Edison đem máy đến Washington để trình quốc-hội Hoa-kỳ với hy-vọng sẽ bán được chiếc máy với giá cao. Viên chủ-tịch quốc-hội công-nhận là máy kiểm-phiếu của Edison rất tốt, rồi nói tiếp: "Ông bạn trẻ của tôi ơi! nếu muốn kể tên những vật vô-dụng nhất ở quốc-hội chúng tôi, người ta có thể kể máy này vào danh sách đó. Lợi-khí tốt nhất của phe thiểu-số dùng để ngăn chặn những vụ bầu những "đạo luật tai hại", chính là sự gian lận những lá thăm. Vì vậy, máy này chính-xác quá làm sao mà xài ở đây cho được. Nói thế chắc ông bạn đã hiểu thế nào rồi chứ". Edison bắt đầu đã hiểu sự thực. Trở về Port Huron vớt chiếc máy "vô-dụng" lại đó, Edison bỏ đi lên Nữ-u-Ước để bắt đầu cho ra đời hàng loạt những phát-mình mà thiên-hạ đời ông cung-cấp. Kinh-nghiệm chua cay trên giúp Edison tiền sau vào nếp sống của một khoa-học-gia thực-tê, "một vị đốc-công của thiên-tài".

Bỏ nhà lên New York năm 1769, với chiếc bụng đói meo và 1 đô-la rưỡi trong túi, Edison trở tài ngoại-giao với bọn gác cửa công-ty mậu-dịch Vàng

(Gold Exchange)<sup>5</sup> để được ngủ nhờ dưới hầm của công-ty một đêm. Sáng hôm sau, trên căn hầm của Edison nằm ngủ, có một vụ lộn-xộn xảy ra. Nguyên công-ty này vốn đứng ra mua bán vàng của dân-chúng New York. Công-ty có nhiều khách là nhờ có một máy điện-tín liên-lạc theo dõi được giá vàng lên xuống mỗi giờ tại khắp nơi. Bất ngờ sáng hôm đó chiếc máy bị hỏng, thợ chữa không được. Edison bị đánh thức dậy bởi tiếng ón-ào của các khách hàng đang chăt-vấn viên giám-đốc. Edison chui ra khỏi hầm đón lấy một sự bất ngờ đó. Trong một thời-gian ngắn, Edison chữa chiếc máy một cách dễ-dàng. Viên giám-đốc phong ngay Edison làm tổng-thanh-tra kỹ-thuật<sup>6</sup> của hãng với tiền lương 300 đô-la mỗi tháng. Thề là ông vừa có nhiều tiền, vừa có việc làm hợp với sở-thích. Tới giai-đoạn này, Edison mới thực sự sống cuộc đời của nhà phát-mình khoa-học. Ở công-ty nói trên, một phần nhờ được làm việc bên cạnh một viên kỹ-sư điện-học của công-ty, một phần do công việc hợp với ngành nghiên-cứu của mình đã theo từ 5 năm qua, kiên-thức về ngành điện-báo của Edison thêm dồi-dào. Với tiền lương hàng tháng, Edison lập riêng cho mình một phòng thí-nghiệm ở Newark. Với phòng thí-nghiệm trên, Edison sáng-tạo một loạt phát-mình về điện. Chiếc máy đầu tiên được Edison chế-tạo ở đây, là do nhu-cầu của công-ty nơi ông làm việc. Hối đó, máy nhận phát điện-tín còn thô-sơ: khi máy muốn phát tín-hiệu, thì phải ngừng thu điện-tín hoặc ngược lại. Chiếc máy đầu tiên của Edison ở đây, được đặt tên là 'Edison Universal Tikker', cũng dùng để thu phát điện-tín, nhưng tiện lợi hơn ở chỗ có thể thu phát tín-hiệu Morse cùng một lúc. Máy này được viên tân giám-đốc công-ty 'Gold Exchange'<sup>7</sup> là tướng Lefferts mua bán-quyền với giá 40.000 mỹ kim. Lần đầu trong đời nhà phát-mình, Edison mới kiểm được một số tiền lớn như vậy. Với số tiền đó, Edison mở rộng phòng thí-nghiệm của mình trở thành phòng thí-nghiệm kiểm-xưởng sản-xuất những dụng-cụ do chính Edison phát-mình. Xưởng thợ thu nạp 15 nhân-công lúc đầu và sau này con số tăng lên hơn 100 người.

Sau chiếc máy 'Universal-Tikker' trên, Edison liên-tiếp chế nhiều máy khác: máy phát thu 2 luồng rồi tới nhiều luồng điện-tín một lúc (quadruplex, multiplex), máy điện-tín tự-động có thể ghi các tín-hiệu Morse lên một băng giấy<sup>8</sup>, ngòi bút điện-hóa-học dùng để viết những chữ có nét đứt quãng<sup>9</sup>. Những

5 Còn gọi là "Gold Indicator Company".

6 Inspecteur général technique.

7 Khi tướng Lefferts lên làm giám-đốc, công-ty Gold Exchange được đổi tên thành Công-ty Gold and Stock telegraph Company.

8 The automatic telegraph: máy này hiện nay còn được lưu-dụng ở nhiều nơi.

9 Ngòi bút ấy có công dụng để viết những bản văn trên giấy: tờ giấy ghi bằng bút này sẽ dùng để in ra nhiều bản khác, công-dụng tương tự với những tờ "stencil" để in "ronéo" ngày nay. Gợi khi có máy chữ và giấy than, ngòi bút này mới ít được dùng nữa. Ngày nay chỉ có các nhà-sĩ dụng nguyên-tắc ngòi bút đó để chế ra máy nạo răng.

phát-minh loại trên khá nhiều, nhưng Edison chỉ thực-sự nổi tiếng khi ông cải-thiện được hệ-thống máy điện-thoại.

Khi phát-minh tới máy điện-tín tự-động, Edison biết rằng lãnh-vực điện-báo tới đó là hết mức. Edison bèn hướng sự nghiên-cứu về sự chuyển tiếng nói của con người qua luồng điện bằng cách căn-cứ trên sự truyền các tín-hiệu Morse qua luồng điện ở máy điện-tín. Nhưng Edison nghiên-cứu hơi chậm, vì cùng nghiên-cứu về máy điện-thoại như ông, còn có 3 nhà khoa-học khác. Cuối cùng, một trong 3 người sau, A. Graham Bell, đồng-bào của Edison đã lĩnh được bằng phát-minh trước nhất về máy điện-thoại. Tuy nhiên, Bell đã bị lu-mờ trước thiên-tài Edison. Hệ-thống truyền-âm trong máy điện-thoại của Bell còn thô-sơ, nên tiếng nói truyền đi không rõ và máy điện-thoại Bell còn một điểm bất-tiện nữa là chỉ có một bộ-phận vừa để nghe vừa để nói. Edison nhận thấy rõ những bất tiện đó, bèn quyết tìm cách cải-thiện máy điện-thoại của Bell. Với số tiền bán bản-quyền phát-minh máy phát đầu nhiều luồng điện-tín một lúc (multiple telegraphy), Edison lập một xưởng mới ở Menlo Park năm 1876. Chính ở đây một năm sau khi lập xưởng mới, Edison cho ra đời một kiểu máy điện-thoại mới. Máy điện-thoại Edison dành luôn thị-trường của máy điện-thoại Bell, vì sự tiện lợi của nó: âm-thanh được truyền đi rõ ràng với một ống nói (transmitter) và một ống nghe (receiver) riêng biệt. Hệ-thống máy điện-thoại Edison gần giống hệt hệ-thống điện-thoại ngày nay. Vì tính-cách thông-dụng của máy điện-thoại, nên phát-minh cải-thiện của Edison về máy này đã khiến nhiều người biết đến tên ông. Xưởng mới của Edison được khuếch-trương với trên 100 công-nhân và xưởng của ông nổi tiếng khắp thế-giới với một phòng thí-nghiệm lớn vào bậc nhất ở thời đó.

Hình như năm 1877 là năm đặc-biệt đem lại nhiều danh-vọng cho Edison. Người ta đã tặng cho Edison danh-hiệu "*nhà phù-thủy ở Menlo-Park*", người ta đã ca-ngợi ông trên mặt báo là "người đã biến đổi được luật tạo-hóa, có thể ra lệnh cho nước sông chảy ngược, cho trái đất ngừng quay và cho mặt trời chiếu sáng về đêm"<sup>10</sup> khi Edison phát-minh ra máy hát. Câu chuyện phát-minh ra máy hát được kết-hợp nên bởi một sự tình-cờ cộng với óc quan-sát và trí tưởng-tượng phong-phú của Edison. Câu chuyện bắt đầu khi Edison ngồi mài một cây kim (dùng cho máy điện-tín tự-động) trên một ống sáo. Ông quan sát và nhận thấy cây kim nhảy lên theo nhịp tiếng nói của ông. Edison nghi-ngợi, thế là chiếc máy đầu tiên ghi được tiếng nói của nhân-loại được chế-tạo. Những thanh-âm đầu tiên mà con người ghi lại được là một bài thơ dành cho trẻ em, "Mary có một con cừu cái nhỏ", do chính Edison đọc:

10 Thomas Alva Edison, *Henry Thomas*, GPPS, 1958, p. 58.

*Mary có một con cừu cái nhỏ,  
Lông của nó trắng như tuyết...*

Chiếc máy hát đầu tiên rất đơn-giản gồm một miếng kim-khí mỏng gắn vào một chiếc kim, đầu mũi kim tì trên một ống trụ bọc sáp chuyên-động quay tròn bằng một tay quay. Chiếc máy đó vừa thu-âm vừa phát-âm. Ống trụ bọc sáp dùng để ghi âm-thanh sau đó được thay bằng ống trụ bọc những lá thiếc mỏng. Máy hát khiến danh-tiếng của ông nổi như cồn. Thiên-hạ xô nhau đến nơi ông ở. Công-ty Hòa-xa phải tăng thêm những chuyên-tàu chạy về Menlo Park. Khắp nơi trên thế-giới mời ông đến trình-bày phát-minh mới-mẻ này. Có một lần, nhân-viên của Edison có bốn-phận đại-diện ông đem máy hát đến trình-diễn tại triều-đình Đức-quốc. Một vụ cãi lộn xảy ra giữa người này và nhân-viên trong triều. Hoàng-đế nước Đức là William đệ-nhị xử cho nhân-viên đại-diện Edison thắng và quay lại bảo triều-thần: "Khi ông Edison ra lệnh thì ngay cả Hoàng-đế cũng phải tuân theo".<sup>11</sup>

Sau này, vào năm 1888, Edison đã tốn nhiều thì giờ để sửa chữa chiếc máy hát cho hoàn-hảo hơn: lớp thiếc mỏng được thay bằng một lớp sáp đặc-biệt, tay quay được thay bằng một máy đóng-hố và máy hát đã thu cho ông một số tiền khá lớn. Tuy vậy, máy vẫn chưa hoàn-bảo thực-sự. Phải đợi tới sự cải-thiện của 2 người Huê-kỳ khác: A. G. Bell và Emil Berliner, máy hát mới tiến tới hình-thức máy hát ngày nay. Nếu máy hát không được Edison kiện-toàn, điều đó không có gì đáng ngạc-nhiên lắm. Năm 1873, nghĩa là sau khi phát-minh ra máy hát vài tháng, đầu óc Edison đã bị lồi cuộn vào một công việc quan-trọng hơn. Công-việc này khiến Edison say mê tới mức làm việc tới 20, 22 giờ mỗi ngày. Mọi hoạt động của xưởng máy và phòng thí-nghiệm đều được hướng vào công việc đó. Công việc thật là quan-trọng, vì đã đưa Edison tới tột-đỉnh danh-vọng, đồng thời khai sáng một kỷ-nguyên mới về sự tận-dụng điện-lực để phục-vụ nhân-loại. Đó là sự phát-minh ra đèn điện và một hệ-thống phân-phối điện theo một tổ-chức mới-mẻ mà nếu kỹ-nghệ tối-tân đã dùng làm nền tảng, trước khi kỷ-nguyên nguyên-tử ra đời. Vì say mê với thí-nghiệm mới, Edison cho xưởng máy và phòng thí-nghiệm của ông ngừng mọi hoạt-động khác, kể cả việc kiện-toàn máy hát, để dồn mọi khả-năng vào công việc mới.

Trước Edison, đã có người biết dùng điện-lực để chế dụng-cụ phát ra ánh sáng: đó là William Wallace với ngọn đèn hồ quang. Đèn hồ-quang là một

11 Mary had a little lamb,  
Its fleecce was white as snow...

12 When Mr. Edison commands, even the Emperor must obey", Th A. Edison, *op. cit.*, p. 63.

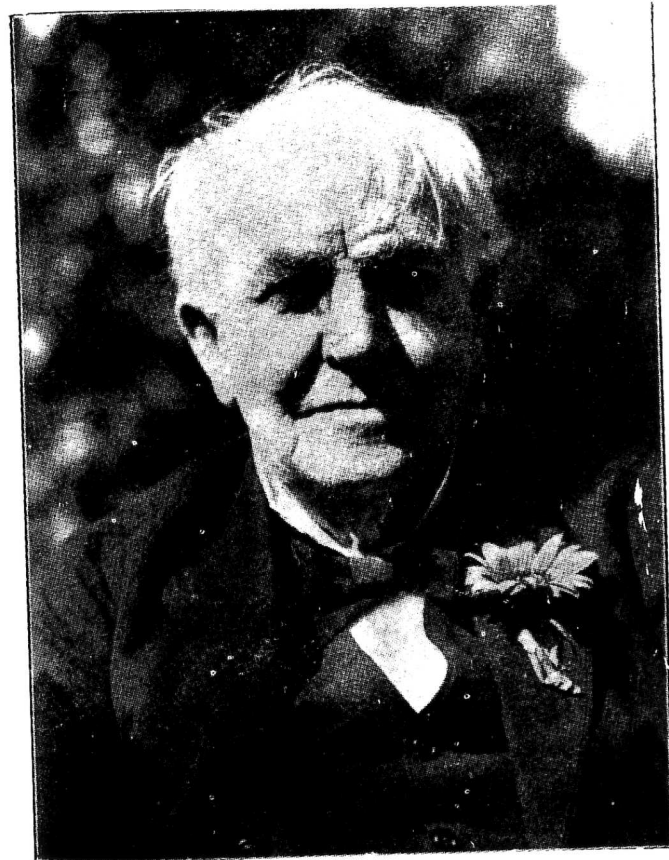
dụng-cụ khá-đơn-sơ, gồm hai thỏi than có mũi nhọn và được nối liền với một máy phát điện. Khi có dòng điện chạy tới 2 thỏi than, nơi đầu 2 mũi nhọn sẽ gần nhau tỏa ra một luồng ánh-sáng xanh có sức nóng hàng nghìn độ bánh-phân. Vì đầu nhọn 2 thỏi than rất mau mòn, luồng ánh-sáng thì chói-CHAN và sức nóng tỏa ra quá nhiều, nên người ta chỉ dùng đèn hồ-quang trong thí-nghiệm khi cần ngọn lửa có nhiệt-độ cao. Được quan sát ngọn đèn của W. Wallace, Edison mới nảy ra ý-định chế ra ngọn đèn có ánh-sáng điện để thay thế cho những đèn đốt bằng khí thấp đang được đắC-dụng ở thời đó. Ý-kiến đó khiến ông đã phải dùng tới 200 cuộn số với 40.000 trang giấy để ghi những nhận-xét, những hình vẽ của hơn 10.000 thí-nghiệm, tiêu hết 40 ngàn mỹ-kim và suýt nữa thì vỡ nợ. Tất cả những phí-tồn đó cộng với 2 năm liền làm việc, trung bình 20 giờ mỗi ngày trong phòng thí-nghiệm, đốt hơn sáu nghìn loại thực vật như vỏ dừa, sợi gai... và cả giấy, râu người nữa. Ông đã dùng để tìm loại than nào có thể cháy sáng bền, khi đặt trong một bóng đèn thủy-tinh đã rút hết không-khí và có luồng-điện chạy qua. Cuối cùng, Edison đã chế-tạo được ngọn đèn điện đầu tiên cháy sáng được 40 giờ. Ngọn đèn sau đó cháy sáng được tới 1000 giờ, nhờ Edison tìm ra được cách dùng than của sợi tơ tước ra ở một đoạn tre Nhật-Bản.

Vào ngày cuối năm 1879, hơn 3.000 người đi trên những chuyến xe hỏa do Edison thuê, từ nhiều nơi được mời đến Menlo-Park để đêm hôm đó tròn mắt ngạc-nhiên rồi ôm nhau hò hét reo mừng, khi nhìn thấy cảnh xưởng thợ Edison và những nhà chung quanh sáng rực trong đêm tối, dưới ánh sáng của hơn một trăm ngọn đèn điện treo lơ-lửng khắp nơi trên trời. Tất cả mọi người đều kinh-ngạc ngấm những ngọn đèn "treo ngược" mà vẫn cháy, ánh-sáng tỏa ra không chớp-chờn hoặc tỏa khói như đèn hơi "gaz"... Danh tiếng Edison một lần nữa vang dội khắp thế-giới.

Nhưng sau ngày hôm đó, Edison lại vui đầu trong phòng thí-nghiệm để giải-quyết nhiều trở-ngại khác về vấn-đề phổ-biến việc sử-dụng đèn điện trong quán-chúng. Làm sao để sản-xuất bóng đèn với giá rẻ? Làm sao để có một máy phát điện có thể cung-cấp điện-lực cho hàng vạn ngọn đèn cùng thắp sáng một lúc trong hàng ngàn căn nhà ở New York? Làm thế nào để tránh sự phát hỏa do dòng điện có thể gây ra? Làm sao có những máy phát điện với hiệu-xuất tối-đa để giá điện hạ xuống?... Sau hai năm cặm-cui làm việc, Edison đã giải-quyết hầu hết những vấn-đề kể trên. Một loạt phát-minh được ra đời và đó cũng là những phát-minh nền-tảng của kỹ-nghệ điện khí. Chúng ta có thể kể tới chiếc máy phát-điện đa-cực của Edison<sup>13</sup> với hiệu-suất 90%<sup>14</sup>, những cầu-

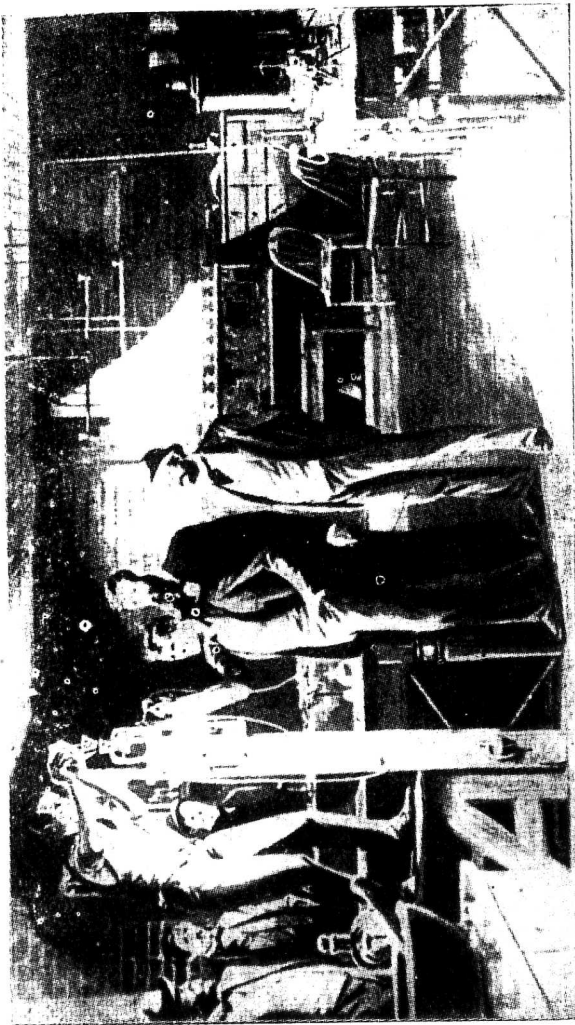
13 Edison's multipolar dynamo.

14 Hiệu-suất: tỷ-lệ những năng-lượng cung-cấp bởi các nhiên-liệu than, dầu... chạy máy phát điện và năng-lượng điện thu được bởi máy phát điện.



Thomas Alva Edison  
(1847-1931)





Thí-nghiệm thắp sáng ngọn đèn điện đầu tiên trên thế-giới  
tại phòng thí-nghiệm của Edison ở Menlo Park.

chì, những đồng hồ điện<sup>15</sup> những dây điện bọc vải nhựa, những hệ-thống "dây điện 3 giây"<sup>16</sup> mà ngày nay ta vẫn dùng, những hệ-thống dây cáp chôn ngầm dưới đất... Riêng về giá sản-xuất mỗi chiếc đèn điện được ông nghiên-cứu trong 4 năm liền. Nhờ ông tìm ra những nguyên-liệu rẻ tiền để chế-tạo, nên giá mỗi chiếc đèn giảm từ 1,25 mỹ kim tới 27 xu. Chính những phát-minh trên đã là nền-tảng cho kỹ-nghệ điện hiện nay. Ngày 12 tháng 9 năm 1852, Edison khai mạc buổi lễ khánh thành công cuộc mắc đèn điện cho toàn-thể các nhà cửa và đường phố ở New York và đồng-thời mở màn cho kỷ-nguyên điện-khí.

Tới giai-đoạn này, tuy đã tới tột-đỉnh danh-vọng và giàu sang, Edison vẫn không ngừng công cuộc tìm kiếm phát-minh. Ông còn tìm ra nhiều phát-minh khác không kém phần quan trọng. Edison đã chế-tạo ra những động-cơ thương-mại để dùng trong các quạt máy, máy in... Ông đã cải-thiện hệ-thống bình chứa điện, những "ắc-quy" dùng cho xe hơi mà nhờ đó "cha đẻ của xe hơi" H. Ford mới có điều-kiện phổ-biến kỹ-nghệ xe hơi ở Hoa-Kỳ. Cũng trong thời-gian này, trong khi nghiên-cứu việc kiện-toàn kỹ-thuật chế-tạo bóng đèn điện, Edison đã tìm ra một nhận-xét luật khoa-học về việc chuyển dịch các điện-tử trong không-gian. Nhận-xét này rất quan-trọng và được mệnh-danh là "Hiệu-ứng Edison" (Edison Effect). Nhận-xét được bác-học Fleming người Anh tiếp-tục nghiên-cứu và sau đó mở đường cho việc chế-tạo bóng đèn của "radio" cũng như kỹ-nghệ "radio".

Năm 1893, Edison phát-minh ra máy chiếu hình (kinétoscope), một hình-thức đầu tiên của máy chiếu bóng. Máy đó dùng để chiếu những hình đã chụp liên-tục và thật nhanh ở một chuyển-động. Những hình này được chiếu lên một tấm màn và khiến người ta có cảm-tưởng nhìn thấy hình những vật cử-động trên màn ảnh.

Càng về già, Edison càng mở rộng lãnh-vực nghiên-cứu. Ông tìm ra phương-thức trộn và đổ bê-tông để xây những dinh-thự vững chắc. Ông cải-thiện máy chữ cho được hoàn-hảo và dễ sử-dụng (vì máy chữ thời đó, các chữ chóng chắt lên nhau, những chữ không đều hàng trên giấy). Kiểu máy chữ do ông cải-thiện ngày nay còn nhiều người biết đến, đó là máy chữ Remington. Tới thế-chiến thứ nhất, Edison còn tìm ra một phương-pháp luyện kim quan-trọng giúp người ta có thể rút được sắt từ những quặng chứa rất ít sắt một cách giản-dị và rẻ tiền, khiến cho miễn mò có quặng kẽm ở New Jersey trở nên trù-phú. Edison còn tiếp-tục nghiên-cứu hơn 5.000 loại cây ở Mỹ để tìm phương-

15 Compteur à électricité.

16 Système 3 fils.

pháp trồng cây cao-su. Ông lại tình-nguyện và chế-tạo cho chính-phủ những thuốc men, phẩm nhuộm trước kia vẫn phải mua của Đức-quốc. Edison còn tiếp-tục làm việc tới khi tắt thở. Ông mất ngày 18 tháng 10 năm 1931.

Không cần tranh-luận, những phát-minh của Edison đã chứng tỏ một cách hùng-hồn ông là một nhà phát-minh khoa-học, một nhà phát-minh khác thường và chân-chính vĩ-đại nhất. Khác thường là vì ta đã thấy suốt từ nhỏ đến già, Edison đã luôn luôn tự kiểm ra tiến để thực-hiện mọi thí-nghiệm phát-minh của mình mà không cần nhờ người khác bảo-trợ tài-chánh như phần đông các nhà bác-học khác. Edison là nhà khoa-học chân-chính, vì ông đã luôn luôn bắt vụ-lợi, dám hy-sinh tất cả cho khoa-học. Tiền bạc đã đến với ông rất nhiều, nhưng Edison không hề sấm sửa gì cho mình cả. Ông không bao giờ có những đồ chơi sa-xỉ trong nhà, không cả ngựa cưỡi hoặc du-thuyền như xã-hội trường-già thời đó thường đòi hỏi. Vì khoa-học, ông đã tự biến đổi tính-tình. Ông dâng trí tới mức quên cả tên của chính mình mặc dầu có một trí nhớ phi-thường trong công việc khoa-học. Ông có thể nhớ hàng ngàn chi-tiết của bộ máy sau khi quan-sát một hai lần. Thuở trẻ, trước khi bước vào lãnh-vực khoa-học, (nghĩa là từ năm 17 tuổi), Edison vẫn nổi tiếng là người bất-thiệp khéo nói. Vậy mà tới năm 1871, ông đã dụt-dè tới mức không dám ngỏ lời xin câu-hôn với một thiếu-nữ làm công của mình. Thiếu-nữ này, cô Mary Stilwell, sau này là bà Edison, đã được Edison câu-hôn bằng một lời khá kỳ-dị. Cô chỉ biết ý-định của Edison nhờ nghe hiểu được những tiếng 'lóc cóc' do Edison gõ một đồng tiền xuống mặt bàn. Những tiếng 'lóc cóc' đó được gõ theo dấu hiệu Morse trong điện-tín và diễn-tả một lời câu-hôn không kém phần kỳ-dị: «Dạo này, tôi luôn luôn nghĩ đến cô. Cô chịu làm vợ tôi không?». Vấn-đề yêu-đương của Edison giản-dị như vậy. Khi có vợ lo hộ việc nhà rồi, Edison càng ít săn-sóc tới việc gia-đình hơn, mặc dầu ông rất yêu thương vợ con. Bà Edison lúc đầu chưa quen cảnh này, có lần tức phát khóc lên. Bữa đó vừa làm lễ cưới được một ngày. Được một người bạn cộng-sự đến báo tin một phát-minh mới về điện-báo, Edison bỏ luôn cô vợ trẻ ở nhà và vào ở trong xưởng 4 ngày liền. Khoa-học đã giữ chân ông 20 giờ mỗi ngày, khiến ông không còn có dịp biểu-lộ tình-cảm với vợ con nữa. Năm 1886, sau khi bà Mary chết được 2 năm, nếu Edison có tục-huyền với một người vợ trẻ 20 tuổi, cũng là vì bè-bạn giới-thiệu và ông thì cần người chăm-sóc nhà cửa với ba đứa con để ông rảnh tay lo nghiên-cứu phát-minh mà thôi. Riêng đối với bè-bạn và những người cộng-sự, ông tận-tình chỉ bảo và giúp đỡ họ trong việc

nghiên-cứu khoa-học. Edison đã từng tặng H. Ford cả một phòng thí-nghiệm ở Fort Myers năm 1928 để ông này thí-nghiệm chế-tạo xe-hơi. Nhiều cộng-sự viên trong xưởng của Edison được ông chỉ bảo sau này trở thành Giám-đốc những công-xưởng lớn, hoặc trở thành khoa-học gia nổi tiếng như Nikola Tesla, hoặc đoạt giải Nobel về khoa-học như A. Fleming.

Hơn nữa, Edison khoa-học-gia còn xứng-đáng là ân-nhân của nhân-loại. Ngoài công cuộc phát-minh của ông khiến cho hàng triệu người có việc làm trong những xưởng kỹ-nghệ xây dựng nên nhờ điện-lực, Edison còn treo một tấm gương sáng cho muôn đời: Tấm gương kiên-nhẫn quả-cảm dám làm việc đến cùng, coi thường mọi khó-khán. Tất cả những đức-tính này đã được chính Edison thâu tóm trong một câu nói bất-hủ: «Thiên-tài là kết-hợp của 1% may-mắn và 99% làm việc đến toát mồ-hôi... Còn muốn thành-công trong đời ư, dễ lắm! Hãy làm việc không ngừng, đừng để ý đến thời-gian, đừng bỏ dở một việc gì».

#### Tài-liệu tham-khảo

- *Thomas Alva Edison*, Henry Thomas, Putnam, New York, 1958.
- *American Science and Invention*, Mitchell Wilson, Simon and Schuster, New York, 1954.
- *Mon ami Mr. Edison*, H. Ford et S. Crowther, Société Parisienne d'Édition).
- *Les aventuriers de la Science*, P. Devaux, Magnard.

#### ĐÍNH - CHÍNH

Trong Văn-Hóa Nguyệt-San quyển 10 (số 86 năm 1963) về bài "Benjamin Franklin", soạn-giả xin bạn đọc vui lòng đính-chính mấy chữ sau đây:

- trang 1641 dòng 18  
 ... từ-chức không khác Franklin bao nhiêu.  
 xin đọc là: ... từ-chức không khác *kế-hoạch Albany* của Franklin bao nhiêu.
- trang 1644 dòng 20  
 ... lập thành một Liên-Bang Mỹ (Confédération des Etats-Unis d'Amérique)  
 xin đọc là: ... lập thành một *Bang-Liên Mỹ* (Confédération des Etats-Unis d'Amérique)
- dòng 22  
 ... Hiễn-Uớc Liên-Bang (Pacte Confédéral)  
 xin đọc là: ... Hiễn-ước *Bang-Liên* (Pacte Confédéral)
- trang 1645 dòng 11  
 ... còn là một vị chiến thắng...  
 xin đọc là: ... còn là một sự chiến-thắng...
- trang 1653 dòng 3  
 ... chỉ cha mẹ họ đã...  
 xin đọc là: ... chỉ *ai* cha mẹ họ đã...

### SAY IT IN VIETNAMESE

(Saigon: Kim-Lai An-Quán, 1963)

by NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

*Hoa's Vietnamese Phrase Book* revised to give you no deadwood, but only useful sentences and phrases.

134 pages. Index.

VN\$ 75.

### SPEAK VIETNAMESE

(REVISED EDITION, 1963)

by

NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

Based on the techniques of modern linguistics, this textbook, first published in Washington in 1955 and in Saigon in 1957, has now been revised in the light of book reviews and classroom experience.

The author is Associate Professor of Linguistics and English at the Faculty of Letters, University of Saigon.

388 pages

VN\$ 100.

### READ VIETNAMESE :

A Graded Course in Written Vietnamese

by

NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

The second book aiming at familiarizing you with the language of Vietnam.

A sequence to **SPEAK VIETNAMESE.**

202 pages

VN\$ 80.

Please order from

- VIETNAMESE-AMERICAN ASSOCIATION, 55 Mac Dinh Chi Street, Saigon, Vietnam
- DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS, MINISTRY OF NATIONAL EDUCATION, 89, Le Van Duyet Street, Saigon, Vietnam
- EDUCATIONAL MATERIALS SERVICE, MINISTRY OF NATIONAL EDUCATION, 240 Tran Binh Trong Street, Saigon, Vietnam
- THE BOOKSHOP, Eden Arcade, Saigon, Vietnam

THANH-TAM

suu-tám

## trí-khôn ở đâu ?

Tôi còn nhớ ngày nhỏ, gặp một ông thầy tân-học luôn-luôn đả-kích lời học xưa. Ông nhắc-nhủ chúng tôi hoài là « các cụ hủ-nho cấm đầu cấm cổ tập-luyện trí nhớ học lâu bao kinh. sử, đẽ chẳng dùng vào đợc việc gì. Khi hữu sự cái công đên sách, của các cụ đã tỏ ra vô-dụng, đên nổi nước mắt nhà tan, dân-chúng lâm-than nô-lệ v. ... »

Theo lời học duy-lý của Tây-phương, ông vô-tình đi đên chỗ quá đả và đả gây cho nhiều người trong số học trò của ông một quan-niệm sai-lầm về ích-lợi của trí nhớ : chúng tôi chỉ gắng tìm hiểu mà không gắng nhớ. Do đây sự học của nhiều người trong bọn chúng tôi không vững, kiến-thức rời-rạc không sao kết-hợp đợc thành hệ-thống.

Đã đành là ồm-đồm cảm-cấp, học cho thật nhiều, nhớ cho thật lắm mà không hiểu tường-tận thì chỉ như anh thợ-phú, chỉ biết tích tiền mà không biết xài cho đung chỗ. Nhưng tìm hiểu thật nhiều mà không tìm cách nhớ kỹ thì khác gì anh chàng chỉ biết kiếm mà không biết giữ, khi cần dùng đên chẳng biết mình đã cắt của ở đâu. Hai đàng cùng thái-quá.

Thực ra thì trí nhớ là một nửa cái khôn của con người.

Nói trong phạm-vi nhỏ-hẹp của một cá-nhân, thì khi sinh ra đời, đứa bé chưa hiểu biết gì cả. Lần lần kinh-nghiệm bản-thân làm cho nó tinh-khôn. Hiểu biết dần về mối liên-lạc giữa nguyên-nhân và kết-quả, do óc suy-luận ngày thêm nảy-nở cho chúng biết, chúng âm-thẩm có những kết-luận, tất-nhiên là nhiều khi còn sai-lầm, ghi trong tâm-khám. Cái vốn hiểu biết ấy ngày thêm dày và với thời-gian chúng sửa-đổi dần những kết-luận sai-lạc, ghi-nhận thêm những kiến-thức mới. Như vậy, óc nhận-xét, suy-luận, làm công việc lựa-lọc, tìm-kiếm, và trí nhớ làm việc tích-trữ. Thiều đàng nào cũng hồng.

Những phương-tiện truyền-bá tư-tưởng dù cổ xưa như tranh vẽ, chữ viết hoặc tối-tân như máy ghi-âm, phim-ảnh v.v.. là gì, nếu nó không là thứ

[ Tập XII, Quyển 11 (Tháng 11, 1963) ]

« trí nhớ công-cộng »? Một thứ trí nhớ vô cùng tiện-lợi, có thể biến thành bao nhiêu bản cũng được, có thể tìm đến kẻ muốn biết ở bất cứ nơi nào, nó luôn luôn sẵn-sàng giải đáp không lúc nào quên, không bao giờ lộn...

Nhờ thứ trí nhớ công-cộng ấy, mỗi người chúng ta mới được hưởng những kinh-nghiệm của biết bao kẻ khác, qua bao thế-hệ. Nhờ nó, nhân-loại mới thành được một khối thuận-nhất về hiểu-biết, như một cá-nhân khổng-lô, trong đó mỗi phần-tử, nếu muốn và có phương-tiện, đều có thể chia sẻ kinh-nghiệm của kẻ khác, bất-chấp cả không-gian lẫn thời-gian.

Chúng ta giờ đây đều biết: trí khôn sờ-di có là nhờ việc làm của bộ óc. Nhưng xưa kia, người ta lại cho rằng ở... trong bụng, hay ít ra là người mình và người Trung-Hoa nghĩ thế. Vì vậy mới có câu « nghĩ thầm trong bụng ». Và vì vậy ta mới có cái giai-thoại « phơi sách » về ông Phạm-Sur-Mạnh.

Ông Phạm-Sur-Mạnh làm quan dưới triều vua Lê-Thánh-Tôn, được cử sang sứ Trung-Quốc. Trong khi nóng-bức, ông đã vén áo hứng gió, để hở cả bụng lẫn rốn trước người Tàu chế ông thật lễ. Căn cứ vào quan-niệm « trí-khôn (hay ít ra là trí-nhớ) trong bụng » ông đã thần nhiên ứng đáp là ông « phơi sách đó thôi ».

Có lẽ cô-nhân dùng chữ « bụng » không phải để chỉ đích-xác phần nư dười thân người, mà chỉ là để nói là « bên trong thân người ». Nhưng điều này phải tân-học cũng vẫn không thể chấp-nhận được, vì trí khôn ở óc thì nó phải ở bên trong cái đầu chứ đâu ở bên trong cái thân?

Nhưng cô-nhân nhận-dịnh có hoàn-toàn sai không?

Chắc hẳn chúng ta cho câu hỏi này là thừa. Nhưng giáo-sư James V Mc Connell, cảm đâu một toán bác-học khảo-cứu tại Đại-Học-viện Michigan, sẽ đề đặt hơn chúng ta, vì những công-cuộc tìm-tòi của ông đã có những kết-quả kỳ-dị khiến ông không dám phủ-nhận một cách quả-quyết như chúng ta.

Hồi 1960, trong báo-chí có đăng tin về một cuộc khảo-cứu kỳ-lạ về thái-độ của một loại sâu bị cắt đứt, làm giới bác-học chân-động, nhưng rồi cũng qua đi, không ai để ý đến nữa. Tuy nhiên toán bác-học-gia dưới quyền chỉ-huy của giáo-sư Mc Connell và nhiều nhóm khác nữa vẫn tiếp-tục khảo-cứu, và ngày nay người ta đã có thể trở lại vấn-đề với nhiều căn-bản vững chắc.

Nguyên một đạo giáo-sư này ra ý nghĩ khảo-cứu một giồng sâu nước ngọt (tiếng Pháp gọi là 'planaire'). Giồng sâu mình dẹt này có rất nhiều trong đầm, ao, bao lâu sống âm-thấm yên-ôn không ai biết tới, không dè giờ đây nổi tiếng và có lẽ nhờ nó mà sau nay người ta hiểu thêm rất nhiều về một bí-mật của sinh-vật thượng-đẳng: trí-khôn.

Nói rằng nó có trí-khôn, như ta hiểu danh-từ này, thì quá đáng. Nhưng nó cũng như những con vật khác, đều có trí-khôn và trí-nhớ ở một mực rất so-đáng. Tuy thế cũng đủ cho người ta dạy nó ít nhiều « bài học ».

Trong các hạng bực sinh-vật đang tiền-hóa, giồng sâu này là thứ sinh-vật đứng ở hạng... bét, nhưng đặc-biệt là nó đã chớm có một bộ thần-kinh và một chút siu óc, khá di nhận biết và nhớ được phần nào.

Hồi năm 1953, khi James V Mc Connell mới tốt-nghiệp trường Đại-Học Texas, một người bạn của ông đưa ra ý-kiến: không biết loại sâu này có thể tập-luyện được như những sinh-vật tiền-hóa hơn nó nhiều như chó, khỉ chẳng? Mc Connell bèn thử nghiên-cứu. Ông bỏ giồng sâu này trong chậu nước, trong có ngậm những điện-cực. Mỗi khi ông phóng một luồng điện vào nước, sâu cuộn tròn lại. Ông bèn đóng thời mỗi lần phóng luồng điện lại cho chiếu sáng chậu nước. Mỗi lần sâu vẫn co tròn như thường. Sau khi làm như vậy 134 lần, ông không phóng điện vào nữa mà chỉ chiếu sáng thôi: sâu vẫn cuộn tròn y như khi bị luồng điện giật. Thế là nó đã thuộc bài học. Trong cái óc non-nớt của nó, hai sự-kiện điện giật và ánh sáng đi đôi với nhau, trí nhớ đơn-giản của nó đã đủ « bảo » cho nó biết cuộn tròn lại mỗi khi ánh sáng tới, không phải chính ánh sáng làm nó khó chịu mà chính vì ánh sáng nhắc cho nó cái cảm-giác bị điện giật, khiến nó co tròn. Nói một cách khác: nó thấu được một « kinh-nghiệm ».

Nếu cuộc thí-nghiệm đến đây mà ngừng thì chẳng có gì lạ đáng nói.

Nguyên giồng sâu này, cũng như các tiểu-sinh-vật, theo một lối sinh-sản rất đơn-giản là tự phân: Về mùa hạ, chúng tự nhiên mất đầu. Thực thể, chúng tự nhiên đứt ra làm đôi, đầu một nơi, thân một nẻo. Cái đầu dần dần mọc thêm đuôi cho đủ, còn cái đuôi thì cũng lại mọc thêm đầu, thế là một con giồng thành hai. Người ta có thể giúp chúng, cắt đầu ra, hoặc chặt chúng làm đám ba đoạn, đoạn nào cũng lại mọc thêm cho đủ đầu đuôi thành một con nguyên chứ không chết. Hơn nữa, loại sâu này « háu » ăn một cách « dã-man »: chúng thật đống-loại là thường. Thường khi cái đầu, sau khi rời khỏi thân đang mọc đuôi, đã quay lại ăn luôn cái đuôi cũ của chính mình khi đó đang mọc thêm cái đầu mới! Hơn nữa chúng còn có thể có được nhiều đầu: khi người ta lấy dao bỏ dọc đầu chúng làm hai, chúng không chết mà trái lại mỗi nửa đầu mọc thêm nữa cho đủ thế là trên một thân có hai đầu.

Đứng trước cái tài sống dai-dẳng ấy của sâu, James Mc Connell lần-thần nghĩ: Trong hai phần, đầu và thân của sâu, phần nào nhớ được bài học ông đã dạy? Theo lý thông-thường thì bài học ấy chỉ nhận được và ghi lấy ở trong đầu là nơi chứa óc thôi. Tuy nhiên, với khoa-học, thì cái lý thông-thường chưa đủ là một bảo-đảm. Ông bèn cùng các bạn đồng-nghiệp, tại Đại-Học-Đường Michigan nuôi một số sâu, dạy chúng thuận-thục, rồi chặt mỗi con làm hai.

Những phần đầu bỏ vào nuôi trong một chậu và các phần đuôi trong một chậu khác, trong bốn tuần lễ, đủ thời giờ cho chúng mọc thêm thành những con sâu toàn vẹn.

Sau đây ông cho chiếu ánh sáng vào thì, lạ thay, không những con cũ đầu cũ nhờ cảm-giác điện giựt mà co quắp, cả những con đầu mới mọc trên thân cũ cũng thế nữa? Như thế là sau khi mọc thêm cho đủ, những con sâu mới, bắt luận thân cũ hay đầu cũ, đều nhớ rằng ánh sáng báo hiệu luồng điện sắp tới mà co quắp lại. Thử đi thử lại nhiều lần, kết quả kỳ-lạ ấy vẫn tái-diễn đều đặn. Như vậy là chắc chắn trí-nhớ không phải chỉ riêng ở trong óc, mà còn ở chỗ khác trong thân nữa, có như vậy cái thân cũ, sau khi mọc đầu, mới nhớ được bài học đã qua. Nhưng trí nhớ đã ghi lại nơi nào trong thân? Các nhà bác-học bèn dò sớ tìm cách khám-phá, nhưng rút lại càng thêm mờ-mịt.

Hai nhà bác-học của Đại Học-Đường Hoa-Thịnh-Đôn là E.N. Erhardt và C. Sherring bắt đầu bằng cuộc thí-nghiệm của Mc Connell. Họ nuôi sâu trong một bình, hình chữ T, ở đầu hành lang bên phải có điện và bên trái có thức ăn. Sau khi tập cho chúng quen lối sang ăn bên trái và tránh điện giật bên phải, các ông bèn chặt chúng làm đôi để những nửa đuôi mọc đầu. Sau đó bỏ vào thì chúng vẫn biết đường mò sang bên trái kiếm ăn chứ khôn dại-dốt đi sang bên phải. Tất-nhiên là những con đầu cũ đuôi mới cũng khôn-ngoan như thế.

Người ta đã chứng-tỏ minh-bạch là trong thân sâu chẳng có một hạch-phụ nào của óc khiến chúng nhớ được cả. Trong con sâu nước này, óc quả là bộ-phần chỉ-đạo, nó ghi-nhận các sự-kiện và ra lệnh cho toàn-thân. Như vậy, theo nguyên-tắc, chính bộ-óc mới có thể nhớ nổi.

Muốn tìm hiểu chắc diêm này ông Erhardt làm thêm cuộc thí-nghiệm bỏ dọc đầu sâu, rồi để cho mọc thành những con sâu một thân hai đầu. Đền khi đem ra dạy thì thấy thời-gian cần-thiết cho chúng thuộc bài rút ngắn một nửa: rõ-ràng là với hai đầu, tức hai khối óc, con sâu đã «thông-minh» gấp đôi, và ta có thể tin là trung-tâm chứa-đựng trí-khôn của con vật này chính là óc vậy. Hơn nữa, một nhà khảo cứu khác là Hovey cũng lại chứng-minh rằng một con sâu mất óc chẳng học được gì hết. Trái lại, sau đã thuộc bài, dù rằng lấy mất óc của nó đi, nó vẫn nhớ bài học và truyền lại cho con cháu nó nữa.

James V. Mc Connell bèn đưa ra kết-luận lạ lùng sau đây: Óc của sâu là bộ-phần cần-thiết để hiểu và ghi-nhận một kinh-nghiệm, nhưng chẳng cần gì cho cho việc nhớ lại kinh-nghiệm ấy hết, và trí nhớ của sâu không phải chỉ quy-tụ trong thần-kinh-hệ của nó, mà là một thứ dầu-vết hóa-chất tồn-tại ngay trong một số tế-bào của sâu. Một trong những nữ phụ-tá phòng thí nghiệm đã chứng-minh kết-luận kỳ-dị này: cô Reeve Jacobsen không dạy cả con sâu nữa, mà chỉ dạy nguyên có chiếc đầu của nó thôi (sau khi sâu đã bị cắt đứt). Khi cái đầu

đã thành-thuộc, cô để cho mọc thêm đuôi, rồi chặt lấy chiếc đuôi ấy để cho mọc thêm đầu. Con sâu mới này, như vậy gồm một cái đuôi mới và cái đầu mới, cả hai đều không được tập-luyện, ấy thế mà trước ánh-sáng chúng vẫn co-quắp như thường.

Thực không phương chôi-cãi nữa: rõ-ràng là bài-học đã được in sâu trong óc và thần-kinh hệ của con sâu hoàn-toàn mới này. Nhưng bằng cách nào? phải chăng nó đã truyền lại theo tính-cách di-truyền do những tế-bào có nhiệm-vụ làm mọc thêm những bộ-phận thiếu?

Đền đây mấy bác-học-gia nói trên bắt đầu.. bí, vì có lẽ nó vượt ra ngoài ngành chuyên-môn của họ. Đền lượt hai nhà bác-học khác, chuyên khảo-cứu về tính-cách di-truyền của sinh-vật, là Roy John và William Corning, tại Đại-Học đường Rochester bắt tay vào tiếp-sức. Hai ông cho rằng, nếu giả-thuyết cho kinh-nghiệm của sâu đã được ghi lại trong tế-bào dưới hình thức một đầu-vết hóa chặt là đúng, thì phải chăng nó được ghi ngay trong chất ác-xit mức lê-ich (acide rubonucléique, viết tắt là RNA)? Thì vừa vặn gần đây một bác-học-gia chuyên về thần-kinh ở Goeteborg (Thụy-Điển) lại khám phá ra một điều kỳ-lạ, có lẽ nhờ đây mà màn bí-mật có thể vén lên được (điều này chứng tỏ thêm một lần nữa là mọi ngành khoa-học phải được phát-triển đồng đều để nâng-dỡ lẫn nhau, một thứ khoa-học chỉ-huy nhằm phục-vụ những lợi-ích thiên-cận và sự phân-cách trong các khối khoa-học-gia, ngăn họ truyền cho nhau những kinh-nghiệm mới, nếu không làm chết khoa-học thì cũng khiến nó tê-liệt).

Ông Hyden, nhà thần-kinh-học nói trên, phát-giác ra rằng các tế-bào thần-kinh bị kích-thích có chứa nhiều chất RNA hơn những tế-bào không bị kích-thích. Ông ta cho những con thỏ vào trong một chiếc máy quay tròn để làm chúng chóng mặt và do đây kích-thích trung-tâm giữ thăng-bằng ở bên trong lỗ tai thỏ. Sau ông hy-sinh chúng, và mổ xét tế bào thần-kinh bị kích-thích thì thấy tỷ-lệ RNA tăng khá nhiều.

Ông Roy John nghi rằng giữa các cuộc thí-nghiệm của Mc Connell và Hyden có một sợi giây liên-lạc, đó là chất RNA. Ông và Bill Corning bèn dạy cho một mớ sâu rồi đem chặt đứt làm đôi. Sau đây cho chúng vào chậu để chúng mọc thêm cho đủ toàn thân. Nhưng đặc-biệt là trong chậu lại có pha rất loãng một chất gọi là 'ribonucléase'. Chất này có đặc tính làm «vỡ» các phân-tử RNA. Sau khi chúng mọc đủ, đem ra thử thì những con có đầu cũ vẫn nhớ bài học, còn những con đuôi cũ đầu mới thì chẳng biết gì cả. Chất ribonucléase như vậy là đã tẩy mất dấu-vết bài học trong tế-bào những con sâu.

Cái dấu-vết bài học, bằng hóa-chất, bị ribonudéase tẩy mất, nó ra sao? Người ta biết rằng những tế-bào đặc-biệt, có nhiệm-vụ tạo ra những tế-bào mới

để bù vào tế-bào đã mất (tức những tế-bào chỉ-huy việc mọc ra đầu mới, đuôi mới trong các cuộc thí-nghiệm trên) nằm rải-rác trong khắp thân-thể con sấu, chúng như những nhà kiến-trúc-sư tí-hon, nắm trong tay bản họa-đồ của toàn thân sấu nếu sấu bị vệt mất phần thân nào thì chúng tạo ra những tế-bào để làm lại phần thân ấy cho đúng như cũ. Theo các cuộc khảo-cứu, thí-không nghiệm thấu-thập được trong đời sấu đã được ghi chung với tiêm-lực di-truyền của sấu, chứng-cớ là khi để cho sấu bị cắt mọc lại trong nước có pha chất rubonucléase hơi đặc một chút, chúng không những quên hết bài học đã nhận được, mà còn quên luôn cả hình-thủ chúng cần phải tạo cho đúng « nguyên-bản » nữa, khiến cho con thì thiếu mắt, con thiếu đầu v.v...

Được tin này, James V Mc Connell bèn thử một cuộc thí-nghiệm mới nữa. Nếu trí nhớ chỉ là một dấu vết hóa-chất, thì có thể dùng lõi tiêm, chích bài học vào con sấu không? Có lẽ được, nhưng thực hiện thực là khó, vì phải chích sao cho nó thâm-nhập tế-bào con sấu. Nhưng ông chợt nhớ ra là không chích được thì có thể cho chúng ăn, vì loại sấu này vốn ưa ăn thịt lán nhau. Ông bèn dạy cho một mớ sấu, rồi đem ra bằm nhỏ bỏ vào nuôi những con sấu không hề được tập-luyện bao giờ. Đền khi đem ra dạy, thì lạ thay, những con này rất chóng thuộc bài, hơn những con khác nhiều. Hễ gặp tia sáng là chúng co quắp như bị điện giật vậy.

Kết quả kỳ-dị quá sức tưởng-tượng, nên các nhà bác-học e lấm-lấm, thử đi thử lại hoài khắp nơi: kết-quả vẫn thế, không chôi-cãi được. Tại Rochester những con sấu được ăn thịt những con thuộc đường, đã biết tìm lỗi kiếm thức ăn và tránh điện giật nhanh hơn hẳn những con khác.

Trước những hiện-tượng ấy, người ta không khỏi, như một sinh-viên 17 tuổi là Ruth Ziegler, tự đặt câu hỏi: 'Phải chăng kiến-thức có thể... ăn được?'

Những nhà thần-linh-học át sẽ phân-vấn, không biết đâu là giới-hạn giữa hồn và thể-chất nữa?

Không bàn tâm về những vấn-đề ấy, các bác-học-gia Mỹ chỉ biết là hiện đã hé một góc màn bí-mật, thì họ cứ tiến sâu thêm, không cần dự-đoán trước những điều sẽ phát-giác. Tại nhiều phòng thí-nghiệm, họ đang tìm cách phân ra chất RNA của tế-bào đã được kinh-nghiệm làm thay đổi để so sánh với tế-bào chưa có kinh-nghiệm và hy-vọng sẽ tìm ra nhiều điều bí-ẩn.

Các nhà sinh-vật-học hiện-dại tuy theo thuyết tiến-hóa của Darwin nhưng không tin rằng những kinh-nghiệm thấu-thập được trong đời sống sinh-vật có thể truyền lại, nói một cách khác, đặc-tính của loài vật có tính-cách di-truyền không thể vì những biến-cổ tầm-thường trong đời sống mà thay đổi, chẳng hạn ta chặt đuôi chuột, qua hết đời khác thì đời thứ ba bao nhiêu chẳng nữa cái đặc tính « cụt đuôi » cũng không thể thành di-truyền và những con mới sinh

ra cũng lại có đuôi như thường. Trừ phi có một sự biến-cải ở ngay trong cơ-cấu ghi-nhận đặc-tính di-truyền, đó là chất DNA của nhân, tức 'chromosome'. Điều này thực là chắc-chắn, vì giáo sư Jacques Benoit (Pháp) từng dùng chất DNA của giồng vịt Khaki chích vào vịt Pékin và tạo ra loại mới với những đặc-tính có tính-cách di-truyền. Giáo-sư M.J. Stroun ở Genève cũng đã từng lấy máu giồng gà sao lông xám chích vào giồng gà mái Leghorn lông trắng, tạo ra giồng gà với màu lông khác đi.

Những kết-quả đạt được do Mc Connell và Hyden đã buộc người ta phải duyệt lại quan-niệm trên. Chất RNA tuy chỉ là chất « thừa-hành » của DNA, nhưng nó đã ghi nhận được kinh-nghiệm và truyền lại thế-hệ sau, như vậy phải chăng do chất trung-gian này, kinh-nghiệm có thể trở nên di-truyền?

Cơ-thể mọc thêm theo cách nào? Đó là do những tế-bào của cơ-thể tự phân ra, như sau: Trước hết chất DNA, tức 'chromosomes' của nhập, phân ra thành hai. Mỗi nửa đó vốn đã ghi sẵn « hình-dáng, cơ-cấu » của tế-bào nguyên-thủy bèn ra lệnh cho chất RNA thấu-thập những chất cần-thiết để nó tái-tạo lại thành một tế-bào nguyên-vẹn, y hệt như lúc chưa bị phân. Theo Roy John và Bill Corning thì chất RNA bị kinh-nghiệm làm sai đi, rất có thể « đánh-lạc chương-trình tái-tạo tế-bào » đã ghi sẵn trong DNA, và do đây, kinh-nghiệm, do RNA thu-thập, được ghi vào trong DNA, và trở thành di-truyền.

Nhưng đặc-tính kinh-nghiệm trở nên di-truyền này có phải riêng là độc-quyền của những loại sinh-vật không phân giồng (nghĩa là không có cái, đực) như loài sấu trên đây không? Không lẽ như thế được, vì nếu thực như vậy thì sinh-vật không phân giồng tiến-hóa tất mau chóng hơn sinh-vật có cái có đực nhiều, vì sự tiến-hóa ấy có thể liên-tục bằng sự tích-trữ kinh-nghiệm qua các thế-hệ, còn giồng có đực cái thì phải chờ những sự ngẫu-nhiên rất hiếm đến làm thay đổi tính-chất của DNA.

Giáo-sư Ralph Gerard cho biết là hiện nay người ta phải công-nhận có hai thứ trí nhớ: một thứ trí nhớ đã được giáo-sư Pavlov chứng-tỏ theo đó kinh-nghiệm làm thay đổi cơ-cấu nối-tiếp giữa các đường thần-kinh trong óc và nhờ đây giữ lại được dấu-vết của kinh-nghiệm; một thứ trí nhớ nữa là dấu-vết hóa-chất ghi ngay trong chất RNA, như đã được đề-cập đến trong bài này.

Theo Holger Hyden thì cả hai thứ trí nhớ ấy chỉ là một, và sau đây là giả-thuyết tạo-bao nhát và cũng mới nhát của khoa-học về vấn-đề này:

Chất RNA có nhiệm-vụ tạo ra những thứ 'protéines' cần-thiết cho tế-bào, theo đúng chương-trình đã ghi trước trong tế-bào. Những chất protéine này rất có thể làm xê-dịch các i-ông (ion) sodium và potassium trong giây thần-kinh và do đây gây ra những luồng thần-kinh-khí (influx). Như vậy, kinh-nghiệm do RNA thấu-thập rất có thể đã được RNA truyền lại cho chất protéine do nó

tạo ra, chất protéine này gây ra những luồng thần-kinh-khi ảnh-hưởng đến cơ-câu thần-kinh của óc và để dấu-vết lại khiến óc nhớ được.

Đến đây ta tạm ngưng, chờ những kết-quả mới của khoa-học cho biết giả-thuyết trên đây có đúng không và nếu đúng thì tất nhiên ảnh-hưởng đến nhân-loại không phải nhỏ.

Thực thế, giờ đây một người khi hai tay buông xuôi từ già cõi thế thì tất cả cái sở-học ghi trong óc của người đó bị tiêu-tan, và con cháu sinh ra vẫn phải bắt đầu từ con số không, thâu góp lại những kiến-thức mà người đó đã có. Mỗi thế-hệ đã phi biệt bao quãng đời thanh-xuân, vui đầu trong sách vở để học lại những điều mà biết bao thế-hệ trước đã từng học. Sự hiểu biết của nhân-loại ngày càng chóng-chật thì cái thời-gian phi đi để học lại ấy càng dài, và cái thời-gian còn lại để tìm hiểu thêm hơn ông cha càng ngắn-ngủi, và đời người chỉ có hạn. Do đây người ta phải phân chia kiến-thức ra làm nhiều ngành để rút ngắn quãng thời-gian học lại ấy. Nhưng đó chỉ là một biện-pháp bắt-đặc đi, vì con người học như thế không thể có một hiểu-biết bao-quát thâm-thúy, trong khi các ngành học đều liên-lạc với nhau, giúp ích lẫn nhau trong những tìm hiểu mới.

Nếu kiến-thức, nhờ những phát-minh của khoa-học, trở nên di-truyền được thì người con sinh ra đã sẵn có cái kiến-thức của bố và mẹ, chỉ việc tiến tới, thâu-thập thêm, để rồi truyền tất cả lại cho con, cho cháu. Như thế tha hồ cho khỏi hiểu-biết của nhân-loại có nhiều đèn đẩu, con người vẫn thâu- nạp được hết và bây giờ ta sẽ lại thấy tái xuất-hiện những người có kiến-thức bao-quát (homme universel) như thời xưa, lúc khôi-hiểu-biết của nhân-loại còn đơn-giản.

Hơn nữa, những liểu hóa-chất lấy ở những con người giàu kiến-thức chích vào cho ta sẽ tránh cho ta bao nhiêu thì giờ học-hỏi. Những đức tính tốt cũng có thể truyền lẫn cho nhau, cải-tạo cả thái-độ tư-cách của nhau.

Đền được mức ấy, nhân-loại sẽ chỉ gồm toàn những người tài-học quán thế và những hiền-nhân quân-tử mà thôi vậy.

Nhưng, tiếc thay, cái ngày đẹp đẽ ấy... chưa phải là ngày mai. Nhưng ta vẫn có quyền hy-vọng.

## TIN-TỨC VĂN-HÓA

### A. TIN TRONG NƯỚC

#### 1. SẮC-LỆNH CỬ THỦ-TƯỚNG CHÁNH-PHỦ LÂM-THỜI.

##### CHỦ-TỊCH HỘI-ĐỒNG QUÂN-NHÂN CÁCH-MẠNG

Chiều Hiền-Uớc tạm-thời số 1 ngày 4 tháng 11 năm 1963

Chiều Quyết-Nghị ngày 1 tháng 11 năm 1963 của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng bãi bỏ chế-độ Tổng-Thông và giải-tán Chánh-Phủ do Ông Ngô-Đình-Diệm lãnh-đạo.

##### SẮC-LỆNH:

Điều 1. Nay cử ông NGUYỄN-NGỌC-THƠ làm Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời.

Điều 2. Thành-phần Chánh-Phủ Lâm-Thời sẽ do Thủ-Tướng Chánh-Phủ ấn-định sau khi được sự chấp-thuận của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng.

Sài-gòn, ngày 4 tháng 11 năm 1963

Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng  
Trung-Tướng DƯƠNG-VĂN-MINH

#### 2. SẮC-LỆNH SỐ 1/TGP CỦA THỦ-TƯỚNG CHÁNH-PHỦ LÂM-THỜI ẤN-ĐỊNH THÀNH-PHẦN CHÁNH-PHỦ.

Chiều Hiền-Uớc tạm-thời số 1 ngày 4 tháng 11 năm 1963;

Chiều Quyết-Nghị ngày 1 tháng 11 năm 1963 của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng bãi bỏ chế-độ Tổng-Thông và giải-tán Chánh-Phủ do ông Ngô-Đình-Diệm lãnh-đạo;

Chiều Sắc-lệnh số 1 ngày 4 tháng 11 năm 1963 của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng cử ông NGUYỄN-NGỌC-THƠ làm Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời.

## SẮC-LỆNH :

Điều độc-nhất. Nay ấn định thành-phần Chánh-Phủ Lâm-Thời như sau :

Thủ-Tướng Chánh-Phủ	}	Ô. NGUYỄN-NGỌC-THƠ
kiêm Tổng-Trưởng Bộ Kinh-Tề		
và Tổng-Trưởng Bộ Tài-Chánh	:	Trung-Tướng TRẦN-VĂN-ĐỒN
Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Phòng	:	Trung-Tướng TÔN-THẬT-ĐÌNH
Tổng-Trưởng Bộ An-Ninh	:	Ô. PHẠM-ĐĂNG-LÂM
Tổng-Trưởng Bộ Ngoại-Giao	:	Ô. NGUYỄN-VĂN-MẬU
Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp	:	Ô. PHẠM-HOÀNG-HỘ
Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục	:	Ô. TRẦN-LÊ-QUANG
Tổng-Trưởng Bộ Cải-Tiền Nông-Thôn	:	Thiếu-Tướng TRẦN-TỬ-OAI
Tổng-Trưởng Bộ Thông-Tin	:	Ô. TRẦN-NGỌC-OANH
Tổng-Trưởng Bộ Công-Chánh và Giao-Thông	:	Bác-sĩ VƯƠNG-QUANG-TRƯỜNG
Tổng-Trưởng Bộ Y-Tề	:	Ô. NGUYỄN-LÊ-GIANG
Tổng-Trưởng Bộ Lao-Động	:	Ô. NGUYỄN-HỮU-PHI
Tổng-Trưởng Bộ Thanh-Niên và Thể-Thao	:	Ô. NGUYỄN-THÀNH-CUNG
Bộ-Trưởng tại Phủ Thủ-Tướng	:	Ô. LƯU-VĂN-TÍNH
Bộ-Trưởng Bộ Tài-Chánh	:	Ô. AU-TRƯỜNG-THANH
Bộ-Trưởng Bộ Kinh-Tề	:	

Sài-gòn, ngày 4 tháng 11 năm 1963  
Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời  
NGUYỄN-NGỌC-THƠ

### 3. THÀNH-PHẦN ỦY-BAN CHẤP-HÀNH HỘI-ĐỒNG QUÂN-NHÂN CÁCH-MẠNG.

Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng vừa thông-cáo ấn-định thành-phần Ủy-Ban Chấp-Hành Hội-Đồng như sau :

Chủ-Tịch	:	Trung-Tướng DƯƠNG-VĂN-MINH
Đệ nhất Phó Chủ-Tịch	:	Trung-Tướng TRẦN-VĂN-ĐỒN
Đệ nhị Phó Chủ-Tịch	:	Trung-Tướng TÔN-THẬT-ĐÌNH
Ủy-viên Kinh-tề	:	Trung-Tướng TRẦN-VĂN-MINH
Ủy-viên An-ninh	:	Trung-Tướng PHẠM-XUÂN-CHIÊU
Ủy-viên Quân-sự	:	Trung-Tướng TRẦN-THIỆN-KHIÊM
Ủy-viên Chánh-trị	:	Thiếu-Tướng ĐỖ-MẬU
Tổng-Thơ-ký kiêm	:	
Ủy-viên Ngoại-giao	:	Trung-Tướng LÊ-VĂN-KIM

Ủy-viên	:	Trung-Tướng MAI-HỮU-XUÂN
Ủy-viên	:	Trung-Tướng LÊ-VĂN-NGHIÊM
Ủy-viên	:	Thiếu-Tướng NGUYỄN-VĂN-THIỆU
Ủy-viên	:	Thiếu-Tướng NGUYỄN-HỮU-CỐ

Sài-gòn, ngày 5 tháng 11 năm 1963  
Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng  
Trung-Tướng DƯƠNG-VĂN-MINH

### 4. SẮC-LỆNH THIẾT-LẬP HỘI-ĐỒNG NHÂN-SĨ.

Ngày 6-11-1963, Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng đã ban hành Sắc-Lệnh thiết-lập Hội-Đồng Nhân-Sĩ, nguyên-văn như sau :

#### HỘI-ĐỒNG QUÂN-NHÂN CÁCH-MẠNG

Chiều Quyết-Nghị ngày 1 tháng 11 năm 1963 của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng tạm ngưng áp-dụng Hiến-Pháp ngày 26 tháng 10 năm 1956 và giải-tán Quốc-hội ;

Chiều Hiến-Uớc tạm-thời số 1 ngày 4 tháng 11 năm 1963 ;

## SẮC-LỆNH :

Điều 1. Nay thiết-lập một cơ-quan mệnh-danh là "Hội-Đồng Nhân-Sĩ" có tánh-cách tư-vấn để giúp Chánh-Phủ Lâm-Thời thực-hiện đường lối Cách-Mạng hợp với nguyện-vọng của toàn-dân.

Điều 2. Hội-Đồng nói trên gồm một số nhân-sĩ sẽ ấn-định sau được chọn lựa trong các giới tiêu-biểu cho mọi xu-hướng quốc-gia và hoạt-động nghề-nghiệp.

Điều 3. Hội-đồng Nhân-sĩ sẽ do Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng ấn-định theo đề-nghị của Chính-phủ Lâm-Thời.

Điều 4. Hội-đồng Nhân-sĩ sẽ được tham-khảo ý-kiến về các vấn-đề liên-quan đến chế-độ tư-sản, các quyền-tự-do căn-bản.

Ngoài ra, Chánh-Phủ Lâm-Thời có thể tham-khảo ý-kiến của Hội-đồng Nhân-Sĩ về các vấn-đề mà Chánh-Phủ xét thấy cần, và ngược lại Hội-đồng Nhân-sĩ cũng có thể phát-biểu ý-kiến và đưa đề-nghị xây-dựng.

Điều 5. Thủ-Tướng Chánh-Phủ lãnh nhiệm-vụ thi-hành sắc lệnh này.

Sài-gòn, ngày 6 tháng 11 năm 1963  
Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng  
Trung-Tướng DƯƠNG-VĂN-MINH



## 5. SẮC-LỆNH ẨM-ĐỊNH QUY-CHẾ HỘI-ĐỒNG NHÂN-SĨ.

Trung-Tướng DƯƠNG-VĂN-MINH, Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng đã ký ngày 22-11 63 Sắc-Lệnh ẨM-ĐỊNH QUY-CHẾ HỘI-ĐỒNG NHÂN-SĨ.

Sau đây là bản-văn của Sắc-Lệnh :

Điều 1. Quy-chế Hội-Đồng Nhân-Sĩ được ẨM-ĐỊNH do các điều-khoản sau đây :

## CHƯƠNG I

## Thẩm-quyền

Điều 2. Thẩm-quyền Hội-Đồng Nhân-Sĩ đã được ẨM-ĐỊNH nơi Sắc-Lệnh số 2-HĐQN ngày 6 tháng 11 năm 1963 của Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng.

## CHƯƠNG II

## Tổ-chức

Điều 3. Hội-Đồng Nhân-Sĩ gồm có từ 40 đến 80 Hội-viên, lựa chọn trong các giới tiêu-biểu cho mọi xu-hướng Quốc-gia, và hoạt-động nghề-nghiệp. Các nhân-sĩ sẽ được Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng mời tham-dự.

Điều 4. Không thể truy-tỏ, tẩm-nã, bắt giam hay kết án một Hội-viên vì những lời nói hay vì những sự biểu-quyết tại Hội-Đồng hoặc tại các Ủy-Ban của Hội-Đồng.

Trong nhiệm-kỳ, Hội-viên không thể bị truy-tỏ, tẩm-nã, bắt giam hay xét xử, về trọng-tội hoặc khinh-tội nếu không có sự tham-khảo ý-kiến của Hội-Đồng Nhân-Sĩ, ngoại trừ trường-hợp phản-quốc, xâm-phạm an-ninh Quốc-Gia, hoặc đương trường phạm-pháp.

Điều 5. Hội-viên không hưởng lương-bổng. Mọi khoản phụ-cấp dành cho Hội-viên sẽ do Thủ-Tướng Chánh-Phủ ẨM-ĐỊNH, chiếu đề-nghị của Hội-Đồng Nhân-Sĩ và sau khi có sự thỏa-hiệp của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng.

Điều 6. Nhiệm-kỳ của Hội-Đồng Nhân-Sĩ sẽ chấm-dứt sau khi có Quốc-Hội Lập-pháp dân cử.

Điều 7. Trong phiên họp đầu tiên khóa thường-lệ thứ nhất, Hội-Đồng bầu : một Chủ-Tịch, hai Phó Chủ-Tịch, một Tổng-Thư-Ký và ba Ủy-viên. Các vị này họp thành Văn-Phòng Hội-Đồng.

Điều 8. Hội-Đồng có thể lập các Ủy-Ban Thường-Trực để nghiên-cứu những vấn-đề ẨM-ĐỊNH.

Hội-Đồng sẽ ẨM-ĐỊNH thành-phần và thẩm-quyền của các Ủy-Ban.

Điều 9. Hội-viên có thể bị giải-chức và Hội-Đồng có thể bị giải-tán bằng Nghị-Định của Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng :

— chiếu biểu-quyết của 2/3 tổng-số Hội-Viên.

— hoặc do đề-nghị của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời

Tùy trường-hợp, sẽ chỉ-định một Hội-viên thay thế hay lập một Hội-Đồng khác.

## CHƯƠNG III

## Điều-hành

Điều 10. Hội-Đồng họp những khóa thường-lệ vào các tháng Giêng, Tư, Bảy và Mười dương-lịch.

Mỗi khóa bắt đầu ngày thứ Hai đầu tiên trong các tháng kể trên và không lâu quá ba mươi (30) ngày.

Giữa hai khóa họp, Văn-Phòng Hội-Đồng sẽ đại-diện cho Hội-Đồng.

Điều 11. Hội-đồng có thể được triệu-tập họp khóa bất-thường, do sự yêu-cầu của Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng, hoặc của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời, hoặc của 2/3 tổng-số Hội-viên Hội-Đồng. Mỗi khóa họp bất-thường không quá mười lăm (15) ngày.

Trong trường-hợp Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng hay Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời yêu-cầu triệu-tập, chương-trình nghị-sự khóa họp bất thường sẽ do các Vị này ẨM-ĐỊNH.

Trong trường-hợp Hội-viên yêu-cầu triệu-tập, chương-trình nghị-sự khóa họp bất thường sẽ do Văn-Phòng Hội-Đồng ẨM-ĐỊNH, sau khi liên-lạc với Thủ-Tướng Phủ và được sự thỏa-thuận của Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng.

Điều 12. Hội-Đồng họp và biểu-quyết hợp-lệ nếu có sự hiện-diện của quá bán tổng-số Hội-viên.

Nếu phiên họp đầu tiên không đủ số nói trên, hai mươi bốn (24) giờ sau, Hội-Đồng có thể họp và biểu-quyết hợp-lệ, bất-luận số Hội-viên hiện-diện là bao nhiêu.

Điều 13. Hội-Đồng biểu-quyết theo đa-số tương-đối.

Trong trường-hợp đồng-phiếu, Chủ-Tịch sẽ biểu-quyết và phiếu của Chủ-Tịch có tính-cách tài-quyết.

Hội-viên không thể ủy-quyền biểu-quyết.

Điều 14. Hội-Đồng soạn-thảo nội-quy và chuyên-đến Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời để duyệt y.

*Điều 15.* Các phiên họp của Hội-Đồng và của các Ủy-Ban không công-khai. Tuy nhiên, nếu xét cần, Văn-Phòng Hội-Đồng có thể tổ-chức một số phiên họp công-khai trong mỗi khóa, với sự thỏa thuận của Thủ-tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời.

Các Tổng-Trưởng và Bộ-Trưởng liên-hệ được quyền tham-dự, thảo-luận tại các Ủy-Ban của Hội-Đồng, nhưng không có quyền biểu-quyết.

Các Tổng-Trưởng và Bộ-Trưởng được quyền dự-thính các phiên họp của Hội-Đồng. Đối với những vấn-đề thuộc thẩm-quyền của mình, Tổng-Trưởng hay Bộ-Trưởng sở-quan (hoặc đại-diện) có thể yêu-cầu được phát-biểu ý-kiến trước khi Hội-Đồng biểu-quyết.

Các công-chức điều-khiển các cơ-quan liên-hệ hoặc nhân-sĩ am-hiểu vấn-đề thảo-luận, có thể được mời tham-dự phiên họp các Ủy-Ban để được hỏi ý-kiến, nhưng không có quyền biểu-quyết. Trong trường-hợp này, các câu hỏi phải được gửi trước để kịp sửa-soạn hồ-sơ.

*Điều 16.* Hội-Đồng chỉ thảo-luận và biểu quyết các vấn-đề đã ghi vào chương-trình nghị-sự.

*Điều 17.* Biên-bản các phiên họp do Chủ-Tịch duyệt ký sẽ được chuyển đến Văn-Phòng Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và Văn-Phòng Thủ-Tướng, trong thời-hạn không quá năm (5) ngày tròn.

*Điều 18.* Hội-Đồng có một Tổng-Quản-Lý do Thủ-Tướng Chánh-Phủ bổ-nhiệm, để phụ-trách công việc Văn-Phòng và điều-khiển các cơ-sở hành-chánh của Hội-Đồng.

Chi-phi điều-hành Hội-Đồng Nhân-Sĩ do Ngân-sách Quốc-gia đài-tho.

*Điều 19.* Nếu xét cần, thể-thức thi-hành Sắc-Lệnh này sẽ được ấn-định sau bằng Nghị-định của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời.

*Điều 20.* Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời lãnh nhiệm-vụ thi-hành Sắc-Lệnh này.

## 6. THÔNG-CÁO CỦA CHÁNH-PHỦ LÂM-THỜI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA NHÂN DỊP TỔNG-THỐNG KENNEDY TỪ-TRẦN.

Trong một bản thông-cáo công-bổ sau khi được tin Tổng-Thống Ken-nedy (Kennedy) từ-trần (22-11-63), Chánh-Phủ Lâm-Thời Việt-Nam tuyên-bổ "*sự từ-trần của Tổng-Thống là một sự thiệt-hại lớn-lao cho nhân-loại*".

Bản thông-cáo nói tiếp: "Nhân-dân Việt-Nam sẽ chẳng bao giờ quên được là chính trong nhiệm-kỳ của Tổng-Thống Kennedy mà Việt-Nam đã nhận được của Hoa-Kỳ một cuộc viện-trợ đặc-biệt để bảo-vệ độc-lập và tự-do".

Sau đây là bản dịch nguyên-văn bản thông-cáo:

"Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và Chánh-Phủ Lâm-Thời Việt-Nam Cộng-Hòa đã vô-cùng kinh-ngạc và đau-đớn khi nhận được tin thăm-thương về vụ ám-sát đã làm thiệt-mạng Tổng-Thống John F. Kennedy.

"Với một lòng dưng-cảm vô song, một trí sáng-suốt phi-thường, và một ý-thức sâu-xa về những trách-nhiệm của Người, chẳng những đối với nhân-dân Mỹ mà còn đối với Thế-giới Tự-do, Tổng-Thống John F. Kennedy cho tới khi từ-trần một cách bi-thảm vẫn luôn-luôn là một chiến-sĩ hăng-hái bênh-vực những quyền-lợi bất-khả xâm-phạm của con người và của các dân-tộc chống áp-bức và nghèo khổ.

"Sự từ-trần của Tổng-Thống là một sự thiệt-hại vô cùng lớn-lao cho nhân-loại, trong lúc này hơn lúc nào hết, đang cần những người quả-cảm và trung-thành với lý-tưởng Tự-do, Công-bằng và Hòa-bình, như Tổng-Thống

"Nhân-dân Việt-Nam sẽ chẳng bao giờ quên rằng chính trong nhiệm-kỳ của Tổng-Thống mà Việt-Nam đã nhận được của Hoa-Kỳ một cuộc viện-trợ đặc-biệt đã giúp cho Việt-Nam đổi-phó một cách thắng-lợi với nạn xâm-lăng và phá-hoại của Cộng-sản, hầu bảo-vệ độc-lập và tự-do.

"Hình-ảnh của Tổng-Thống sẽ sống mãi trong tim của toàn-thê người Việt đang chia xẻ niềm đau-đớn với nhân-dân Mỹ".

## 7. TRUNG-TƯỚNG QUYỀN TỔNG THAM-MURU-TRƯỜNG QUÂN-ĐỘI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA VIẾNG THÀNH CỘNG-HÒA.

Hỏi 8 giờ 30 sáng ngày 4-11-63, Trung-Tướng Trần-Văn-Đôn, quyền Tổng Tham-muru-Trường Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa đã tới viếng thăm thành Cộng-Hòa và gắn huy-chương anh-dũng cho các chiến-sĩ thuộc Tiểu-đoàn 6 Nhảy-dù và các chiến-sĩ thuộc các lực-lượng đã tham-gia cuộc chiến-đau ngày cách-mạng bùng nổ.

Dọc theo thành Cộng-Hòa về phía bên phải, các chiến-sĩ thuộc Tiểu-đoàn 6 Nhảy-dù, Liên-đoàn Khóa-gình thuộc Trung-tâm Huấn-luyện Vạn-Kiếp và 3 Chi-đoàn Thiệt-giáp cùng chiến-xa đã nghiêm-chỉnh dàn hàng chào. Về phía bên trái, hàng vạn nam nữ sinh-viên học-sinh thuộc các trường Trung-học và Đại-học Thủ-đô đứng chật-ních trên lễ đường để hoan-hô các chiến-sĩ cách-mạng.

Khi Trung-tướng quyền Tổng Tham-muru-Trường tới, tiếng hoan-hô của nam nữ sinh-viên nổi dậy vang rền-át hết cả tiếng động-cơ xe và tiếng hô chào của cấp chi-huy, các lực-lượng dàn chào Trung-Tướng.

Sau khi duyệt qua các đơn-vị, Trung-Tướng vừa trở về hàng ghế danh dự thì hàng ngàn nam nữ sinh-viên, học-sinh đã ùa vào, lần át cả ban trật-tự và

bao vây chặt lấy Trung-Tướng, rồi nhiều vòng-hoa chiến-thắng đã do sinh-viên quàng lên cổ Trung-Tướng. Một trận mưa hoa của các nam nữ sinh-viên học-sinh đứng bên ngoài tung vào đó rợp nơi Trung-Tướng đang được anh em sinh-viên công-kênh.

15 phút sau, hàng rào sinh-viên học-sinh mới tạm dãn ra để Trung-Tướng gán huy-chương cho các chiến-sĩ có chiến-công. Lòng mến-yêu nồng-nhiệt mà toàn-thể anh chị em sinh-viên, học-sinh đã dành cho Trung-Tướng quyền Tổng Tham-mưu-Trưởng trong buổi lễ gán huy-chương cho các chiến-sĩ tại thành Cộng-Hòa đã chứng-tỏ tinh-thần cách-mạng cao-độ của toàn-dân và quân ta.

#### 8. PHÁI-ĐOÀN QUÂN-DÂN-CHÍNH ỦY-LẠO CÁC CHIẾN-SĨ CÁCH-MẠNG TẠI TỔNG-Y-VIÊN CỘNG-HÒA.

Hối 15 giờ 30 ngày 3-11-63, một phái-đoàn Quân-Dân-Chính và đại-diện các tôn-giáo gồm có một Linh-mục, một Thượng-tọa, một Mục-sư và rất đông các nam nữ sinh-viên y-khoa, đại-học và các trường Trung-học tại Đô-thành cùng với nhiều sĩ-quan, hạ-sĩ-quan và binh-sĩ do Trung-tướng Nguyễn-Ngọc-Lễ, đại-diện Hội-đồng Quân-nhân Cách-mạng đã tới Tổng-Y-Viện Cộng-hòa tặng quà và ủy-lạo các chiến-sĩ bị thương trong cuộc chiến-đầu, đêm cách-mạng bùng nổ.

Phái-đoàn đã lần lượt đến thăm hồi từng chiến-sĩ và trong dịp này, Trung-Tướng Nguyễn-Ngọc-Lễ đã nhân-danh Hội-đồng Quân-Nhân Cách-Mạng gán 'Anh-đứng bệi-tinh' và 'Chiến-thương bệi-tinh' cho các chiến-sĩ này.

Phái-đoàn đã trở về Sài-gòn hồi 7 giờ chiều.

#### 9. HỘI-ĐỒNG QUÂN-NHÂN CÁCH-MẠNG CẢM ƠN CÁC TƯ-NHÂN VÀ ĐOÀN-THỂ TRONG NƯỚC VÀ NGOẠI-QUỐC.

Hội-đồng Quân-Nhân Cách-Mạng thông-cáo :

"Trong mấy ngày vừa qua, Hội-đồng Quân-Nhân Cách-Mạng đã nhận được rất nhiều thư-từ, điện-tín, kiến-nghị của các đoàn-thể, tư-nhân Việt-Nam và Ngoại-quốc từ khắp nơi gửi về chào mừng Cách-Mạng thành công và nhiệt-liệt hưởng-ứng cuộc Cách-Mạng.

"Nhân-danh Chủ-Tịch Hội-đồng Quân-Nhân Cách-Mạng, tôi chân-thành và nồng-nhiệt cảm-tạ toàn-thể đồng-bào trong nước và ngoài nước, nhất là các đoàn-thể và kiều-bào hiện cư-ngụ ở các nước Mỹ, Anh, Pháp, Ý, Thụy-Si, Nhật-Bản, Thái-Lan, Cao-Miên, Ai-Lao, Đại-Hàn về cảm-tình nồng-hậu ấy.

Hội-đồng Quân-Nhân Cách-Mạng Việt-Nam đặc-biệt cảm ơn các đoàn-thể và tư-nhân ngoại-quốc từ khắp các nơi trên thế-giới đã đánh điện về chúc mừng và bày tỏ cảm-tình với Cách-Mạng Việt-Nam.

Chủ-Tịch Hội-đồng Quân-Nhân Cách-Mạng  
Trung-Tướng DƯƠNG-VĂN-MINH

#### 10. HỘI-ĐỒNG NỘI-CÁC NHÓM HỢP LẦN ĐẦU TIÊN TẠI DINH ĐIÊN-HỒNG.

Hội-đồng Nội-Các đã nhóm họp lần đầu tiên sáng 12-11-63 hồi 9 giờ tại Dinh Diên-Hồng dưới sự chủ-tọa của ông Nguyễn-Ngọc-Thơ, Thủ-Tướng kiêm Tổng-Trưởng Bộ Kinh-Tê và Tổng-Trưởng Bộ Tài-Chánh.

Hội-đồng Nội-Các đã có những quyết-định như sau :

- Bãi bỏ thể-thức cấp ba toa đề mua thuốc trụ-sinh ;
- Việc gửi tiền cho sinh-viên du-học ngoại-quốc không phải chịu thuế đảm-phụ 5/7 như trước ;
- Báo chí được tự-do lưu-hành, v.v...

Buổi họp đã bế-mạc vào quãng 14 giờ chiều.

#### 11. HAI MƯƠI MỘT QUỐC-GIA ĐÃ THỪA-NHẬN TÂN CHÍNH-PHỦ VIỆT-NAM.

Bộ Ngoại-giao vừa cho biết rằng thêm 4 quốc-gia nữa là Do-Thái, Đan-Mạch, Hi-Lạp và Thổ-nhì-Kỳ, đã thừa nhận Tân Chính-Phủ Lâm-Thời Việt-Nam.

Mặt khác, Ấn-Độ và Miên-Điện cũng đã cho biết rằng hai nước ấy muốn duy-trì tình giao-hảo với tân Chính-Phủ Việt-Nam.

Kể cả hai nước này, tính đến ngày 13-11-1963, tổng-cộng đã có hai mươi một quốc-gia thừa nhận Tân Chính-Phủ Việt-Nam.

#### 12. CUỘC BANG GIAO GIỮA TÂN CHÁNH-PHỦ VIỆT-NAM VỚI NGOẠI-QUỐC.

Chánh-Phủ Lâm-Thời Việt-Nam đang quan-tâm đến việc bình-thường hóa những mối bang-giao giữa Việt-Nam với ngoại-quốc. Trong một văn-thư gửi cho các tòa đại-diện ngoại-giao, nhất là các tòa đại-sứ Hoa-Kỳ, Pháp và Anh-Quốc ở Sài-gòn, Ông Phạm-Đặng-Lâm, Tân Tổng-Trưởng Bộ Ngoại-giao Việt-Nam đã loan-báo việc Hội-đồng Quân-Nhân Cách-Mạng chấp-chánh, cũng như việc truất-phê Ngô-Đình-Điện và việc thành-lập một Chánh-Phủ Lâm-Thời đặt dưới quyền lãnh-đạo của ông Nguyễn-Ngọc-Thơ.

Ông Tổng-Trưởng Bộ Ngoại-giao Việt-Nam cũng đã nhắc lại những điểm chính trong đường lối đối-ngoại của Tân Chánh-phủ Việt-Nam, nhất là điểm Việt-Nam Cộng-Hòa vẫn ở trong Thê-giới Tự-do, và mong muốn những mối bang-giao giữa Việt-Nam và các nước có đại-diện tại Sài-gòn sẽ được duy-trì và tăng-cường.

Cuối cùng, Việt-Nam Cộng-Hòa xác-nhận sẽ tôn-trọng tất cả những thỏa-hiệp và hiệp-ước ký-kết từ trước đến nay.

### 13. THÔNG-CÁO CHÍNH-THỨC VỀ VIỆC BÀI BỎ SỔ BA TOA HẠN-CHÊ MUA THUỐC TRỤ-SINH VÀ MIỄN THUẾ 5/7.

Bộ Y-Tê thông-cáo :

\* Trong phiên nhóm của Hội-Đồng Chánh-Phủ ngày 12-11-63, sau khi Hội-Đồng nghe phúc-trình của ông Tổng-Trưởng Bộ Y-Tê về cái lợi và cái hại của sổ ba toa hạn-chê sự mua thuốc trụ-sinh, và để giúp đỡ phần nào dân-chúng ít tiền có thể mua thuốc trụ-sinh mà khỏi phải có toa thuốc của Bác-sĩ hoặc của cơ-quan Y-Tê,

Hội-Đồng Chánh-Phủ quyết-định kể từ ngày ký thông-cáo này sẽ bãi bỏ sổ ba toa.

\* Thê theo quyết-định của Hội-Đồng Chánh-Phủ trong phiên họp ngày 12 tháng 11 năm 1963, Viện Hồi-Đoái trân-trọng thông-cáo cho quý-vị Phụ-huynh sinh-viên rõ :

Kể từ tháng 11 năm 1963 (thuộc niên-học 1963-1964), các nghiệp-vụ chuyển-ngân sinh-viên được cấp sổ chuyển-ngân trên thị-trường chánh-thức, sẽ được miễn thuế 5/7.

Hội-Đồng Chánh-Phủ cũng quyết-định chấp-thuận nguyên-tắc cho phép các sổ chuyển-ngân thuộc niên-khóa 1962-1963 được có giá-trị thêm từ ngày 1 tháng 10 năm 1963 đến 31 tháng 12 năm 1963, nếu sinh-viên còn tiếp-tục việc học.

Vậy yêu-cầu quý-vị Phụ-huynh sinh-viên liên-lạc với các Ngân-hàng Trung-gian và Viện Hồi-Đoái để thực-hiện sự chuyển-ngân thuộc đệ-tứ tam-cá-nguyệt 1963.

### 14. ÔNG TÂN TÔNG-TRƯỞNG QUỐC-GIA GIÁO-DỤC VIẾNG HẢI TRƯỜNG NỮ TRUNG-HỌC TRUNG-VƯƠNG VÀ GIA-LONG.

Sáng 7-11-63, ông Phạm-Hoàng-Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo dục, đã đến viếng hai trường Nữ Trung-học Trưng-Vương và Gia-Long tại Đô-Thành. Cùng đi với Ông Tổng-Trưởng, có các ông Trần-Bá-Chức, Đồng-lý Văn-Phòng, Đỗ-Bá-Khê, Chánh văn-phòng Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Nguyễn-Đình-Phú, Giám-độc Nha Trung-học.

Các nữ-sinh Trưng-Vương đã nhiệt-liệt hoan-nghênh ông Tổng-Trưởng khi ông ngỏ lời kêu gọi các học-sinh nên tôn-trọng kỷ-luật, tránh mọi hành-động quá-khích có thể phương-hại đến công-cuộc cách-mạng của toàn-dân. Ông cho rằng một chế-độ dân-chủ thật-sự chỉ có thể thực-hiện trong một xã-hội an-ninh và trật-tự. Và ông tin rằng với tinh-thần truyền-thống đoàn-kết, vị-tha, quân-tử và bác-ái hằng có của dân-tộc Việt-Nam, công-cuộc xây-dựng một tương-lai xán-lạn của toàn-dân sẽ thành-công trong công-bằng và bình-đẳng.

Các giáo-sư, cùng hai nữ-sinh đã bị bắt trong các cuộc lộn-xộn vừa qua dưới chánh-phủ cũ đã được bà Nguyễn-Thị-Phú, Hiệu-trưởng Trường Nữ Trưng-Học Trưng-Vương giới-thiệu với ông Tổng-Trưởng trước khi ông sang thăm Trường Gia-Long.

Tại trường Nữ Trưng-học Gia-Long, các nữ-sinh đã dành cho ông Tân Tông-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục một sự đón tiếp hết sức nồng-nhiệt. Ban trật-tự và ban tiếp-tân đã tỏ ra bắt-lực trước sự hân-hoan hồn-nhiên của các em.

### 15. ÔNG TÔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC VIẾNG HẢI TRƯỜNG TRUNG-HỌC KỸ-THUẬT CAO-THẮNG VÀ NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ.

Chiều 7-11-63, ông Phạm-Hoàng-Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục, đã đến viếng hai trường Trung-học Kỹ-thuật tại Đô-thành là Trường Cao-Thắng và Trường Nguyễn-trường-Tộ.

Nhân dịp này, ông khen ngợi các học-sinh đã sát cánh tham-gia cùng các Chiến-sĩ trong công-cuộc Cách-mạng giành tự-do dân-chủ vừa qua và kêu gọi các em bình-tĩnh để tham-gia việc xây-dựng một xã-hội mới trong công-bằng và bình-đẳng, ông nhắc-nhủ học-sinh chớ quá bóng-bột sau khi Cách-mạng thành công, nên tránh những hành-động quá-khích có phương-hại đến sự an-ninh chung do các phần-tử phá-hoại, phản cách-mạng xúi-giục và lợi-dụng sự nông-nổi và nhẹ dạ của tuổi trẻ. Sau cùng, ông khuyên-cáo các học-sinh nên hành-động đứng-đắn, quân-tử, hợp theo truyền-thống gia-giáo của dân-tộc Việt-Nam.

Tại hai trường Trung-học Kỹ-thuật, các học-sinh đã hoan-nghênh nhiệt-liệt ông Tổng-Trưởng. Một đại-diện học-sinh Cao-Thắng đã cảm ơn những lời chỉ-giáo của ông Tổng-Trưởng mà các em đã và sẽ noi theo và hứa sẽ quên những hành-động lỗi-lầm đã qua của những kẻ lạc đường, sau khi tỏ-cáo hành-động dă-man của chế-độ cũ trong giới học-sinh. Toàn-thê học-sinh nguyện tích-cực tham-gia xây-dựng tương-lai cho xứ-sở sau khi tỏ bày nguyện-vọng của giới học-sinh cùng ông Tổng-Trưởng.

Cùng đi với ông Tổng-Trưởng, có các ông Trần-bá-Chức, Đồng-lý Văn-Phòng, Đỗ-bá-Khê, Chánh Văn-phòng và Nguyễn-Được, Giám-Độc Nha Kỹ-thuật Học-vụ.

## 16. ÔNG TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIAO-DỤC VIÊNG TRƯỜNG TRUNG-HỌC TRƯƠNG-VĨNH-KÝ VÀ CHU-VĂN-AN.

Tiếp-tục chương-trình viêng thăm các trường tại Đô-Thành, ông Phạm-Hoàng-Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, đã đến viêng sáng 8-11-63, 2 trường Trung-học Trương-Vĩnh-Ký và Chu-Văn-An.

Đầu đầu, ông đều được giới học-sinh hoan-nghênh nhiệt-liệt. Trong các cuộc viêng thăm này, ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, sau khi ngợi khen các học-sinh đã chung sức tranh-đấu cùng Dân, Quân trong cuộc Cách-Mạng vừa qua, kêu gọi các học-sinh hãy tiếp-tục góp sức tô điếm trang sử đẹp ấy trong sự an-ninh và công-bằng. Ông cho rằng con đường đi đến tự-do dân-chủ thật sự còn dài và còn nhiều trở-ngại và muốn đạt mục-tiêu ấy, toàn-dân và nhất là giới học-sinh phải đoàn-kết và tôn-trọng kỷ-luật. Ông nhấn mạnh rằng mọi hành-động quá-khích hoặc các cử-chỉ bông-bột thiêu suy-nghi đều phương-hại đến cuộc Cách-Mạng của toàn-thể nhân-dân và làm trở-ngại bước đường thành-công.

Sau cùng, ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã nhấn-nhủ học-sinh nên bình-tĩnh nhận-định vai trò của mình, không nên nhẹ dạ để cho các phần-tử phá-hoại lợi-dụng trong giai-đoạn lịch-sử và khó-khăn mà nước nhà đang phải trải qua.

Các em học-sinh các trường nói trên đều nguyện góp sức cùng toàn-dân để xây-dựng tương-lai trong nền-tảng tự-do và dân-chủ và cam-kết tôn-trọng kỷ-luật cùng cố-gắng trong sự học-hành để làm trọn bổn-phận công-dân.

## 17. ÔNG TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC TIẾP CÁC ĐẠI-DIỆN PHỤ-HUYNH HỌC-SINH, GIÁO-SƯ VÀ SINH-VIÊN.

Hôm 11-11-63, ông Phạm-Hoàng-Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, đã hội-kiện với các phái-đoàn đại-diện Viện Đại-học Huế, phụ-huynh học-sinh, giáo-sư, sinh-viên và học-sinh của nhiều trường học tại Đô-Thành Sài-gòn.

Trong các cuộc tiếp-xúc này, ông Tổng-Trưởng đã thăm dò ý-kiến của các giới và bàn-luận với các đại-diện về sinh-hoạt tại các trường Đại-học, Cao-đẳng và Trung-học.

## 18. ÔNG TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC KÊU GỌI SINH-VIÊN VÀ HỌC-SINH TOÀN-QUỐC.

Ngày 23-11-63, trên Đài Phát-Thanh Sài-gòn, ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã khuyên-cáo các học-sinh toàn-Quốc "hãy noi gương các bạn đàn anh sinh-viên, và kể từ nay, phải chấm dứt mọi sự xáo-trộn trong trường. Giai-đoạn bông-bột đã qua, giờ đến lúc ta trở lại làm việc trong trật-tự, theo luật-

lệ, trọng công-lý. Tôi sẽ ra chỉ-thị cho các trường thành-lập một bên là tổ-chức học-sinh để hoạt-động về văn-hóa và thể-dục, đồng-thời phát-biểu nguyện-vọng của các em, một bên là hội phụ-huynh và giáo-sư. Hội này sẽ gồm các phụ-huynh và giáo-sư có uy-tín để nghiên-cứu các ý-kiến và đề-nghị của các em hầu chuyên lên Nha hoặc Bộ cứu-xét".

Nguyên-văn những lời thân-mật của ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục gửi anh chị em sinh-viên và học-sinh toàn-Quốc như sau :

\* « Các bạn sinh-viên và học-sinh thân mến,

« Trước hết tôi xin ngõ lời cùng anh chị em sinh-viên. Tôi thành thật tỏ niềm hân-hoan của tôi trước thái-độ thức-thời của anh chị em. Các anh chị em đã tiếp-tục học-tập trong vòng trật-tự, hiểu rõ rằng đó là quyền-lợi và phận-sự của mình. Nhờ vậy, chúng tôi có thể giải-quyết cho anh chị em nhiều vấn-đề một cách mau chóng ; tôi tin rằng anh chị em đã thỏa-mãn.

« Riêng về kết-quả kỳ thi vào năm Dự-bị Y-Nha-khoa tại Sài-gòn, hai vị Chủ-Tịch Hội-đồng Giám-khảo đã chấp-thuận một trong 3 giải-pháp do chính anh em sinh-viên đề-nghị. Giải-pháp ấy dung-hòa được 2 nhu-cầu cấp bách là : tranh-thả thời-gian và sự công-bằng trong việc tuyển chọn. Nhận thấy rằng không thể cho thi lại vì việc ấy đòi hỏi ít nhất một tháng tổ-chức ; hơn nữa, điểm-số trung-bình của các bài kia là bao, Hội-đồng đã đồng-ý dựa vào điểm trung-bình để xem xét.

« Ngoài ra, anh chị em sinh-viên đã bầu xong Ban Thường-vụ của các Phân-khoa và trường Cao-đẳng.

« Tôi hy-vọng rằng gương kỷ-luật của anh chị em sẽ được các anh chị em noi khác và các em học-sinh noi theo.

« Còn riêng về các em học-sinh, tôi rất tiếc phải cho các em biết rằng tôi không thể để một số trường ở mãi trong tình-trạng hỗn-độn như hiện nay. Trong hai tuần qua, tôi đã tìm hiểu và cố-gắng thỏa-mãn những nguyện-vọng chánh-đáng của các em. Song, ở trường học luồng gió cách-mạng chân-chánh cần-thiết đã qua, nay nhường lại cho một phong-trào mà trong đó các em thường chỉ là phần-tử bị lợi-dụng. Tôi có nhiều bằng-chứng rõ-rệt, ngoài việc xúi-giục của Cộng-sản để duy-trì tình-trạng bất-an hiện nay hầu cản ngăn mọi công-tác xây-dựng của chúng ta, nhiều kẻ khác lợi-dụng các em để trả tư-thù nhỏ mọn hoặc để phục-vụ quyền-lợi cá-nhân. Tại nhiều nơi, các vụ lộn-xộn đã làm thiệt-hại tài-sản công-cộng và tư-nhân không ít. Các việc ấy chỉ làm tổn-thương danh-dự của nhiều giáo-sư.

« Vì vậy mà các cuộc biểu-tình, bãi-khóa trước đây là một tâm gương can đảm, nay không còn tánh-cách ấy nữa, mà trái lại, chứng-tỏ rằng các em quá nhẹ dạ. Tôi ân-cần khuyên các em hãy noi gương các bạn đàn anh sinh-viên, và kể từ nay, phải chăm dứt mọi sự xáo-trộn trong trường. Giai-đoạn bồng-bột đã qua, giờ đến lúc ta trở lại làm việc trong trật-tự, theo luật-lệ, trọng công-lý. Tôi sẽ ra chỉ-thị cho các trường thành-lập một bên là tổ-chức học-sinh để hoạt-động về văn-hóa và thể-dục, đồng-thời phát-biểu nguyện-vọng của các em, một bên là hội phụ-huynh và giáo-sư. Hội này sẽ gồm các phụ-huynh và giáo-sư có uy-tín để nghiên-cứu các ý-kiến và đề-nghị của các em hầu chuyển lên Nha hoặc Bộ cứu-xét.

« Tôi tin chắc rằng các bậc phụ-huynh cũng như giáo-sư không bao giờ đi ngược lại quyền-lợi của con em mình.

« Trước khi dứt lời, tôi gởi đến các anh chị em sinh-viên và học-sinh lời chào xây-dựng ».

#### 19. ÔNG NGUYỄN-VĂN-TRƯƠNG TÂN TỔNG-GIÁM-ĐỐC TRUNG, TIÊU HỌC-VỤ VÀ BÌNH-DÂN HỌC-VỤ.

Lễ nhậm chức của ông Nguyễn-Văn-Trương, tân Tổng-Giám-Đốc Trung-học, Tiêu học-vụ và Bình-dân Học-vụ đã cử-hành chiều 19-11 63 tại số 9 đường Nguyễn-Bình-Khiêm, dưới sự chủ-tọa của ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

Ông Nguyễn-Văn-Trương có bằng Cử-nhân toán-học, chứng-chỉ toán-học Cao-học của Đại-học-đường Khoa-học Tu-lu-dơ (Toulouse); ông từng giữ chức Giám-đốc chương-trình Khoa-học tại Trường Đại-học Sư-Phạm Huế. Ông được cử thay thế Ông Trần-Bá-Chức, hiện nay là Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

Mặt khác, ông Bùi-Khắc-Khương, công-chức ngạch hành-chính, đã được bổ-nhiệm giữ chức Tổng Thư-ký Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, thay thế ông Lê-Văn-Thận được cử giữ chức-vụ khác.

#### 20. ÔNG LÝ-CHÁNH-TRUNG ĐƯỢC BỔ-NHIỆM GIỮ CHỨC GIÁM-ĐỐC TRUNG HỌC-VỤ.

Ông Lý-Chánh-Trung, Giảng-viên tại Trường Đại-Học Văn-Khoa Sài-gòn, đã được bổ-nhiệm giữ chức-vụ Giám-đốc Trung-học-vụ, thay thế ông Nguyễn-Đình-Phú.

Đầu bằng Cử-nhân Triết-học và Khoa Chánh-Trị và Xã-hội-học tại Đại-học đường Louvain (Bi), Ông Lý-Chánh-Trung đồng-thời cũng là Giảng-viên tại trường Đại-học Sư-Phạm Đà-Lạt.

#### 21. ƯC-ĐẠI-LỢI SẼ CẤP HUY-HIỆU CHO CÁC SINH-VIÊN DU-HỌC VÀ TỐT-NGHIỆP TẠI NƯỚC BÓ TRONG KHUÔN-KHỜ KẾ-HOẠCH COLOMBO.

Những sinh-viên Việt-Nam đã tốt-nghiệp một khóa du-học tại Úc-đại-Lợi, trong kế-hoạch Cò-lông-bô (Colombo), sẽ được Chính-phủ Úc cấp huy-hiệu, nếu họ muốn. Tòa Đại-sứ Úc-Đại-Lợi ở Việt-Nam cho biết rằng các đương-sự có thể đến Tòa Đại-sứ để xin cấp huy-hiệu đó.

Các Phái-bộ Ngoại-giao Úc-Đại-Lợi ở những nước thuộc kế-hoạch Cò-lông-bô (Colombo), đã được phép cấp-phát huy-hiệu cho các sinh-viên tốt-nghiệp tại Úc trong khuôn-khờ Kế-hoạch Colombo.

Trong tương-lai, những huy-hiệu đó sẽ cấp ngay cho các sinh-viên tại Úc, trước khi họ hồi hương. Các nữ sinh-viên sẽ được lãnh một cái trâm bằng bạc.

Những huy-hiệu nói trên làm bằng bạc, in hình bản-đồ thế-giới vùng thuộc Kế-hoạch Cò-lông-bô (Colombo), và phù-hiệu của Tổ-chức này gồm một bó đuốc và một bánh xe.

Huy-hiệu đầu tiên đã do Thượng Nghị-sĩ Goóc-ton (J. G. Gorton), Bộ-Trưởng Hải-quân, phụ-tá Ngoại-Trưởng Úc trao cho U Khine Man Chau, một sinh-viên Miền-Điện theo học ban Địa-chất-học với học-bổng của Kế-hoạch Colombo, và vừa tốt-nghiệp Đại-học đường Sydney (Úc-đại-Lợi).

Hiện nay có hơn 1.000 sinh-viên cấp học-bổng. Kế-hoạch Colombo đang du học tại Úc-đại-Lợi và tổng-số những sinh-viên có đủ điều-kiện để được cấp phù-hiệu là 4.669 người.

#### 22. NHA KỸ-THUẬT HỌC-VỤ MỞ KỶ THI ĐÁNH MÁY CHO CÁC NỮ CAN-PHẠM.

Nha Kỹ-thuật Học-vụ Bộ Quốc-gia Giáo-Dục vừa mở một kỳ thi cấp « chứng-chỉ đánh máy chữ » tại trung-tâm cải-huần Thủ-Đức dành cho các nữ can-phạm. Các nữ can-phạm này đã được theo học một khóa dạy đánh máy chữ trong ba tháng do Trung-tâm tổ-chức.

Trong số 15 nữ can-phạm dự thi, có 11 thí-sinh đã trúng tuyển và được Bộ Quốc-gia Giáo-dục cấp chứng-chỉ.

Cũng nên nhắc lại trong kỳ thi Tiêu-học vừa qua, 443 can-phạm tại 25 Trung-tâm Cải-huần đã được dự thi, và đã có 406 thí-sinh trúng tuyển.

Về kỳ thi Trung-học Đệ Nhất cấp (I và II), có 35 can-phạm dự thi thì 6 người trúng tuyển. Ba thí-sinh khác đã trúng tuyển kỳ thi Tú-Tài I trong số 7 can-phạm được dự thi.

Người ta được biết để áp-dụng đúng mức chính sách cải-huân của Chính-phủ, các Trung-tâm Cải-huân đã không ngừng hoạt-động trong việc giáo-dục, gây ý-thức cho các can-nhân trở về con đường ngay chánh, đồng thời cũng tổ-chức nhiều khóa học-tập để cho những người nào chưa biết chữ được biết chữ, người biết đọc biết viết được bổ-túc văn-hóa từ trình-độ Tiểu-học đến hết bậc Trung-học, người chưa biết nghề được học nghề, v. v. .

### 23. THI ĐÁNH MÁY CHỮ TÔ-CHỨC TẠI TRƯỜNG QUỐC-GIA THƯƠNG-MẠI SÀI-GÒN.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục sẽ mở một kỳ thi lấy Chứng-chỉ đánh máy chữ vào những ngày 10, 11 và 12-12-1963 tại Trường Quốc-gia Thương-Mại, số 2 đường Phạm-Đặng-Hung, Sài-gòn.

*Điều-kiện dự-thi.* Muốn dự-thi, thí-sinh phải :

Có quốc-tịch Việt-Nam.

Được ít nhất là 18 tuổi, tính đến ngày 31-12-1963.

Có văn-bằng Tiểu-học.

Đã học trọn một khóa đánh máy chữ tại một trường Thương-mại hay đã hành-nghề đánh máy ít nhất một năm tại các công, tư sở.

*Hồ-sơ dự-thi.* Hồ-sơ dự thi gồm có :

Đơn xin dự thi (mẫu đơn niêm-yết tại Trường).

Khai-sinh hợp-pháp.

Bản sao văn bằng Tiểu-học có hành-chánh quyền thị-thực.

Chứng-chỉ đã học trọn một khóa đánh máy chữ tại một Trường Tư-thục dạy đánh máy chữ, hoặc giấy chứng-nhận đã hành-nghề đánh máy ít nhất là một năm. Chứng-chỉ do tư-nhân cấp hay do các trường tư-thục cấp phải có Hành-chánh quyền thị-thực chữ ký.

Thí-sinh có thể mang máy nhà tới thi.

Hồ-sơ xin thi phải nộp tại Trường Quốc-Gia Thương-Mại, số 2 đường Phạm-Đặng-Hung Sài-gòn, trước ngày 30-11-1963 là hạn cuối cùng.

*Bài thi.* Bài thi gồm có :

(1) *Bài thi tốc-độ :* Đánh nguyên-văn một bài Việt-ngữ chừng 250 tiếng trong 10 phút.

(2) *Thi trình-bày :* Xếp đặt và trình bày cho đẹp và đúng cách một bài thư hoặc một phức-trình hoặc một bảng-số.

*Tiền lệ-phí.* Thí-sinh muốn dự-thi phải nộp tại Nha Kỹ-thuật Học-vụ (48 đường Phan-Đình-Phùng) một số tiền 50%00 (Năm mươi đồng bạc).

Thí-sinh ở xa có thể gửi bưu-phiếu để tên Ô. Lê-Bá-Thanh, Trung-gian Ngân-kho của Nha Kỹ-thuật Học-vụ, 48 đường Phan-Đình-Phùng, Sài-gòn.

Thí-sinh có thể đến xem số báo-danh và ngày giờ thi tại Trường Quốc-Gia Thương-Mại từ đầu từ ngày 7-12-1963.

Lúc vào thi, thí-sinh phải xuất-trình :

Tờ khai căn-cước có dán hình và có đóng dấu của Hành-chánh quyền.

Biên-lai đã nộp lệ-phí dự thi.

Muốn biết thêm chi-tiết, xin đến hỏi tại Văn-phòng Trường Quốc-gia Thương-mại.

### 24. LINH-MỤC CAO-VĂN-LUẬN ĐƯỢC BỔ-NHIỆM TRỞ LẠI VÀO CHỨC-VỤ VIỆN-TRƯỞNG VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ.

Hôm 8-11-63, Linh-mục Cao-văn-Luận được bổ-nhiệm trở lại vào chức-vụ Viện-trưởng Viện Đại-học-Huế, thay thế ông Trương-văn-Chôm.

Xin nhắc lại Linh-mục Cao-văn-Luận từng là Viện-trưởng Viện Đại-học Huế từ ngày thành lập Viện Đại-học này năm 1958 cho đến tháng 8 vừa qua.

Sinh ngày 20-12-1914 tại Hà-tĩnh, Linh-mục Cao-văn-Luận đỗ bằng Cử-nhân Văn-chương (Triết-học và Văn-chương), tốt-nghiệp Trường Ngữ-học Đông-Phương ở Ba-Lê (Ban Hán-văn) và là cựu giáo-sư Triết-học tại trường Trung-học Quốc-Học Huế.

### 25. TỪ NAY SỞ CHUYÊN-NGÂN CỦA DU HỌC-SINH SẼ DO CÁC NGÂN-HÀNG HAY TY BƯU-ĐIỆN GIAO CHO ĐƯƠNG-SỰ.

Theo một thông-cáo để ngày 19-10-63 của Hội-Đồng Chuyên-Ngân thì bắt đầu từ ngày hôm nay, sở chuyên-ngân của du học-sinh sẽ do các Ngân-Hàng hay Ty Bưu-Điện giao lại cho đương-sự.

Vậy phụ-huynh huy thân-nhân du-học-sinh tiếp-xúc với Ngân-Hàng của mình hay Ty Bưu-Điện để lãnh số chuyên-ngân, sau khi xuất-trình căn-cước và ký biên-nhận.

### 26. SINH-VIÊN LUẬT-KHOA ĐÁ BẦU XONG 9 ĐAIDIỆN.

Sáng 9-11-63, Sinh-viên Luật-khoa Đại-học đã bầu cử xong Ban đại-diện tạm-thời của trường, tại số 7 Duy-Tân, Sài-gòn.

Sau đây là danh-sách của những người đắc-cử : các ông Tô-Lai-Chánh (năm thứ ba Cử-nhân), Nguyễn-Tường-Hiệp (Cao-học), cô Trương-Thị-Nga (năm thứ ba), ông Triệu-bá-Thiệp, (Cao-học), Trần-Bích-Phong (năm thứ ba)

Trần-Bạch-Yên (năm thứ hai), Nguyễn-Hiệp (năm thứ ba) Nguyễn-Hữu-Đoàn (năm thứ hai) và Nguyễn-Thái-Vân (Cao học).

Họ sẽ đại-diện cho sinh-viên trong việc giao-thiệp với Nhà trường và nhất là để tiến tới việc thành-lập Tổng-Hội sinh-viên sắp tới.

Cuộc kiểm-phiếu có sự chứng-kiến của giáo-sư Nguyễn-Văn-Bông.

27. THẺ-THỨC MỚI VỀ VIỆC GỬI SỔ CHUYÊN-NGÂN DU HỌC-SINH.

Viện Hồi-Đoái Quốc-Gia vừa ra thông-tư sau đây cho Tổng Nha Bru-Điện và các Ngân-hàng trung-gian.

Kể từ ngày ban-hành Thông-tư này, sổ chuyên-ngân du-học-sinh, sau khi được Viện Hồi-Đoái kiểm nhận, sẽ được gửi thẳng đến các Ty Bru-Điện và các Ngân-hàng Trung-gian được thừa-nhận để được giao lại cho người gửi tiền, theo thể-thức như sau :

1. Sổ chuyên-ngân sẽ được gửi :

(a) Đến Ty Bru-Điện địa-phương nơi người gửi tiền cư-ngụ, trong trường-hợp sổ mới cấp lần đầu, hoặc sổ do người gửi tiền gửi trả Viện Hồi-Đoái sau khi sử-dụng hết niên-học.

(b) Đến Ngân-hàng Trung-gian nếu sổ được người gửi tiền ký-thác tại Ngân-hàng và do Ngân-hàng gửi trả Viện Hồi-Đoái sau khi sử-dụng hết niên-học.

2. Viện Hồi-Đoái yêu-cầu các Ty Bru-Điện và các Ngân-hàng Trung-gian :

(a) Khi nhận được sổ, báo tin cho người gửi tiền biết để đương-sự đến nhận sổ sau khi xuất-trình thẻ căn-cước và ký biên-nhận.

(b) Sau khi giao sổ, gửi biên-nhận về Viện Hồi-Đoái theo mẫu như sau :

BIÊN NHẬN

Tôi, (họ tên) . . . . . Nghề-nghiệp. . . . .  
 Địa-chỉ . . . . .  
 Căn-cước số . . . . . cấp ngày . . . . . tại . . . . .  
 Là (liên-hệ gia-đình) . . . . . của du-học-sinh . . . . .  
 Có nhận lãnh tại (Bru-Cuộc hay Ngân-Hàng) . . . . .  
 Sổ chuyên ngân số . . . . . do Viện Hồi-Đoái cấp phát . . . . .  
 (Để ngày và ký tên)

(c) Gửi sổ lại Viện Hồi-Đoái nếu không có người nhận.

28. VIỆT-NAM CHUẨN-BỊ THAM-DỰ GIẢI HỘI-HỌA NHI-ĐỒNG QUỐC-TẾ SHANKAR'S 1963.

Tại các trường trung tiêu-học công-lập và tư-thực, sắp tổ-chức những cuộc thi hội-họa nhằm mục-đích tuyển lựa những tranh vẽ có giá-trị nhất của các trẻ em dưới 16 tuổi, để tham-dự giải hội-họa nhi-đồng quốc-tế Shankar's 1963 tổ-chức tại Tân-Đê-Li, Ấn-Độ.

Những tác-phẩm dự thi phải gửi đến Nha Mỹ-thuật Học-vụ 35 đường Lê-Thánh-Tôn Sài-gòn, trước ngày 20-12-1963 để chuyển đến Ủy-ban tổ-chức giải Shankar's 1963.

Các họa-phẩm dự thi phải là những tranh vẽ nguyên-bản, mới vẽ trong năm 1963 do chính thí-sinh tự tay sáng-tác, không nhờ ai vẽ giúp.

Mỗi thí-sinh không được phép gửi quá sáu họa-phẩm. Khổ giấy vẽ nhỏ nhất là 20, 3 cm X 25, 4 cm. Thí-sinh được tự-do chọn đề-tài và chọn dụng-cụ để vẽ, ngoại trừ bút chì.

Mỗi bức tranh dự thi phải ghi-chú ở mặt sau : họ tên thí-sinh, quốc-tịch, địa-chỉ, ngày sinh và ghi rõ "nam hay nữ".

Giải hội-họa nhi-đồng Shankar's đã được tổ-chức lần thứ nhất vào năm 1949 dành riêng cho các thiếu-nhi Ấn-Độ. Qua năm sau, cuộc thi ấy trở thành cuộc thi quốc-tế và nhận 6.000 họa-phẩm của 13 nước. Từ đó, giải Shankar's rất được hoan-ngheh và đến năm 1962 đã có tới 100.000 tác-phẩm của 84 quốc-gia gửi đến dự thi.

Hàng năm Ban tổ-chức cấp hơn 400 giải thưởng, trong đó đặc-biệt có phần thưởng của Tổng-thống Ấn-Độ tặng cho giải nhất và nhiều giải-thưởng của Thủ-tướng Ấn-Độ tặng cho các nhóm xếp theo hạng tuổi.

Xin nhắc lại rằng học-sinh Việt-Nam đã chiếm được 5 giải thưởng chính (cúp bạc, chén bạc) và 10 bằng khen ngợi trong kỳ thi Shankar's 1960 và năm 1961 lại được 4 giải thưởng và 10 bằng khen ngợi. Còn cuộc thi năm 1962 thì chưa tuyên-bố kết-quả.

29. ĐỨC GIÁO-HOÀNG PHAO-LỒ VI CẦU-NGUYỆN HÒA-BÌNH VÀ ĐOÀN-KẾT Ở VIỆT-NAM.

Đức Giáo-hoàng Phao-lô VI đã tuyên-bổ hôm 1-11-63, rằng Ngài đã cầu-nguyện cho Việt-Nam "vượt qua được trận thử-thách mới và đau buồn này trong hòa-bình và đoàn-kết".

Trong một điện-văn gửi Đức Cha Nguyễn-văn-Bình, Tổng Giám-mục Sài-gòn, Đức Giáo-hoàng nói :

"Nhớ lại lời Kinh-Thánh dạy ta hãy chia sẻ đau-khổ của kẻ khác, với một tình thương như ruột thịt, chúng tôi chia sẻ nỗi đau buồn của Thượng-Đê và của nhân-dân Việt-Nam đang bị thử-thách gian-nan.



"Chúng tôi cầu-nguyện Chúa Trời cho quý-quốc được Bế Trên ban phước trong những giờ phút khó-khăn và vượt qua được trận thử-thách mới và đau buồn trong hòa-bình và đoàn-kết".

30. TRƯỜNG TRUNG-HỌC CÔNG-LẬP CHƯƠNG-THIỆN ĐƯỢC TẶNG 6 ỒNG KÍNH HIỀN-VI.

Trường Trung-học Vị-Thanh (Chương-Thiện) cho biết Sở Thông-Tin Hoa-Kỳ vừa gửi tặng trường này 6 ồng kính hiển-vi hiệu Sixty trị giá 50.000\$ mỗi ồng và 66 đơn-chất hóa-học dành riêng cho học-sinh thực-tập tại phòng thí-nghiệm của nhà trường.

Trong tháng qua, cơ-quan này cũng đã gửi tặng trường Trung-học nới trên một bộ 12 tấm bản-đồ thể-giới loại cuốn tự-động và 50 quyển sách Anh-văn trình-độ đệ-nhất-cấp.

Mặt khác, hiện nay đã có một sở si-quan cổ-văn quân-sự Mỹ tình-nguyên đến dạy Anh-ngữ và luyện giọng cho học-sinh tại trường, mỗi tuần 2 giờ vào chiều thứ Ba và chiều thứ Sáu.

31. ỦY-BAN LIÊN-PHÁI GỬI ĐIỆN-VĂN CẢM ƠN ĐỨC GIÁO-HOÀNG, TÔNG-THÔNG KENNEDY VÀ ỒNG TỔNG-THƠ-KỶ LIÊN-HIỆP-QUỐC.

Người ta được biết rằng Ủy-Ban Liên-Phái Bảo-Vệ Phật-Giáo đã gửi điện văn cảm ơn Đức Giáo-Hoàng Phao-Lô VI, Tông-Thông Hoa-kỳ Kennedy và ồng Tổng-Thơ-Kỷ Liên-Hiệp-Quốc U Thant về sự giúp-đỡ Ủy-Ban trong cuộc tranh-đấu chống « chính-sách áp-bức » của Ngô-đình-Diệm đối các Phật-giáo-đó.

Bức điện-văn gửi Đức Giáo-Hoàng đã nhắc đến sự can-thiệp của Tòa-Thánh Vatican ủng-hộ cuộc đấu-tranh của Phật-giáo; Ủy-Ban Liên-Phái cầu mong rằng cử-chỉ cao-thượng của Đức Giáo-Hoàng sẽ được các tín-đồ Thiên-Chúa-giáo ở Việt-Nam hiểu rõ trong tinh huynh-đệ giữa Thiên-Chúa-giáo và Phật-giáo.

Trong bức điện-văn gửi Tổng-Thơ-Kỷ Liên-Hiệp-Quốc, Ủy-Ban Liên-Phái cảm tạ Phái-đoàn Liên-Hiệp-Quốc qua điều-tra ở Việt-Nam.

Cuối cùng trong bức điện-văn gửi Tông-Thông Kennedy, Ủy-Ban cảm ơn Tông-Thông Hoa-kỳ đã tỏ ra quan-tâm tha-thiết đến cuộc tranh-đấu của Phật-giáo-đó ở Việt-Nam.

32. ỒNG NGUYỄN-THÀNH-CUNG, BỘ-TRƯỞNG TẠI PHỦ THỦ-TƯỚNG ĐẢ NHẠM CHỨC SÁNG 11-11-63.

Ồng Nguyễn-Thành-Cung, Bộ-Trưởng tại Phủ Thủ-Tướng, đã nhậm chức sáng 11-11-63 nhân một buổi lễ tổ-chức tại trụ-sở cũ của Bộ Tài-Chánh, đường Nguyễn-Du.

Trong buổi lễ này, có đông-đủ nhân-viên các cấp của các Nha, Sở trực-thuộc Phủ Tổng-Thông trước đây.

Ồng Nguyễn-Đình-Thuần, nguyên Bộ-Trưởng tại Phủ Tổng-Thông ngỏ lời cảm ơn và từ-giã nhân-viên, có cho biết rằng ồng từng biết tài đức của ồng tân Bộ-Trưởng từ năm 1955 và suốt thời-gian ồng giữ chức Tổng-Thư-Kỷ tại Phủ Tổng-Thông.

Đền lượt ồng Nguyễn-Thành-Cung, tân Bộ-Trưởng, tuyên-bỏ rằng ồng nhậm-chức trong một trường-hợp đặc-biệt, sau cuộc Cách-Mạng vừa qua và tỏ ý tin-tưởng rằng nhân-viên sẽ tận-tâm phục-vụ như trước nhưng với một tinh-thần Cách-mạng.

33. VĂN-PHÒNG PHỦ THỦ-TƯỚNG ĐẶT TẠI SỐ 7 ĐẠI-LỘ THÔNG-NHẤT.

Kể từ ngày 4 tháng 11 năm 1963, Văn-phòng Phủ Thủ-Tướng được đặt tại số 7, Đại-lộ Thông-Nhất Sài-gòn.

Điện-thoại : Tổng-đài : 21.584, 21.585, 21.586, 25.581, 25.582.

34. PHÁT-HÀNH LOẠI TEM THƠ "ĐỆ BÁCH CHU-NIÊN HỒNG-THẬP-TỰ QUỐC-TẾ".

Sở Bru-Điện thông-báo : Loại tem thơ "Đệ bách chu-niên Hồng-Thập-Tự Quốc-Tế" in một màu theo lối chạm nổi gồm 4 giá tiền : 0đ50 — 1đ00 — 3đ00 — 6đ00 sẽ bán tại các Bru-Cục kể từ ngày 17-11-1963.

Như thường lệ, vào ngày phát-hành đầu-tiên, Chánh Thủ-Cục Sài-gòn bán tem suốt 7 giờ 30 đến 21 giờ và dùng nhật-ân "Ngày đầu tiên" để đóng trên tem thơ vừa phát-hành, theo lời yêu-cầu của các nhà sưu-tập Bru-hoa.

35. KẾT-QUẢ CÁC KỶ THI Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI-HỌC TẠI HUẾ VÀ SÀI-GÒN.

• Thêm 25 sinh-viên trường Đại-học Văn-khoa thuộc Viện Đại-học Huế được cấp chứng-chỉ qua kỳ thi khóa hai niên-học 1962-1963. Những sinh-viên này được cấp các chứng-chỉ văn-chương Pháp, văn-hóa Pháp, Lịch-sử triết-học, Đạo-đức và Xã-hội, Văn-Chương Việt-Nam.

Trước đây đã có 110 sinh-viên thuộc hai trường Đại-học Luật-khoa và Đại-học Văn-khoa thuộc viện Đại-học Huế được cấp các chứng-chỉ qua kỳ thi khóa II niên-học 1962-1963.

Dưới đây là danh-sách 25 sinh-viên trường Đại-học Văn-khoa được cấp chứng-chỉ khóa II niên-học 1962-1963 :

*Chứng-chỉ Văn-chương Pháp* (3 người đậu) Lê-bá-Quán, Nguyễn-Thiện, Nguyễn-đình-Quốc.

*Chứng-chỉ Văn-hóa Pháp*: (6 người đậu) Nguyễn-Rô (bình thứ); Phan-thành-Chánh, Trần-thị-Gia-Định, Huỳnh-phước-Minh, Đỗ-trình-Huệ, Trần-thị-Như-Quỳnh.

*Chứng-chỉ Lịch-sử Triết-học*: (3 người đậu) Hà-thúc-Hoan, Nguyễn-đình-Niên, Bùi-quang-Du.

*Chứng-chỉ Đạo-đức và Xã-hội*: (3 người đậu) Nguyễn-nguyên-Phương (bình thứ), Lê-tu-Thành (bình thứ), Trần-thượng-Bá.

*Chứng-chỉ Văn-chương Việt-Nam*: (10 người đậu) Nguyễn-văn-Danh (bình thứ), Tôn-nữ Ngọc-Mai, Phạm-Liêu, Âu - đức - Tài, Nguyễn - anh - Tuấn, Nguyễn-khoa-Diệu-Lê, Trần-trọng-Thủy, Nguyễn-Điển, Nguyễn - văn - Dương, Trần-phước-Hải.

Mười bảy sinh-viên Trường Dược-khoa Đại-học Sài-gòn vừa mới tốt nghiệp cấp-bằng Dược-sĩ Quốc-gia, khóa ngày 5-11-1963. Dưới đây là danh-sách sinh-viên tốt-nghiệp:

Ô. Ngô-Đình-Thức, Cô Thái-Thị Minh-Tâm, Trần-Thị Thanh-Loan (Bình thứ), Ô. Lâm-Bàng, Tạ-Vân-Dương, Đoàn-Trần-Đạt, Lưu-Trọng-Hồ, Nguyễn-Phước-Lương, Cô Lưu-Nguyệt-Quang, Ô. Diệp-Hữu-Tâm, Vũ-Công-Trực, Cô Nguyễn-Thị Trinh-Tường, Trần-Thị-Tuyết, Bùi-Thị-Vân, Ô. Nguyễn-Hùng-Vỹ, Lê-Văn-Nhân, Cô Nguyễn-Kim-Phượng.

### 36. MẤY BUỔI DIỄN-THUYẾT TẠI SÀI-GÒN, ĐÀ-LẠT VÀ NHA-TRANG.

Chiều qua, tại Trung-tâm Văn-hóa Pháp, Giáo-sư Francis Perrin, Cao-ủy Nguyên-tử-lực Pháp-quốc, đã nói chuyện về "Nguyên-tử-năng phục-vụ kỹ-nghệ tại Pháp".

Diễn-giả là một giáo-sư Lý-Hóa tại Sorbonne, đã được giải thưởng Nobel năm 1926, và là giáo-sư tại 'Collège de France' từ năm 1946. Sau khi nhắc tới việc khám-phá ra hiện-tượng phân-hủy của nguyên-tử làm tỏa ra một nhiệt-lượng rất lớn, Giáo-sư đã nhấn-mạnh về việc xây cất điện-tri nguyên-tử đầu tiên trên đất Pháp, ít lâu sau khi bản-phúc-trình về việc khám-phá trên đây được công-bố.

Diễn-giả cho biết tiếp: « Sự khám-phá ấy đã giúp cho người ta biết rõ thêm về nguyên-tử. Việc phóng-thích nguyên-tử-năng được sử-dụng làm một nguồn nhiên-lực mới.

Giáo-sư Perrin sau đó nói tới vấn-đề hướng việc sử-dụng nguyên-tử-năng vào kỹ-nghệ và nhắc đến việc thành-lập Cao-Ủy-Phủ Nguyên-tử-lực tại

Pháp. Sau khi tìm ra hãm mỏ uranium đầu tiên trên đất Pháp, người ta đã cố-gắng nhiều để sản-xuất và sử-dụng nguyên-tử-năng. Một chương-trình xây cất nhiều trung-tâm điện-lực sử-dụng nguyên-tử-năng đang được thực-hiện tại Pháp-Quốc.

Sau khi nói sơ qua về việc nguyên-tử-năng còn được sử-dụng để chữa bệnh, Giáo-sư Perrin kết-luận rằng Pháp-quốc đã lấy lại được địa-vị của mình trong hàng-ngũ các quốc-gia tiên-bộ về kỹ-thuật và nghiên-cứu khoa-học.

• Tàn-sĩ Triệu-Thê-Quang (Chao Chih Kwang), Hội-trưởng Hội Truyền-giáo "Linh-Lương" tại Hong-Kong, trong chuyến đi giảng-luận đặc-biệt về Cơ-độc-giáo vòng quanh thế-giới, ghé thăm Việt-Nam từ ngày 14 đến 22-11-1963.

Ông giảng-luận mỗi tối từ 20 giờ tại nhà thờ Tin-Lành, 155 Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn, từ 14 đến 17-11-63, tại nhà thờ Tin-Lành Đà-Lạt từ 18 đến 20-11-63, và tại nhà thờ Nha-Trang từ 21 đến 22-11-1963.

Tàn-sĩ Triệu-Thê-Quang vừa là một nhà văn, một nhà giáo và cũng là nhà truyền-đạo trứ danh, đã có dịp diễn-thuyết về Cơ-độc-giáo tại Việt-Nam trong năm 1936. Những buổi giảng-luận bằng Hoa-ngữ và Anh-ngữ đều được dịch ra Việt-ngữ.

### 37. MẤY CUỘC TRIỂN-LÂM TẠI SÀI-GÒN

• Chiều 26-10-63 tại Phòng Thương-Mại Hoa-Kiểu, đường Phùng-Hưng (Chợ-Lớn), cuộc Triển-lâm Thư-họa Trung-Hoa của Giáo-sư Lưu-Nguyên-Kỳ do Hội Việt-Hoa tổ-chức đã khai-mạc trước sự hiện-diện của ông Hoàng-Nam-Hùng, Chủ-tịch Hội Việt-Hoa, và một số đồng tân-khách Hoa-Việt và ngoại-quốc.

Ông Hoàng-Nam-Hùng và Giáo-sư Lưu-Nguyên-Kỳ đã hướng-dẫn tân-khách vào xem Phòng triển-lâm trưng-bày trên 100 tác-phẩm, gồm các bức vẽ hoa lá, sơn-thủy, cảm-diệu, ngư-trùng, nhân-vật và những bức chữ viết kiểu chữ Triện và Chân-phương.

Trong số những tác-phẩm trưng bày, rất đông tân-khách đã chú ý nhiều nhất đến những bức vẽ "Bát Tuần Mã" (số 107), "Mẫu Đơn" (số 82), "Vũ-Điệu thổ-dân" (số 101), "Sơn-Thủy" (số 72 và 125), "Cá vàng" (80) v.v... và cho rằng lời vẽ thanh-nhã của Giáo-sư Lưu-Nguyên-Kỳ là một sự tượng-trưng hùng-hồn nhất cho nền hội-họa đặc-biệt và truyền-thống của Trung-Hoa.

Cuộc triển-lâm mở cửa cho đến 28-10-63.

• Cuộc triển-lãm hội-họa của họa-sĩ Văn-Ký đã được khánh-thành chiếu 13-11-63, tại Phòng Thông-tin đường Tự-Do dưới quyền chủ-tọa của ông Lê văn-Lâm, Giám-Độc Nha Kỹ-Thuật Học-Vụ.

Họa-sĩ Văn-Ký đã trưng-bày 36 bức họa vẽ theo lời ản-tượng. Trong các tranh vẽ phong-cảnh có mấy tác-phẩm được chú-ý nhất là "Công ngọc-môn", "Bền ngự", "Mùa gặt", "Ngày xuân đi lễ", "Cảnh chạ chiếu".

## B. TIN NGOÀI NƯỚC

### 1. VIỆT-NAM CỘNG-HÒA THAM-DỰ HỘI-NGHỊ CÁC CHUYÊN-VIÊN HẢI-DƯƠNG-HỌC TẠI ĐÔNG-KINH.

Ông Nguyễn-Chung-Tú và Trần-Ngọc-Lợi, Giám-độc và Phó Giám-độc Hải-học-viên Nha-Trang dự-định lên đường đi Đông-Kinh tham-dự Hội-nghị các chuyên-viên Hải-dương-học nhóm tại Đông-Kinh từ 29 đến 31-10-63 dưới sự bảo-trợ của Ủy-ban Liên-Hiệp các quốc-gia về Hải-dương-học của Tổ-chức Văn-hóa Liên-Hiệp-Quốc (Unesco).

Ngoài phần thảo-luận tại Hội-nghị, các đại-biểu tham-dự Hội-nghị được hướng-dẫn đi viếng thăm tàu "Tansei Maru", phụ-trách các công-tác nghiên-cứu của Viện Hải-học thuộc Đại-học-đường Tokio.

### 2. ÔNG GIÁM-ĐỐC NÔNG-LÂM-MỤC HỌC-VỤ ĐI NGHIÊN-CỨU TẠI PHÁP.

Bác-sĩ Đặng-Quang-Diện, Giám-độc Nông-Lâm-Mục Học-Vụ (Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục) đã khởi-hành qua Ba-Lê hôm 26-10-63, để nghiên-cứu và quan-sát hệ-thống nông-lâm-mục ở Pháp.

Ông lưu-trú trong ba tuần lễ tại Pháp và đi viếng thăm các trường Trung-học và Đại-học về nông-lâm-mục ở vùng Ba-Lê, Năng-Xy (Nancy) và Ly-Ông (Lyon), và nhất là hệ-thống nông-lâm-mục ở tỉnh Tu-lu-dơ (Toulouse).

Cuộc hành-trình của Ông Giám-độc Nông-lâm-mục Học-vụ được Phái-bộ viện-trợ kỹ-thuật và kinh-tê Pháp ở Việt-Nam bảo-trợ.

### 3. VIỆT-NAM THAM-DỰ HỘI-NGHỊ CÁC TỔNG THƠ-KÝ CÁC ỦY-HỘI QUỐC-GIA TRONG TỔ-CHỨC VĂN-HÓA LIÊN-HIỆP-QUỐC TẠI BA-LÊ.

Ông Nguyễn-Đình-Hòa, Tổng Thơ-ký Ủy-hội Quốc-gia Việt-Nam trong Tổ-chức Văn-hóa Liên-Hiệp-Quốc (UNESCO) đã đi Pháp tham-dự Hội-nghị các

Tổng Thơ-ký các Ủy-hội Quốc-gia trong Tổ-chức Văn-Hóa Liên-Hiệp-Quốc nhóm họp tại Ba-Lê từ 4 đến 22-11-1963.

Sau khi Hội-nghị bế-mạc và trước khi trở về Việt-Nam, Ông Nguyễn-Đình-Hòa sẽ đi viếng thăm Ankara, Istanbul (Thổ-Nhi-Kỳ) và Tấn-Đê-Li (Ấn-Độ) trong năm ngày, theo lời mời của các Ủy-hội Quốc-gia Thổ-Nhi-Kỳ và Ấn-Độ trong Tổ-chức Văn-hóa Liên-Hiệp-Quốc.

### 4. VIỆT-KIỀU Ở PHÁP TỰ-NGUYỆN HIẾN MÁU CHO CÁC THƯƠNG-BINH.

Theo một nguồn tin có thẩm-quyền của Bộ Y-tê, một nhóm Việt-kiều ở Pháp đã tự-nguyện hiến máu cho các Chiến-sĩ bị thương vì công-cuộc chiến-dầu chống Cộng tại nước nhà. Hiện nay nhóm Việt-kiều nói trên đã dự-trữ được 35 lít máu, và hiện đang tiến-hành các thủ-tục để gửi số máu ấy về nước.

Trong một bức thư gửi Bộ Y-tê, ông Bùi-Như-Hùng, Kỹ-sư Nông-học, đại-diện nhóm kiều-bào nói trên, đã nhấn mạnh rằng tuy 35 lít máu thể-lượng chẳng là bao, nhưng cũng bày tỏ được lòng tri-ân cùng Tổ-Quốc của một số kiều-bào nơi đất khách quê người.

## TIN SÁCH BÁO MỜI NHẬN

*Văn-Hóa Nguyệt-San* đã nhận được sách báo mới sau đây của tác-giả hoặc của nhà xuất-bản có nhâ-y gửi tặng. Xin thành-thực cảm ơn và ân-cán giới-thiệu với bạn đọc thân mến.

**THẦN-TÍCH ĐỨC THÁNH TRẦN** (Trần-Triệu Hiền-Thánh Hưng-Đạo Đại-Vương). Bắc-Việt Tương-Tê-hội (Sài-gòn) cung-soạn và ấn-bản tại Sài-gòn, 234 trang (khổ 16m x 24m) in trên giấy trắng, giá 60\$.

Sách này phát-hành nhân dịp lễ kỷ-niệm Đức Trần-Hưng-Đạo, vị anh-hùng dân-tộc đã giải-phóng giang-sơn khỏi ách xâm-lãng của quân Mông-Cò. Ban Quản-Trị Hội Bắc-Việt tương-tê đã cố-gắng sưu-tầm một số tài-liệu lịch-sử về Ngài, phụng-soạn quyển sách nói trên "để tỏ lòng sùng-bái một bậc vĩ-nhân" trong lịch-sử Việt-Nam và có lẽ trong cả lịch-sử thế-giới. Sách gồm 4 chương:

(1) Hai họ Lý và Trần.

(2) Trần, Nguyễn chiến-sự.

(3) Công-huân của Đức Trần-Hưng-Đạo.

(4) Ngoại-truyện (Tò-mộ nhà Trần, Gia-thê và tỳ-tướng của Ngài, Trần-Ích-Tắc, Phạm-Nhan). Phụ-lục. (Vạn-Kiếp bí-truyện, Binh-thư yêu-lược, Hịch-dụ chư-tướng, Văn chầu, tế, đôi, thơ, v.v...)

Ngoài ra, trong sách còn in bảng kê những phần-tử hy-sinh trong cuộc kháng Nguyên, bảng kê đôi-chiều những biên-cổ trong lịch-sử. Bia sách in giấy láng bóng 4 màu, do Giáo-sư Phạm-ngọc-Khue trình-bày rất trang-nhã; lại còn in thêm 2 phụ-bản (Thần-tượng của Đức Thánh Trần, Cảnh vàng lá ngọc triều Trần, in Offset bốn màu) và 42 hình ảnh tranh vẽ.

Nói tóm lại, việc biên-tập và sưu-tầm những sử-liệu trong sách nói trên rất kỹ-lưỡng và công-phu, xứng đống-bào sẵn lòng sùng-bái vị anh-hùng dân-tộc Trần-Hưng-Đạo cũng nên có quyển thần-tích này trong tủ sách gia-đình. Thư-từ và bưu-phiếu xin gửi về trụ-sở Hội Bắc-Việt Tương-tê (36, Đường Hiến-Vương, Sài-gòn).

**HOA MUỐN PHƯƠNG**. Phạm-Lương chủ-biên, Thi-văn-đoàn 'Hoa muốn phương' xuất-bản tại Châu-Độc 1963, 108 trang, sách tặng không ghi giá bán.

[Tập XII, Quyển 11 (Tháng 11, 1963)]

Tập thi-tuyển *Hoa muốn phương* này do Ô. Phạm-Lương đứng chủ-biên, gồm những thơ ca của hơn chục nhà thơ nam nữ ở trong nước và ngoài nước (Bà Song-Thu, Ô Ô. Nguyễn-văn-Côn, Nông-văn-Băng, Lê-văn-Tắt, Phạm-Lương, v. v. . .) Theo lời giới-thiệu của soạn-giả, đây là "một nhóm người thơ mang lấy tâm-hồn thơ qua mây thê-hệ đổi thay, hiểu nhau qua tâm-tình thơ, từ lúc tuổi 20 đến con người lão-nhiên, hợp nhau thành đóa hoa hương sắc dị đổng nhưng hòa dịu". Ngoài phần "thi-tuyển", tập này còn in một phần "Thơ ý" góp nhặt vài ý-kiến về Thơ, quan-niệm về Thơ của mấy nhà thơ trong nhóm *Hoa muốn phương* « hầu nói lên vài ý-thức về Thơ, hoặc sự kinh-nghiệm của những người đã từng sống và đã từng sinh-hoạt cho Thơ để giúp bạn những nhận-xét về Thơ mà bạn muốn tìm-hiểu ». Tập thơ này trình-bày sáng-sủa và trang-nhã, có in thêm cả hình ảnh những nhà thơ có bài in trong thi-phẩm.

**MƯỜI NĂM** Ngũ-Hà-Miền sáng-tác và tự xuất-bản, Huế, 54 trang, giá bán 30\$.

Sau khi đã cho xuất-bản tập giảng-luận văn-học *Chinh-phủ ngâm* và tập sách giáo-khoa *Thi-ca Việt-Nam cận-đại*, Ô. Ngũ-Hà-Miền, có tâm-hồn thi-si, đã cho ra mắt độc-giả tập thơ nói trên, gồm chừng 20 bài thơ. Những bài thơ này, phần nhiều là thơ mới, diễn-tả nỗi lòng hoặc sự-kiện đã xảy ra trong những năm khói lửa gần đây. Nhiều bài thơ trong thi-phẩm đọc lên thầy lâm-ly và truyền-cảm, tí-dụ như mây vấn thơ sau đây:

— Ta gửi tặng người đồng hoa quí,

Người khóc nhìn trời tóc xòa mưa.

Ta đem hoa gửi về tro bụi,

Ta chết người cười như thuở xưa.

— Tháng mười đêm nay trăng soi hồ-hững,

Tin gì ngày mai cho tươi thắm mộng vàng?

Người thử hỏi lũ dã-tràng xe cát

Chúng hiểu gì không về những bước thời-gian...

— Mà sao từ nay ngày như mây trời,

Ai biết mây trôi về đâu mây ơi?

Ta nhìn ngày qua, như nhìn tội lỗi,

Buồn nghẹn còn tìm chẳng nói nên lời...

**NGHỆ-THUẬT NUÔI ONG**. Nguyễn-văn-Cơ, Cơ-sở báo-chí Tự-Do xuất-bản tại Sài-gò, 120 trang, giá 25\$. Sách này là một cuốn chi-nam về cách nuôi ong lấy mật. Sách gồm 10 chương: (1) Loài ong mật (phân-loại), cơ-cấu tổ-chức xã-hội... (2) Dụng-cụ để nuôi ong, (3) Cách nạp tổ (ong rừng, ong nuôi tại nhà...), (4) Tổ-chức trại ong. (5) Sản-sóc tổ ong (các nguyên-tắc chính), 6. Những bệnh và kẻ thù của ong mật, (7) Sản-phẩm của ong (mật ong, phần hoa, sáp ong...), (8) Muốn có nhiều mật (những phương-pháp chính), (9) Nuôi ong để bán « giồng », (10) Quan-sát, ghi chép, suy-luận.

Sách gồm đầy-đủ những nguyên-tắc đại-cương trong việc chăn nuôi ong để lấy mật. Lời văn bình-dị và gọn-gàng, lại thêm nhiều tranh vẽ, khiến bạn đọc càng thêm dễ hiểu. Sách này giúp ích rất nhiều cho những ai muốn nuôi ong ở xứ ta.

**PHÁT-TRIỂN KINH-TỀ**: John Kenneth Galbraith, Lê-Bá-Kông dịch, nhà Ziên-Hồng xuất-bản tại Sài-gòn, 72 trang giá 15\$.

Nguyên-tác là *Economic Development in Perspective*, gồm 5 bài do tác-giả, một nhà kinh-tê-học xuất-sắc đã dạy nhiều năm về môn kinh-tê học. Những bài này đã được diễn-giảng tại 5 học-đường lớn nhất Ấn-Độ. Tác-giả đã trình bày và phân-tích các khuyết-điểm về công cuộc phát-triển kinh-tê tại một số tân quốc-gia; ngoài ra, tác-giả còn đưa ra một số giải-pháp mới-mẻ và hữu-lý để giải-quyết vấn-đề: Sách này xem rất có ích-lợi thực-tiên về những vấn-đề mở-mang kinh-tê tại các quốc-gia mới giành được độc-tập.

**ĐẤT MỚI**, Conrad Richter, Nguyễn-gia-Liên và Võ-Đại-Tôn dịch, nhà Ziên-Hồng xuất-bản tại Sài-gòn, 225 trang, giá 30\$.

Nguyên-tác là *The Fields* của Conrad Richter là một tác-giả Hoa-Kỳ đã được giải-thưởng văn-chương Pulitzer. Sách này thuật lại giai-đoạn mở mang lãnh-thổ Hợp-chúng-quốc. Truyện kể hấp-dẫn và bổ ích được phiên-dịch gọn gàng và lưu-loát, diễn-tả cuộc đời của những người đã góp sức sống động trong cuộc Tây tiến ở Hoa-Kỳ; đồng-thời cũng diễn-tả những phong-tục và dân-tộc-tính của một dân-tộc mới trong một xứ-sở mới.

**PHÁP-LÝ TẬP-SAN**, cơ-quan sưu-tầm nghiên-cứu của Bộ Tư-Pháp. Đã phát-hành số 2 (Tháng 4, 5 và 6 năm 1963) tại Sài-gòn, 274 trang giá bán 30\$.

Ngoài phần án-lệ tư-pháp của tòa Phá-Án, Tham-Chính-Viện, tòa-án Hành-Chánh, tòa Thượng-Thẩm, tòa Sơ-thẩm và Hòa giải rộng quyền, tập-san còn đăng những bài khảo-luận (Một thủ-tục sai-áp chèn-chi giản-dị, Vấn-đề ly-hôn của ngoại-kiểu trước pháp-đình Việt-Nam, Quyền của trái-chủ tiên-chú đối với người mua bất-động-sản, v...), những phụ-trương về ngoại-ngữ (L'ordre des avocats du Sud Việt-Nam, Le secret professionnel de l'avocat) những mục về pháp-chê và tập-trở.

**BÁCH KHOA**. số 164 đã phát-hành ngày 11-1-1963 tại Sài-gòn, 132 trang, giá 10\$.

Nội-dung gồm những bài: Vấn-đề Hoa-Kiểu ở Đông-Nam-Á. Những môn trợ-lực cho sử-học, Thê-tính, Dòng sông Hồng, Cao-nguyên, Từ thi-đua Hòa-bình đến sông chung hòa-bình, Đọc bản-dịch 'Nhân-sinh-quan' của Trang-Tử, Về cách trình bày trên làn sóng điện âm-nhạc cổ-truyền dân-ca và cổ-nhạc, Nổi sấu của mẹ, Con quý trong hăm, Lời cầu-nguyện, Trả lời cuộc phỏng-vấn âm-nhạc, v.v...

**MINH-TÂN** nguyệt-san, cơ-quan chấn-hưng Không-Học. Đã phát-hành số 6 (Bộ mới) ngày 25-10-63 tại Sài-gòn, 88 trang giá 10\$.

Nội-dung gồm những bài: Không-miêu và sự tiếp nối tinh-thần làng-xã trong ý-thức-hệ lập-quốc, Ảnh-hưởng Không-học trong phong-tục, tập-quán Việt-Nam, Vài nhận-định thiêu-chân-xác về Không-Tử, Lật lại trang-sử oai-hùng dưới thời Trần-Hưng-Đạo Đại-vương, Tinh-thần bất-khuất của dân-tộc Việt-Nam qua hai cuộc chống xâm-lãng của Đức Trần-Hưng-Đạo và Lê-Thái-Tổ, Ảnh-hưởng học-thuyết Mạnh-Tử trong dòng lịch-sử Văn-Hóa Trung-quốc, Những bài thơ hay, Nam-Việt tứ-hùng, v.v...

**VĂN-ĐÀN TUẦN-BÁO**. số 51 (Bộ IV) từ 24 đến 31-10-1963, đã phát-hành tại Sài-gòn, 34 trang khổ lớn, giá bán 6\$.

Nội-dung gồm những bài: Đứng nhìn các nước chậm tiến như các nước tiến-tiền, Văn-chương trào-phúng: Ba-Giai và Tú-Xuất, Tim hiểu non sông: Tỉnh Khánh-Hòa, Thành Đô-Bàn: Vijaya, Tô-Huê chức-cảm hỏi-vấn, Bà Pearl Buck, người Mỹ của xã-hội Trung-Hoa, Cán-lao với Thanh-niên, Sà-lim oán, Đại văn-hào Ấn-độ: R, Tagore, v.v...

**PHÁP-LUẬT** Bản nguyệt-san, cơ-quan phổ-thông luật-pháp, số 28 (Bộ II) đã phát-hành ngày 30-10-1963 tại Sài-gòn, 34 trang khổ lớn, giá bán 10\$.

Nội-dung gồm những bài: Bình-đăng của công-dân trước pháp-luật, Số phận những ngôi nhà không giấy phép, Những đề-dàng trong sự chuyên-vận hàng-hóa trong nước, Mặt cửa mướp đáng, Đại-cương về các Công-ty Thương-Mại, Sự chậm dứt quyền thừa-hưởng của người vợ góa, Sự đình-hôn, Tuy hai mà một, Trách-nhiệm dân-sự của người chuyên chở, Rượu vào của ra, Người chống ru-tú, v.v...

**VĂN-HỮU NGUYỆT-SAN**, do Văn-Hóa-Vụ xuất-bản, đã phát-hành số 26 tại Sài-gòn, 184 trang, giá bán 15\$.

Nội-dung gồm những bài: Văn-học Phú-Tang qua các triều-đại, Phác qua vài nét về về sinh-hoạt văn-hóa, Nghệ-thuật bày hoa, Thử tìm hiểu sân khấu Nhật-Bản, Nhà văn và Tác-phẩm thời hậu-chiến, Thủ-đồ Đông-Kinh: 10 triệu người, Giã-từ, Nhận-định, Bi-ca Nhật-Bản, Những điều ghi trong giắc ngủ, Thương về Đà-Nẵng, Đọc 'Buồn ga nhỏ' của Thanh-Nam, Gió Đông, Gió Tây, v.v...

**THỜI NAY** số 99 phát-hành ngày 1-11-1963 tại Sài-gòn, 148 trang, giá bán 10\$.

Nội-dung gồm những bài: Người tạo thời-cuộc: Lord Home, Thám-hiêm lòng đất, Khi các khoa-học-gia âm-mưu hòa-bình, Người tiến-sử giả ở Piltown, Những người thoát khỏi trọng-lực, Quả trứng kỳ-diệu, Đan-Mạch, vương-quốc thần tiên, Toán chớp-nhoáng Trachtenberg, Người đem ánh-sáng cho lục-địa đen, Thông-ngôn, một nghề vật-vả, Gia-đình Swann, Cái chết của Đô-độc Yamamoto, Hoa tưởng-niệm, v.v...

**PHỔ-THÔNG** số 114 phát-hành ngày 1-II-1963 tại Sài-gòn, 184 trang, giá bán 10\$.  
 Nội-dung gồm những bài : Đường đi tới tòa Bạch-Ốc, Giây phút thẹn thùng, Khi già-từ xứ Quảng, Cuộc đời trong tầm kính, Danh-nhân thế-giới : Debussy, Những bí-mật trong thế-chiến, Truyện thần-thoại Hy-Lạp, Danh-nhân miền Nam : Bùi-Hữu-Nghĩa, Văn-hóa thời-đại đang lên, Bức thư Paris, Thính-giả nhạc-tàu ở Đông-Phương, Thơ ngoại-quốc mới nhất và xưa nhất, Rừng biển, Thiên-thai, v. v. . .

**MAI**, tạp-chí xây-dựng và văn-nghệ. Đã phát-hành số 31 (Bộ mới) ngày 1-II-1963 tại Sài-gòn, 40 trang khổ lớn giá bán 10\$.

Nội-dung gồm những bài : Trình-bày một bài báo-cáo của Henri Cabot Lodge, Những nước chung lưng góp phần, Văn-đề kỳ thị chủng-tộc, Nhà thơ Jacques Prévert, Tiếng hát buồn của chiếu, Tự-lập trong một thời-thế khó, Người xa lạ của Albert Camus, Trong lòng tượng đá, Paul Claudel và Á-Đông, Khoa-học và triết-lý, Cái chết của Jean Cocteau, v. v. . .

**CHẶN-HƯNG KINH-TỀ**, cơ-quan thông-tin sưu-tầm và nghiên-cứu kinh-tề. Đã phát-hành số 350 ngày 7-II-1963, 36 trang khổ lớn giá bán 12\$.

Nội-dung gồm những bài : Kinh-tề cách-mạng, Chiến-dịch thường-xuyên bảo-vệ mùa màng tại Việt-Nam, Tư-bản Mỹ trên đất Pháp, Khái-niệm kinh-tề về lạm-phát, Tình-hình nông-nghiệp ở Á-Châu và Việt-Nam, v. v. . .

**TUẤN-SAN PHÒNG THƯƠNG-MÃI SÀI-GÒN**, số 330 phát-hành ngày 8-II-1963 tại Sài-gòn, 34 trang khổ lớn, giá bán 10\$.

Nội-dung gồm những bài : Nên chú-trọng đến vai trò quan-trọng của công-tác thông-tin kinh-tề, Tương-quan giữa tin-dụng bình-dân bán-trả góp và mãi-lực, Văn-đề tiết-kiệm lâm-sản, Viện-trợ kinh-tề các nước tại Phi-Châu, Hương-cảng, làm cách nào để diệt-trừ ruồi, muỗi, gián, Tìm hiểu lịch-trình kỹ-nghệ-hóa của nước Nhật, Kỹ-nghệ chế-tạo máy điều-hòa không-khí, Nhân-mãn, Nghề biên-chê đường phèn tại Quảng-Ngãi, v. v. . .

**VĂN-HỌC** nguyệt-san văn-hóa xã-hội nghệ-thuật, đã phát-hành số 12 tháng 10 năm 1963 tại Sài-gòn, 184 trang, giá bán 30\$.

Số này kỷ-niệm đệ nhất-niên của tạp Văn-Học, hướng về tự-do dân-chủ. Nội-dung gồm những bài : Lý-tưởng và cuộc đời, Văn-đề giáo-dục tại Nhật-Bản, Trường-niệm Nhật-Linh, Một cuộc dẫn thần, Những ngày hoa mộng, Phượng-hoàng gãy cánh, Chuyện người bạn tôi, Thực-tại mới trong văn-chương, Sáu cơn địa-chấn, Khói trắng, Lạc đường vào lịch-sử, v. v. . .

MINH-LÝ

Con người văn-hoá ngày nay  
 bác-cổ thông-kim-độc

## VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục (Nha Văn-Hoá)

xuất - bản

### THẺ-LỆ MUA VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

(kể từ năm 1963)

Mỗi số (Tư-nhân) :	12\$	1 năm	(12 số) :	120\$
		nửa năm	( 6 số) :	60\$
Mỗi số (Công-sở) :	24\$	1 năm	(12 số) :	240\$
		nửa năm	( 6 số) :	120\$

Gửi bảo-đảm, mỗi số tính thêm 8\$

- Các cơ-quan hoặc tư-nhân tại Ngoại-quốc mua dài hạn trả 8 Mỹ-kim một năm (12 số), kể cả cước-phí gửi bằng đường thủy.
- Độc-giả mua dài hạn xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về Ô. Giám-Đốc Nha Văn-Hóa (89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn).

PHIẾU MUA  
VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

Tôi (họ và tên).....

ở (địa-chỉ).....

nhận mua dài hạn tạp-chí VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN (kể từ năm 196.....) trong  
hạn một năm (12 số) hay nửa năm (6 số)<sup>1</sup> mỗi số gửi..... cuốn  
kể từ tháng..... năm.....

Tiền mua báo là<sup>2</sup>.....

trả ngày..... hoặc trả bằng buru-phiếu<sup>3</sup>

..... số.....

ngày..... đính theo đây.

..... ngày..... tháng..... năm 196.....

KÝ TÊN,

- CHÚ-THÍCH : (1) Xin gạch những tiếng không cần dùng.  
(2) Lệ mua báo xin trả tiền trước (Thẻ-lệ mua báo xin xem ở mặt  
trước). Chỉ gửi tạp-chí khi nhận được buru-phiếu.  
(3) Xin gửi phiếu mua báo và buru-phiếu về địa-chỉ :  
Ông GIÁM-ĐỐC NHÀ VĂN-HOÁ  
(89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn), lĩnh nhận.

Phần chú-thích của Ban Quản-lý :

Buru-phiếu hay biên-lai số..... ngày.....

tỉnh.....

Phiếu mua báo số.....

Ghi vào số thu tiền ngày.....

*phần phụ-trương*

[Tập XII, Quyển 11 (Tháng 11, 1963)]

H. COULTHARD BURROW  
*The British Council*

## *language teaching the modern idea*

When we learn a language we do so in order to acquire proficiency in four skills - understanding what is said to us in that language, making ourselves understood by speaking, understanding what we read and expressing ourselves correctly in writing.

As a result of experimenting and experience the exponents of the modern approach put these skills in that order, i. e. pupils are taught to speak from the very beginning. Critics of this method ask what is the use of teaching children to speak English in countries where the majority of them will never have any opportunity or need to do so. They argue that it would be better to concentrate on reading and give them greater proficiency in this skill. It is no doubt true that most children will have more opportunity to read English than to speak it after they leave school, but this is not a reason for neglecting the oral skill. We might say that silent reading is a form of silent speech as most of us pronounce words silently in our heads as we read to ourselves. The more quickly we can speak these words the more rapid our reading will be.

That learning to speak helps a pupil to read and write more easily is an accepted fact nowadays; in addition it is a stimulus to literary appreciation at the higher stages, especially drama and poetry. An oral introduction for beginners under the direction of a trained and capable teacher creates the interest and novelty which are so often absent from language classes. It makes children feel the subject is alive. They enjoy speaking and imitating others and taking an active role in the work. Anyone who doubts these facts has only to watch a class at work under the care of a trained teacher. He will soon realise that language study can become an interesting and lively activity with positive results, instead of a subject which is frequently a tedious bore to both pupils and teachers.



To be able to talk about objects around them and describe their own actions and situations in simple English is much more stimulating than to have to play a passive role in the accumulation of the facts of formal grammar. It is surely better to start off on the right foot by creating interest and a desire to learn, than to permit the development of an attitude of dreary resignation to the fact that this is simply one more subject in the timetable to be studied.

### Learning to use English

The Oral Approach does not mean that grammar, reading, writing, translation, etc., will be neglected; it is rather the foundation on which they will be developed. Each part of the subject will appear in its proper place at the most suitable time. For instance, formal grammar is unsuitable for beginners but can be taught to more advanced students. It is much better that a pupil should learn to express himself fluently in correct English sentences, and therefore to think correctly, and acquire a sound knowledge of the language through usage, rather than find his introduction to language to be a dull list of statements to the effect that the first person singular of the verb 'to have' is 'have' and the third person singular is 'has', and so on though all the initial stages of formal grammar.

Rather than learning *about* the language he is learning to use it, and at the same time acquiring a knowledge of the forms. The time will come when he has accumulated enough to be able to learn about them. Grammar rules have little meaning until there is something to which they can be attached. This in the case of a beginner is nothing, since he is meeting the subject for the first time. If we were going to give driving lessons to a person who had never seen a car before, it would be much easier to let him see one and touch the various levers, rather than try to explain a completely unknown vehicle. The next stage in his instruction would be plenty of practice under the guidance and control of a trained instructor. So with language. Pupils need to be given plenty of practice in using the right forms of English by hearing, speaking, reading and writing them. By frequent contact with correct English young people will gradually build up a supply of sound and useful information which they can make use of. This repetition of material need not be dull, a good teacher can present it in variety of interesting and even amusing ways. While the pupil is practising and frequently using them in real situations which give them reality, he is unconsciously picking up a knowledge of grammar. Functional grammar is the stage leading up to formal grammar which will begin to coordinate and tabulate knowledge already acquired. The point is that grammar is not omitted from a course covering several years.

### The graded presentation of 'structures'

It is essential that all teachers of English understand the nature of that language, how it functions and what it is composed of. When they understand the meaning of 'structures' and the role they play, they will be well on their way to becoming efficient users of the modern method. It is not to be expected that all teachers will provide their own lists of structures in the order in which they should be taught; that demands a very advanced knowledge of the language. The selection of material for each level is being done for them. In recent years much work has been done in vocabulary and structure selection in an attempt to grade them for classroom presentation. English teaching begins with the commonest and most useful forms, and progresses to the more difficult. This graded selection is useful for teachers who can now plan their work and check progress more easily as they go along. It is furthermore, less confusing for the pupils. Included in the lists are the more colloquial forms used in everyday speech and writing in English-speaking countries, as it is felt that students should acquire a knowledge of these in order to achieve greater fluency.

### The mother tongue for explanation not translation

The results of this research have caused little difficulty with the average teacher who can simply follow the guidance of a good textbook. But many, both teachers and non-teachers, find it harder to agree on the subject of translation. Again the modern approach recommends that translation should not be given to beginners but kept for the advanced stages.

Translation is an extremely difficult exercise calling for a sound knowledge of both languages being used. This the beginner does not possess. In support of this one could mention the writings of the most experienced authorities on the subject of language, but as these works are already available for anyone who wishes to enquire further there is no need to quote them here. A teacher who gives his pupils a haphazard selection of sentences unrelated to the graded form of his grammar work is doing his pupils a disservice. If the sentences for translation are beyond their power in the English language they simply reproduce them in bad English. The only contact a young person should have with the new language is its correct forms; he is learning and should therefore see and hear as few mistakes as possible. It must be made clear that to eliminate translation as part of the programme for beginners does not mean that the use of the mother tongue is banned from the classroom. The teacher can have recourse to his own language when it will clearly save time, or, in the later stages when formal grammar begins,

to ensure complete comprehension of a rule of grammar. But the student's mother tongue should only be used when it is unavoidable, the remainder of the time English should be employed.

### Maximum use of English lessons

In secondary schools in one South East Asian country the maximum number of hours they can have for English studies in a 30-week year is only 180 hours, or approximately 1,080 hours in the whole six years. This is not very much for a language so different from the children's own, hence as little time as possible should be wasted and on every available occasion English should be presented to them. The introduction of their mother-tongue reduces the time given to English.

At the end of six years a pupil should have a sufficient grasp of the elementary structures and sentence-patterns to enable him to go on to higher studies if he wishes to do so, without having to pass through an intermediary stage of remedial work. The aim of modern methods is to produce this sound foundation. It can be achieved if teachers will try to understand what the new ideas are based on, how they should be presented, and realise that there is ample scope for each teacher to improvise, experiment and introduce novelties of his own. He is encouraged to be enterprising rather than the slave of a set routine.

### Books on the Teaching of English

<i>How to Teach a Foreign Language</i>	JESPERSEN
<i>An English Syllabus</i>	REYNOLDS
<i>Oral Method of Teaching Languages</i>	PALMER
<i>Language - Some Suggestions for Teachers of English and Others</i>	H.M.S.O.
<i>Problems and Principles</i>	ALBERCROMBIE
<i>Teaching English as a Foreign Language</i>	GURREY
<i>The teaching of Written English</i>	"
<i>Aural Aids in Language Teaching</i>	STREVENS
<i>Learning to Read a Foreign Language</i>	WEST
<i>Spoken Language</i>	STREVENS
<i>Teaching English as a Foreign Language</i>	GAUNTLETT
<i>Teaching Written English</i>	GREGG
<i>The Teaching of Elementary English in Schools</i>	WILLY and SOMARATNE

<i>The Teaching of English Abroad</i>	FRENCH
<i>Vol. I Aims and Method</i>	
<i>II The Junior Course</i>	
<i>III The Three Senior Years</i>	
<i>First Year English - What and How to Teach</i>	FRENCH
<i>Aids and Tests in the Teaching of English</i>	SOMARATNE
<i>A first Refresher Course for Teachers of English in Primary Schools</i>	FRENCH
<i>The Teaching of Structural Words and Sentence Patterns</i>	HORNBY
<i>The Teaching of Modern Languages</i>	UNESCO

All the above books are available for long loan in the British Council Library, First Floor, 119, Nguyen Hue, as well as the *English Language Teaching* magazine.

Tòa soạn **VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN**  
NHA VĂN-HÓA (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)  
89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn  
Điện-thoại: 20.227

\*

Chủ-nhiệm { NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA  
kiêm Chủ-bút {  
Quản-ly : BÙI-ĐÌNH-SAN  
Trư-ký : NGUYỄN-VĂN-NINH

\*

Ấn-Quán: VĂN-KHOA  
215-217, Đường Nguyễn-Biều, Sài-gòn  
Tổng Phát-Hành bán lẻ: Thống-Nhất  
329, Đại-lộ Trần-Hung-Đạo, Sài-gòn

Giấy phép Xuất-bản  
Nghị-định số 332 Cab/Sk  
ngày 5-5-1962

In 2000 cuốn số 87  
tại nhà in Văn-Khoa  
217, Đ. Nguyễn-Biều, Sài-gòn